

ALICE A. BAILEY

**ẢO CẢM:
MỘT VẤN ĐỀ CỦA THẾ GIỚI
(GLAMOUR: A WORLD PROBLEM)**

**LUCIS PUBLISHING COMPANY
113 UNIVERSITY PLACE 11th Floor
NEW YORK, N. Y. 10003
2009**

Ảo Cảm : Một Vấn Đề Thế Giới

Sách của tác giả Alice A. Bailey

-----***-----

Điểm Đạo trong Nhân Loại và Thái dương hệ
 Tham thiền Huyền Môn
 Tâm thức của Nguyên Tử
 Luận về Lửa Vũ Trụ
 Ánh sáng của Linh Hồn
 Linh hồn và các Thể
 Từ Trí tuệ đến Trực giác
 Luận về Huyền Linh Thuật
 Từ Bethlehem đến Calvary
 Đường Đạo trong Kỷ Nguyên Mới – Tập I
 Đường Đạo trong Kỷ Nguyên Mới – Tập II
 Những Vấn Đề của Nhân Loại
 Sự Tái Lâm của Đức Christ
 Vận mệnh các Quốc Gia
 Áo cảm : Một Vấn Đề Thế Giới
 Thần giao cách cảm và thể dĩ thái
 Tự truyện chưa hoàn tất
 Giáo dục trong Kỷ Nguyên Mới
 Sự hiển lộ của Thánh Đoàn
 Luận về Bảy Cung:
 Tập I – Tâm Lý học Nội môn
 Tập II – Tâm Lý học Nội môn
 Tập III – Chiêm Tinh học Nội môn
 Tập IV – Khoa Trị liệu Nội môn
 Tập V – Các Cung và Các Cuộc Điểm Đạo

Trích Phát Biểu của Chân Sư Tây Tạng.

—***—

Bảo rằng tôi là một đệ tử Tây Tạng ở một trình độ nào đó, thì điều này không giúp cho bạn biết gì nhiều, vì lẽ mọi người đều là đệ tử, từ người tìm đạo thấp nhất trở đi và lên trên chính Đức Christ nữa. Tôi sinh hoạt trong một thể xác (còn mang xác phàm) giống như bao người khác, trên các biên giới Tây Tạng, và đôi khi (theo quan điểm ngoại môn) điều khiển một nhóm lớn các Lạt Ma Tây Tạng khi ít vương bận vào các nhiệm vụ. Chính sự việc này khiến người ta đồn đãi rằng tôi là Tu Viện trưởng của Lạt Ma Viện đặc biệt này. Những ai có hợp tác với tôi trong công việc của Thánh Đoàn (tất cả các đệ tử đích thực đều hợp tác trong công việc này) còn biết tôi bằng một danh xưng và chức vị khác. A.A.B. biết rõ tôi là ai và nhận ra tôi theo hai danh xưng của tôi.

Tôi là một huynh đệ của các bạn, kẻ đã bước trên Thánh Đạo xa hơn là đạo sinh bậc trung một ít và do đó đã gánh vác các trách nhiệm lớn lao hơn. Tôi là kẻ đã đấu tranh và mở đường tiến vào một phạm vi ánh sáng rộng lớn hơn là người tìm đạo, tức là kẻ sẽ đọc được đoạn này, và do đó, tôi phải hành động như là kẻ truyền đạt ánh sáng, dù với giá nào. Tôi không phải là kẻ luống tuổi theo số tuổi thường thấy nơi số các huấn sư, tuy nhiên tôi không non trẻ hay thiếu kinh nghiệm. Công việc của tôi là giảng dạy và truyền bá tri thức của Minh Triết Muôn Thuở nơi nào mà tôi có thể tìm được sự đáp ứng, tôi đã đang làm việc này từ nhiều năm qua. Tôi cũng đã tìm cách để giúp Chân Sư M. và Chân Sư K.H. khi có cơ hội, vì từ lâu, tôi đã liên kết với các Ngài và với công việc của các Ngài. Qua các điều nêu trên, tôi đã nói với bạn nhiều điều,

tuy nhiên, đồng thời tôi không nói với bạn điều gì cả, để có thể đưa bạn đến chỗ nghe theo tôi một cách mù quáng và tôn sùng cuồng nhiệt mà người tìm đạo giàu tình cảm bày tỏ với vị Gu ru và Chân Sư, Đấng mà cho đến nay, y chưa có thể giao tiếp được. Người tìm đạo cũng sẽ không tạo được sự tiếp xúc theo mong ước cho đến khi nào y chuyển lòng tôn sùng do tình cảm thành việc phụng sự không ích kỷ cho nhân loại – chớ không phải cho Đức Thầy.

Các sách do tôi viết, được đưa ra mà không đòi hỏi được chấp nhận. Chúng có thể đúng hoặc không đúng – hữu ích hoặc không hữu ích. Chính bạn mới có thể xác nhận sự chính xác của chúng do thực hành đúng và do luyện được trực giác. Cả tôi lẫn A.A.B. đều không quan tâm bao nhiêu đến việc xem các sách đó như là các tác phẩm tạo ra do linh hứng, hoặc được người nào đó nói đến chúng (một cách háo hức) như là công trình của một trong các Đức Thầy. Nếu các sách này trình bày chân lý theo cách nào mà chân lý đó lại theo đúng trình tự đã được đưa ra trong các giáo lý trên thế giới, nếu điều trình bày trong các sách đó nâng cao được đạo tâm và ý chí phụng sự từ cõi tình cảm lên cõi trí (là cõi mà các Chân Sư *có thể* hoạt động) thì bấy giờ chúng đã đạt được mục tiêu. Nếu giáo huấn này tạo được sự đáp ứng nơi các thể trí giác ngộ của kẻ hành đạo trên thế gian và giúp cho trực giác của y lóe sáng, thì bấy giờ hãy chấp nhận giáo lý đó. Bằng không thì thôi. Nếu các phát biểu này đáp ứng với bằng chứng sau rất hay là được cho rằng đúng dưới sự thử thách của Định Luật Tương Ứng, bấy giờ chúng mới có giá trị. Nhưng nếu không được như thế thì đạo sinh đừng chấp nhận những gì đã được đưa ra.

THÁNG 8 – 1934

ĐẠI KHẤN NGUYỆN

Từ điểm Linh Quang trong Thiên Trí
 Cầu xin ánh sáng tràn ngập trí người
 Cầu xin Linh Quang giáng xuống Dương Trần

*

* *

Từ điểm Bác Ái trong Thiên Tâm
 Cầu xin bác ái tràn ngập tâm người
 Mong sao Đấng Christ trở lại Trần Gian.

*

* *

Từ trung tâm mà Thiên Ý được thấu triệt
 Mong cho Thiên Ý hướng dẫn tiểu chí con người
 Thiên ý mà Chân Sư biết rõ và phụng hành.

*

* *

Từ trung tâm chúng ta gọi là nhân loại
 Cầu xin Thiên Cơ Bác Ái và Linh Quang khởi động
 Mong cho Thiên Cơ đóng kín tà môn

*

* *

Cầu xin Linh Quang, Bác Ái và Quyền Năng phục hồi Thiên
 Cơ ở chốn Trần Hoàn.

“Khấn nguyện trên không thuộc về người nào hoặc nhóm nào mà thuộc về tất cả nhân loại. Cái đẹp và sức mạnh của Bài Khấn Nguyện này nằm trong tính chất giản dị của nó và trong việc biểu lộ một số chân lý trụ cột mà mọi người, theo lẽ tự nhiên và bình thường, đều chấp nhận – chân lý về sự hiện hữu của một Đấng Thông Tuệ cơ bản, Đấng mà chúng ta gán cho tên gọi một cách mơ hồ là Thượng Đế (God); chân lý đó cho rằng ẩn sau mọi biểu hiện bên ngoài. Có một mãnh lực thúc đẩy của vũ trụ là Tình Thương; chân lý đó cho rằng có một Đấng Cao Cả đã đến cõi trần, người Cơ Đốc giáo gọi là Đức Christ và là hiện thân của tình thương đó để cho chúng ta có thể hiểu được; chân lý đó cho rằng cả tình thương lẫn sự thông tuệ đều là thành quả của Thiên Ý. Và sau rốt, cái chân lý tự nó hiển nhiên cho thấy rằng, chỉ do chính con người mà Thiên Cơ mới có thể được khởi động”.

ALICE A. BAILEY

MỤC LỤC

	Trang
VÀI MINH GIẢI MỞ ĐẦU	13
I.- BẢN CHẤT CỦA ẢO CẢM	43
1. Ảo cảm trên Cõi Trí – Ảo Tưởng.....	74
2. Ảo cảm trên Cõi Cảm Dục – Ảo Cảm.....	91
3. Ảo cảm trên các Cõi Phụ Dĩ Thái – Ảo Lực	109
4. Ảo cảm trên cõi Thượng Trí – Tổng Quả Báo.....	117
II.- CÁC NGUYÊN NHÂN CỦA ẢO CẢM.....	121
1. Sự tăng trưởng ảo cảm của nhân loại và cá nhân	121
2. Các nguyên nhân tạo ra ảo cảm thế gian	133
3. Tương phản giữa ảo cảm cao với ảo cảm thấp.....	155
a. Ảo tưởng và trực giác.....	159
b. Ảo cảm và giác ngộ	172
c. Ảo lực và linh hứng	183
d. Kẻ chặn Ngõ và Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục ..	187
III.- CHẤM DỨT ẢO CẢM	198
1. Vạch ra phương pháp của Bản Lai Diện Mục	211
a. Trực giác xua đuổi Ảo tưởng cá nhân	217
b. Trực giác của nhóm xua đuổi Ảo tưởng thế gian	225
2. Vạch ra phương pháp của Ánh Sáng.....	232
a. Ảo cảm cá nhân	261
b. Ảo cảm của nhóm và Ảo cảm thế gian	267

3. Vạch ra phương pháp điền nhiên	289
a. Phân phối và vận dụng mãnh lực trên cõi dĩ thái	296
b. Sử dụng Môn học Khí vận	304
c. Phương pháp điền nhiên	312
IV.- PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP	319

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

— * * * —

Trong bộ “*Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới*”, quyển I và II, có một số giáo huấn riêng cho từng người do Chân Sư Tây Tạng ban cho một nhóm các đệ tử, đã được quảng bá. Các giáo huấn này cùng với một số giáo lý huyền môn, lần đầu tiên được Alice A. Bailey in ra năm 1944, với sự đồng ý của các đệ tử có liên hệ.

Các bản thảo chưa được in có chứa thêm các huấn thị và giáo lý huyền môn được Bà Bailey hoàn tất hiện đang có sẵn. Bản văn này thỉnh thoảng được viết qua một thời kỳ 9 năm từ 1935 đến 1944.

Nhiều nơi trong quyển “*Áo cảm: Một vấn đề của thế gian*” cũng có các tham khảo cho cùng nhóm đệ tử.

Trong quyển sách hiện nay có bao gồm một số hình thức công việc tham thiền của nhóm vì giá trị về mặt thông tin của chúng và vì chúng minh họa giá trị thực tiễn của giáo huấn được đưa ra. Tuy nhiên, độc giả nên nhận thức rằng các cách tham thiền thích hợp cho các mục tiêu đặc biệt của nhóm, nói chung, đều không có hiệu quả như khi được dùng cho một cá nhân.

Sức mạnh của một nhóm kết hợp gồm nhiều đệ tử có cái nhìn chung và mục tiêu được thiết lập của nhóm rất to tát và có thể là việc phụng sự đích thực cho nhân loại. Các phương pháp mới hơn trong kỷ nguyên Bảo Bình bao gồm các nỗ lực như thế của nhóm. Các tác phẩm được xuất bản của Chân Sư Tây Tạng và Alice A. Bailey cung cấp một thông tin cho việc thực nghiệm khôn ngoan và hữu ích trong công việc của nhóm vốn được đảm trách như là việc phụng sự tâm linh cho thế gian, chứ không phải như là phương tiện khai mở tâm linh cho người tìm đạo cá biệt.

Hành động như thế của nhóm, diễn ra một cách tự nguyện, khi không bị chế ngự bởi một sự kiểm chế do sự lãnh đạo độc đoán và nếu được đảm trách với sự khiêm tốn và thận trọng thích đáng thì đáng được mong ước vào lúc này. Hành động như thế sẽ được nhận biết như là các mạo hiểm thực nghiệm đi đầu.

Các nhóm thuộc loại này đã xuất hiện ở nhiều nơi trên thế giới và có thể đóng góp có hiệu quả cho sự thành công trong công việc của Nhóm Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Chi tiết về nhóm người phụng sự khắp thế giới này được đưa ra trong bộ *“Luận Về Huyền Linh Thuật”* (A Treatise on White Magic) và trong bộ *“Luận về Bảy Cung”*, Quyển II (A Treatise on the Seven Rays, Vol. II)

Tháng 7 – 1950

FOSTER BAILEY

MỘT VÀI MINH GIẢI MỞ ĐẦU

— ** —

Tất cả các nhóm có liên hệ với công việc của huyền môn đều có thiên chức hay nhiệm vụ riêng của họ và tất cả đều có mục tiêu đặc biệt. Với mục đích giúp cho bạn thấy một cách rõ ràng những gì mà bạn, với tư cách người tìm đạo đang đi trên đường đệ tử phải làm, để có thể hợp tác một cách sáng suốt, tôi sẽ nêu rõ mục đích :

Thiên chức có nghĩa là nhiệm vụ hay nghĩa vụ, chính nghĩa vụ rõ ràng và đặc biệt của bạn là khai mở trực giác. Phương pháp để bạn mở trực giác có thể là bằng cách nghiên cứu các biểu tượng.

Tôi muốn nhắc nhở bạn để ý rằng các điểm khái quát liên quan đến trực giác, và các cố gắng để định nghĩa trực giác đều rất dễ làm, còn việc đánh giá đúng về trực giác thì rất khó khăn.

Các nhà y học và các nhà khoa học cho chúng ta biết rằng hàng ngàn tế bào trong não bộ con người vẫn còn chưa hoạt động và tất nhiên, kẻ thường nhân chỉ dùng đến một phần nhỏ cái khí cụ của mình. Khu vực não bộ nằm chung quanh tuyến tùng quả là khu vực có liên quan đến trực giác

và chính các tế bào này phải được đưa vào hoạt động trước khi có thể có bất cứ nhận thức trực giác thực sự nào mà khi được khơi hoạt, sẽ cho thấy sự kiểm chế của linh hồn, sự giác ngộ tâm linh, hiểu biết đích thực về tâm lý của huynh đệ mình, và phát triển ý thức huyền linh chân chính, đó là mục tiêu trước mắt bạn vào lúc này.

Tôi xin chia những gì tôi phải bàn đến làm ba phần và tôi yêu cầu nghiên cứu kỹ các lời này:

I.- Tôi tìm cách định nghĩa trực giác cho bạn.

II.- Tôi sẽ bàn cách mở được trực giác nhờ nghiên cứu biểu tượng học.

2 III.- Tôi sẽ chấm dứt bằng cách đưa ra một số chỉ dẫn đặc biệt để tiến hành một cách hữu ích.

Do đó, các bạn sẽ thấy là các đề mục này khó hiểu và phản ứng của các bạn chậm chạp thì phải nhớ là điều này cho bạn thấy rằng bạn cần phải nghiên cứu và củng cố thêm những gì mà tôi nói với bạn. Nếu bạn cùng với tôi xem xét một cách nghiêm túc những gì *không phải là trực giác*, tôi nghĩ rằng các lời của tôi sẽ tạo được đáp ứng nội tâm cho bạn.

I.- ĐỊNH NGHĨA TRỰC GIÁC

Trực giác không phải là việc tuôn đổ tình thương cho con người, và do đó, không phải là sự am hiểu về con người. Đa số những gì mà người ta gọi là trực giác chỉ là sự nhận biết về các chỗ tương đồng, và có được một thể trí biết phân tách rõ ràng. Người nào thông minh, đã sống qua nhiều giai đoạn, trải qua nhiều kinh nghiệm, có dịp tiếp xúc với nhiều người khác, thường thường đều có thể thấu hiểu một cách dễ

dàng các khó khăn và các khuynh hướng của kẻ khác, miễn là họ chịu khó để ý. Tuy nhiên, những người ấy đừng nên nhầm lẫn điều này với trực giác.

Trực giác không có liên quan gì với tâm thông hoặc cao hoặc thấp cả; việc thấy được linh ảnh, nghe được Tiếng Nói Vô Thình, phản ứng thuận lợi với giáo huấn thuộc bất cứ loại nào đều không có nghĩa là do tác động của trực giác. Không phải chỉ nhìn thấy các biểu tượng, vì đó là một loại nhận thức riêng biệt, và khả năng để điều hợp vào Thiên Trí (Universal Mind) dựa vào từng lớp hoạt động của Thiên Trí đó vốn tạo ra các nguyên hình (pattern-forms) làm nền móng cho mọi thể dĩ thái. Trực giác không phải là môn tâm lý học sáng suốt, và ước vọng để giúp đời bằng tình thương. Trực giác phát xuất từ sự tương tác của phạm ngã, được điều khiển bằng sự định hướng mạnh mẽ của linh hồn và linh hồn có ý thức tập thể.

Trực giác là sự hiểu biết tổng hợp vốn là đặc quyền của linh hồn và chỉ có thể có trực giác khi linh hồn, trên cảnh giới riêng của nó, đang tiến đến hai hướng: hướng về Chân Thân
 3 *và hướng về phạm ngã hội nhập, và có thể (cho dù là chỉ tạm thời) là phạm ngã phối kết và nhất quán. Đó là chỉ dẫn đầu tiên về sự hợp nhất chủ động sâu xa vốn sẽ lên đến tột đỉnh ở lần điểm đạo thứ ba.*

Trực giác là sự hiểu biết toàn diện về nguyên lý đại đồng, và khi trực giác tác động, ít nhất là tạm thời, sẽ có sự mất hẳn ý thức chia rẽ. Ở điểm cao nhất của nó, trực giác được nhận biết như là Tình Thương Đại Đồng (Universal Love) mà không có sự liên quan gì với tình cảm hoặc với phản ứng xót thương, mà đáng chú ý nhất là có bản chất hòa

đồng (identification) với muôn loài. Bấy giờ lòng từ ái thực sự mới được biết tới; bấy giờ sự chỉ trích mới không còn nữa; chỉ bấy giờ, cái mầm mống thiêng liêng ẩn tàng trong mọi hình hài mới được nhận thấy.

Trực giác chính là ánh sáng; khi trực giác tác động, thế giới được nhận thấy dưới hình thức là ánh sáng và các thể ánh sáng (light bodies) của mọi hình hài mới dần dần hiển lộ. Việc này đưa tới khả năng tiếp xúc với trung tâm ánh sáng trong mọi hình hài và như vậy một lần nữa mối liên hệ bản thể được thiết lập và ý thức về sự tự cao và sự chia rẽ lùi vào hậu trường.

Do đó, khi xuất hiện, trực giác mang theo với nó ba tính chất sau :

Giác ngộ (Illumination). Khi dùng chữ giác ngộ, tôi không muốn nói là ánh sáng trong đầu. Ánh sáng đó do ngẫu nhiên và hiếm có. Nhiều người có trực giác thật sự đều hoàn toàn không biết đến ánh sáng này. Ánh sáng mà tôi đề cập đến là ánh sáng tỏa chiếu Cửa Đạo. Đó là “ánh sáng trí tuệ” (“the light of the intellect”), nó thực sự muốn nói đến những gì soi sáng thể trí và những gì có thể tự phản chiếu trong bộ máy trí tuệ đang được giữ “ổn định trong ánh sáng”. Đây là “Ánh sáng của thế gian”, một Thực Tại luôn luôn hiện hữu, nhưng chỉ có thể khám phá ra được khi ánh sáng nội tâm của cá nhân được nhận biết với tính cách như thế. Đây là “Ánh sáng Muôn Đời” (“Light of the Ages”), sẽ tỏa chiếu mãi mãi cho đến khi Đại Nhật đến với chúng ta (Day be with us). Do đó, trực giác là sự nhận biết trong chính mình, không phải bằng lý thuyết suông mà là như một thực tại trong kinh nghiệm của con người, với sự huyền đồng hoàn toàn với

Toàn Linh Trí, với việc tạo thành một phần của Sự Sống Vĩ Đại Thế Gian và với việc tham dự của con người vào Sự Sống kéo dài vĩnh cửu.

Sự cảm thông (Understanding). Chữ này phải được hiểu theo nghĩa đen của nó như là những gì đang “ẩn dưới” (“stand under”) toàn thể các hình tượng. Nó hàm ý là khả năng thoát thượng hay là năng lực để rút ra khỏi sự đồng hóa lâu đời của con người với sự sống sắc tướng. Tôi xin nêu ra rằng sự triệt thoát này tương đối dễ với những kẻ có nhiều tính chất thuộc cung một. Vấn đề là triệt thoát theo ý nghĩa huyền linh, nhưng đồng thời phải tránh ý thức chia rẽ, ý thức cô lập và tự tôn. Đối với người thuộc cung một thì thật là dễ dàng khi chống lại khuynh hướng tự đồng hóa mình với những người khác. Việc có được sự cảm thông thực sự bao hàm khả năng ngày càng yêu thương mọi tạo vật (beings) tuy vậy đồng thời cũng duy trì được sự tách biệt với phàm ngã. Sự tách biệt này có thể được tạo ra một cách dễ dàng dựa vào việc thiếu khả năng yêu thương, chỉ quan tâm một cách ích kỷ đến tiện nghi riêng của chính mình – về vật chất, trí tuệ hoặc tâm linh, nhất là về mặt tình cảm. Người thuộc cung một, e sợ tình cảm và coi thường tình cảm, nhưng đôi khi họ phải chế ngự trạng thái tình cảm trước khi họ có thể dùng sự bén nhạy tình cảm theo đúng cách.

Việc cảm thông bao hàm việc tiếp xúc với sự sống với tư cách phàm ngã hội nhập, cộng với phản ứng của chơn ngã đối với các mục tiêu và kế hoạch của nhóm. Sự cảm thông này bao hàm sự hợp nhất phàm ngã–linh hồn, kinh nghiệm rộng rãi và hoạt động nhanh chóng của nguyên khí Christ nội tại. Sự cảm thông bằng trực giác luôn luôn có tính cách tự

phát. Khi nào lý luận chen vào sự cảm thông, thì đó không phải là hoạt động của trực giác.

Tình thương (Love). Như trước đã nói đây không phải là tình cảm luyến ái hay việc chiếm chỗ yêu thương; hai khía cạnh đó đều ngẫu nhiên và xảy ra tuần tự. Khi trực giác được phát triển, thì cả tình thương lẫn việc có tinh thần yêu thương
5 vượt lên trên, tất nhiên là dưới hình thức thuần khiết của chúng, sẽ được minh chứng, nhưng những gì tạo ra hai điều này đều sâu xa và dễ hiểu hơn nhiều. Chính sự hiểu biết tổng hợp toàn thể về Sự Sống và nhu cầu của mọi sinh linh (tôi cố ý chọn hai từ này) là đặc quyền cao cả mà Người Con thiêng liêng của Thượng Đế phải thực hiện. Sự hiểu biết đó gạt bỏ tất cả những gì tạo ra các cản trở, tạo ra sự chỉ trích và tạo ra sự chia rẽ. Tình thương không có sự phân biệt, thậm chí khi nó được nhận là cần thiết và nó tạo ra trong kẻ yêu thương sự đồng hóa tức khắc của linh hồn với những gì được yêu thương.

Ba từ này tóm tắt ba tính chất hay khía cạnh của trực giác và có thể được bao gồm bằng từ ngữ, tính phổ quát hay là ý thức về Tính Đơn Nhất trong vũ trụ (Universal Oneness).

Chẳng phải đó là điều mà mọi người tìm đạo đều nhắm đạt được sao? Và chẳng phải đó là điều mà mỗi người trong các bạn, với tư cách cá nhân, cần đến với một ý nghĩa đặc biệt chẳng? Nơi nào có trực giác là có sự phá ngã chấp tức khắc của “Cái Ngã” (“I”) chứa kịch tính, của năng lực luôn luôn liên kết mọi biến cố, mọi hiện tượng, mọi công tác tập thể vào chính mình như là tâm điểm.

Tôi không thể quăng diễn thêm về vấn đề trực giác. Đó là một vấn đề quá rộng lớn và quá trừu tượng. Tất cả những

gì tôi có thể làm là đưa ra cho bạn ba khía cạnh của trực giác và sau đó thôi thúc bạn chịu khó luyện tập và áp dụng cho chính các bạn một giới luật vốn sẽ thể hiện trong đời sống của bạn như là tình thương, ánh sáng và sự cảm thông. Khi lý thuyết được hiểu rõ và tạo được những điều chỉnh đúng và khi công việc cần thiết được thi hành, bấy giờ phàm ngã trở nên có sức thu hút, trong khi các tế bào não bộ quanh tuyến tùng quả, mà từ trước đến giờ đang yên ngủ, trở nên thức tỉnh và rung động. Hạt nhân của mọi tế bào trong cơ thể là một điểm ánh sáng; và khi ánh sáng của trực giác được cảm nhận, thì chính ánh sáng của tế bào này sẽ đáp ứng tức khắc. Sự liên tục tuôn vào của dòng ánh sáng trực giác sẽ phóng ra, nói về mặt huyền bí, đi vào ánh sáng bạch nhật của mọi tế bào, nhờ thế tạo nên những gì mà nó sẽ đáp ứng.

II.- CÁCH KHƠI HOẠT TRỰC GIÁC

Có nhiều cách để giúp cho trực giác hoạt động, và cách hữu ích nhất và mạnh mẽ nhất là nghiên cứu và giải thích các biểu tượng.

Biểu tượng là các hình thể thấy được và ở bên ngoài của các thực tại tinh thần ẩn bên trong, và khi có được phương tiện để khám phá thực tại ở đằng sau bất cứ hình thức đặc biệt nào, thì chính sự kiện đó sẽ chứng tỏ là trực giác đã khai mở.

Người thuộc cung một tùy thuộc vào những gì được gọi là “Cung Hủy Diệt” và mãnh lực của ngôi một, vốn là mãnh lực mang lại sự kết thúc đang tuôn chảy qua họ. Họ sẽ có khuynh hướng hủy diệt trong khi xây dựng, do việc định hướng năng lượng sai lầm, do việc quá đặt năng lượng vào một hướng đặc biệt nào đó, hay là do việc sử dụng sai năng

lượng đang tác động vào chính họ hay những người khác. Nhiều người thuộc cung một có khuynh hướng tự hào về điều này và biện minh là, do ở trên cung một nên không thể tránh được khuynh hướng hủy diệt. Không có trường hợp nào như vậy cả. Những nhà kiến tạo, hầu như luôn luôn là những người thuộc cung hai, phải học cách hủy diệt, khi được thôi thúc bằng tình thương của nhóm và hành động dưới trạng thái Ý Chí hay trạng thái của cung một. Những kẻ hủy diệt phải học cách kiến tạo, bao giờ cũng hành động dưới sự thôi thúc của tình thương tập thể và sử dụng mãnh lực liên kết theo cách không thiên vị. Cả hai nhóm, kiến tạo và hủy diệt, bao giờ cũng phải hoạt động theo quan điểm thực tế, từ cái nhân chân lý bên trong và phải “đứng ở trung tâm của họ”.

Việc nghiên cứu các biểu tượng có khuynh hướng mang lại điều này, và khi tiến hành với niềm tin và sự cần cù, sẽ tạo ra ba hiệu quả :

1. Nó sẽ luyện cho có khả năng để thấu nhập đằng sau hình hài và đạt đến thực tại bên trong (subjective reality).

7 2. Nó có khuynh hướng mang lại sự kết hợp chặt chẽ giữa linh hồn – trí tuệ – bộ óc và khi xảy ra điều đó, tất nhiên là trực giác, sự giác ngộ và chân lý có thể tuôn vào nhanh chóng hơn.

3. Điều đó sẽ tạo ra sức ép (strain) trên một số khu vực chưa được khơi hoạt trong óc và làm cho các tế bào não ở đó hoạt động, đây là giai đoạn đầu tiên trong kinh nghiệm của người tìm đạo. Với đa số người tìm đạo chân chính, bí huyết giữa hai chân mày được khơi hoạt, trong khi bí huyết ở đỉnh đầu rung động rất nhẹ nhàng nhưng không hoạt động đầy

đủ. Bí huyết ở đỉnh đầu này phải được khơi hoạt đầy đủ hơn trước khi người tìm đạo có thể hoàn toàn thích hợp với cơ may của mình.

Khi nghiên cứu biểu tượng, tôi muốn thôi thúc các bạn một việc, ấy là luôn luôn cần đặt trước mắt mục tiêu phải đạt đến với ý tưởng ẩn bên dưới của bất cứ biểu tượng nào được nghiên cứu. Khái niệm này bao giờ cũng sẽ có tính tổng hợp. Nó sẽ không quá đi vào chi tiết tỉ mỉ. Bạn có thể đạt đến quan niệm này nhờ nghiên cứu về chi tiết và nhờ đạt đến ý nghĩa của các phần hay các đoạn khác nhau của biểu tượng đang xem xét. Tuy nhiên, khi việc phân tích đã hoàn tất, bạn đừng nên dừng lại một cách thỏa mãn cho đến khi bạn đã tóm tắt ý nghĩa của biểu tượng ở một số ý tưởng, quan niệm, ý nghĩa hay danh xưng có tính cách tổng hợp.

Các biểu tượng phải được nghiên cứu theo ba cách:

a. Về bên ngoài. Điều này bao gồm việc nghiên cứu hình dạng nói chung, các đường nét và do đó ý nghĩa bằng số của biểu tượng, và cũng nghiên cứu các dạng thức thuộc môn phái của biểu tượng – tôi muốn nói đến các sắp xếp của biểu tượng, thí dụ như hình lập phương, hình tam giác và các hình sao cùng mối liên hệ hỗ tương của chúng.

8 b. Về mặt khái niệm. Điều này bao gồm việc đạt đến ý tưởng ẩn bên dưới của biểu tượng, ý tưởng này có thể được diễn tả bằng tên gọi của nó; với ý nghĩa của nó khi xuất hiện trong tâm thức nhờ tham thiền; và với toàn bộ hay một phần ý nghĩa của nó. Khi thực hành điều này bạn nên nhớ rằng ý tưởng phải bao hàm định hướng cao siêu hay trừu tượng, có nghĩa là định hướng đó được diễn đạt bằng các thuật ngữ của hạ trí; và rằng ý nghĩa của nó chứa bên trong nó có nhiều tính

chất tình cảm hơn và có thể được diễn tả như là loại ham muốn xuất hiện nơi bạn.

c. Về bên trong. Điều này bao hàm hiệu quả của mãnh lực hay năng lượng tác động lên bạn và về tính chất của rung động có thể xuất hiện nơi bạn, có lẽ ở một số bí huyết, có lẽ ở trong thể cảm dục của bạn, hay có lẽ chỉ trong trí bạn.

Công cuộc nghiên cứu này, nếu được làm đúng, sẽ đưa đến việc khai mở trực giác, với biểu lộ tiếp theo sau của nó trên cõi trần như là giác ngộ, cảm thông và tình thương.

Trong trường hợp thứ nhất, mục đích của việc nghiên cứu biểu tượng học là cho phép đạo sinh biết được tính chất của nó và tiếp xúc với mức độ rung động đang ẩn sau tập hợp về đường lối, màu sắc và hình dạng của những gì mà biểu tượng được tạo thành.

Đối với một số người, việc nghiên cứu này tương đối dễ; nhưng đối với đa số thì không dễ chút nào, có như thế người ta mới thấy được cái thiếu sót phải được bổ sung bằng cách dùng các năng lực mà hiện nay còn chưa hoạt động. Luôn luôn có sự khó chịu khi khơi hoạt các khả năng tiềm tàng, vì vậy cần cố gắng và quyết tâm không để bị lay chuyển bởi các phản ứng của phàm ngã. Đối với nhiều người, điều không dễ gì thấy được là làm thế nào quán triệt được ý nghĩa của một biểu tượng để có thể mang lại một phương tiện mà nhờ đó khả năng trực giác còn tiềm tàng có thể hoạt động được. Đó là một nghệ thuật tinh tế, nghệ thuật để hiểu được biểu tượng, để “đọc bằng con mắt tâm linh”, theo cách gọi của vị

9 đạo sư thời cổ của chúng ta là Patanjali. Khả năng để giải thích các biểu tượng này bao giờ cũng đi trước sự thiên khai thực sự. Việc hiểu thấu chân lý mà một đường lối hay một

loạt các đường lối tạo thành hình thức biểu tượng có thể trụ lại vững vàng, không nhất thiết là những gì cần phải làm, Một ký ức hoàn hảo nhắc cho bạn nhớ rằng một loạt các đường thẳng tạo thành một tam giác hay một loạt các tam giác có nghĩa là Tam Vị Nhất Thể (Trinity) hoặc là bất cứ một loạt bộ ba nào bên trong sự biểu lộ của đại vũ trụ hay tiểu vũ trụ. Nhưng mức hoạt động và độ chính xác của trí nhớ sẽ không đánh thức các tế bào não bộ còn bất động hoặc làm cho trực giác hoạt động được. Cần nên nhớ rằng (và ở đây giá trị của một số huyền linh học chuyên nghiệp hay huyền linh học lý thuyết trở thành hiển nhiên) cảnh giới mà trực giác biểu lộ và nơi nào mà trạng thái tâm thức thuộc trực giác được linh hoạt thì đó là trạng thái của cõi bồ đề hay cõi trực giác. Cõi này chính là nơi tương ứng cao hơn so với cõi tình cảm hay cảm dục, tức là cõi của ý thức nhạy bén nhờ sự đồng nhất hóa được cảm nhận với mục tiêu chú tâm hay thu hút. Do đó điều trở nên hiển nhiên là nếu khả năng trực giác được đưa vào hoạt động nhờ việc nghiên cứu biểu tượng, thì đạo sinh phải cảm nhận với, hoặc bằng một vài cách hội nhập với bản chất định tính của biểu tượng, với bản chất của thực tại mà hình thức biểu tượng đó che giấu. Bạn cần phải nghiên cứu khía cạnh này để giải thích biểu tượng.

Do đó, sau khi nghiên cứu đúng khía cạnh hình thể, đạo sinh nên xác định là đối với họ, biểu tượng đang tạo ra điều gì, gọi ra cảm giác gì, khơi dậy đạo tâm gì và các mơ mộng, ảo tưởng và các phản ứng gì được ghi nhận một cách hữu thức. Giai đoạn này là giai đoạn trung gian giữa việc giải thích bề ngoài của một biểu tượng và việc tìm hiểu dựa trên khái niệm. Sau đó có một giai đoạn trung gian khác giữa việc tìm hiểu dựa trên khái niệm với việc lãnh hội và áp dụng

theo nội môn. Giai đoạn sau này được gọi là “nhận thức tổng hợp”. Nhờ đã nghiên cứu hình thể và biết được ý nghĩa về tình cảm của nó, bạn vượt qua được giai đoạn hiểu được ý
10 tưởng căn bản của biểu tượng và từ đó đi đến sự hiểu biết tổng hợp về mục đích của nó. Điều này đưa đến khoa huyền bí học chân chính vốn là áp dụng thực tiễn của năng lực tổng hợp linh động của áp dụng đó đối với các bước nhảy vọt của sự sống cá nhân và hành động của từng người.

Tôi muốn bạn không những có được cách giải thích thông minh về biểu tượng, mà còn nhận biết được phản ứng tế nhị hơn về bản chất cảm xúc bén nhạy của bạn đối với biểu tượng nói chung. Nghiên cứu tổng cộng bốn biểu tượng một năm. Trước tiên, tiếp cận biểu tượng từ khía cạnh hình thức của nó và tìm cách tự mình làm quen với khía cạnh bề ngoài của nó, với toàn thể các đường thẳng, tam giác, hình vuông, vòng tròn, hình chữ thập và các hình khác mà nó tạo thành và khi bạn nỗ lực để hiểu nó theo quan điểm trí tuệ, bằng cách dùng ký ức và sự hiểu biết nào mà bạn có được để hiểu biểu tượng đó từ bên ngoài.

Bấy giờ ngay khi biểu tượng thực sự quen thuộc với bạn và thể trí có thể nhớ lại bằng một ít cố gắng, nỗ lực để cảm nhận tính chất của nó, để tiếp xúc với rung động của nó và để ghi nhận hiệu quả tình cảm của nó nơi bạn. Việc này có thể thay đổi từng ngày một, hoặc có thể luôn luôn giống nhau. Bạn hãy tuyệt đối thành thật trong việc ghi nhận phản ứng của thể cảm dục đối với biểu tượng, và xem coi các phản ứng như thế đưa bạn đến đâu, luôn luôn nhớ rằng, chúng không thuộc về trực giác mà là các phản ứng đối với giác quan hoặc thể cảm dục.

Sau rốt, hãy để ý đến những gì mà bạn đã tìm được, đối với bạn, đó là tính chất căn bản của biểu tượng và kế đó (như trong lúc thiền định) nâng cao toàn bộ chủ đề vào lãnh vực trí tuệ bằng cách mang lại cho thể trí có tập trung chú ý để ghi nhớ điều đó. Điều này sẽ đưa bạn vào lãnh vực quan niệm.

Trong khi phân tích một biểu tượng, tất nhiên chúng ta có các giai đoạn sau đây:

1. Xem xét bề ngoài của biểu tượng: đường nét, hình dạng và màu sắc.
2. Hiểu được trong thể cảm dục hay thể tình cảm, tính chất của biểu tượng, phản ứng của việc đáp ứng bén nhạy đối với ảnh hưởng có bản chất định tính của nó.
3. Xem xét khái niệm của ý tưởng ẩn bên dưới biểu tượng, đối với những gì mà biểu tượng đó có ý định đưa ra, đối với ý nghĩa về mặt trí tuệ mà biểu tượng định gọi ra.
4. Giai đoạn hiểu biết tổng hợp về mục tiêu của biểu tượng, về vị trí của biểu tượng trong kế hoạch biểu lộ được an bài, về ý định hợp nhất đích thực của nó.
5. Đồng nhất hóa với tính chất và mục tiêu của biểu tượng khi biểu tượng này được soi sáng bằng loại trí tuệ vốn "được giữ ổn định trong ánh sáng". Giai đoạn cuối cùng này đưa bộ óc cũng như thể trí vào hoạt động.

Xét chung, việc nghiên cứu các biểu tượng bao gồm ba giai đoạn:

Giai đoạn 1: tìm kiếm một biểu tượng và việc tiến bộ theo sau khi phân tích từ một giai đoạn tiến bộ hiểu biết này đến giai đoạn tiến bộ khác, để bao gồm dần dần toàn bộ lãnh vực được nói đến bằng biểu tượng.

Giai đoạn 2: nhờ trực giác mà nhận biết được các biểu tượng thấy được ở khắp nơi trong biểu lộ thiêng liêng.

Giai đoạn 3: sử dụng các biểu tượng trên cõi trần và sự thích ứng đúng của chúng với mục tiêu đã thấy và được nhận biết, đưa đến việc thu hút tiếp theo của biểu tượng với tính chất cần có, nhờ đó ý tưởng có thể làm cho sự hiện hữu của biểu tượng được nhận biết, hầu cho ý tưởng được phẩm định bằng trực giác có thể tìm được hình thức thích hợp trên cõi trần.

Do đó bàn đến biểu tượng bằng nét khái quát rộng lớn, theo công truyền, theo khái niệm và theo bí truyền, nhưng cộng thêm vào đó cách phân tích về sự nhạy bén và đáp ứng của bạn với tính chất của biểu tượng.

Tôi xin tóm lược lại, trước tiên, thật là có ích khi nhớ rằng việc nghiên cứu biểu tượng theo bề ngoài bao gồm việc
 12 sử dụng bộ óc và ký ức. Bạn cố gắng nghiên cứu đường nét và hình thể, con số và các trạng thái tổng quát bên ngoài, nên biết rằng mỗi đường nét đều có ý nghĩa, mọi con số đều có lý giải của chúng và mọi hình dạng đều tượng trưng cho tính chất và sự sống bên trong.

Việc nghiên cứu biểu tượng bằng khái niệm đưa bạn hướng vào bên trong từ bộ óc đến trí tuệ, đi vào lãnh vực ý tưởng. Nó đưa bộ máy trí tuệ vào hoạt động có tập trung. Bấy giờ bạn mới có thể biết được quan niệm hay ý tưởng mà dấu hiệu hay biểu tượng thể hiện ra. Bạn hiểu được ý nghĩa của biểu tượng và biết nó tiêu biểu cho những gì. Bạn hiểu được mục đích mà hình thể đã được thể hiện ra ngoài. Việc nghiên cứu con số và đường nét đã mang lại cho bạn một nền tảng kiến thức phong phú dựa trên bình diện khách quan –

trong trường hợp này sự phong phú tùy thuộc vào sự diễn giải riêng của bạn, tùy thuộc thể trí và kiến thức của bạn. Khả năng của bạn để diễn giải một “ý nghĩa” thành một biểu tượng cũng sẽ tùy thuộc vào sự phong phú của ý nghĩa mà bạn qui cho các diễn biến trong đời sống hằng ngày của bạn và năng lực thiền định thực sự của bạn.

Tôi muốn nói rõ với bạn rằng không có sự giải thích được ấn định trước về bất cứ biểu tượng nào và rằng đối với mỗi người, biểu tượng đó có thể thuộc bất cứ loại gì cũng sẽ gọi lại ý nghĩa duy nhất. Việc thiếu để tâm vào các biểu tượng thường báo trước sự thiếu chú ý vào việc giải thích đúng các hình thức sự sống và ý nghĩa của chúng. Cũng thế, việc quá chú trọng về mặt lý thuyết trong các biểu tượng có thể báo trước một thể trí quanh co phức tạp chỉ yêu thích cách trình bày, đường nét, hình thức và các mối liên hệ bằng con số, nhưng hoàn toàn thiếu tầm quan trọng của ý nghĩa. Sự quân bình trong thể trí đối với hình thức và khái niệm, đối với sự biểu lộ và tính chất, đối với ký hiệu và ý nghĩa đều là thiết yếu cho sự phát triển của đệ tử và người tìm đạo.

Nhu cầu lớn lao đối với hầu hết các đạo sinh là đạt được ý nghĩa và làm việc với ý tưởng và quan niệm. Hoạt động này sẽ đòi hỏi dùng thể trí để tìm tòi để hiểu rõ và để diễn giải. Nó đòi hỏi phát triển tính nhạy bén của trí tuệ để cho kẻ có thể trí nhạy bén đó đáp ứng được với các rung động của cái mà chúng ta gọi là Toàn Linh Trí, tức Thiên Trí, Đấng Chủ Trì Thiên Cơ. Việc đó đòi hỏi một khả năng nào đó để giải thích và năng lực để diễn tả ý tưởng nằm bên dưới biểu tượng để cho kẻ khác có thể chia sẻ tư tưởng đó với bạn. *Tư tưởng phụng sự và tiến tới sự hữu dụng này phải được ghi nhớ rõ ràng.*

Bạn không thể thấy bằng cách nào mà năng lực để nghiên cứu, để giải thích, để hiểu thấu ý nghĩa này sẽ thúc đẩy cho bạn tăng trưởng về mặt tâm linh sao? Bạn có thể nào tin rằng nhờ dùng phương pháp này mà bạn có thể học được cách làm việc một cách sáng suốt hơn với Thiên Cơ và trở thành kẻ trợ giúp hữu hiệu hơn cho huynh đệ của bạn không?

Có điều gì trong cõi biểu lộ này mà không phải là biểu tượng không thích hợp của Thiên Ý? Chúng ta có được điều gì trong biểu hiện bên ngoài của chúng ta ngoại trừ dấu hiệu có thể thấy được (ở một giai đoạn nào đó trong mục tiêu tiến hóa) của cơ Sáng Tạo của Đấng Tối Cao? Chính bạn là gì, nếu không là biểu lộ ngoại tại của Thiên Ý? Chúng ta phải học cách thấy các biểu tượng ở khắp nơi chung quanh chúng ta và kẻ đó xuyên qua sau biểu tượng đến tận ý tưởng mà nó sẽ diễn đạt.

Tuy nhiên có một kỹ thuật nghiên cứu có thể giúp ích cho bạn khi bạn cố gắng đạt đến một ý tưởng và như vậy nghiên cứu về mặt khái niệm nhiều biểu tượng đang bao quanh chúng ta. Đó là phần lớn kỹ thuật mà nhờ đó sự thiên định sẽ phải chuẩn bị cho bạn. Sự khác nhau giữa kỹ thuật này với việc thiên định phần lớn là sự khác nhau giữa sự an trụ với mục tiêu. Khi nghiên cứu các biểu tượng về mặt khái niệm, tâm thức được an trụ vào thể trí và không một cố gắng nào được tạo ra rõ rệt để tiếp xúc hoặc lôi cuốn linh hồn hay chân ngã. Ở đây có ẩn sự phân biệt giữa giai đoạn thứ hai này khi giải thích biểu tượng, với sự thiên định thông thường. Bạn đã tận dụng phương pháp để làm cho chính mình quen với khía cạnh hình thể của biểu tượng và bạn biết rõ nơi tiếp giáp và hiển lộ ra ngoài của nó. Bạn cũng biết rõ

rằng một chuỗi đường nét đặc biệt (thí dụ như là ba đường tạo thành một tam giác) tượng trưng cho một ý tưởng hay chân lý hay giáo huấn nào đó. Điều này ghi nhận trong trí óc bạn, nhờ đến các thao tác của ký ức bạn. Việc ghi nhận thông tin và kiến thức cổ xưa liên quan đến các con số trong một biểu tượng dùng để đưa tâm thức bạn vượt lên đến cõi trí và tập trung nó ở đó trong thế giới ý niệm hay là thế giới khái niệm. Các khái niệm này đã đang có sẵn trên các phân cảnh giới cụ thể của cõi trí. Đó là di sản thuộc trí tuệ và chủng tộc của bạn và là các hình tư tưởng xưa cũ mà giờ đây bạn có thể sử dụng để đạt tới ý nghĩa và ẩn ý.

Đó là một phát biểu xưa cũ diễn đạt một sự thật mà hiền giả Plutarch ⁽¹⁾ đưa ra cho chúng ta bằng các lời lẽ quen thuộc: “Một ý niệm là một Thực Thể vô hình (a Being incorporeal), chính nó không tồn tại nhưng lại ban cấp con số và hình hài cho chất vô hình (shapeless matter) và trở thành nguyên nhân của biểu lộ”. Con số và hình dạng mà bạn ghi nhận bằng bộ óc và được nhớ lại, cũng như hoạt động của nó trong thời gian và không gian, cùng với khả năng có sẵn của nó để tạo nên hình dạng và qua hình dạng đó, biểu lộ thành một quan niệm hoặc ý tưởng. Khi hoạt động hướng vào nội tâm, bạn cũng sẽ biết được bản chất của ý tưởng đang thúc đẩy nhờ nghiên cứu hình dạng của nó và hoạt động đã được chứng tỏ của nó, đồng thời bạn đang khám phá ra lãnh vực của các ý tưởng có bản chất tương đồng, mà trong đó, ý tưởng được biểu hiện thành biểu tượng sở trường của mình. Lãnh vực ý tưởng này, vốn có liên quan với nhau, giải thích

¹ Plutarch (46? – 120? Tr. TC) nhà nghiên cứu tiểu sử và triết gia Hy Lạp (ND)

cho nhau, giờ đây đang mở ra cho bạn và bạn sẽ ngày càng thấy sở trường của mình ở vị trí nào để hành động trong thế giới ý niệm này một cách tự do. Làm việc và sống trong thế giới ý tưởng giờ đây trở thành mục tiêu và nỗ lực chính yếu của bạn. Bạn tự luyện tập để nhận biết các ý tưởng và các khái niệm khi chúng ẩn sau mọi hình thể; bạn bắt đầu suy tư một cách rõ ràng về chúng để thấy được phương hướng mà chúng dẫn dắt bạn đến và trong Thiên Cơ Vĩnh Cửu, chúng sẽ thích hợp ở chỗ nào.

15 Nếu người tìm đạo quyết tâm làm ba điều:

a.– Mở được khả năng hình dung (visualise, quán tưởng),

b.– Tập cho thể trí biết được thực tại bằng trực giác,

c.– Giải thích đúng những gì được nhìn thấy,

thì họ có thể cung cấp được một phòng thí nghiệm điển hình cho các Nhà Quan Sát lão luyện trên thế giới.

Một trong những điều mà trực giác đã phát triển có thể làm được là phá tan ảo cảm và ảo tưởng đang xâm chiếm sự sống. Một trong các điều mà một nhóm người tìm đạo – tức những kẻ đã lập được sự tương tác trực giác – có thể đạt được là giúp vào việc làm tan ảo cảm thế gian. Có thể làm được việc đó khi bạn đã mở được trực giác và khi sự cảm thông liên kết lẫn nhau của bạn được vững chắc và đúng đắn. Thánh Đoàn sẽ có thể dùng những người tìm đạo trên thế giới như là khí cụ để đập tan ảo cảm tập thể có bất cứ ở đâu. Tôi đề cập đến sự khả hữu này để thúc giục tất cả các bạn tiến tới nhanh hơn và cố gắng không ngừng.

Bạn được chỉ dẫn rằng một trong các nhu cầu trước mắt người tìm đạo là đạt đến việc hiểu biết bằng trực giác và cảm

thông sáng suốt đối với ảo cảm, cả về mặt cá nhân lẫn hành tinh, để cho họ hành động một cách dứt khoát hầu xua tan ảo cảm. Sự cảm thông đó tất nhiên chỉ là tương đối, nhưng trong vòng vài năm tới đây, sự hiểu biết của bạn về đề tài đó và các phương pháp mà nhờ đó ảo cảm có thể bị xua tan có thể tăng lên một cách đáng kể. Điều này *phải* xảy ra nếu bạn bắt tay vào việc một cách có chủ tâm trong các kiếp sống riêng của bạn, đồng thời cũng cố gắng để hiểu được lý thuyết ẩn bên dưới.

Từ trước đến giờ, rất ít điều được viết ra hoặc giảng dạy về chủ đề ảo cảm và chủ đề này có thể hàm ý nhiều điều có giá trị nếu chúng ta xem xét chủ đề này, xem xét các nguyên nhân và hậu quả của nó và cũng bàn đến kỹ thuật mà nhờ đó nó có thể bị làm cho tan biến và bị xua đuổi. Điều hiển nhiên là tôi không thể bàn đến chủ đề này một cách đầy đủ trong một chỉ dẫn duy nhất, do đó, chúng ta sẽ chọn hai hoặc ba năm sắp tới để bàn bạc và nghiên cứu vấn đề quan trọng này vốn đang phát sinh từ nhu cầu hiện nay và sự nhạy cảm ngày càng tăng của nhân loại đối với các ẩn tượng tinh vi hơn. Cho đến nay tôi không thể làm được điều này, vì việc tập hợp chưa đầy đủ và sự liên kết bên trong cần được củng cố. Giờ đây tôi có thể làm như thế vì các thành viên trong nhóm đang hoạt động chung với nhau, với mối liên hệ bên trong ngày càng tăng, và một “tinh thần bác ái” được gieo rắc trong các bạn do phản ứng của nhóm đối với nhu cầu của mỗi kẻ khác trong giai đoạn ảo cảm gần đây.

Do đó, tôi có ý định thay đổi một ít công việc của bạn, giữ lại những phần có tính cách tượng trưng dưới hình thức bài tập để cho bạn tập nhận thức bằng trực giác, nhưng gạt bỏ việc xem xét các biểu tượng thấy được và thiên về hình

thức nhiều hơn. Bạn không thu thập được từ các hình thức tượng trưng này những gì đã hy vọng, vì hạ trí của đa số các thành viên trong nhóm chỉ tăng thêm ở mặt hình thức, còn những thành viên còn lại không cần phương hướng giáo huấn và phát triển này. Chúng ta sẽ thay đổi điểm chú tâm vào việc nghiên cứu sâu xa hơn về ảo cảm. Ở đây có ẩn tàng việc phụng sự của bạn vì khi bạn biết suy tưởng thực sự và dùng sự sáng suốt đã khai mở của bạn (nếu bạn có thể đạt được điều này, hồi huynh đệ) vào đúng lúc bạn có thể giúp làm hai điều:

1.- Minh giải cho thể trí của nhóm về chủ đề này. Ở đây tôi không đề cập đến nhóm đặc biệt của bạn, mà chỉ đề cập đến ý thức của thế gian.

2.- Giúp làm tan đại ảo tưởng đã cầm giữ và vẫn còn cầm giữ các con của nhân loại trong cảnh nô lệ.

Do đó, tôi muốn các bạn phụng sự theo các đường lối này và tôi cũng muốn rằng các bạn ngày càng nên chú ý vào kỳ trăng tròn để giao tiếp với chính tôi. Nhóm này sẽ có khả năng đặc biệt để làm việc theo đường lối xưa tan ảo cảm vào kỳ trăng tròn. Thiết lập việc giao tiếp trên các cảnh giới khác nhau tùy theo cách tập trung các thể thanh của từng người trong nhóm, và nhóm này giao tiếp với tôi trên các cõi phụ cao của cõi cảm dục. Đó là việc minh giải các phản ứng của họ và sự phong phú của các ghi nhận đầy đủ của họ. Cũng thế, ở đây sau rốt có ẩn tàng việc phụng sự của họ, vì sau đó họ có thể (tuy chưa phải trong một thời gian lâu dài) dùng những ngày tiếp xúc và “lúc thấu nhập” (như đôi khi người ta gọi) cho công việc rõ rệt là xua tan một số ảo tưởng thế

gian. Tuy nhiên, trước tiên phải có khả năng xua tan ảo tưởng trong đời sống cá nhân của mỗi người trong các bạn.

Một nhóm khác giao tiếp với tôi trên các cõi phụ của cõi trí, nơi sẽ là lãnh vực phụng sự của họ. Cho đến nay, vẫn còn các nhóm khác còn ở giai đoạn phôi thai. Nhân sự của các nhóm đó vẫn còn thiếu và sự hội nhập của nhóm chỉ mới ở trong tiến trình được thành lập.

Do đó, tôi sẽ đòi hỏi các bạn tăng thêm nỗ lực mỗi tháng vào kỳ trăng tròn và tìm cách củng cố sự liên kết của các bạn với chính tôi và với các thành viên thuộc nhóm các huynh đệ của bạn. Chỉ có một lời nhắc nhở mà tôi sẽ đưa ra. Sự thành công theo đường lối này sẽ mang theo nó cả phần thưởng lẫn các khó khăn. Bạn sẽ phải xem xét cẩn thận về sự kích thích không đúng chỗ của bản chất tình cảm hay cảm dục của bạn, tất nhiên có ảo cảm theo sau. Bạn sẽ phải tập xem xét một cách kỹ càng vào nỗ lực để hành động như thế trên cõi cảm dục, đồng thời giữ thái độ của kẻ quán sát trên cõi cao của linh hồn. Không có việc kiến tạo nào và không có việc phụng sự vô cùng thiết yếu nào có thể làm được trong lãnh vực hoạt động khó khăn này trừ phi có được thái độ dứt bỏ và phóng khoáng. Bạn bắt buộc phải hành động ở một trong các lãnh vực hoạt động khó khăn nhất – có lẽ nên gọi là khó khăn nhất đối với một đệ tử – và do đó cần khôn khéo để hoạt động trong việc thành lập nhóm. Tôi hết sức nhấn mạnh rằng các bạn phải làm việc với tư cách một nhóm chứ không phải với tư cách cá nhân.

Có ba biến cố lớn nằm sẵn trong ý thức thế gian ngày nay:

1.– Sự phát triển và hiểu biết về công tác viễn cảm.

2.- Hiểu biết và tìm tòi một cách khoa học về ảo tưởng và ảo cảm thế gian.

3.- Tăng thêm các phương pháp chữa trị đúng cách.

Nếu được như thế, bạn có thể thấy việc các nhóm đệ tử đang đóng góp vào công cuộc thiên khai đang xuất hiện tốt đẹp biết là bao và việc phụng sự hiến dâng của chúng ta thật là hữu ích biết bao. Hỡi huynh đệ, tôi dùng từ ngữ “của chúng ta” một cách thận trọng, vì tôi đang quyết tâm làm việc hướng về ba mục đích này như là một phần của việc phụng sự đã được giao phó cho tôi (tự tôi giao phó). Tôi đòi hỏi sự hợp tác và tham gia của bạn. *Ảnh hưởng vững vàng của tư tưởng đúng đắn trên ý thức nhân loại của các nhóm tư tưởng gia lão luyện* là phương pháp có thể được áp dụng thành công nhất vào lúc này, và ở đây các nhóm này có thể trợ giúp được rất nhiều.

Một trong các điều sẽ hiện ra rõ rệt nhất trong ba hay bốn thập niên sắp tới là công việc mà các nhóm có thể làm trên các cảnh giới khác hơn là cõi trần. Việc phụng sự tập thể và nỗ lực hợp nhất hướng đến phúc lợi tập thể đã diễn ra từ hai thế kỷ nay trên Địa Cầu trong mọi lãnh vực nỗ lực của con người – chính trị, từ thiện và giáo dục. Việc phụng sự tập thể trên cõi cảm dục cũng đã được bắt đầu từ năm 1875, nhưng nỗ lực hợp nhất để xua đuổi ảo cảm thế gian thì hiện nay chỉ mới trong tiến trình hình thành và nhóm này có thể là một phần của nỗ lực phối kết hướng về mục tiêu này và tăng thêm số người tham gia vào đó. Do đó, bạn hãy tự luyện tập và học cách hoạt động như thế nào. Tất nhiên sự nhạy bén về viễn cảm là mục tiêu của mọi nhóm đệ tử, nhưng đó cũng là mục tiêu chính của nhóm mà chúng ta có thể gọi là Những

19 Kẻ Giao Tiếp Bằng Viễn Cảm (Telepathic Communicators); ở

đây họ có thể làm cho việc phụng sự có hiệu quả hơn. Các nhóm người nhạy cảm thuộc loại này có thể tạo nên một đoàn thể hoạt động trung gian và truyền đạt kiến thức cùng giáo huấn mới cho nhân loại; họ có thể uốn nắn dư luận quần chúng và thay đổi luồng tư tưởng của con người. Dĩ nhiên, tất cả các nhóm nhỏ đều đạt đến mối liên giao bằng viễn cảm giữa chính họ và giữa nhân viên của các nhóm tương tự, và đây là điều nên được mong muốn, nuôi dưỡng và sẽ tăng thêm một cách vững chãi và đúng cách. Nhưng khi độ nhạy bén về viễn cảm của bạn tăng lên, bảo đảm chắc chắn là bạn không bị lệch ra khỏi mục tiêu chính trong nhóm của bạn, mà phải nghiên cứu và hiểu được ý nghĩa của ảo cảm và các định luật làm tan biến ảo cảm. Hãy ghi nhớ và chú ý đến mọi hoạt động và hiện tượng viễn cảm và học cách hành động theo lối này, nhưng xem đó như là vấn đề phụ cho bạn vào lúc này.

Một trong các đặc điểm nổi bật của công việc phải làm vào lúc trăng tròn sẽ là ghi nhận nhiều hiện tượng. Đây là điều đang được mong đợi vì việc phụng sự này kêu gọi bạn hoạt động trên cõi cảm dục. Nhưng nó sẽ mang lại cho bạn một lãnh vực để sử dụng một cách khôn khéo khả năng phân biện. Cho đến nay, thật là quá sớm cho bạn để tách điều chân khỏi điều giả; trước nhất, nhiệm vụ của bạn sẽ là ghi nhận. Hãy ghi nhận đầy đủ chi tiết. Hãy giữ thái độ khoa học đối với sự từ bỏ, đối với sự nhận thức, và ghi lại những gì được cảm nhận, thấy được hay tiếp xúc được. Các ghi nhận này sẽ dùng làm nền tảng để phân tích nếu tất cả đều trôi chảy và nhờ sự phân tích đó chúng ta có thể thu được nhiều điều có giá trị.

Những gì tôi phải nói với bạn về vấn đề Ảo cảm đều thuộc vào một số điểm khái quát, đó là:

I.- Bản chất của Ảo cảm

II.- Nguyên nhân của Ảo cảm

III.- Cách làm tan Ảo cảm.

20 Khi tiếp tục, chúng ta sẽ chia chủ đề của chúng ta thành chi tiết tỉ mỉ hơn, nhưng trong giáo huấn này, tôi chỉ tìm cách đưa ra một số nét lớn vào trí bạn để cho chủ đề có thể ở vào đúng chỗ trong tư tưởng bạn.

Có bốn từ ngữ mà từ lâu đã được bàn đến trong số những kẻ được gọi là các nhà huyền linh học và các nhà huyền bí học. Đó là *ảo cảm*, *ảo tưởng*, *ảo lực* và thành ngữ *kẻ chận ngõ (Tổng Quả Báo)*. Tất cả các từ ngữ này đều tiêu biểu cho một khái niệm tổng quát như nhau hoặc một vài dị biệt của khái niệm đó. Nói chung, các giải thích như sau và chúng chỉ giải thích có một phần và hầu như về bản chất đều lệch ra khỏi chân lý thực sự, do các giới hạn về ý thức của con người.

Ảo cảm (Glamour) thường được xem như là cố gắng ham hiểu biết /tò mò những gì thường được gọi là các “mãnh lực hắc ám” để phỉnh lừa những người tìm đạo có hảo ý. Nhiều người tốt lành hầu như đều bị phỉnh gạt khi họ “đổi phó” với một số trạng thái ảo cảm, họ cho rằng biểu hiện về giới luật của họ đã tốt đẹp đến nỗi các mãnh lực hắc ám phải chú ý nhiều đến để cố ngăn trở công việc tốt lành của họ bằng cách nhận chìm họ vào các đám mây ảo cảm. Không gì có thể vượt ra khỏi chân lý. Ý tưởng đó chính là một phần của ảo cảm hiện nay và có căn cội trong sự kiêu hãnh và tự mãn của con người.

Ảo lực (Maya) thường được xem như là có cùng bản chất với quan niệm đã được các nhà Khoa Học Cơ Đốc truyền dạy, ấy là không có điều gì như thế cả. Chúng ta cần phải

xem toàn thể các hiện tượng trên thế gian như là ảo lực và tin rằng sự hiện hữu của ảo lực chỉ là một sai sót của thể trí con người và là một hình thức của sự tự ám thị hay tự thôi miên. Do niềm tin bị dẫn dụ này, chúng ta tự bắt buộc đi vào trạng thái trí tuệ, trạng thái này nhận thức rằng cái tưởng tượng hữu hình và tưởng tượng khách quan chỉ là các tưởng tượng (figments) của trí tưởng tượng (imaginative mind) của con người. Đến phiên nó, điều này cũng lại là việc mô phỏng theo thực tại một cách vụng về.

- 21 *Ảo tưởng* (Illusion) được xem như hơi giống ảo cảm (như chúng ta định nghĩa) chỉ khi nào chúng ta nhấn mạnh vào sự hữu hạn của thể trí con người. Thế giới hiện tượng vốn không bị phủ nhận, nhưng chúng ta xem thể trí như là giải thích sai thế giới đó đồng thời cũng không nhận biết thế giới đó là có thực. Chúng ta xem cách diễn dịch sai lầm này giống như là việc tạo ra Đại Ảo Tưởng.

Tổng Quả báo (The Dweller on the Threshold) thường được xem như là tượng trưng cho thử thách cuối cùng về lòng can đảm của con người, cũng như có bản chất của một hình tư tưởng khổng lồ hay là nhân tố cần phải được làm cho tan rã trước khi được điểm đạo. Ngay chính hình tư tưởng này là gì cũng ít người biết được, nhưng định nghĩa của chúng bao gồm ý tưởng về một hình thể khổng lồ bằng tinh chất (huge elemental form) đang ngăn chặn con đường đưa đến cổng thánh thiện, hay là ý tưởng về một hình hài giả tạo, đôi khi do Thầy của một đệ tử tạo ra để thử thách lòng thành của đệ tử. Một số người xem hình tư tưởng đó như là toàn bộ lỗi lầm của con người, bản chất xấu xa của con người đang ngăn cản bản thể của y được nhận ra là thích hợp để bước lên

Thánh Đạo. Tuy nhiên, không một định nghĩa nào trong số các định nghĩa này đem lại một ý tưởng thật đúng.

Ở đây tôi muốn nêu ra rằng (nói chung) bốn cách diễn tả này là bốn trạng thái của một tình trạng chung, đó là kết quả của sự hoạt động – trong thời gian và không gian – của trí tuệ con người. Hoạt động của Trí Tuệ! Hãy suy gẫm câu này vì nó đem lại cho bạn manh mối đưa đến chân lý.

Vấn đề ảo tưởng nằm trong sự thật đó là một hoạt động của linh hồn và là kết quả của trạng thái trí tuệ của mọi linh hồn đang biểu lộ. Chính linh hồn đang bị đắm chìm trong ảo tưởng và linh hồn không nhìn thấy một cách rõ ràng cho đến khi theo thời gian, linh hồn học được cách tuôn đổ ánh sáng của linh hồn vào trí não.

Vấn đề ảo cảm xảy ra khi ảo tưởng của thể trí bị dục vọng làm cho mạnh thêm. Chính cái mà nhà Nghiên Cứu Minh Triết Thiêng Liêng gọi là “kama-manas” (“trí-cảm”) tạo ra ảo cảm. Đó là ảo tưởng trên cõi cảm dục.

Vấn đề ảo lực thật ra cũng giống như trên, cộng thêm hoạt động mãnh mẽ được tạo ra khi cả hai ảo cảm và ảo tưởng được nhận biết trên các cõi phụ dĩ thái. Đó là Tình Trạng Hỗn Độn (Mess) về tình cảm chủ yếu là do thiếu suy tính (vâng, hồi huynh đệ, đó là từ ngữ mà tôi tìm cách dùng) mà đa số nhân loại dường như luôn luôn sống trong đó.

Tổng Quả báo là ảo tưởng-ảo cảm-ảo lực theo cách nhận thức của bộ óc hồng trần và được biết như là những gì phải được vượt qua. Đó là hình tư tưởng gây hoang mang mà vị đệ tử phải đối phó khi tìm cách xuyên thủng ảo cảm đã tích tụ từ bao thời kỳ và tìm được trú sở đích thực của mình ở nơi ánh sáng.

Trên đây, tất nhiên chỉ là các nét khái quát và cũng là kết quả của sự hoạt động của thể trí biết phân tích, nhưng chúng dùng để tượng trưng cho một phần của nỗi khó khăn trong ngôn từ và gọi cho thể trí bạn một hình tư tưởng rõ rệt về những gì mà chúng ta sẽ bàn bạc kỹ hơn sau này.

Đối với các nguyên nhân của tình trạng thế giới này, hồi huynh đệ, những gì mà tôi có thể nói, có gọi cho trí não bạn ý tưởng gì không? Nguyên nhân lùi lại xa ở sau trong tâm thức của “các Thượng Đế bất toàn”. Câu đó thật sự có ý nghĩa gì đối với bạn? Tôi e rằng chỉ một ít thôi. Chúng ta phải đi vào lãnh vực thực tiễn to tát hơn và chỉ bàn đến vấn đề về mặt nó có liên quan đến nhân loại. Sau này, ảo tưởng của hành tinh sẽ được bàn đến một cách vắn tắt, nhưng nỗi khó khăn ngay trước mắt con người và sự đóng góp có ý nghĩa của vị đệ tử ấy là làm tan biến nhiều ảo cảm mà nhân loại bị đắm chìm trong đó, và trong kỷ nguyên Bảo Bình sắp đến, những gì có liên quan đến sự sống cảm dục của nhân loại sẽ tan biến phần lớn. Điểm mà tôi muốn đưa ra ở đây là kêu gọi chú ý đến sự kiện rằng chính trong khi thiên định và trong kỹ thuật kiểm chế thể trí mà các nhà tư tưởng trên thế gian sẽ bắt đầu loại trừ thế giới ảo tưởng. Như vậy, càng chú tâm vào việc thiên 23 định khi gánh nặng của ảo cảm thế gian càng được hiểu rõ và do đó việc hiểu đúng cách thức kiểm chế thể trí rất là cần thiết.

Một điểm khác cần được ghi nhận là trong sự co cụm (crystallisation) của kỷ nguyên vật chất này sẽ có một cơ hội lớn lao để giáng một đòn chí tử vào Tổng Quả báo của hành tinh. Hiện nay, xuyên qua sự khẩn trương của các trường hợp, sự phản ứng đang mang lại sự hiểu biết tâm linh nhiều hơn và việc tái sắp xếp các giá trị của con người và đây là một

phần của tiến trình mà nhờ đó một phần quan trọng của ảo cảm thế gian có thể bị xua tan – chỉ với điều kiện là tất cả những kẻ có thiện chí trên thế giới đều gắn bó với bốn phận đã được ấn định cho họ.

Khi Đức Phật còn tại thế và đạt được sự giác ngộ, Ngài “tuôn đổ” ánh sáng vào nỗi khó khăn của thế gian qua việc Ngài đưa ra Tứ Diệu Đế. Nhóm các đệ tử và chín trăm vị La Hán của Ngài đã trình bày rành rẽ bốn chân lý vĩ đại này thành một cấu trúc của giáo lý và học thuyết mà – bằng sức mạnh của tư tưởng tổng hợp – đã trợ giúp phần lớn trong việc tấn công vào ảo tưởng thế gian. Hiện nay Đức Christ đang xúc tiến cùng một nhiệm vụ vĩ đại này với ý nghĩa tâm linh về sự Tái Lâm sắp đến của Ngài (và bằng ngôn ngữ của biểu tượng học) Đức Christ và chín ngàn vị La Hán sẽ tấn công lần thứ hai vào ảo cảm thế gian. Chúng ta đang chuẩn bị cho việc này. Chỉ có trực giác mới có thể xua được ảo tưởng và do đó cần phải luyện để có trực giác. Do đó việc phụng sự mà bạn có thể mang lại cho lý do chung này là chính bạn dẫn thân vào việc luyện tập. Nếu bạn có thể vượt qua ảo cảm trong các kiếp sống riêng của bạn và do đó, nếu bạn có thể hiểu được bản chất của ảo tưởng thì bạn sẽ giúp vào việc

- a. Hủy diệt kẻ chặn ngõ,
- b. Làm mất sinh khí của ảo lực chung,
- c. Xua tan ảo cảm,
- d. Trục xuất ảo tưởng.

24 Bạn phải làm điều này trong các kiếp sống riêng của bạn và trong mối liên hệ với nhóm. Thêm vào đó sự đóng góp chung của bạn sẽ giúp vào các vấn đề rộng lớn hơn của nhân loại. Sự nhạy bén của trí tuệ, sự giác ngộ của tâm trí, cộng với

lòng bác ái sẽ giúp thành tựu được nhiều điều. Tôi lặp lại việc kêu gọi của tôi về việc phụng sự này.

Trong vài tháng sắp tới, tôi muốn gợi ý cho bạn làm ba điều:

1.- Bằng lời lẽ riêng của bạn và theo kết quả thiền định, hãy định nghĩa sự hiểu biết của bạn về bốn từ ngữ mà tôi đã bàn đến. Tôi đòi hỏi sự phân tích thực sự chứ không phải chỉ có bốn câu định nghĩa. Trước khi bàn rộng về đề tài này, tôi muốn bạn sắp đặt tâm trí của bạn về đề tài đó, bằng cách dùng các định nghĩa để hướng dẫn tư tưởng bạn, tuy nhiên trình bày vấn đề theo như bạn thấy và tìm cách thấy được các dị biệt giữa bốn trạng thái này của ảo cảm thế gian.

2.- Mỗi ngày, với sự thận trọng và có tập trung tư tưởng, đọc lên bài khấn nguyện rất quen thuộc, Bài Khấn Nguyện của Đức Chuông Giáo. Bài Khấn Nguyện đó có nhiều ý nghĩa sâu xa, còn ý nghĩa tầm thường và cũ rích của Cơ Đốc giáo bạn không cần biết đến. Hãy suy gẫm về cách đưa ra chân lý cổ xưa nhất này và giải thích chân lý đó hoàn toàn bằng các thuật ngữ với cách thức xưa tan ảo tưởng. Viết một luận giải về việc đó theo khía cạnh này, chọn từng câu một và xem câu đó như là đang mang lại cho chúng ta bảy chìa khóa đưa tới bí nhiệm loại bỏ ảo cảm. Cách phát biểu (bản chất không phải là lời cầu nguyện) có thể được chia ra như sau:

a.- Khấn nguyện với Thái Dương Tinh Quân.

b.- Bảy câu, tượng trưng cho bảy chìa khóa để xưa tan ảo tưởng.

c.- Xác nhận sau rốt về thiên tính.

Sử dụng trực giác của bạn và dùng tất cả các cái này cho vấn đề ảo cảm và xem coi bạn sẽ đạt được sự hiểu biết gì. Kế

đó ghi lại dưới hình thức sự giải thích hay điều khoản và chúng ta có thể có được nhiều giá trị.

3.- Giữ một bản sao chép về sự ghi nhận ở kỳ trăng tròn và vào lúc cuối tháng sáu, đưa bản sao chép đó ra để phân tích tỉ mỉ và xem xét coi thu hoạch được những gì. Chia sự phân tích của bạn thành các đề mục sau đây và diễn tả sự hiểu biết của bạn về hiện tượng:

a.- Đối với bất cứ sự tiếp xúc thực sự nào.

b.- Đối với bất cứ sự tiếp xúc bằng màu sắc hay hiện tượng nào.

c.- Đối với hiện tượng nào được cảm nhận, nhìn thấy hay nghe thấy.

Chúng ta có thể tiến tới vào ánh sáng vĩ đại hơn và hiểu biết nhiều hơn, và ánh sáng có thể chiếu rọi trên *Con đường thẳng đứng* (vertical Way) của vị đệ tử là lời khấn nguyện và sự mong mỏi của tôi dành cho bạn.



TIẾT MỘT

BẢN CHẤT CỦA ẢO CẢM

Trong các trang trước đây, chúng ta bàn đến một số định nghĩa của các từ (thường được dùng thay thế cho nhau) liên quan đến ảo tưởng và ảo cảm. Chúng ta thấy rằng:

1.- **Ảo tưởng** trước tiên có tính chất trí tuệ và là đặc điểm của cách hành xử bằng trí của những người thiên về trí tuệ hơn tình cảm. Họ đã gạt bỏ được ảo cảm như người ta thường hiểu. Họ phạm vào tội hiểu sai các ý tưởng và các hình tư tưởng và có các giải thích sai lầm.

2.- **Ảo cảm** có tính chất cảm dục, và vào lúc này mạnh hơn ảo tưởng nhiều, do bởi một số lớn người luôn luôn hành động theo thể cảm dục.

3.- **Ảo lực** có tính chất quan trọng và là một tính chất của lực. Về bản thể, đó là năng lượng của con người khi năng lượng đó bắt đầu hoạt động do ảnh hưởng chủ quan của ảo tưởng thể trí hoặc ảo cảm cảm dục hay kết hợp cả hai.

4.- **Tổng Quả báo** luôn luôn có mặt, tuy nhiên bắt đầu hoạt động chỉ trên Con đường Đệ tử, khi người tìm đạo biết được chính mình về mặt huyền linh, biết được các tình trạng đã gây ra bên trong y như là kết quả của ảo tưởng bên trong y, ảo cảm thuộc cõi cảm dục của người ấy và ảo lực bao quanh

toàn thể cuộc sống của y. Hiện giờ với tư cách phàm ngã hợp nhất (và hồi huynh đệ, không một ai trở thành đệ tử trừ phi người ấy phát triển trí tuệ cũng như tình cảm, đó là một điểm
 27 mà người sùng tín thường hay quên) cả ba điều kiện này (với ưu thế về hiệu quả ở thể này hoặc thể khác trong các thể) được nhìn thấy toàn bộ, và đối với cái tổng thể này, thuật ngữ “Tổng Quả báo” được dùng đến. Thực ra, đó là một hình tư tưởng có mang sinh lực – biểu hiện cho sức mạnh trí tuệ, sức mạnh cảm dục và sinh năng (vital energy).

Do đó vấn đề trước mắt tất cả các bạn trong nhóm này trước tiên là học cách :

- 1.– Phân biệt giữa ba trạng thái gây ảo tưởng bên trong.
- 2.– Khám phá được tình trạng gì ở chung quanh hay trong cấu tạo cá nhân gây ra các tình thế khó khăn này.
- 3.– Tìm ra các phương pháp nào có hiệu quả để chặn đứng tình trạng phỉnh lừa gây hoang mang.

Cũng nên nhớ rằng các tình trạng lệch lạc mà tất cả các bạn gặp phải, đều là các phương tiện mà nhờ đó các bạn được điều chỉnh với ảo cảm và ảo tưởng trên cõi trần. Tầm quan trọng được đưa ra trong giáo huấn huyền môn về việc luyện tập và giải thoát của từng người tìm đạo cá biệt. Dĩ nhiên điều này cần thiết vì các cá nhân tạo ra quần chúng, và trong việc giải thoát từ từ ra khỏi sự kiểm chế của các phỉnh lừa bên trong này, sự minh giải sau cùng sẽ đến với nhân loại. Do đó, mỗi thành viên trong nhóm này cần phải làm việc riêng rẽ và tách riêng với chính mình, và học cách tạo ra các điều kiện sáng suốt và chân thật để vượt qua các nhịp điệu cổ xưa và các thói quen đã ăn sâu, như vậy từ từ thanh lọc vầng hào quang. Nhưng hiện giờ điều này phải được làm *với tư cách một nhóm* và nhóm này tạo thành một trong các nhóm ngoại môn đầu

28 tiên được dự kiến hoạt động trong kỷ nguyên mới. Nhờ sự hoạt động của các nhóm như thế, ảo cảm thế gian sẽ bị xua tan, nhưng trước hết, người tìm đạo phải học cách xử trí với ảo cảm cá nhân và ảo cảm tập thể. Cần nên nhớ ba điều sau đây. Tôi sẽ nói vắn tắt và chuyên sâu về nhóm này, vì tôi có ít thì giờ, còn bạn có được kiến thức chuyên môn thích hợp để hiểu được những gì tôi nói đến.

Thứ nhất, hào quang hợp nhất của các thành viên trong nhóm bao giờ cũng xác định tình trạng của nhóm, hoạt động của nhóm, sự hữu ích, nổi khó khăn và ảo cảm của nhóm. Do đó nảy sinh ra trách nhiệm riêng của nhóm và sự hữu ích của cá nhân. Mỗi người trong các bạn hoặc ngăn cản, hoặc trợ giúp cho nhóm, tùy theo tình trạng hào quang của mình, chúng hoặc là thuộc vào tình trạng ảo cảm hoặc ảo tưởng, hoặc là tương đối thoát khỏi các tình trạng này.

Thứ hai, công việc đầu tiên mà mỗi người trong các bạn phải làm là định rõ vấn đề đặc biệt của riêng mình. Khi đưa ra cho bạn các giáo huấn riêng cho từng người, tôi sẽ đề cập với bạn trong giáo huấn này, xem đâu là khuynh hướng đặc biệt theo chiều hướng này có trong mỗi người của các bạn và xem coi đó có phải là ảo cảm, ảo tưởng hoặc ảo lực mà các bạn thường mắc phải hay không. Tôi sẽ bàn đến một cách trực tiếp vì tôi đã trải nghiệm sự thành tâm của bạn và tin vào sự quyết tâm muốn học hỏi chân lý của bạn. Khi mỗi người đã xác định được bản chất đặc biệt của vấn đề riêng biệt của mình, lúc bấy giờ bạn có thể hoạt động một cách tự do hướng về việc giải quyết vấn đề đó – một cách tự do, hời huynh đệ, không cần sự nhanh chóng, mà cần sự cẩn thận và đề phòng đầy đủ và với sự hiểu biết đúng đắn.

Thứ ba, bạn phải nhớ rằng khi xem xét cá nhân thuộc bất cứ nhóm nào trong các nhóm này, tôi có thể đồng thời đánh giá tính chất của toàn thể nhóm. Mức độ ánh sáng nội tâm có thể tỏa chiếu và làm cho ánh sáng đó hiện ra trong hào quang của bạn có thể được tôi nhận biết và cho tôi thấy được sức mạnh, hiệu quả cũng như tiềm lực của ảnh hưởng cá nhân của nhóm vì hào quang tích cực phụ giúp cho hào quang tiêu cực. Những gì cần có là sự kết hợp của hào quang tích cực, phụ thuộc một cách có cân nhắc vào công việc của nhóm. Khi bạn 29 đối phó với ảo tưởng, khi để cho trí não mình thoát khỏi ảnh hưởng của ảo tưởng và khi bạn xua tan ảo cảm thuộc cõi cảm dục mà tất cả các bạn đều ít hay nhiều còn bị ngập chìm trong đó, bạn sẽ đi vào một lãnh vực sinh hoạt rộng lớn hơn và hữu ích hơn. Khi ảo lực của các luồng năng lượng bị lệch đi không còn lôi cuốn bạn vào các đường lối hoạt động không được ưa thích nữa, ánh sáng nội tại nơi bạn sẽ chiếu ra tỏ rạng hơn nhiều. Một cách ngẫu nhiên, tổng quả báo sẽ tan biến từ từ và một cách chắc chắn để cho con đường dẫn đến cửa Điểm Đạo của bạn được thông suốt và không còn bị ngăn trở nữa.

Những người có hạ trí phát triển mạnh đều lệ thuộc vào ảo tưởng. Ảo tưởng này thực ra là một tình trạng mà trong đó người tìm đạo rõ ràng là bị chi phối bởi:

1.- Một hình tư tưởng có sức mạnh đến nỗi nó làm được hai việc:

a.- Kiểm soát hoạt động hay thành quả sự sống.

b.- Làm cho người tìm đạo hòa hợp vào các hình tư tưởng của quần chúng vốn có bản chất tương tự và do những người khác tạo ra dưới sự chế ngự của một ảo tưởng tương tự.

Dưới trạng thái tồi tệ nhất, hình tư tưởng này tạo ra sự điên loạn cho tâm trí tức là *sự ám ảnh*, còn với hậu quả bình thường và ít nguy hiểm hơn, nó tạo ra kẻ cuồng tín. Kẻ cuồng tín thường thường – cho dù y hiểu được điều đó hay không – là kẻ bị hoang mang, y có ý tưởng mạnh mẽ thuộc loại này hoặc loại khác, nhưng hoàn toàn không thể hòa nhập ý tưởng đó vào hình ảnh thế gian; cần tạo ra các thỏa hiệp cần thiết và thường hướng về mặt thiêng liêng, các thỏa hiệp này (compromises) sẽ giúp ích rất nhiều cho nhân loại; cần tìm ra thời gian hoặc nơi chốn cho các thực tại ở trong tầm hiểu biết tự nhiên của nhân loại.

30 2.– Khi một người có trình độ tiến hóa cao thì ảo tưởng thuộc thể trí được tạo ra chung quanh một trực giác rõ ràng và trực giác này được thể trí cụ thể hóa cho đến khi nó hiện ra thực đến nỗi kẻ tin tưởng thấy được một cách rõ ràng những gì sẽ được làm hoặc đưa ra cho thế gian mà y dùng hết thì giờ bằng cố gắng một cách cuồng nhiệt để làm cho kẻ khác cũng thấy điều đó. Như vậy cuộc đời của y trôi qua trên đôi cánh của ảo tưởng và kiếp sống đó của y là một kiếp sống tương đối vô ích. Trong một vài trường hợp hiếm hoi, sự phối hợp của trực giác và hoạt động trí tuệ tạo ra siêu tài trong một số lãnh vực; nhưng bấy giờ không có ảo tưởng nào cả mà chỉ có sự suy tư rõ ràng, đi đôi với một khí cụ được rèn luyện trong lãnh vực hay nơi chế luyện đặc biệt đó.

3.– Những hạng người có trí óc bậc trung và kém cỏi thì chịu khuất phục trước lãnh vực ảo tưởng chung và ảo tưởng của quần chúng. Cõi trí có một loại lệch lạc khác hẳn với lệch lạc của cõi cảm dục và cõi dĩ thái. Khả năng phân biệt đang được phát triển đã tạo ra các giới tuyến sắc bén, thay vì là lớp sương mù dày đặc của cõi cảm dục hay các luồng xoáy thủy

triều và các luồng năng lượng của cõi dĩ thái, còn trên cõi trí, chúng ta có các khối hình tư tưởng sắc bén có tính chất, âm điệu và cung bậc đặc biệt; chung quanh đó, là các hình tư tưởng thứ yếu tập hợp lại, do những kẻ đáp ứng với các hình tư tưởng này tạo ra và đáp ứng với âm điệu, tính chất và cung bậc của họ. Lúc bấy giờ những cái giống nhau hiện ra tạo thành các vận hà hay đường thông thương cho mãnh lực thu hút của các hình tư tưởng mạnh mẽ hơn. Các khoa thần học cổ dưới lớp áo hiện đại, gắn bó với các cách trình bày chân lý nửa vói, sự suy tư thô thiển của các nhóm khác nhau trên thế giới và nhiều cội nguồn xuất phát tương tự – qua các thời đại – đã tạo ra thế giới ảo tưởng và các trạng thái hạ trí này đã giam hãm nhân loại trong các quan niệm và tư tưởng sai lầm. Các ảo tưởng do tư tưởng tạo ra này nhiều đến nỗi hậu quả là trên thế giới ngày nay đã có một phân chia chung của nhân loại thành các trường phái tư tưởng khác nhau (triết học, khoa học, tôn giáo, xã hội học vv...) thành nhiều môn phái và nhóm, tất cả đều bị nhuộm màu bằng một ý tưởng tương đồng, tạo thành các nhóm lý tưởng gia chống đối lẫn nhau nhân danh các quan niệm được ưa chuộng của họ, và tạo thành hàng vạn

31 kẻ tham dự trong hoạt động trí tuệ tập thể. Những kẻ này ngày nay đang tạo ra nền văn học trên thế giới, qua đó các đường lối trên thế giới bị nhuộm màu; do đường lối của họ mà các nhà lãnh đạo trên thế giới nhận được hứng cảm; và vào lúc này họ đang chịu trách nhiệm cho đa số các thực nghiệm trong lãnh vực cai trị, giáo dục và tôn giáo, vốn đang tạo ra rất nhiều ảo tưởng trên cõi đời.

Do đó, vào lúc này các nhà tư tưởng cần tự luyện tập theo quan điểm trí tuệ đó và nhất tâm là xa cái nguy hiểm của việc tiếp nhận thụ động, đồng thời đáp ứng với hứng cảm trực

giác cao siêu. *Người ta cần kẻ trung gian để diễn đạt ý tưởng chứ không cần kẻ đồng cốt.*

Các mẫu người thiên về tình cảm đáp ứng một cách dễ dàng với ảo cảm thế gian và với ảo cảm tự họ gây ra và truyền lại từ cá nhân của riêng họ. Đa số con người thuần túy thiên về tình cảm, thỉnh thoảng mới có lóe lên một vài hiểu biết thực sự của trí tuệ, nhưng hồi huynh đệ, việc đó rất ít khi xảy ra và thường là hoàn toàn không có. Ảo cảm được ví như là đám sương mù mà người tìm đạo đang đi lạc trong đó và sương mù ấy làm lệch lạc tất cả những gì mà y trông thấy và tiếp xúc, lúc nào cũng không cho y thấy được cuộc sống một cách đích thực hay rõ rệt hoặc các tình huống chung quanh người tìm đạo theo đúng bản chất của chúng. Khi người tìm đạo tiến hóa được ít nhiều, y sẽ biết được ảo cảm và đôi khi trong một thoáng chốc, thấy được phương hướng mà y đi theo, có thể ẩn tàng chân lý. Nhưng lúc đó ảo cảm lại chụp xuống y và y mất hết sức mạnh để tự giải thoát hay để làm bất cứ điều gì có tính cách xây dựng. Vấn đề của y trở nên phức tạp hơn do kết quả của đau khổ và sự kinh tởm sâu xa với chính mình. Bao giờ y cũng bước đi trong đám sương mù và không thấy được gì thật đúng cả. Y bị phỉnh gạt bởi cái bề ngoài và quên đi những gì mà cái bề ngoài đó đang che giấu. Các phản ứng phát xuất từ cõi cảm dục mà mỗi con người tạo ra bao giờ cũng vây quanh người ấy và y nhìn vào một thế giới đã bị biến dạng do bởi đám sương mù này. Các phản ứng này và hào quang vây quanh mà chúng tạo ra, đang pha trộn và hòa lẫn với ảo cảm thế gian và sương mù, tạo thành một phần khí độc và các bức xạ (emanations) không lành mạnh mà đa số con người trong hàng triệu năm qua phải chịu trách nhiệm.

Tôi xin nói thêm rằng, vào thời Lemuria, con người tương đối ít biết đến ảo cảm và ảo tưởng. Không có các phản ứng của hạ trí và chỉ có ít đáp ứng tình cảm đối với môi trường chung quanh. Phần lớn nhân loại đều là những con vật hành động theo bản năng. Vào thời Atlantis, ảo cảm bắt đầu xuất hiện, và từ thời đó, nó từ từ lắng đọng xuống cho đến ngày nay khi Thánh Đoàn nhìn thấy nhân loại có vẻ bước vào hố sâu và thường xuyên thay đổi mật độ của các trào lưu, chúng che giấu và làm biến dạng mọi vật, chúng cuốn tròn các con của nhân loại và ngăn không cho nhân loại thấy đúng bản chất Ánh Sáng. Mọi điều này trở nên rõ rệt hơn khi người ta nhớ rằng các giới khác trong thiên nhiên đều tương đối không bị ảo cảm và ảo tưởng. Trong giống dân Aryan của chúng ta, ảo tưởng của thế gian đang gom lại sức mạnh và từ từ xuất hiện thành nhận thức trong tâm thức của nhân loại và đây là một điểm thực sự có lợi, vì những gì được nhận biết, bây giờ có thể được vận dụng một cách sáng suốt nếu có được ý chí để làm như thế. Ngày nay ảo tưởng mạnh đến nỗi một ít người dù có thể trí phát triển bất cứ cách nào nhưng đều bị kiềm chế bởi các hình tư tưởng lừa dối to lớn này, chúng có cội rễ và thu hút sinh lực từ cuộc sống phàm ngã thấp kém và bản chất ham muốn của đa số con người. Cũng nên nhớ một điều lý thú liên quan đến chủng tộc Aryan là các hình tư tưởng này cũng rút sinh lực từ *lãnh vực tư tưởng*, nhưng của các ý tưởng nhận thức bằng trực giác sai lầm, rồi hiểu và bị thôi thúc để phụng sự các mục đích ích kỷ của con người. Các hình thức của chúng được thể hiện thành hoạt động bằng năng lực sáng tạo ngày càng tăng của nhân loại và phụ thuộc vào các ước

33 muốn của con người qua việc sử dụng ngôn từ với sức mạnh của nó để hạn chế và làm lệch lạc đi. Mặt khác ảo tưởng cũng

tuôn đổ xuống mạnh mẽ hơn nếu là trường hợp do cố gắng của nhiều người cùng tin theo chủ nghĩa lý tưởng muốn áp đặt các hình tư tưởng lệch lạc này vào thể trí của quần chúng. Điều này tạo thành một trong các vấn đề chủ yếu mà Thánh Đoàn ngày nay phải lưu tâm đến; đó cũng là một trong các nhân tố đầu tiên mà Chân Sư phải xem xét có liên quan đến bất cứ người tìm đạo và đệ tử nào.

Như chúng ta đã thấy, ảo cảm có từ lâu đời và sớm hơn ảo tưởng. Ảo cảm có ít tính chất trí tuệ và là nhân tố chính đang chi phối đa số con người. Mục đích của mọi luyện tập được đưa ra trên Con Đường Đệ Tử và đến tận lần điểm đạo thứ ba là đem lại sự suy tưởng rõ ràng, nó sẽ làm cho vị đệ tử thoát khỏi ảo tưởng và mang lại cho y sự ổn định và thăng bằng về tình cảm để không còn chỗ trống nào cho bất cứ ảo cảm nào của thế gian đi vào. Sự tự do này chỉ có được khi nơi người tìm đạo không còn ảo cảm cá nhân nào và không có sự đáp ứng tự dẫn dụ một cách cố ý đối với các nhân tố quyết định vốn đã tạo ra ảo cảm suốt bao thời đại. Chúng ta sẽ bàn đến các nhân tố này sau.

Ảo lực là kết quả của ảo cảm lẫn ảo tưởng. Khi có ảo lực, nó hàm ý có một phạm ngã hội nhập và do đó có khả năng để điều hợp vào ảo tưởng ở cõi trí và ảo cảm ở cõi cảm dục. Khi nào xảy ra tình trạng này thì vấn đề của vị đệ tử là một vấn đề to tát nhất trên thế gian. Cái tạo ra nỗi khó khăn đầu tiên của bất cứ đệ tử nào chính là sự thật mà bãi chiến trường của kiếp sống của y có liên quan đến mọi khía cạnh của bản chất y. Toàn bộ con người đều dính dáng vào đó. Về mặt kỹ thuật, từ ngữ Ảo Lực chỉ nên dùng trong hai trường hợp:

1.- Khi đề cập đến sự kết hợp ảo cầm – ảo tưởng vào những gì mà một người vốn là phạm ngã hợp nhất sẽ đáp ứng.

34 2.- Khi nói đến các giới hạn của Hành Tinh Thượng Đế của hành tinh chúng ta.

Trong các điểm lưu ý nói trên, tôi đã đưa ra cho bạn nhiều chất liệu để suy gẫm – không những đối với các khó khăn riêng của bạn (vì tất cả các bạn đều lệ thuộc vào các tình trạng này), mà tôi cũng chỉ ra cho bạn thấy bản chất của ảo cầm là gì. Từ ngữ được dùng trong mọi kinh sách và giáo lý huyền môn để chỉ các tình trạng đang bị biến đổi theo chính các từ ngữ ảo lực, ảo tưởng và ảo cầm. Sau này tôi sẽ đưa ra cho bạn một số giáo lý về các nguyên nhân của ảo cầm và các phương pháp làm tan biến ảo cầm. Nhưng ở đây hiện giờ tôi đã đưa ra cho bạn đủ rồi, vì tôi muốn các bạn hãy suy gẫm về các ý tưởng này trong vài tháng tới đây và học được ít nhiều ý nghĩa của các từ ngữ này mà bạn đang dùng rất vội vã. Hãy dùng sự phân biện để xem xét chính bạn và cuộc sống hằng ngày của bạn để bạn học được cách phân biệt giữa ảo cầm, ảo tưởng với ảo lực. Hãy xem xét coi bạn có thể tìm ra hình thức mà Kẻ Chận Ngõ riêng của bạn cũng dùng khi bạn gặp xung khắc với nó; nếu bạn làm giống như vậy đối với các huynh đệ trong nhóm của bạn và cho nhu cầu trước mắt của thế gian, bạn sẽ không mất thì giờ trong việc thanh lọc thể cảm dục và giải thoát thể trí của bạn.

Tôi muốn bạn nghiên cứu các chỉ dẫn này một cách đặc biệt thận trọng, vì tôi dành thì giờ và không quản khó khăn vào những ngày bận rộn này để đáp ứng cho nhu cầu của bạn và để mang lại nhiều ánh sáng theo khả năng tôi, mà không

xâm phạm vào tự do ý chí của bạn, để đáp ứng cho nhu cầu của bạn và làm thông suốt con đường phụng sự của bạn.

35 Tôi cũng xin gợi ý rằng bạn nên tìm ra tất cả những gì bạn thấy có thể liên quan đến đề tài bị hiểu lầm nhiều về hào quang: tìm ra những gì mà trong các sách của tôi có nói đến và trong các văn liệu còn lưu lại trong bất cứ thư viện huyền học có giá trị nào. Tôi không tìm cách chép lại các đoạn văn ấy trừ một công thức cần cho sự hiểu biết của bạn để cho bạn có thể trả lời các câu hỏi một cách rõ ràng. Có ba câu hỏi chính như sau :

1.- Hào quang là gì và nó xuất hiện ra sao ?

2.- Hào quang có thể tạo thành môi trường cho ánh sáng ra sao, còn ánh sáng chiếu qua hào quang được làm cho mạnh thêm như thế nào ?

3.- Bạn có ghi nhận được những hiệu quả gì mà hào quang riêng của cá nhân bạn tạo ra ở chung quanh bạn và bạn có thể cải thiện hiệu quả đó như thế nào ?

Điều này sẽ cho phép bạn đem áp dụng một cách thực tiễn những gì mà tôi tìm cách giảng dạy cho bạn. Đừng quên rằng khi bạn nhìn ra thế giới và môi trường quanh bạn, ấy là bạn nhìn xuyên qua hào quang của bạn và do đó phải đối phó với ảo cảm và ảo tưởng.

Thêm ba câu hỏi nữa mà bạn có thể đặt ra cho chính bạn, hướng về lối thoát trong ánh sáng linh hồn của bạn :

1.- Trước tiên tôi đau khổ do ảo cảm hay ảo tưởng?

2.- Tôi có biết tính chất hay đặc điểm nào trong bản chất của tôi làm cho tôi dễ dàng điều hợp vào ảo cảm hoặc ảo tưởng thế gian chăng ?

3.- Tôi có đạt được mức mà tôi có thể nhận biết Tổng Quả riêng của tôi và tôi có thể nói nó có hình dạng gì ?

Với tư cách cá nhân và cũng với tư cách một nhóm, những gì mà bạn có thể thực sự học được ý nghĩa của sự tự tri đích thực và như thế học cách trụ tại trong bản thể tâm linh, ngày càng thoát khỏi ảo cảm và ảo tưởng, là việc khẩn nguyện của huynh đệ và đạo hữu của bạn, tức là những kẻ dành con đường vượt qua lãnh vực ánh sáng vĩ đại hơn...

36 Trong sáu tháng qua, bốn thành viên của nhóm các đạo sinh này đã đang chống lại ảo cảm trong các kiếp sống của riêng họ và đa số chỉ thành công phần nào. Tôi dẫn chứng điều này bởi vì trong một nhóm thực hành như nhóm này, đoán trước tình hình như thế là một điều tốt; việc đấu tranh như thế đương nhiên sẽ xảy ra, bởi vì chỉ những gì được biết bằng thực nghiệm mới đích thực là vốn liếng của vị đệ tử. Trước kia tôi có đề cập đến sự kiện là một phần kế hoạch của Thánh Đoàn bao gồm việc khởi đầu của các nhóm nhỏ như nhóm này mà mục tiêu rõ rệt là cung cấp phương tiện linh hoạt nhờ đó ảo cảm thế gian – ngày nay rất mạnh và ăn sâu – có thể bị xua tan đi.

Chưa đến lúc bàn đến ảo tưởng thế gian ở mức độ rộng lớn, vì nhân loại chưa xứng hợp về mặt trí tuệ, cũng như ảo tưởng (như tôi có nói, ảo tưởng chính là hậu quả rõ rệt nhất của việc diễn dịch sai các ý tưởng) chưa đạt đến đỉnh cao của nó. Nhưng đã đến lúc chọn các bước đầu tiên để xua tan ảo cảm, và giữ cho việc ảo cảm tác động vào nhân loại sẽ nhẹ bớt đi một cách đáng kể trong tương lai. Do đó, hiện nay việc tập thực hành được đưa ra trong nhóm này trong các kiếp sống riêng của họ; đó cũng là giáo huấn được dự kiến đưa ra sau

này cho tập thể – nếu có cơ hội – sẽ cho phép họ giúp vào việc công phá có phối hợp có sắp xếp vào ảo cảm thế gian. Hồi huynh đệ, do đó nhờ vật lộn với các khó khăn riêng của bạn theo các đường lối này, với cách này bạn sẽ có được khả năng trong việc phân biện, trong hành động chính xác rõ ràng và trong sự hiểu biết đã được củng cố.

37 Trong tiến trình xua tan ảo cảm, cách có hiệu lực nhất là hiểu được việc cần phải hành động một cách thuần túy như là một đường vận chuyển năng lượng của linh hồn. Nếu vị đệ tử có thể tạo sự chinh hợp đúng và sau đó tiếp xúc với linh hồn của mình, thì kết quả cho thấy là *ánh sáng ngày càng tăng*. Ánh sáng này tuôn đổ xuống và chẳng những soi sáng thể trí mà còn soi sáng ý thức lúc tỉnh thức nữa. Vị đệ tử thấy được tình huống một cách rõ ràng hơn: y hiểu được mặt thật của trường hợp khi đi ngược với “các tưởng tượng vô ích” của y; và thế là “ánh sáng tỏa chiếu trên con đường của y”. Y chưa thể thực sự thấy được trong các tâm mức ý thức rộng lớn hơn; dĩ nhiên ảo cảm của nhóm và ảo cảm của thế gian cho đến nay đối với y vẫn còn là một bí ẩn trói buộc và gây hoang mang, nhưng con đường trước mắt của riêng y bắt đầu thông thoáng và y tương đối thoát khỏi đám sương mù của khí độc của tình cảm lệch lạc và xưa cũ của y. Sự chinh hợp, tiếp xúc với linh hồn mình và kể đó sự vững chãi là các chủ âm đưa đến thành công.

Do đó, điều sẽ trở nên hiển nhiên đối với bạn là các nhóm nhỏ như nhóm này, nếu được thiết lập trong các xứ và các thành phố khác nhau và nếu thành công trong các hoạt động riêng rẽ của các nhóm đó, thì có thể đóng góp một phần vô cùng hữu ích. Các nhóm như thế sẽ có hai khía cạnh đối với nỗ lực của họ. Họ phải đấu tranh với ảo cảm của nhóm; ảo

cảm này tất nhiên đang len lỏi vào sự sống của nhóm qua phương tiện đó là các thành viên của nhóm. Các ảo cảm cá nhân kết hợp của họ đưa đến cánh cửa mở rộng qua đó ảo cảm của nhóm có thể tiến vào. Một thí dụ của điều này có thể được nhận ra trong nhóm này, khi ảo tưởng xâm nhập vào qua trung gian của L.T.S-K., và lôi cuốn I.B.S. vào trong xoáy lực của nó. May thay là ảo cảm bị vượt qua, để lại cho bạn mọi sự phong phú và đoàn kết hơn nhờ việc trụ lại mạnh mẽ trong tình thương của các thành viên khác trong nhóm. Tôi nhắc đến L.T.S-K. và I.B.S. về việc họ thọ ơn sâu đối với tình thương của các huynh đệ họ. Tình thương của nhóm đã che chở cho hai người này. I.B.S. đã vượt qua chặng đường dài trong việc làm cho chính bà thoát khỏi một số trạng thái ảo cảm. L.T.S-K. cũng được thanh thoi hơn, nhưng vẫn còn nhiều điều phải làm. Người thuộc cung ba luôn luôn gặp khó khăn trong việc phát triển trực giác. Sự khôn khéo sâu sắc *bề ngoài* của khoa học quanh co và lôi cuốn so với trí thông minh có sẵn trong vấn đề, thường ngăn chặn lối vào của minh triết chân chính và của thể trí giác ngộ. Cách đây sáu tháng tôi cảm thấy rằng có lẽ L.T.S-K. không thể tự mình thoát ra khỏi ảo cảm mà y quen bước vào. Ngày nay thêm một ít ánh sáng tỏa chiếu trên con đường của y và nếu y có thể tự mình thoát khỏi các hình tư tưởng tự tạo ra của y, thì y có thể đạt mức tiến bộ cần thiết.

Khi ảo cảm của nhóm được xua tan phần nào và nhóm có thể bước đi trong “Con Đường Giác Ngộ” một cách tự do, bây giờ sẽ đến lúc mà nhóm có thể được huấn luyện về sự *chỉnh hợp của nhóm, tiếp xúc của nhóm và sự kiên định của nhóm*. Bây giờ có thể bắt đầu nhiệm vụ rõ rệt và khoa học đó là tấn công vào ảo cảm thế gian. Trong nhóm đặc biệt này, cần nhắc

nhờ rằng đây là một phần của hoạt động mà hiện giờ đang được một số người trong Nhóm Người Mới Phụng Sự Thế Gian đảm trách. Trên thế giới nhờ nhấn mạnh vào một số ý tưởng căn bản như là thiện chí, sự tương thuộc lẫn nhau mà nhiều điều đang được thực hiện để xua tan ảo cảm mà con người trên cõi trần đang bước vào. Không phải chức năng của mọi kẻ phụng sự là góp phần vào việc công kích một cách ồ ạt vào ảo cảm thế gian mà hiện giờ đang xảy ra. Mỗi người đều phải đối phó với ảo cảm trong cuộc sống riêng của mình, nhưng nhiệm vụ và hoạt động thì khác hẳn. Công việc của bạn là công việc của những nhà quan sát được huấn luyện và việc huấn luyện đó chiếm nhiều thời gian. Hiện nay, nhiều người trong các bạn không nhận biết được ảo cảm khi gặp nó và khi nó bao vây lấy bạn. Chỉ bằng vào các hiệu quả của nó mà sau rốt bạn biết được ảo cảm là gì. Phải đến lúc mà tiến trình quan sát của bạn nhảy bén đến nỗi bạn sẽ nhận biết được nó dưới bản chất đích thực của nó trước khi nó nhận chìm nuốt chửng bạn, và tạo ra các tình trạng khiến cho bạn phải nói như sau: “Tại sao tôi để cho chính tôi bị ảo cảm? Tại sao tôi bị đánh lừa như thế?”

Ở điểm này tôi mong làm được hai điều: Tôi tìm cách phác thảo một cách cẩn thận hơn điều bàn bạc này hay bàn đến một cách vắn tắt về ảo cảm, để cho các ý tưởng của chúng ta có thể được trình bày một cách rõ ràng, và bạn sẽ có một sách chỉ dẫn để tham khảo sau này, sách đó sẽ dùng để hướng dẫn nhóm của bạn và các nhóm tương tự theo đường lối hoạt động đúng đắn. Hai là tôi muốn tóm lược phần nào các điều mà tôi đã đưa ra để làm phong phú cho sự hiểu biết của bạn về các giai đoạn khác nhau của ảo cảm thế gian. Đối với ảo cảm thế gian này, thể trí biết phân tích phải chia thành các giai

đoạn riêng biệt gọi là Áo Tường, Áo cầm, Áo Lực, và hình tư tưởng tổng hợp đó được tìm thấy trên Con Đường Đệ Tử, đã được một số trường phái huyền linh gọi là Tổng Quả / Tổng Quả báo/Kẻ Chận Ngõ (Dweller on the Threshold).

Hỡi huynh đệ, theo như các bạn sẽ thấy, chính chúng tôi đã đưa ra chủ đề rộng lớn này, cần phải vận dụng thận trọng. Nhiệm vụ của tôi là nhiệm vụ khó khăn, vì tôi viết cho những kẻ vẫn còn bị các trạng thái ảo cảm khác nhau nắm giữ và thường thường do ảo cảm và ảo lực thứ yếu. Tuy nhiên, ảo tường chưa đóng đủ vai trò của nó còn Tổng Quả ít khi được hiểu đúng. Ở đây tôi muốn nhắc nhở các bạn về một sự kiện huyền linh kỳ diệu và tôi sẽ đòi hỏi các bạn nỗ lực để hiểu những gì tôi nói đến. Tổng Quả chỉ lộ ra khỏi đám sương mù ảo tường và ảo cảm khi vị đệ tử đến gần Cánh cửa Sự Sống. Chỉ khi nào vị đệ tử có thể bắt được những tia sáng mờ mờ của cánh cổng Điểm Đạo và một tia chớp thỉnh thoảng lóe lên từ Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục, tức Vị đang đứng chờ cạnh cửa đó, thì đệ tử mới có thể hiểu được nguyên lý của nhị nguyên tính đang biểu hiện cho y nơi Tổng Quả và Thiên Thần. Bạn có hiểu tôi đang nói đến điều gì không? Cho đến nay, lời lẽ của tôi chỉ cho bạn thấy một cách tượng trưng một tình trạng và biến cố trong tương lai. Tuy nhiên, chắc chắn là sẽ đến ngày mà bạn có được ý thức đầy đủ giữa các biểu tượng này của các cặp đối hợp, với Thiên Thần ở bên phải, còn Tổng Quả ở bên trái. Lúc bấy giờ mong cho bạn có được sức mạnh để giúp bạn tiến thẳng đến giữa hai đối thủ này, tức là kẻ mà từ lâu đã tạo xung đột trong môi trường sống của bạn, và nhờ thế bạn mới có thể tiến vào Bản Lai Diện Mục đó nơi mà cả hai được thấy như một và không còn gì khác ngoài sự sống và Đấng Thiêng Liêng (deity).

Để tóm tắt một số thông tin mà tôi đã đưa ra cho bạn liên quan đến bốn trạng thái của ảo cảm, tôi xin đưa ra bảng liệt kê sau đây để bạn xem xét kỹ càng.

Chú ý:

1.- Ý thức ban sơ về **ảo lực** xuất hiện vào thời Lemurian, nhưng không có ảo cảm và ảo tưởng thực sự.

2.- **Ảo cảm** xuất hiện vào đầu thời Atlantis.

3.- **Ảo tưởng** xuất hiện trong số những người tiến hóa vào cuối thời Atlantis và sẽ là nhân tố chi phối trong giống dân Aryan của chúng ta.

4.- **Tổng Quả** hiện ra với đầy đủ sức mạnh vào cuối giống dân Aryan này và trong các kiếp sống của mọi điểm đạo đồ trước khi được điểm đạo lần thứ ba.

5.- Trong thiên nhiên, các giới dưới nhân loại đều không bị ảo cảm và ảo tưởng, mà chỉ bị chìm đắm trong ảo lực của thế gian.

6.- Đức Phật và chín trăm vị La Hán của Ngài đã giáng xuống cú đánh đầu tiên vào ảo cảm thế gian khi Ngài đưa ra Tứ Diệu Đế của Ngài. Đức Christ giáng xuống cú thứ hai với việc rao giảng của Ngài về bản chất của trách nhiệm cá nhân và về tình huynh đệ. Cú đánh kế tiếp sẽ do Nhóm Người Mới Phụng Sự Thế Gian đưa ra dưới sự hướng dẫn của Đức Christ và các tông đồ của Ngài, được mô tả một cách tượng trưng là “Đức Christ và chín ngàn đệ tử được điểm đạo của Ngài”.

7.- Bốn chủ âm để giải quyết vấn đề ảo cảm là :

Trực giác.....Giác ngộ....Linh hứng...Thiên Thần của Bản Lai Diện mục.

Các trạng thái của ảo cảm

Tên gọi	Cõi	Đối cực	Mục tiêu	Chiến trường	Phương Pháp (Technique)
Ảo tưởng (Illusion)	Hạ trí	Trực giác. Nhận thức Tâm linh	Xua đuổi	Con đường điểm đạo. Thế giới ý niệm	Trầm tư bằng linh hồn
Ảo cảm (Glamour)	Cảm dục. (Tình cảm)	Giác ngộ. Tỉnh tâm. Linh thị	Làm tan biến	Con đường đệ tử	Thiền định. Giữ thể trí ổn định trong ánh sáng
Ảo lực (Maya)	Dĩ thái	Linh hứng	Làm mất sinh khí	Con đường dự bị. Thanh luyện	Huyền linh học. Vận dụng sức mạnh
Tổng Quát báo	Hồng trần. Ý thức tĩnh thức	Thiên thần của Bản Lai Diện Mục	Phân biệt	Phạm ngã hội nhập	Nhất quán. Kết thúc trạng thái nhị nguyên

Tôi muốn kêu gọi các bạn lưu ý đến sự kiện là toàn bộ vấn đề tự nó có liên quan đến việc lạm dụng sức mạnh hay năng lượng và nhiều điều sẽ trở nên rõ ràng trong trí bạn nếu bạn hiểu được ba điều:

1.- Trong đời sống hằng ngày, kẻ thường nhân và người tìm đạo trên Con Đường Dự Bị hay Thanh Luyện, sẽ hoạt động với các mãnh lực của sự sống trên ba cõi nỗ lực của nhân loại, cộng thêm nguyên khí của chính sự sống.

2.- Vị đệ tử bắt đầu phân biệt giữa các lực (forces) với năng lượng (energy). Trên Con Đường Đệ Tử y bắt đầu hoạt động với năng lượng linh hồn. Sau rốt, năng lượng này điều khiển các lực.

3.-Trên Con Đường Điểm Đạo, vị đệ tử được điểm đạo (tức đạo đồ) hoạt động với năng lượng và học cách phân biệt giữa năng lượng của sự sống, tức các năng lượng của linh hồn với các lực của cõi hiện tượng.

Ở đây cũng có một điểm khác nữa cần được nhấn mạnh, đó là bản chất của các lực và các năng lượng này, việc sử dụng và kiểm chế chúng luôn luôn phải được hiểu rõ và tiến hành với ý thức đầy đủ trên cõi trần. Lý thuyết phải trở thành thực hành, còn trận chiến xảy ra trên các cõi phụ tinh anh của cõi cảm dục và cõi hạ trí *phải* được hiểu rõ trong ý thức tinh thức. Chính ở nơi đó mới áp dụng được. Khi các nhận thức và các hoạt động bên trong này trở thành những phần thiết thực của sự sống người đệ tử và các hậu quả của chúng trở nên rõ ràng đối với nhận thức của đệ tử trong tâm thức đang thức tỉnh, thì theo thời gian, chúng tạo thành một phần của bản chất của vị đệ tử. Thực ra đệ tử này đang hòa nhập và tổng hợp kinh nghiệm trong ba cõi thấp và đang trở thành

43 một Chân Sư nhờ việc chế ngự có ý thức. Y hiểu được sự thực là tất cả những gì hiện ra và tất cả những gì xảy đến đều do sự lưu chuyển và biến đổi không ngừng của lực. Bây giờ y khám phá ra cách mà các lực này tác động lẫn nhau trong kinh nghiệm và bản chất riêng của y như thế nào và bây giờ hiểu được sự kiện căn bản là chính y có thể sử dụng và chế ngự chỉ các mãnh lực này trong cuộc sống riêng của y với tư cách một cá nhân, có thể được chính y vận dụng trong hoạt động của nhóm và được dùng trong việc xua đi ảo cảm của thế gian. Có thể diễn tả bằng minh họa như sau:

1.- Nhờ sự chinh hợp và tiếp xúc sau đó, trực giác được khơi hoạt, đánh thức và sử dụng. Đây là tác nhân xua đuổi to tát và tuôn xuống từ cõi trực giác (cõi Bồ Đề) qua linh hồn và bộ óc đến tim của đệ tử.

2.- Nhờ sự chinh hợp và tiếp xúc sau đó, năng lượng của linh hồn được khơi hoạt, đánh thức và sử dụng. Đây là tác nhân làm tan rã to tát và tuôn xuống từ các cõi phụ của linh hồn (các cõi phụ cao của cõi trí) qua thể trí đến bộ óc của vị đệ tử mang lại sự giác ngộ cho cõi cảm dục.

3.- Hai loại năng lượng tâm linh này tác động riêng biệt trên các trung tâm lực của phàm ngã, mục tiêu và hoạt động của chúng phải được hiểu rõ ràng trong ý thức não bộ của vị đệ tử khi y hoạt động trên cõi trần.

4.- Bây giờ và chỉ bây giờ, ánh sáng của trực giác và ánh sáng linh hồn mới trở lại cõi cảm dục nhờ nỗ lực hữu thức và ý chí sáng suốt năng động của vị đệ tử đang phụng sự.

Hãy suy gẫm về các điểm này vì chúng vạch ra con đường và việc phụng sự của bạn...

Tôi đã đưa ra ít nhiều các ý kiến của chúng ta và vạch ra kế hoạch để chúng ta theo đó mà tiến tới chủ đề này. Tôi đã mang lại cho bạn một số ý niệm căn bản và thảo ra các khung sườn của chủ đề nói chung (xem bảng mục lục). Ngày nay chúng ta sẽ bắt đầu việc bàn bạc thực sự của chúng ta. Như
 44 bạn biết, tôi không có ý định viết một luận án dài và buồn tẻ về chủ đề này. Các sách này sẽ được biên soạn từ các giáo huấn được đưa ra cho các nhóm đệ tử này, sẽ không phải là các thiên khái luận nặng nề như là các thiên khái luận về Lửa Càn Khôn và Huyền Linh Học. Chúng sẽ hợp thành một loạt các quyển sách tương đối ngắn và do đó phải được lấp đầy bằng các chi tiết chứ không phải viết tản mạn.

Hồi huynh đệ, các giáo huấn này phải có giá trị thực tiễn một cách rõ rệt vượt lên trên mọi giáo huấn khác và phải để cho đạo sinh có nhận thức rằng y hiểu rõ hơn về cõi tinh anh với các luồng tư tưởng và các lực mà y đang ở trong đó; đạo sinh hiểu rõ hơn các phương tiện mà y phải sử dụng, kỹ thuật mà y phải tuân theo nếu y muốn cho đường đạo của y được thông suốt, không còn bóng tối và sự lầm lạc, để rồi noi theo ánh sáng đó mà tiến tới sự hài hòa. Việc nghiên cứu của chúng ta cũng có tính cách tương đối, và độc giả phải nhớ rằng y sẽ không thể phân biệt chân lý hay tách biệt khía cạnh giáo huấn đó vốn vô cùng quan trọng đối với y, trừ phi y áp dụng những gì hữu ích và biết chắc một cách rõ ràng y có phải là nạn nhân của ảo tưởng hoặc của ảo cảm. Sau rốt, y phải biết là mình đang đứng nơi đâu trước khi có thể chọn bước tiến cần thiết. Chúng ta hy vọng đệ tử là nạn nhân và cũng là kẻ làm tan ảo cảm lẫn ảo tưởng, đó là sự phức tạp cho vấn đề của y và là sự tế nhị cho các khó khăn của y. Vị đệ tử cũng phải ghi nhớ (để củng cố và cổ vũ cho mình) rằng mỗi

mảnh nhỏ của ảo cầm bị làm tan biến và mỗi ảo tưởng được nhận biết và vượt qua đều “làm thông suốt con đường” cho kẻ đi sau và làm cho con đường đệ tử của huynh đệ y trở nên dễ dàng hơn. Công việc Phụng Sự Cao Cả này thật tuyệt diệu, và tôi kêu gọi các bạn chú ý đến khía cạnh này. Như thế các cố gắng của tôi trong các giáo huấn này là cốt làm sáng tỏ vấn đề ấy.

45 Một trong các khó khăn mà người tìm đạo đang đối phó là nhận biết đúng ảo cầm khi nó hiện ra và biết được ảo cầm đang bao vây con đường của mình và các ảo tưởng đang dựng nên bức tường ngăn cách giữa y với ánh sáng. Đó là nhiều điều giúp bạn nhận biết được sự hiện hữu của ảo cầm và ảo tưởng. Đa số nhân loại đều không biết là có ảo cầm và ảo tưởng. Ngày nay nhiều người lương thiện không thấy được điều này; họ tôn thờ các ảo cầm của họ và xem các ảo tưởng của họ như là các tài sản đã thu hoạch được một cách khó nhọc và đáng giá.

Tuy nhiên, đến phiên nó, chính sự hiểu biết lại có các vấn đề riêng của nó, thế nên, một đệ tử thông thường không thể tự mình thoát khỏi khả năng tạo ra ảo cầm đã có trong quá khứ, và rất khó nhọc y mới tìm thấy nó để giữ một tỷ lệ đúng và có một nhận thức thích đáng về các giá trị liên quan đến các chân lý của cõi trí. Một chân lý thu được một cách khó nhọc và một nguyên lý về thực tại có thể được hiểu rõ và bấy giờ chung quanh đó vị đệ tử có thể tạo nên các ảo tưởng hình thành một cách dễ dàng của thể trí, vốn dĩ chỉ mới bắt đầu hiểu được chính mình. Các ảo cầm có bản chất tình cảm có thể xuất hiện và tụ tập chung quanh một lý tưởng, vì cho đến nay lý tưởng đó chưa sáng tỏ và có khuynh hướng thu

hút về chính nó những gì mà – do tình cảm và do giác quan – nó tin chính mình tồn tại và hiện hữu.

Chúng ta hãy minh họa quan điểm của tôi theo hai khía cạnh, cả hai đều hoàn toàn ở trong lãnh vực của con đường đệ tử, hay là gặp phải trên Con Đường Dự Bị. Chúng ta sẽ gọi chúng là “ảo tưởng về quyền lực” và “ảo tưởng về uy quyền”. Cách diễn tả này sẽ chỉ cho bạn thấy là một loại ở trên cõi cảm dục còn loại kia ở trên cõi hạ trí.

Ảo cảm về uy quyền (Authority) là một ảo cảm của quần chúng trong đa số trường hợp. Nó có cội nguồn trong tâm lý học quần chúng và là một trong các chỉ dẫn rằng nhân loại cho đến nay vẫn còn ở giai đoạn ấu trĩ, trong đó con người được tự bảo vệ, bằng cách đặt ra một số luật lệ, qui tắc, một số phát biểu dựa vào uy quyền xuất phát từ sự kiểm chế của quốc gia, từ sự cai trị của một tập đoàn đầu sỏ (oligarchy) hay là từ tình trạng độc tài của một cá nhân nào đó. Nó biến đổi nhân loại ở mức độ mà người ta có thể đoán được, để sắp đặt và đưa vào tiêu chuẩn các hoạt động của con người, đưa 46 sự sống và công việc của họ vào khuôn khổ chặt chẽ. Việc đó được đặt ra và an bài xuyên qua việc đem lại mặc cảm sợ sệt, lan tràn trong nhân loại vào lúc này, nỗi sợ hãi này là một trong các cội nguồn có hiệu quả nhất của ảo cảm mà chúng ta đang có. Có lẽ chúng ta có thể và vì lý do đó xem nó như là hạt giống của mọi ảo cảm trên hành tinh chúng ta. Sự lo sợ là nguyên nhân thúc đẩy đến tình trạng này, để đưa đến ảo cảm cõi cảm dục, mặc dù không phải là các ảo tưởng của các phân cảnh ý thức thuộc cõi trí.

Khi ảo cảm về uy quyền tự chuyển dịch vào tâm thức bồ đề (spiritual consciousness) của con người thì chúng ta có

một tình trạng các sự việc giống y như giai đoạn của Tòa Án Dị Giáo dưới hình thức tệ hại nhất của nó, đó là uy quyền Giáo Hội Thiên Chúa, đặt nặng vào sự tổ chức, sự cai trị và các hình phạt hoặc là theo luật lệ không cần tranh cãi của một huấn sư nào đó. Dưới các hình thức cao nhất của nó, chúng ta có được sự nhận thức về quyền cai quản của Thái Dương Thiên Thần, của linh hồn hay chân ngã. Giữa hai thái cực này, tức thái cực cho thấy sự ấu trĩ của nhân loại với sự tự do nảy sinh khi nhân loại đạt tới mức trưởng thành với tự do của linh hồn, ẩn dưới nhiều loại và hạng của các phản ứng trung gian. Chúng ta tìm thấy được gì trong cách giải thích quan điểm của chúng ta, và như vậy nhấn mạnh vào khía cạnh ảo cảm khi nó tác động vào vị đệ tử và nổi khó khăn mà đệ tử phải đối phó? Vị đệ tử phải tự giải thoát ít nhiều ra khỏi sự kiểm chế bị áp đặt của một giáo lý chính thống và thoát khỏi sự chế ngự của một đạo sư. Đệ tử tách ra khỏi sự kiểm chế như thế (đến chừng nào mà y có thể biết chắc). Tuy nhiên, nhờ biết được bản chất yếu ớt của mình và sự cám dỗ của phàm ngã, đệ tử cảnh giác với chính mình và cảnh giác với các luật lệ kiểm chế cổ xưa, và học cách trụ lại vững vàng, để đi đến các quyết định riêng của mình hầu phân biệt sự thật cho chính mình. Đệ tử học cách chọn con đường của mình. Nhưng giống như tất cả những ai chưa được điểm đạo cao, vị đệ tử có thể (vào đúng lúc) trở nên say mê sự tự do của mình, và sau đó tự động xoay chuyển ảo cảm đối với lý tưởng tự do của mình – một lý tưởng mà y đã tạo ra. Y trở thành tù nhân của tự do. Y bài bác mọi luật lệ ngoại trừ những gì mà y gọi là

47 “luật của riêng linh hồn mình”, y quên rằng sự giao tiếp giữa y với linh hồn vẫn chưa liên tục. Y đòi quyền đứng biệt lập. Y say mê với cái tự do mới được tìm thấy của mình. Y quên

rằng khi từ chối uy quyền của giáo lý và uy quyền của một đạo sư, y phải học cách chấp nhận uy quyền của linh hồn và của nhóm linh hồn mà y bị ràng buộc vào do nghiệp quả của mình, do loại cung của y, do sự chọn lựa của y và tất nhiên do các kết quả của sự nhất quán (at-one-ment). Khi từ bỏ sự hướng dẫn của người khác trên Thánh Đạo, nhờ đôi mắt đã mở rộng phần nào, bấy giờ đệ tử tìm cách bước lên Thánh Đạo tiến đến mục tiêu, tuy nhiên lại quên rằng y bước lên Thánh Đạo bằng cách **hòa hợp với những kẻ khác** và ở đây có một số “Qui tắc về Đường Đạo” mà y phải quán triệt và những gì y phải nắm vững bằng sự hòa hợp với những kẻ khác. Y đã đổi định luật cá biệt để lấy định luật tập thể, nhưng chưa biết định luật tập thể đó một cách rõ ràng. Y hết sức cố gắng để có thể tiến tới một mình, tự hào với việc thoát khỏi uy quyền mà y đã làm được một cách thành công. Y tự hứa hẹn rằng y sẽ không chấp nhận một uy quyền hoặc một sự dẫn dắt nào nữa.

Những ai trong chúng ta đang xem xét y và nhìn vào y từ các đỉnh cao thành tựu sáng tỏ hơn, sẽ thấy y dần dần trở nên bị che lấp bởi các làn sương mù và bởi một ảo cảm đang từ từ tăng lên chung quanh y khi y trở nên “tù nhân của đám sương mù tự do” và say mê vào những gì mà y nghĩ là thiết thực cho sự không lệ thuộc của mình. Khi thị lực của y được sáng tỏ hơn và khi trạng thái trí tuệ của y phát triển hơn và đã khai mở, y sẽ biết rằng Định Luật của Nhóm phải và sẽ tự đặt vào chính y và rằng qui luật về bản chất thấp kém phải được đổi thành qui luật của linh hồn. Đây là qui luật của tập thể và tác động theo luật lệ của tập thể. Y đã đấu tranh vượt khỏi phần lớn những kẻ tìm kiếm Con Đường dẫn đến chính Cửa Đạo. Do đó y tiến xa hơn quần chúng nhưng không đi

48

một mình cho dù y nghĩ rằng y chỉ có một mình. Y sẽ khám phá ra nhiều kẻ khác đang vượt qua con đường với mình, và con số đó ngày càng tăng thêm khi y tiến tới. Các qui luật về sự tương tác, về sự hành hương và về nhận thức tập thể, công việc và việc phụng sự sẽ tự áp đặt lên y cho đến khi y thấy rằng y là một thành viên của Nhóm Người Mới Phụng Sự Thế Gian, hoạt động theo các tình huống vốn là các luật lệ chi phối hoạt động của họ. Khi y học được cách cùng với họ vượt qua Cửa Đạo, thì các động lực đang chi phối của họ và các phương pháp phụng sự đã chọn của họ cũng sẽ thấm nhập vào ý thức của y, rồi một cách tự động và một cách tự nhiên, y sẽ bắt đầu tuân theo nhịp điệu cao hơn và làm cho y đồng ý với các luật đang chi phối sự sống tập thể và ý thức tập thể. Sau rốt, y sẽ thấy chính mình tiến vào chỗ tịch lặng nơi mà các Chân Sư Minh Triết đang ngự trị và y sẽ hoạt động theo sự nhịp nhàng của nhóm với các Ngài, như thế tuân theo các định luật thuộc lãnh vực tâm linh, vốn là các định luật nội tại của Thượng Đế.

Nhiều lần, dọc theo Đường Đạo, y sẽ phản kháng lại sự kiểm chế và sẽ rơi trở lại vào ảo cảm của sự tự do được cho là của y. Có loại tự do thoát khỏi sự kiểm chế của nhiều phạm ngã. Nhưng không bao giờ có bất cứ loại tự do nào ra khỏi Định Luật Phụng sự, và thoát sự tương tác thường xuyên giữa con người với con người, giữa linh hồn với linh hồn. Thực sự trụ lại một cách tự do là trụ lại trong ánh sáng trong suốt không bị ngăn trở của linh hồn, mà về căn bản và thực chất là ý thức tập thể.

Do đó, khi một ai trong các bạn bị bao vây trong sự lưỡng lự, lo lắng, lại ước muốn và đòi hỏi bước đi một cách tự do, không để cho một quyền lực nào áp đặt lên, bạn sẽ

nhận thấy rằng bạn sẽ không chịu lệ thuộc vào ảo cảm của một ước muốn thoát khỏi các va chạm trong nhóm của bạn, và chắc chắn rằng bạn không tìm cách – với tư cách một linh hồn nhạy cảm – để thoát ly. Tôi dùng câu này theo ý nghĩa của tâm lý học hiện đại. Đừng quên tự đặt cho bạn câu hỏi: Có phải sự thuận tiện và sự an bình của thể trí bạn có tầm quan trọng rõ rệt cho chính bạn và cho những người khác đến nỗi nó biện minh sự hy sinh của bạn cho sự toàn vẹn của nhóm để có được điều đó? Có phải sự thỏa mãn bên trong của riêng bạn là sự biện minh thích đáng để làm trì hoãn mục tiêu đã được sắp xếp của nhóm không? Chắc chắn là sẽ có việc trì hoãn đó. Dù bạn quyết định ra sao, đến phiên nó cũng sẽ có một định đoạt có thẩm quyền với tất cả các phản ứng tiếp theo sau trên nhóm....

Hỡi huynh đệ, sự tuân thủ về mặt huyền linh này là gì mà chúng ta nghe nói nhiều đến như thế? Không phải những gì do các nhóm huyền bí tạo ra mà là nó có sẵn như thế. Đó không phải là sự kiềm chế của một cơ cấu bên ngoài được công hiến cho công việc được gọi là huyền linh. Đó không phải là các điều kiện được đặt ra của bất cứ huấn sư của bất cứ trường phái nào. Đó không phải là việc hoán đổi nơi giam giữ của một tập hợp các ý tưởng này lấy tập hợp khác, có lẽ với một phạm vi hoặc ý nghĩa to lớn hơn. Một ngục tù là một ngục tù, dù cho đó là một phòng giam nhỏ hay một hòn đảo cô lập rộng lớn mà việc trốn thoát không thể xảy ra được.

Quyền lực mà chúng tôi (tức là các huấn sư trên phương diện nội môn) đáp ứng được, lại có bản chất lưỡng phân, còn các bạn chỉ mới bắt đầu đáp ứng (với tư cách là các đơn vị trong một nhóm). Bạn đáp ứng được với những gì?

1.- Đáp ứng với sự nhận thức đang từ từ xuất hiện của “ánh sáng phía bên kia” (dùng nhóm từ đó như là một biểu tượng). Ánh sáng này có sự dị biệt *trong cách kêu gọi của nó* đối với cá nhân. Tuy nhiên đó là **ÁNH SÁNG DUY NHẤT**. Nhưng nhờ biết được ánh sáng đó, người ta mới phát hiện được các định luật mới, các trách nhiệm mới, các nhiệm vụ mới và nghĩa vụ mới, cũng như các liên hệ mới đối với những kẻ khác. Các điều này tạo nên một sự kiểm chế đầy quyền lực không một ai có thể không tuân theo nó trong thời gian và không gian trong một giai đoạn tạm thời.

2.- Đáp ứng với uy quyền của các *Luật Lệ trên Cửa Đạo* vốn được đặt ra cho một người khi người này đi từ Con Đường Dự Bị đến Con Đường Đệ Tử. Tuy nhiên đó là **CON ĐƯỜNG DUY NHẤT**. Trên “con đường mỏng hẹp như lưỡi dao cạo” này, người ta học cách bước đi với giới luật và sự
50 thận trọng, với lòng không ham muốn mà người ta có kinh nghiệm khi hòa hợp với các bạn đồng môn của mình.

Nói một cách vắn tắt và súc tích, các qui luật trên Đường Đạo này là gì? Tôi xin đưa ra cho bạn sáu trong số các qui luật đơn giản nhất, xin bạn nhớ cho rằng chúng không được đặt ra do thẩm quyền của một Ban Giám Đốc độc đoán, với tư cách là một hay nhiều huấn sư của nhóm (dĩ nhiên tôi có thể là một trong số các huấn sư đó) nhưng là kết quả của tình trạng phải có trên chính Cửa Đạo. Chúng mang sự đảm bảo của linh hồn riêng của một người và là kết quả của kinh nghiệm của hàng triệu kẻ hành hương trên Đường Đạo.

Tôi sẽ chỉ cho bạn thấy sáu qui luật này (ngay khi tôi đã đưa các qui luật đó cho một người tìm đạo khác⁽¹⁾) dưới hình

¹ Xem “Đường Đạo trong Kỷ Nguyên Mới” trang 583–584.

thức cổ xưa và tượng trưng, giải thích chúng như tôi có thể giải thích từ các kinh cổ, được chứa trong Phòng Minh Triết và hữu ích với mọi đệ tử đúng đắn – như bạn.

Sáu Qui luật của Đường Đạo (Qui luật của Đường Đạo)

I.– Đường Đạo được bước lên trong ánh sáng tràn ngập của ngày, do các Đấng hiểu biết và hướng dẫn phóng ra. Lúc ấy, không có gì có thể bị che giấu, và ở mỗi chỗ rẽ, con người phải đối mặt với chính mình.

II.– Trên Đường Đạo, những gì ẩn giấu sẽ lộ ra. Mỗi người đều thấy và biết cái xấu xa của nhau. (Hồi huynh đệ, tôi không tìm được lời nào khác để dịch chữ cổ chỉ sự khờ khạo ẩn giấu, sự xấu xa và dốt nát tột cùng và sự ích kỷ vốn là các đặc điểm lộ rõ của người tìm đạo bậc trung). Và tuy thế, với sự khai mở lớn lao đó, không có việc quay trở lại, không có sự khích bác lẫn nhau và không có sự run sợ trên Đường Đạo. Đường Đạo dẫn đến ngày tươi sáng.

III.– Trên Đường Đạo đó người ta không đi một mình. Không có sự hấp tấp, vội vàng. Tuy thế không để phí thì giờ. Nhờ biết được điều này, Người Hành Hương mới mau tiến bước và thấy mình ở giữa các huynh đệ. Một số người đi trước; kẻ hành hương đi sau. Một số người đi sau; kẻ hành hương đi trước. Y không bước đi một mình.

IV.– Có ba điều mà Kẻ Hành Hương phải tránh. Mang mũ trùm đầu, khoác mạng che mặt trước kẻ khác; mang theo bình nước chỉ đủ cho mình xài; gánh lên vai cây gậy không có móc để giữ.

V.– Mỗi Kẻ Hành Hương trên Đường Đạo phải mang theo mình những gì cần: một bầu lửa để sưởi ấm huynh đệ mình; một ngọn đèn để chiếu sáng tâm mình và chỉ cho các huynh đệ mình thấy bản chất của sự sống ẩn tàng của y; một túi vàng không phải để rải trên Đường Đạo mà là để chia sớt cho những kẻ khác; một cái lọ phong kín, trong đó y chứa toàn bộ đạo tâm của mình để đặt dưới chân Đấng đang chờ đón y ở cổng – một lọ niêm kín (a sealed vase).

VI.– Khi bước trên Đường Đạo, Kẻ Hành Hương phải mở rộng tai nghe, chìa ra bàn tay, lưỡi không nói, quả tim trong sạch, thận trọng lời nói, nhanh chân, mắt mở to để thấy được ánh sáng. Y biết y không đi một mình.

Áo tưởng về quyền lực có lẽ là một trong các thử thách đầu tiên và nghiêm trọng nhất xảy đến cho người tìm đạo. Đó cũng là một trong các tấm gương rõ rệt nhất của “lầm lỗi 51 nghiêm trọng” này, và do đó tôi muốn bạn chú ý đến nó; đó như là một điều cần chống lại mà tôi xin bạn phải hết sức cẩn thận để phòng. Thực ra, ít có đệ tử nào thoát khỏi các hậu quả của lầm lẫn do ảo tưởng này, vì thật kỳ lạ điều đó lại dựa trên sự thành công đúng lúc và động cơ chính đáng. Đó là bản chất có vẻ là đúng của vấn đề. Có thể diễn đạt như sau:

Người tìm đạo, thành công trong việc giao tiếp với linh hồn hay Chân Ngã của mình qua nỗ lực thích hợp. Qua việc thiên định, có chủ tâm tốt đẹp và theo phương pháp chính xác, cộng với ước muốn phụng sự và yêu thương, người tìm đạo đạt được sự chinh phục. Bấy giờ y mới biết được các kết quả của việc thành công của mình. Thể trí của y trở nên giác ngộ. Y cảm nhận được quyền năng đang tuôn đổ qua các hiện thể của y. Ít nhất là tạm thời y biết được Thiên Cơ. Nhu cầu

của thế giới và năng lực của linh hồn để đáp ứng với nhu cầu đó đang tràn ngập tâm thức y. Sự hiến dâng, sự thánh hóa và mục tiêu chính đáng làm tăng dòng chảy vào có định hướng của năng lượng thiêng liêng. Y hiểu biết. Y yêu thương. Y tìm cách để phụng sự và làm ba việc này đều thành công hoặc nhiều hoặc ít. Kết quả của tất cả các việc này là y trở nên ngày càng bị thu hút vào ý thức về quyền lực và vào phần mà y phải đóng góp trong việc giúp đỡ nhân loại, hơn là bị thu hút với nhận thức về sự cảm nhận thích hợp và đúng đắn đối với sự cân xứng và đối với các giá trị tâm linh. Y đánh giá quá cao kinh nghiệm của mình và chính mình. Thay vì tăng gấp đôi các cố gắng của mình và như vậy thiết lập sự tiếp xúc chặt chẽ hơn với giới linh hồn ⁽¹⁾ và yêu thương mọi sinh linh một cách sâu xa hơn, y bắt đầu kêu gọi người khác chú ý vào chính mình, vào nhiệm vụ mà y phải đảm trách, và vào sự tin tưởng rằng Chân Sư, và ngay cả Hành Tinh Thượng Đế đều hiện hữu nơi y. Y nói về chính mình; y diễn tả bằng điệu bộ và thu hút sự chú tâm, mong muốn mình được mọi người nhận biết. Khi y làm như thế sự chinh phục của y từ từ bị suy yếu / hư hại; sự *tiếp xúc* của y bị giảm sút ⁽²⁾, y nhập vào hàng ngũ của những kẻ không chống được ảo tưởng về quyền lực. Hình thức ảo tưởng này trở nên ngày càng thường thấy trong số các đệ tử và những ai đã đạt được hai lần điểm đạo. Ngày nay trên thế giới có nhiều người đã được điểm đạo lần thứ nhất trong một kiếp trước. Ở giai đoạn nào đó trong chu kỳ

¹ Giới linh hồn (Kingdom of souls) tức là Thiên giới (Kingdom of God) tức là giới thứ năm. (Trích Tâm Lý Học Huyền Bí, q. II, tr. 223 và 351. ND)

² “Sự tiếp xúc” được Chân Sư nói đến trong đoạn này chính là tiếp xúc với giới linh hồn, xin xem lại đoạn trên (ND).

của kiếp sống hiện tại, có sự tái diễn và tóm tắt lại các biến cố của lần phát triển trước, họ lại đạt đến một mức nhận thức mà trước kia họ đã đạt đến. Ấn tượng về sự thành đạt của họ đang tuôn đổ lên họ, cùng với ý thức trách nhiệm và sự hiểu biết của họ. Lại nữa họ đánh giá chính họ quá cao, xem các sứ mệnh của họ và chính họ như là độc nhất trong số các con của nhân loại, kể đó sự đòi hỏi huyền bí và bên trong của họ về sự nhận thức, đang đi vào và làm hư hỏng những gì mà trong tình trạng khác, có thể là việc phụng sự có kết quả. Bất cứ việc quá chú trọng nào vào phạm ngã đều có thể làm lệch lạc một cách dễ dàng ánh sáng tinh anh của linh hồn khi ánh sáng đó tìm cách tuôn đổ qua phạm ngã. Bất cứ nỗ lực nào kêu gọi việc chú tâm vào sứ mệnh hoặc bốn phận mà phạm ngã đã đảm trách đều làm giảm giá trị của sứ mệnh đó và cản trở con người trong nhiệm vụ của mình; nó đưa đến việc làm trì hoãn thành quả của nó cho đến lúc mà vị đệ tử không còn gì khác hơn là một vận hà mà lòng bác có thể tuôn đổ qua đó và ánh sáng có thể tỏa chiếu. Việc tuôn đổ và tỏa chiếu này phải là một biến cố tự phát và không cần tự nhắc nhở.

Hai minh họa này về ảo cảm và ảo tưởng sẽ chỉ cho bạn thấy không những sự tế nhị của vấn đề, mà còn là nhu cầu khẩn cấp để nhận ra nó. Ngày nay, có rất nhiều điều đang biểu hiện hai tính chất của phạm ngã này.

1.- Ảo cảm trên Cõi TríẢo Tưởng.

Trong đoạn bàn thảo này chúng ta sẽ dành ít thì giờ để xem xét về ảo tưởng hơn là ảo cảm hoặc ảo lực. Ảo tưởng chỉ có thể được trực diện và vượt qua khi con người đã:

a.- Chuyển sự tập trung ý thức mình lên cõi trí.

b.- Hoạt động một cách rõ rệt với nhiệm vụ phụng sự một cách sáng suốt.

54 c.- Tạo sự chinh hợp một cách hữu thức và dễ dàng cho linh hồn mình và thiết lập kỹ thuật giao tiếp một cách vững vàng.

d.- Được điểm đạo lần thứ nhất.

Từ ngữ *ảo tưởng* (iflusion) thường được dùng một cách hời hợt để chỉ sự thiếu hiểu biết, chỉ các ý kiến gây bối rối, ảo cảm, các hiểu biết sai lầm, hoặc sự hoang mang về tinh thần, việc chế ngự các tâm thông thấp kém và nhiều hình thức khác của ảo tưởng thế gian. Nhưng đã đến lúc từ ngữ đó phải được dùng với ý thức phân biệt đã phát triển, và khi vị đệ tử phải biết và hiểu một cách rõ ràng bản chất của khí độc trong cõi hiện tượng mà nhân loại đang hoạt động trong đó. Với mục đích làm sáng tỏ và để phân biệt một cách rõ rệt hơn và hiệu quả hơn giữa các hình thức ảo tưởng mà linh hồn đang hoạt động trong đó và linh hồn phải tự thoát ra, chúng ta cần phải tách Đại Ảo Tưởng (dưới các khía cạnh khác nhau của nó) thành các thành phần cấu tạo của nó trong thời gian và không gian và tôi đã cố gắng làm việc này một phần nào khi tôi định nghĩa cho bạn các từ ngữ: Ảo Lực, Ảo Cảm, Ảo Tưởng và Tổng Quả báo. Tôi muốn bạn ghi nhớ rõ ràng các phân biệt này và nghiên cứu một cách kỹ lưỡng bảng liệt kê đã được đưa ra ở trước cho bạn.

Với mục tiêu của chúng ta, ảo tưởng có thể được hiểu là để chỉ phản ứng của thể trí khó dạy bảo (undisciplined) đối với thế giới ý tưởng mới được tiếp xúc. Sự giao tiếp này mở ra từ lúc con người đã tự chinh hợp và đưa bản chất thấp đến tiếp xúc với bản chất cao. Các ý tưởng đến với chúng ta từ cõi

trực giác (¹). Linh hồn soi sáng cõi trí và cõi trực giác để cho các cõi này lộ ra với nhau và mối liên hệ hỗ tương của chúng mới trở nên rõ rệt. Thế trí con người (đang từ từ trở nên trung tâm của ý thức y và là thực tại chủ yếu trong cuộc sống người ấy) mới biết được thế giới ý tưởng mới mẻ chưa được khám phá này và y hiểu rõ một ý tưởng nào đó hoặc nhóm các ý tưởng và các nỗ lực để biến chúng thành của riêng y. Trước tiên với đa số con người và nhất là với mẫu người thần bí bậc trung, việc đánh giá các ý tưởng vốn mơ hồ, mù mờ và thường được đạt đến theo khía cạnh gián tiếp. Sự giác ngộ, có được qua trung gian của sự giao tiếp với linh hồn được thiết lập một cách yếu ớt, đối với vị tân đệ tử chưa kinh nghiệm, có vẻ là điều huyền diệu cao siêu và tối quan trọng. Các ý tưởng được tiếp xúc, hiện đến với y với một kỳ diệu vô song, rất khác thường và vô cùng thiết yếu cho nhân loại.

Nhưng thế trí vẫn còn trụ vào phạm ngã, sự tiếp xúc vẫn còn yếu ớt và sự chinh phục còn chưa vững chắc. Do đó, ý tưởng chỉ được cảm nhận một cách lơ mơ. Nhưng tính chất độc nhất vô nhị (uniqueness) của kinh nghiệm trong vốn liếng thu lượm được bằng thế trí vị đệ tử đưa y đi sâu vào lãnh vực ảo tưởng. Một hay nhiều ý tưởng mà y đã giao tiếp được, nếu y có thể hiểu rõ, chỉ là một mảnh nhỏ của một Tổng Thể lớn hơn nhiều. Những gì mà y đưa ra để giải thích chúng đều là không còn thích hợp. Ý tưởng vốn đã hiện ra trong tâm thức của y, qua sự khơi hoạt một phần trực giác của y, sẽ bị lệch lạc khi đi xuống ý thức não bộ của y theo một vài cách. Những gì mà y mang lại để thể hiện thành ý tưởng

¹ Cõi trực giác tức là cõi Bồ Đề (đối với Thái Dương hệ chúng ta). Cõi trực giác là cõi phụ thứ tư của cõi hồng trần vũ trụ (Trích “Cung và Điểm Đạo, tr.700, A.A.Bailey)

và để biến đổi ý tưởng đó thành một kế hoạch làm việc thực tiễn, cho đến nay hoàn toàn không thích hợp. Thiết bị không đủ để mang lại độ chính xác. Những cách thức mà trong đó sự lệch lạc này và sự giáng xuống của ý tưởng xảy ra, có thể được phác họa cho bạn như sau: – *Con đường của một ý tưởng từ cõi trực giác đến bộ óc.*

I.– Ý tưởng được thể trí nhìn thấy, “được giữ ổn định trong ánh sáng của linh hồn”.

II.– Từ các cõi phụ cao của cõi trí, ý tưởng đi xuống và ở nơi đó, nó tự khoắc lấy chất liệu của các cõi phụ này. Nó vẫn là một ý niệm trừu tượng theo quan điểm của hạ trí. Kẻ muốn có trực giác nên ghi nhớ kỹ càng điều này.

56 III.– Linh hồn phóng chiếu ánh sáng lên trên và ra ngoài, còn ý niệm, vốn mù mờ và yếu ớt, nhập vào ý thức con người. Tư tưởng lộ ra rất giống như là một mục tiêu bị phát hiện khi tia sáng chói lọi của ngọn đèn pha mạnh chiếu lên nó. Nhờ nỗ lực để giữ cho sự tiếp xúc hữu thức được ổn định thường xuyên với linh hồn, thể trí thấy được cõi giới cao siêu qua trung gian của “con mắt rộng mở của linh hồn”, ghi nhận ý tưởng ngày càng rõ ràng.

IV.– Bây giờ ý tưởng, đã được phát hiện, trở thành lý tưởng cho thể trí biết chú tâm và sau rốt trở thành những gì được ưa thích và được thể hiện. Bây giờ khả năng tạo ra hình tư tưởng của thể trí bắt đầu hoạt động; “chất trí” được kích hoạt bằng năng lực của ý niệm, được mang lại sinh lực, bằng sự hiểu biết của linh hồn và ý nghĩ lúc bấy giờ đạt được bước tiến đầu tiên thực sự hướng về sự thể hiện. Một lý tưởng (ideal) chỉ là một ý nghĩ (idea) được thể hiện.

Đây là các bước đầu tiên hướng về việc hiện thực hóa. Biểu hiện trở nên có thể xảy ra. Áo tưởng được tạo ra như thế.

V.- Bấy giờ sự lệch lạc bắt đầu. Điều này xảy đến do các nguyên nhân khác nhau. Các nguyên nhân này có thể được liệt kê như sau:

1.- Loại cung của chân ngã làm nhuộm màu việc giải thích ý tưởng của con người. Nó nhuộm màu hình tư tưởng đang xuất hiện. Nói một cách tượng trưng, ánh sáng thuần khiết bị đổi thành ánh sáng màu. Bấy giờ ý nghĩ “bị nhuộm màu sắc và bởi đó, bức màn đầu tiên buông xuống”.

2.- Mức độ tiến hóa mà con người đã đạt đến cũng có hiệu quả của nó, cộng với tính chất của sự toàn hợp đang có giữa ba trạng thái của phàm ngã và sự chinh hợp được thiết lập giữa linh hồn-trí tuệ-bộ óc. Tất nhiên điều này chưa hoàn hảo, sẽ tạo ra sự mập mờ của nét bên ngoài và tất nhiên của hình thể sau cùng. Do đó, chúng ta có:

a.- Sự hợp nhất không hoàn toàn của phàm ngã.

b.- Sự mập mờ của hình tư tưởng được tạo ra.

c.- Tiếp theo là việc thu hút chất lượng xấu xa để tạo nên hình tư tưởng.

d.- Điểm tập trung sự chú tâm thay đổi, do sự mơ hồ của lý tưởng được nhận thấy.

e.- Mỗi quan hệ của thể trí, với ý nghĩ được cảm nhận không bền bỉ.

3.- Tính chất của sự phát triển thể trí của vị đệ tử tạo ra “bức màn che” kế tiếp của ý tưởng như nó được gọi. Ý tưởng trở nên thay đổi do sự nhuộm màu cung của linh hồn và bấy giờ còn một thay đổi lệch lạc hơn nữa xảy ra do loại cung

của chính thể trí, vốn có thể và thường là khác với cung linh hồn.

Đây là bước thứ hai hướng về sự hiện thực hóa. Hình thức biểu hiện được phẩm định. Ảo tượng được tạo ra như thế.

VI.- Ảo tượng thường biểu lộ theo bảy cách:

1.- *Do nhận thức sai lầm về một ý tưởng.* Vị đệ tử không thể phân biệt giữa một ý tưởng với một lý tưởng, giữa một ý tưởng với hình tư tưởng, hay giữa một quan niệm từ trực giác với một quan niệm từ trí tuệ. Đây là một trong các cách tạo ra ảo tượng thường gặp nhất trong những người tìm đạo. Bầu không khí trí tuệ mà tất cả chúng ta đang sống trong đó
58 là bầu khí của ảo tượng. Đó cũng là bầu khí hay lãnh vực tiếp xúc hữu thức, trong đó có đủ loại hình tư tưởng. Một số hình tư tưởng do Thánh Đoàn đặt ở đó để cho con người khám phá ra; một số là các hình tư tưởng của con người được tạo ra chung quanh các ý tưởng; một số là các lý tưởng rất cổ xưa đã bị vứt bỏ nhưng vẫn còn tồn tại như là các hình tư tưởng; một số thì hoàn toàn mới mẻ và do đó chưa đủ sức mạnh, nhưng có sức thu hút nhất. Tất cả đều do con người tạo ra ở giai đoạn này hay giai đoạn khác của sự phát triển cá nhân và chủng tộc. Trong số đó có nhiều hình tư tưởng chính là lớp vỏ (shell) của các quan niệm bị phá vỡ từ lâu; một số khác còn phôi thai; một số thì tĩnh tại và ổn định; nhiều cái đang trong tiến trình đi xuống từ các phân cảnh trực giác; một số ít đang được chiếu rọi bằng ánh sáng trong suốt của linh hồn và đang sẵn sàng biểu hiện. Một số lớn các hình tư tưởng khác đang tan rã. Một số trong các hình tư tưởng này hay là các ý tưởng được biểu hiện, có bản chất hủy diệt, do loại chất

liệu tạo thành chúng. Những loại khác có tính chất kiến tạo. Tất cả đều được nhuộm màu bởi một loại năng lượng cung nào đó. Tất nhiên một số lớn các hình tư tưởng này được kiến tạo nhờ hoạt động của cõi giới phàm ngã; các hình tư tưởng khác ở trong tiến trình cấu tạo nhờ sự môi giới của linh hồn, cũng như nhờ hoạt động chung của cả hai biểu hiện này. Do đó, nhận thức đúng là thiết yếu cho mỗi thể trí, tác động một cách chính xác. Người tìm đạo phải học cách phân biệt giữa:

a.- Một ý tưởng với một lý tưởng.

b.- Giữa những gì được biểu hiện, những gì ở trong tiến trình biểu hiện và những gì đang chờ tan rã.

59 c.- Giữa những gì có tính kiến tạo và những gì có tính hủy diệt.

d.- Giữa các hình thức và các ý tưởng cũ và mới.

e.- Giữa các ý tưởng của cung với các dạng thức khi chúng nhuộm màu các cách trình bày cao siêu.

f.- Giữa các ý tưởng với các hình tư tưởng và giữa các ý tưởng do Thánh Đoàn chủ tâm tạo ra với các ý tưởng do nhân loại tạo ra.

g.- Giữa các hình tư tưởng của nhân loại với các ý tưởng của nhóm.

Tôi có thể liệt kê nhiều dị biệt hơn nữa, nhưng những cái nêu trên cũng đủ để chứng minh việc cần có các nhận thức đúng và để nêu ra các cội nguồn thường thấy của ảo tưởng thế gian xảy ra do nhận thức sai lầm.

Nguyên nhân là thể trí thiếu luyện tập và thiếu giác ngộ.

Cách cứu chữa là luyện tập kỹ thuật Raja Yoga (Yoga về Ý Chí).

Điều này tạo ra kết quả là có được năng lực giữ cho thể trí ổn định trong ánh sáng để nhận thức được chính xác, để có được cái nhìn trung thực và có được thái độ trí tuệ đúng đắn. Đây là thái độ chính đáng mà Đức Phật nói đến khi Ngài vạch ra Bát Chính Đạo. Bát Chính Đạo này bao trùm việc đạt đến đỉnh cao của trí tuệ đúng đắn. Vâng, hỏi huynh đệ, tôi nói “đỉnh cao” (“altitude”), chớ không nói “thái độ” (attitude).

2.– *Do việc giải thích sai lầm.* Ý niệm (idea), một thực thể sinh động hay là mầm giống của mãnh lực sống động, được nhìn thấy qua trung gian của cái nhìn phiến diện, bị lệch lạc do sự thiếu chính xác của thể trí, và thường rơi vào sự phù 60
phiếm. Thiếu bộ máy để hiểu biết đúng đắn, và mặc dù con người có thể dâng hiến cái cao cả và tốt đẹp nhất của mình, và mặc dù, trong một phạm vi nào đó, con người có thể giữ cho thể trí ổn định trong ánh sáng, tuy nhiên những gì y cống hiến cho tư tưởng chỉ là điều kém cỏi nhất. Điều này đưa đến ảo tưởng qua sự diễn dịch sai lầm.

Nguyên nhân là đánh giá quá cao khả năng trí tuệ của mình. Tội lỗi bậc nhất thuộc loại trí tuệ là kiêu hãnh, và điều đó làm đổi màu sắc mọi hoạt động trong các giai đoạn ban sơ.

Cách sửa chữa là phát triển tinh thần thận trọng.

3.– **Do việc chiếm hữu sai lầm các ý tưởng.** Việc chiếm hữu sai lầm một ý tưởng được dựa trên khả năng tạo kịch tính và khuynh hướng của phàm ngã đối với việc tự khẳng định cái tiểu ngã. Các điều này đưa con người đến chỗ chiếm hữu một ý tưởng, coi như là ý tưởng riêng của mình, tự cho là mình tạo thành ý tưởng đó, và do đó đặt tâm quan trọng không đúng chỗ vào đó, bởi vì y xem ý tưởng đó như là của

y. Y tiếp tục xây dựng cuộc sống của mình chung quanh ý tưởng của mình, biến nó thành các mục tiêu cũng như đích nhắm quan trọng lớn lao của y, trông mong những người khác thừa nhận quyền sở hữu của y đối với ý tưởng đó. Y quên rằng không một ý tưởng nào thuộc về bất cứ ai, trừ phi ý tưởng đó đến từ cõi trực giác, chúng là một món quà và tài sản chung, chớ không phải là tài sản của một cái trí duy nhất nào. Giống như một phàm ngã, sự sống của y cũng trở thành lệ thuộc vào ý tưởng của y đối với một ý tưởng, và lý tưởng của y về một tư tưởng. Ý tưởng trở thành một tác nhân gây ấn tượng đối với mục tiêu sự sống tự y đặt ra, kéo y từ cực đoan này đến cực đoan khác. Điều này đưa đến ảo tưởng do việc giải thích sai lầm.

- 61 *Nguyên nhân* là đánh giá phàm ngã quá cao và gây ấn tượng không đúng vào các phản ứng của phàm ngã dựa vào ý tưởng được cảm nhận và vào tất cả những ai cố gắng để tiếp xúc với cùng một ý tưởng.

Cách chữa trị là luôn luôn cố gắng để tách sự sống ra khỏi phàm ngã và tập trung sự sống vào linh hồn.

Ở đây, có một điểm mà tôi muốn làm sáng tỏ. Các ý tưởng rất ít khi đi vào tâm thức thể gian và vào trí người trực tiếp từ các cõi phụ của cõi trực giác. Trình độ phát triển của con người ngày nay chưa cho phép điều này xảy ra. Các ý tưởng chỉ có thể đến từ các cõi phụ của cõi trực giác chỉ khi nào có sự tiếp xúc với linh hồn đã phát triển rất cao, một sự kiểm chế thể trí mạnh mẽ, một trí thông minh lão luyện, một tình cảm được tinh luyện, một tuyến nội tiết hoạt động hữu hiệu, đó là kết quả của các điều đòi hỏi ở trên. Hãy suy gẫm về ý tưởng này.

Khi ở một mức độ cao, đa số các tư tưởng được đưa xuống vào tâm thức của một đệ tử do Sư phụ của y và được truyền đạt cho y nhờ phương pháp giao cảm bằng thể trí (mental telepathy), và đó là kết quả của sự nhạy cảm của đệ tử đối với “làn sóng tâm linh được ban xuống” theo cách gọi của Chân Sư Tây Tạng. Ý tưởng cũng được cảm nhận bằng sự tương tác giữa các đệ tử. Thường thường khi các đệ tử gặp nhau và nhờ thế kích thích thể trí của nhau và tập hợp sự chú tâm đã được tập trung của nhau, họ có thể cùng lúc tạo ra sự giao tiếp với thế giới ý tưởng ⁽¹⁾ mà trong trường hợp khác không thể làm được, và nhờ đó các tân quan niệm mới xuất hiện. Lại nữa một vài tư tưởng vĩ đại được thấy hiện hữu dưới hình thức các dòng năng lượng trên cõi trí, rồi ở đó có thể được nhận được sự thôi thúc để hiện ra qua sự chú tâm được luyện tập của các đệ tử. Các dòng năng lượng thuộc cõi trí này, được nhuộm màu bằng một ý tưởng căn bản (basic idea) do Thánh Đoàn đặt vào đó. Khi được tiếp nhận và tìm ra như thế, vị tân đệ tử mới có được khả năng để xem xét thành quả của mình theo đường lối riêng và đóng góp ý tưởng vào sự minh triết và khả năng riêng của mình. Do đó, các bạn sẽ ghi nhận sự cần thiết lớn lao để hiểu biết đúng những gì được tiếp nhận, cũng như để giải thích đúng các điều ấy.

4.- Do sự định hướng sai lầm đối với các ý tưởng. Cho đến nay, điều này do sự kiện là vị đệ tử không thấy được hình ảnh theo đúng bản chất của nó. Chân trời của y bị giới

¹ Thế giới ý tưởng (the world of ideas) ở trên các phân cảnh thuộc cõi trực giác (intuitional levels) của tâm thức. (Trích “Sự Hiện Lộ của Thánh Đoàn” trang 29 – ND)

hạn, cái thấy của y trở nên thiên cận. Chỉ một phần hay một mảnh nhỏ của một ý tưởng căn bản nào đó mới gây ấn tượng vào ý thức của y, và y diễn giải ý tưởng đó như là thuộc về một phạm vi hoạt động mà tư tưởng đó tuyệt nhiên không có chút liên hệ nào. Do đó, đệ tử bắt đầu làm việc với ý tưởng, chia ý tưởng đó theo nhiều hướng nơi mà ý tưởng đó hoàn toàn vô dụng; y bắt đầu khoác cho ý tưởng đó một dạng thức theo một quan điểm hoàn toàn sai lầm, thể hiện ý tưởng đó theo một cách vô ích đến nỗi nó bị chối bỏ. Vì thế, từ lúc giao tiếp đầu tiên, vị đệ tử đã chịu đau khổ do ảo tưởng, và chừng nào mà việc này còn kéo dài thì ảo tưởng chung vẫn còn mạnh. Đây là một trong các hình thức thông thường nhất của ảo tưởng và là một trong những cách đầu tiên làm cho sự kiêu căng của thể trí vị đệ tử bị phá vỡ. Đây là ảo tưởng do việc áp dụng sai lúc đầu, đưa đến việc sử dụng sai lầm hay định hướng sai lầm của ý tưởng.

Nguyên nhân là do thể trí cận hẹp, thiếu bao quát.

Cách chữa trị là luyện tập cho thể trí có cái nhìn bao quát, được dự trữ phong phú và phát triển đầy đủ theo quan điểm trí tuệ hiện đại.

63 **5.- Do việc hội nhập sai một ý tưởng.** Mỗi đệ tử đều có cách sắp xếp cuộc sống của mình, và một số đã chọn lãnh vực phụng sự. Nếu y không có một lãnh vực như thế thì y không phải là một đệ tử. Lãnh vực đó có thể là ở nhà, ở trường học hoặc một lãnh vực nào khác rộng lớn hơn, nhưng đó là một vị trí rõ ràng mà y có thể thi thố những gì có nơi mình. Trong cuộc sống thiên định của mình và nhờ sự giao tiếp với các bạn đồng môn, có lẽ vị đệ tử tiếp nhận được một số ý tưởng quan trọng, cho thể gian. Lập tức y nắm bắt ý tưởng đó và

tìm cách hội nhập ý tưởng này vào mục tiêu và kế hoạch cho đời sống của y. Đối với y, tư tưởng này có thể không có công dụng rõ rệt, và không phải là tư tưởng giúp cho y hoạt động. Việc quá hoạt động của thể trí người đệ tử, có lẽ chịu trách nhiệm cho việc nắm bắt ý tưởng như thế của y. Mọi ý tưởng được cảm nhận và tiếp thu tất nhiên không phải là các ý tưởng mà mỗi đệ tử sẽ theo đó mà hành động. Vị đệ tử luôn luôn không hiểu được điều này. Do đó y tiếp nhận ý tưởng và cố gắng hội nhập nó vào kế hoạch của mình và cố gắng hoạt động với các năng lượng mà y không được thích hợp về mặt khí chất. Y áp đặt một dòng năng lượng lên thể trí của mình mà y không thể đối phó được, nên sau đó tai họa xảy đến. Nhiều đệ tử ưu tú để lộ thể trí quá sung mãn, quá linh hoạt này và không đạt đến các mục tiêu kiến tạo tốt đẹp hoặc hoạt động trong sự sống. Họ tiếp nhận mọi ý tưởng đến theo cách riêng của họ, và không dùng đến bất cứ sự phân biện nào. Đây là ảo tưởng do họ thu lượm.

Nguyên nhân là hiểu biết một cách ích kỷ về cái tiểu ngã, cho dù điều này không được hiểu rõ và vị đệ tử rơi vào ảo cảm bởi ý tưởng về các quan tâm không ích kỷ của riêng y.

Cách chữa trị là tập tính khiêm tốn.

64 6.- *Do việc thể hiện sai lầm các ý tưởng.* Trước tiên điều này có liên quan với các khó khăn mà các linh hồn tiến hóa gặp phải, họ là những kẻ thực sự tiếp xúc với cõi trực giác, họ thực sự trực nhận được với các ý tưởng tâm linh cao siêu, và họ có trách nhiệm biểu lộ các ý tưởng này dưới một số hình thức, một cách tự động và ngẫu nhiên, qua một hoạt động có luyện tập có nhịp nhàng của linh hồn và thể trí, vốn luôn luôn hoạt động kết hợp chặt chẽ với nhau. Ý tưởng được tiếp

nhận, nhưng bị khoác lên một cách sai lầm bằng chất trí, do đó khởi đầu một cách sai lầm trên đường đi đến việc thể hiện. Thí dụ nó thấy chính mình hội nhập hình tư tưởng của nhóm với màu sắc, chủ âm và chất liệu hoàn toàn không thích hợp với biểu hiện đúng của nó. Điều này xảy ra thường hơn là bạn có thể nghĩ. Nó liên quan đến việc giải thích cao siêu về một ẩn dụ của Ấn giáo: Tốt hơn là làm tròn thiên chức riêng của mình hơn là thiên chức của người khác.

Đây là ảo tưởng do sự phân biệt sai lầm khi có liên quan đến vật chất.

Nguyên nhân là thiếu luyện tập huyền môn trong hoạt động sáng tạo.

Cách chữa trị là áp dụng phương pháp của cung năm là các phương pháp thuộc cõi trí.

Hình thức lỗi lầm này ít khi xảy ra cho người tìm đạo bậc trung và có liên hệ đến một ảo tưởng vốn được áp dụng để thức thách các đệ tử được điểm đạo ở trình độ khá cao. Người đệ tử tâm thường như là bạn và các kẻ khác trong nhóm, ít khi tiếp xúc được với tư tưởng thuần túy và do đó ít khi cần thể hiện nó.

7.- Do áp dụng sai ý tưởng. Hình thức ảo tưởng này thường tấn công vào vị đệ tử biết bao! Đệ tử tiếp nhận một ý tưởng bằng trực giác và cũng bằng sự sáng suốt (hãy chú ý sự khác nhau được diễn tả ở đây) nhưng lại áp dụng sai ý tưởng đó. Có thể, đây là một khía cạnh của ảo tưởng tổng hợp hay là ảo tưởng của toàn bộ cõi trí khi con người hiện đại tiếp xúc với cõi đó. Ảo tưởng thay đổi hết thời này đến thời khác, tùy theo những gì mà Thánh Đoàn đang nỗ lực thực hiện, hay tùy theo khuynh hướng chung của tư tưởng con người. Do

đó, vị đệ tử có thể bị lôi cuốn vào hoạt động sai lầm và áp dụng sai các ý tưởng vì ảo tưởng chung (phát xuất từ sáu loại ảo tưởng mà tôi đã đề cập trên) đang chi phối quá mức trong trí vị đệ tử.

Tôi có thể tiếp tục bàn rộng về các cách thức mà theo đó ảo tưởng lừa gạt vị đệ tử khinh suất (không thận trọng), nhưng điều nói trên đã đủ để nhắc nhở bạn là cách phân tích có tính xây dựng sẽ hướng dẫn bạn từ hiểu biết đến minh triết. Chúng ta đã ghi nhận có bảy đường lối chính của ảo tưởng như sau:

- 1.- Cách nhận thức sai lầm.
- 2.- Cách diễn giải sai lầm.
- 3.- Cách chiếm hữu sai lầm.
- 4.- Cách định hướng sai lầm.
- 5.- Cách hội nhập sai lầm.
- 6.- Cách thể hiện sai lầm.
- 7.- Cách áp dụng sai lầm.

Đây là các bước thứ ba hướng về sự biểu lộ. Hình thức biểu lộ cũng được phẩm định. Bảy cách của ảo tưởng được tạo ra như thế đó.

Ở đây, tôi đã vạch ra cho bạn các nguyên nhân và các loại ảo tưởng khác nhau mà vị đệ tử có khuynh hướng mắc phải. Dưới hình thức thuần túy của nó, bạn hẳn sẽ gặp phải ảo tưởng này và một ngày nào đó nó phải được vượt qua; nó phải bị vị đệ tử có điểm đạo cô lập và xua đi. Chính nỗ lực thành công cuối cùng để làm điều này đã đưa Đức Jesus lên Thập Giá để thoát lên các lời lẽ có vẻ đau khổ ở bề ngoài. Sau cùng, Ngài đã xua tan được ảo tưởng của cá nhân, Thượng

66 Để bên ngoài (objective Deity). Vào lúc đó, Ngài hoàn toàn có

được ý thức rằng Ngài là chính Thượng Đế, không còn gì khác nữa; triết lý về sự hợp nhất do Ngài phác họa trong Phúc Âm của Thánh John, chương XVII, thực sự là một sự thật hiển nhiên trong tâm thức riêng của Ngài, được thiết lập một cách vững chắc. Tuy nhiên trong chứng nghiệm vô biên và tối thượng này có một thoáng chốc ý thức về sự mất mát và sự chối bỏ, do phạm ngã đang hấp hối của Ngài thúc đẩy, khiến Ngài thốt ra các lời khác thường vốn gây bối rối, đồng thời có tính cách an ủi rất nhiều. Điều này có nghĩa là Ngài đã vượt qua được ảo tưởng tổng hợp cuối cùng. Khi ảo tưởng tổng hợp đó đã bị xua tan, thì cái ảo tưởng theo cách hiểu trong gia đình nhân loại cũng biến mất. Con người không còn bị ràng buộc nữa. Áo tưởng của cõi trí không còn phỉnh gạt được nữa. Thể trí con người lúc bấy giờ là một khí cụ trong sạch để phản chiếu lại ánh sáng chân lý. Áo tưởng cõi cảm dục không còn kiểm giữ nữa, và chính thể cảm dục cũng tự tàn tạ đi.

Bạn hãy nhớ lại rằng trong bộ sách “Luận về Huyền Linh Thuật” tôi có nói rằng chính thể cảm dục cũng là một ảo tưởng. Đó là cách lý giải về thể trí có tính lừa gạt trên cõi trí đối với những gì mà chúng ta gọi là toàn thể các dục vọng của con người trong lúc nhập thể. Khi ảo tưởng và ảo cảm đều được vượt qua thì thể cảm dục tàn phai trong ý thức nhân loại. Không một dục vọng nào còn bị bỏ lại cho bản ngã chia rẽ. Trí cảm (kama-manas) tan biến, bấy giờ con người được xem như là chính yếu gồm có linh hồn-thể trí-não bộ, trong phạm ngã. Đây là một đại bí nhiệm. Ý nghĩa của nó chỉ có thể được hiểu rõ khi con người đã kiểm chế được phạm ngã của mình và loại bỏ được mọi khía cạnh của ảo cảm và ảo tưởng. Điều này thành tựu được nhờ sự rèn luyện. Sự chế

ngự này được đạt tới bằng sự kiểm chế. Việc loại bỏ dục vọng xảy ra bằng sự thả bỏ một cách quyết tâm. Do đó, hồi huynh đệ, hãy bắt đầu hành động rồi sau đó vấn đề tất nhiên sẽ sáng tỏ.

67 Như bạn đã biết rõ, đối cực của ảo tưởng chính là trực giác. Trực giác là sự nhận thức về thực tại, chỉ có thể có được khi ảo cảm và ảo tưởng không còn nữa. Một phản ứng phát xuất từ trực giác đối với chân lý sẽ xảy ra – theo một đường lối đặc biệt để tiếp cận với chân lý – khi vị đệ tử đã thành công trong việc làm tắt được khuynh hướng tạo ra hình tư tưởng của thể trí, để cho ánh sáng từ các cõi tâm linh cao siêu có thể tuôn xuống trực tiếp mà không bị lệch đi. Người ta có thể bắt đầu cảm nhận sự hiện hữu của trực giác khi ảo cảm không còn bám chặt vào phàm ngã, và các ham muốn cao siêu hoặc thấp kém của con người, vốn được diễn giải bằng sự xúc cảm hoặc duy ngã, không còn chen vào giữa ý thức não bộ với linh hồn nữa. Giây phút phù du của sự tự do cao siêu này thỉnh thoảng xảy đến với những người tìm đạo chân chính trong khi họ phấn đấu với sự sống. Bấy giờ họ có được một ánh chớp hiểu biết bằng trực giác. Đường nét của tương lai và bản chất của chân lý trong thoáng chốc lướt qua tâm thức họ, và sự sống không bao giờ trở lại một cách chính xác như trước. Họ có sự đoan chắc rằng mọi cuộc đấu tranh đều được biện minh và đều có phần thưởng thích hợp của nó.

Như có nêu ra trong bảng biểu (trang 41), cái xua tan được ảo tưởng và thay thế nó bằng nhận thức tâm linh đích thực và không thể sai lầm, chính là Sự nhập định (contemplation) – tất nhiên sự nhập định này do linh hồn xúc tiến. Có thể đạt đến một số hiểu biết về trình tự phát triển, nếu bạn

hiểu rằng toàn thể tiến trình thiền định (gồm ba phần chính của nó) có thể được chia như sau:

- 1.- Người tìm đạo Con đường dự bị Định trí.....Ảo lực (Maya)
- 2.- Vị đệ tử Con đường đệ tử Tham thiền ..Ảo cảm glamour)
- 3.- Đệ tử điểm đạo... Con đường điểm Nhập định ...Ảo đạo tưởng (Illusion)

Bảng liệt kê trên sẽ đủ để nêu ra sự liên hệ giữa tiến trình thiền định (như đã được phác thảo và giảng dạy trong Trường Nội Môn) với vấn đề mà tất cả các bạn đều phải đối phó.

- 68 Phương pháp xua tan ảo tưởng mà vị đệ tử điểm đạo (đạo đồ) dùng đến là phương pháp nhập định. Nhưng nếu bạn không phải là đệ tử được điểm đạo thì có ích gì khi tôi đem điều này bàn với bạn? Liệu nó có thể làm lợi cho bạn chút nào hay nó chỉ làm thỏa mãn tính hiếu kỳ của bạn, nếu tôi chỉ cho bạn các tiến trình đặc biệt mà linh hồn sử dụng trong lúc nhập định để thấu nhập vào và (nhờ tác động của ý chí có luyện tập và nhờ một số công thức của cung một) để xua tan ảo tưởng? Tôi không thể tưởng tượng được gì cả.

Do đó, tôi sẽ đúc kết các nhận xét của tôi về điều này liên quan đến ảo tưởng theo khía cạnh về tình trạng tiến hóa của bạn. Hiện nay, ảo cảm là vấn đề của bạn cũng như là vấn đề của thế giới. Một số các bạn có thể trí đang ở trong tiến trình tổ chức, nên có thể chịu đau khổ phần nào do ảo tưởng, nhưng vấn đề chính của bạn – với tư cách một nhóm và với tư cách các cá nhân – là vấn đề ảo cảm. Lãnh vực kinh

nghiệm sống của bạn ở trên các cõi phụ cao của cõi cảm dục. Nhiệm vụ của bạn là vượt qua ảo cảm, mỗi một trong các kiếp sống riêng của bạn và với tư cách một nhóm, sau đó tiến tới nhiệm vụ khó khăn đó là giúp xua tan ảo cảm thế giới. Sau này bạn có thể làm được điều này, nếu bạn chịu khó luyện tập và với tư cách cá nhân, am hiểu và chế ngự được các ảo cảm riêng của bạn. Ngay khi bạn bắt đầu làm được điều này, tôi mới có thể bắt đầu sử dụng bạn với *tư cách một nhóm*. Nhưng trước khi bạn có thể tham dự vào việc xua tan ảo cảm thế giới, bạn phải hiểu biết rõ ràng hơn và dứt khoát chế ngự cho được các ảo cảm và ảo tưởng của phàm ngã bạn. Nay đã đến lúc tôi giúp bạn đối phó một cách quyết liệt hơn với vấn đề ảo cảm này, với quan điểm đối với việc phụng sự được dành riêng cho nhóm của bạn chứ không phải với quan điểm giải thoát cho riêng bạn...

Do đó, tôi đòi hỏi các bạn bắt đầu làm việc với sự can đảm và quyết tâm mới mẻ, với sự hiểu biết mới mẻ để tiếp tục trong nhiều năm. Bạn có sẵn sàng dành hết nỗ lực cho công việc không? Vì đây là nhiệm vụ.

69

2.- Ảo cảm trên cõi cảm dụcẢo cảm

Tôi đã bàn đến vấn đề ảo tưởng, tức là ảo cảm trên cõi trí. Tôi đã bàn đến vấn đề này một cách súc tích và vắn tắt, để thấy rằng, trước tiên đó không phải là vấn đề chính của nhóm người tìm đạo này— cùng với người tìm đạo trên thế giới, tức nhân loại – mà là trước tiên họ bận tâm với ảo cảm. Những người tìm đạo này thuộc hàng tiên phong trong nhân loại, có nhiệm vụ đương đầu với ảo cảm thế giới và vạch ra một con đường xuyên qua ảo cảm, họ có nhiệm vụ phóng rải năng lượng linh hồn và sức mạnh trí tuệ. Trong số các linh

hồn đi tiên phong này, bạn nên chọn vị thế của bạn, nhận thức được tầm quan trọng của cơ hội và giờ giải thoát sắp tới.

Bạn đang đứng trên ranh giới của vị đệ tử nhập môn. Điều này có nghĩa là chẳng bao lâu nữa bạn sẽ phải đưa thêm vào trận chiến với ảo cảm của bạn, những cái của trận chiến với ảo tưởng. Bạn có đủ mạnh để làm điều này không? Đừng quên rằng, vị đệ tử là kẻ đang đối phó với khát vọng của phàm ngã mình và cũng là kẻ đang vật lộn với các vấn đề đang tạo ra kết quả do sự an trụ vào thể trí và sự hiểu biết và với các năng lượng đang trở nên linh hoạt do sự tiếp xúc với linh hồn, đang nhanh chóng trở thành một phàm ngã hội nhập. Do đó nhiệm vụ của y thì không dễ dàng chút nào và cần sự hoạt động có tập trung của bản ngã tốt đẹp của mình. Với câu này tôi muốn nói đến linh hồn và phàm ngã có đạo tâm.

Các bạn đã đang chiến đấu ở mức độ nào đó với ảo tưởng của các ý tưởng mà tôi đã bàn đến trong giáo huấn trước đây của tôi. Như vậy bạn đang bắt đầu mở tính phân biệt, tính này sẽ đưa bạn đến việc chọn đúng chủ đích của cuộc sống. Trong giáo huấn này, tôi tìm cách đưa ra một ít ánh sáng về ảo cảm mà đệ tử đang đối phó với tư cách một cá nhân, và cũng xét khía cạnh của ảo cảm mà đệ tử phải đối phó với tư cách người phụng sự thế gian đang tập huấn.

Nói một cách tượng trưng, tôi muốn nói rằng thể cảm dục hành tinh (nhìn từ các mức độ của linh hồn) bị mất hút
70 trong vực sâu của sương mù bao quanh. Ban đêm khi nhìn lên bầu trời quang đãng, bạn nhận thấy các tinh tú, các mặt trời và các hành tinh đang tỏa chiếu với độ sáng lạnh trong và với ánh sáng nhấp nháy đi xuyên qua nhiều triệu dặm

(hay năm ánh sáng như thường gọi) đến khi mắt người ghi nhận được chúng và ghi nhận sự tồn tại của các ngôi sao đang chiếu này. Tuy nhiên, khi nhìn vào thể cảm dục của hành tinh, nếu các bạn có thể làm thế, bạn sẽ không thấy được sự chiếu sáng trong suốt như thế đâu mà chỉ thấy một quả cầu lò mò dường như hơi nước và sương mù. Sương mù này dày đặc cho thấy chẳng những khó thâm nhập vào mà còn cho thấy các điều kiện không thích hợp cho sự sống. Tuy nhiên vốn là các Chân Sư nội môn, chúng tôi vượt qua được, và trong đám sương mù đó – nhìn thấy tất cả đều bị biến dạng và méo mó – các con của nhân loại đang cố gắng làm việc. Một số người quen thuộc với sương mù và độ dày đặc này đến nỗi họ không biết có nó nữa, mà xem nó như là vị trí đúng, tốt và là vị trí không thể thay đổi trong cuộc sống hằng ngày của họ. Những người khác nắm bắt được tia sáng yếu ớt của một thế giới sáng sủa hơn, trong đó các hình thể hoàn hảo hơn được nhận thấy và nơi đó sương mù không còn che giấu thực tại được nhận thức một cách mơ hồ nữa – mặc dù có những điều về thực tại đó có lẽ họ chưa biết được. Vẫn còn những người khác, đó chính là các bạn, nhìn thấy trước mắt bạn một con đường thênh thang đưa đến ánh sáng tỏ rạng ban ngày. Tuy nhiên, các bạn chưa biết là trong khi bước trên đường đạo, thì ngay chính trên Đường Đạo, các bạn phải làm việc một cách tích cực và sáng suốt với ảo cảm đang bao quanh, nơi theo con đường được hướng dẫn bởi những người đã tự mình thoát ra khỏi sương mù vây bọc và bước vào một thế giới có các chân trời trong sáng. Rất nhiều thời gian mà các đệ tử đã trải qua trên Đường Đạo là một tiến trình hầu như chìm đắm theo chu kỳ vào trong ảo cảm và sương mù, xen kẽ với những giờ phút sáng suốt và nhìn xa trông rộng.

Có bốn điều mà bạn tức là kẻ đang tìm cách làm việc với ảo cảm cần hiểu rõ, bốn nhận thức căn bản mà khi thấu triệt được, sẽ giúp làm sáng tỏ và do đó làm thông suốt con đường của bạn:

1.- Mỗi người đang đứng trong một thế giới bị ảo cảm bao quanh, đó là do kết quả của :

a. Quá khứ của riêng y, với sự suy tư sai lầm, các ham muốn ích kỷ và hiểu sai mục đích của sự sống. Đang thiếu hay đã thiếu hiểu biết về mục tiêu đã định của cuộc sống mà linh hồn đã dự kiến và không thể làm gì được cho đến khi có được cơ cấu hoàn thiện hơn của thể trí.

b. “Cuộc sống đầy ham muốn” của gia đình y trong cả quá khứ lẫn hiện tại. Cuộc sống này trở nên ngày càng mạnh khi sự tiến hóa nối tiếp, và cuộc sống đầy ham muốn của đơn vị gia đình trở nên nổi bật và được quá chú trọng, bấy giờ tạo thành các khuynh hướng và đặc điểm tâm lý rõ rệt và có tính cách di truyền.

c. Ảo cảm quốc gia vốn là toàn thể cuộc sống đầy dục vọng, cộng với các ảo tưởng của bất cứ quốc gia nào. Chúng ta gọi các điều này là các đặc trưng của quốc gia, chúng rất bền bỉ và nổi bật đến nỗi chúng thường được nhận biết như là những nét tâm lý biểu hiện cho quốc gia đó. Dĩ nhiên các điều này dựa vào các khuynh hướng của cung, lịch sử đã qua và các mối liên hệ hỗ tương trên thế giới, mà còn tạo ra trong chính chúng một tình trạng ảo cảm vượt ngoài những gì mà mọi quốc gia phải hành động khi quốc gia đó tiến về hướng nhận thức (và đồng nhất hóa) với thực tại.

d. Việc mở rộng ý tưởng trên thành những gì mà chúng ta gọi là ảo cảm chủng tộc (racial glamour), dùng từ ngữ

72 chúng tộc để chỉ nhân loại. Điều này tạo ra một ảo cảm rất xưa cũ hay hầu như một loạt các ảo cảm, với các dục vọng ăn sâu, một số loại ham muốn mãnh liệt và các hình thể nhân tạo rõ rệt mà – với tính cách uyển chuyển, bao bọc và nhịp nhàng với sự sống năng động – đang tìm cách nắm giữ ý thức nhân loại trên cõi cảm dục. Một quan niệm có tính chất ảo cảm như thế là quan niệm về tiền tài và giá trị của nó có tính vật chất. Ham muốn thuộc ảo cảm này giống như sương mù dày đặc phân tán khắp nơi, ngăn chặn linh thị về chân lý và làm lệch lạc một số lớn các giá trị của con người.

2.- Đám sương mù, tức ảo tưởng này hiện nay đang bao phủ nhân loại, phải được nhận thức như là điều có thực rõ rệt và phải được giải quyết. Vị đệ tử hay người tìm đạo tức là kẻ đang tìm cách xua tan ảo cảm, hoặc là trong cuộc sống riêng của y hoặc là dưới hình thức công cuộc phụng sự thế gian, phải biết rằng mình đang tác động với vật chất, với việc phá vỡ các hình thức mà vật chất đã khoác vào và với việc làm tan chất liệu đang bao kín tất cả bằng vật chất – chất liệu theo cùng ý nghĩa như các hình tư tưởng đều là các sự vật có thật nhưng (và đây là một điểm quan trọng) có ít bản chất thực tế hơn là các hình thức ảo cảm trên cõi cảm dục. Chúng ta rất sẵn sàng ghi nhớ rằng “tư tưởng là sự vật” và tư tưởng có một sự sống sắc tướng và một mục tiêu riêng của chúng. Nhưng tư tưởng có sự tồn tại độc đáo và riêng biệt hơn, và có các đường nét xác định rõ rệt hơn. Các hình thức của ảo cảm trên cõi cảm dục thậm chí còn có thực hơn, nhưng lại ít được xác định một cách rõ rệt. Các hình tư tưởng đều năng động, sắc sảo đường nét rõ ràng. Ảo cảm thì lại âm ỉ, mơ hồ và phủ kín. Con người bị đắm chìm trong ảo cảm như là trong biển cả hay là trong “biển sương mù”. Con người đương đầu hay

đối mặt với các hình tư tưởng, nhưng không bị đắm chìm trong đó. Hầu như có thể nói rằng thể cảm dục của một người xuất hiện như là một phần của ảo cảm chung của thế giới; con người khó phân biệt giữa thể cảm dục riêng của mình với các ảo cảm đang tác động, chế ngự và nhận chìm y. Vấn đề của y trên cõi trí được xác định rõ ràng hơn, dù là cũng có sự khó khăn như nhau.

73 3.- Ảo cảm thuộc cõi cảm dục là một hình thức năng lượng và là một năng lượng rất mạnh nhờ vào ba nhân tố:

a. Nó có một nhịp điệu cổ xưa, có sẵn trong chính chất liệu cảm dục, điều khó khăn nhất cho con người là biết hay hiểu được nó. Đó là kết quả của hoạt động lâu dài của dục vọng con người.

b. Đó là phần kết hợp của bản chất năng lượng riêng của một người và do đó tạo ra cho y đường lối ít bị đối kháng nhất; đó là một phần của tiến trình lớn lao của thế giới và do đó cũng là một phần của tiến trình cuộc sống cá nhân. Trong chính nó, không có sự sai lầm mà là một khía cạnh của thực tại. Tất nhiên nhận thức này làm phức tạp cho ý tưởng của con người về việc đó.

c. Rõ ràng là ảo cảm cũng có bản chất của thời Atlantis đã đưa tới một trình độ phát triển rất cao trong giống dân đó. Do đó, sau rốt ảo cảm chỉ có thể bị xua tan khi giống dân Aryan dùng đúng phương pháp. Cá nhân nào muốn học cách xua tan ảo cảm, đều phải làm được hai điều:

1. Trụ lại trong bản thể tâm linh (spiritual being)
2. Giữ cho thể trí ổn định trong ánh sáng.

Từ điểm này, người ta thấy rõ là năng lượng của cõi cảm dục khi nó tự biểu hiện trong sự sống dục vọng có cảm thức

của chúng tộc sẽ tạo ra các ảo cảm chính của nhân loại, và chỉ có thể xua tan, phân tán và trục xuất bằng cách đưa vào năng lượng cao siêu của thể trí do linh hồn kích động.

4.- Các ảo cảm đang cầm giữ nhân loại trong cảnh nô lệ là :

- a. Ảo cảm về tính duy vật (materiality).
- b. Ảo cảm về tình cảm (sentiment).
- c. Ảo cảm về sự sùng tín (devotion).
- d. Ảo cảm về các cặp đối hợp (pairs of opposites).
- e. Ảo cảm về Thánh Đạo.

Bây giờ tôi xin giải thích rõ thêm một ít về các ảo cảm này.

Ảo cảm về tính duy vật là nguyên nhân của mọi thống khổ hiện tại trên thế gian, vì cái mà chúng ta gọi là vấn đề kinh tế chỉ là kết quả của ảo cảm đặc biệt này. Qua nhiều thời đại, ảo cảm này đã làm cho nhân loại ngày càng chú trọng đến nó, cho đến ngày nay, toàn thể thế giới đã bị lôi cuốn vào nhịp điệu quan tâm đến tiền tài. Có một nhịp điệu xuất phát từ các cảnh giới linh hồn luôn luôn hiện hữu, do các Vị đã thoát khỏi sự kiềm chế của nhu cầu vật chất, thoát khỏi sự nô lệ cho tiền tài và thoát khỏi việc ưa thích của cái, tạo ra. Ngày nay, nhịp điệu cao siêu đó đang cân xứng với nhịp điệu thấp kém của ảo cảm và vì vậy toàn thể giới đang suy tư để thoát ra khỏi ngõ cụt vật chất hiện nay. Các linh hồn này đang đứng trong ánh sáng trên đỉnh núi cao của giải thoát, những người này đang tiến lên, vượt ra khỏi sương mù của tính duy vật, hiện nay đang có đủ số người này để thực hiện một số việc liên quan tới việc xua tan ảo cảm này. Ảnh hưởng của các tư tưởng và lời lẽ cùng cách sống của họ có thể sẽ mang

lại việc điều chỉnh các giá trị, một mẫu mực sinh hoạt mới cho nhân loại, dựa vào nhân quang sáng suốt, nhận thức chính xác về sự cân đối và hiểu được bản chất đích thực của mối liên hệ hiện có giữa linh hồn với sắc tướng, giữa tinh thần với vật chất. Đó là những gì sẽ đáp ứng cho nhu cầu vốn thiết yếu và có thực, luôn hiện hữu bên trong thiên cơ. Đó là những gì không cần thiết cho sự biểu lộ đúng của thiên tính và cho cuộc sống đầy đủ và phong phú có thể thu lượm được và có thể sở đắc được, nhưng chỉ qua việc đánh mất cái đích thực và chối bỏ cái thiết yếu.

75 Tuy nhiên, các đạo sinh cần phải nhớ những gì tất phải thay đổi theo giai đoạn tiến hóa mà một cá nhân đã đạt được. Thí dụ đối với một số người thì việc chiếm hữu vật chất có thể vừa là một kinh nghiệm tâm linh to tát vừa là một ông thầy có uy lực trong quá trình biểu lộ sự sống (life expression) giống như các nhu cầu cao siêu hơn và ít thiên về vật chất hơn của nhà thần bí hoặc vị ẩn sĩ. Chúng ta được đánh giá theo hành động và quan điểm tùy theo vị trí của chúng ta trên nấc thang tiến hóa. Chúng ta thực sự được đánh giá bởi quan điểm của chúng ta chứ không phải bởi sự đòi hỏi của chúng ta về sự sống. Người nào có thể trí phát triển về tâm linh, người nào đã đặt chân lên Con Đường Dụ Bị và người nào không cố gắng biểu lộ những gì mình tin tưởng, sẽ bị phê phán một cách chua cay và trả giá đắt như người thuần duy vật – tức là kẻ có các ham muốn tập trung chung quanh của cải cụ thể. Hãy ghi nhớ điều này và đừng ngồi vào chỗ của kẻ phê phán hay là kẻ bị khinh miệt.

Ngày nay, ảo cảm về tính duy vật ít rõ rệt hơn. Nhiều người trên thế giới đang tiếp nhận vô vàn kinh nghiệm và sẽ tìm thấy trong mớ kinh nghiệm đó, loại kinh nghiệm đúng

đần và hạnh phúc thực sự cần cho cách sống hoàn mãn, hiếm hoi biết bao. Ham muốn có được của cải không còn được xem như là một ham muốn đáng tôn trọng như ngày trước nữa, và lòng ham muốn giàu sang không còn tạo ra những cánh tay bám chặt như trước kia trong lịch sử nhân loại. Của cải, tài sản đang tuột ra khỏi những bàn tay mà trước đây đã giữ chặt chúng và chỉ khi nào con người trụ lại với bàn tay không và hiểu được tiêu chuẩn giá trị mới thì họ lại mới có quyền sở hữu tài sản. Khi lòng ham muốn không còn nữa và khi con người không còn tìm kiếm gì nữa cho bản ngã chia rẽ, thì trách nhiệm về tài sản vật chất có thể lại được trao trở lại cho con người, nhưng lúc bấy giờ quan điểm của họ sẽ thoát khỏi ảo cảm đặc biệt đó và đám sương mù của dục vọng cõi cảm dục sẽ giảm bớt đi. Ảo tưởng dưới nhiều hình thức có thể vẫn còn chế ngự, nhưng ảo cảm về tính duy vật sẽ tan biến. Đó là ảo cảm đầu tiên được dự tính làm cho tan biến. Các đạo sinh nên nhớ kỹ rằng mọi hình thức của cải và mọi món đồ bằng

76 vật chất, dù đó là tiền bạc, hay nhà cửa, tranh ảnh hay xe cộ, đều có sự sống bên trong của riêng chúng, có sự phóng phát / bức xạ (emanation) của riêng chúng và có hoạt động mà về căn bản vốn là hoạt động của các cấu trúc nguyên tử có sẵn của riêng chúng (vì một nguyên tử là một đơn vị năng lượng linh hoạt). Điều này tạo ra các đối thể / đối phần (counterpart) trong cõi của sự sống dĩ thái và cảm dục, mặc dù không có trong cõi trí. Các hình thể tinh anh này và các phóng phát riêng biệt làm tăng thêm sức mạnh của dục vọng trên thế gian; chúng góp phần vào ảo cảm thế gian và tạo thành một phần của một thế giới đầy khí độc mạnh mẽ và phong phú, vốn đang ở trên vòng cung tiến hóa hướng hạ, nhưng trong đó nhân loại đầu đang ở trên vòng cung tiến

hóa hướng thượng lại bị nhận chìm. Do đó các Đấng Dẫn Dắt Nhân Loại cảm thấy cần phải ở thế chờ đợi, trong khi các mãnh lực do chính con người tạo ra tiếp tục làm hư hỏng con người và như vậy để cho con người bước vào chỗ hoang sơ. Ở đó, với các hoàn cảnh thiếu thốn, con người có thể điều chỉnh lại cuộc sống của mình và thay đổi cách sinh hoạt, như vậy họ khám phá ra rằng việc thoát ra khỏi của cải vật chất lại đưa tới cái đẹp đẽ và phần thưởng riêng của nó, cùng với niềm vui và sự vinh quang riêng của nó. Như thế con người được tự do để sống cuộc sống bằng tâm trí.

Ảo cảm về tình cảm đang cầm giữ người lương thiện trên thế gian trong vòng nô lệ và trong đám sương mù dày đặc của các phản ứng tình cảm. Nhân loại đã đạt đến trình độ mà những kẻ có chủ đích tốt lành, có một hiểu biết chân chính nào đó và có được trình độ không còn ưa thích bạc vàng (cách nói tượng trưng về ảo cảm của tình trạng vật chất) đang hướng sự ham muốn của họ vào nhiệm vụ, trách nhiệm và của cải của họ lên trên kẻ khác và dành sự cảm thông bằng tình cảm của họ vào bản chất bác ái. Đối với nhiều người, thực ra đối với đa số, lòng bác ái không thực sự là tình thương, mà là một sự pha trộn của việc ham muốn yêu thương và ham muốn được yêu thương, cộng với sự tự nguyện làm bất cứ điều gì để chứng tỏ và gọi ra tình cảm này, và tất nhiên là muốn được thuận tiện hơn trong cuộc sống nội tâm riêng của mình. Lòng ích kỷ của những kẻ muốn trở thành không ích kỷ thì rất lớn. Rất nhiều người đang đóng góp các tình cảm tập hợp chung quanh tình cảm hay ước muốn để chứng tỏ các đặc điểm khả ái và dễ chịu này, chúng sẽ gọi ra được đáp ứng hỗ tương hướng về kẻ muốn trở thành kẻ yêu thương (would-be lover) hay kẻ

- 77 muốn trở thành người phụng sự, tức là những người vẫn còn hoàn toàn bị bao quanh bằng ảo cảm về tình cảm.

Chính tình thương giả tạo này, trước tiên dựa vào thuyết lý của tình thương và phụng sự, vốn tiêu biểu cho rất nhiều mối liên hệ của con người, thí dụ tình thương hiện có giữa vợ chồng, giữa cha mẹ với con cái. Bị mê hoặc do tình cảm của họ đối với con cái và vì ít hiểu biết về tình thương của linh hồn, tình thương này không lệ thuộc vào chính nó đồng thời cũng để cho kẻ khác được tự do, họ lạc vào đám sương mù dày đặc, thường lôi kéo theo họ những người mà họ muốn phụng sự ngõ hầu thu hút được sự đáp ứng bằng cảm tình. Hỡi huynh đệ, hãy nghiên cứu thuật ngữ “cảm tình” này và xem ý nghĩa đích thực của nó như thế nào. Cảm tình (affection) không phải là tình thương (love). Đó là sự ước muốn mà chúng ta biểu lộ qua một nỗ lực của thể cảm dục và hoạt động này có ảnh hưởng đến các giao tiếp của chúng ta, đó không phải là sự không ham muốn tự phát của linh hồn, vốn không đòi hỏi điều gì cho cái ngã thích chia rẽ. Ảo cảm về tình cảm này giam nhốt và làm bối rối tất cả những người tử tế trên thế gian, áp đặt vào họ các nghĩa vụ vốn không có thật, tạo ra một ảo cảm mà sau rốt phải được xua tan bằng việc tuân đổ tình thương chân chính và không ích kỷ.

Tôi chỉ đề cập một cách vắn tắt đến các ảo cảm này để mỗi người trong các bạn có thể thảo chi tiết ra cho chính bạn, và khi làm như thế, bạn sẽ khám phá ra mình đứng nơi nào trong thế giới sương mù và ảo cảm. Như vậy, với sự hiểu biết, bạn có thể bắt đầu tự mình thoát ra khỏi ảo cảm của thế gian.

Ảo cảm về sùng tín làm cho nhiều đệ tử dự bị đi quanh co chung quanh cõi dục vọng. Trước tiên đây là một ảo cảm đang tác động đến người thuộc cung sáu, và vào lúc này nó đặc biệt mạnh do bởi hoạt động lâu đời của cung sáu, Cung Sùng Tín, trong khi Kỷ Nguyên Song Ngư đang trôi qua nhanh chóng. Ngày nay đó là một trong các ảo cảm mạnh mẽ của người tìm đạo thực sự sùng tín. Họ tận tụy vì một sự nghiệp, với một vị thầy, với một tín điều, với một con người, với một nghĩa vụ hay với một trách nhiệm. Hãy suy gẫm điều này. Ước muốn vô tổn hại này đi theo một đường lối nào đó của chủ nghĩa duy tâm vốn đang đương đầu với họ trở nên có hại rõ rệt cả cho chính họ lẫn cho những người khác, bởi vì do ảo cảm sùng tín này mà họ dao động trong nhịp điệu của ảo cảm thế gian mà bản thể vốn là sương mù của dục vọng. Lòng ham muốn mạnh mẽ theo bất cứ đường lối nào, khi nó xóa bỏ tầm nhìn rộng rãi và khép con người trong cái vòng tròn nhỏ bé của ước muốn riêng của mình cốt thỏa mãn tình cảm tôn sùng của mình, điều đó cũng chỉ có tính cách ngăn cản như bất cứ ảo cảm nào khác, và thậm chí còn nguy hại hơn vì cái màu sắc đẹp đẽ mà đám sương mù khoác lên đó. Con người bị cuốn hút trong đám sương mù cuồng nhiệt do chính mình tạo ra, sương mù này vốn tỏa ra từ thể cảm dục của y, nó được tạo nên do việc lãng mạn hóa bản chất riêng của y về ước muốn của riêng y và lòng tôn sùng dành cho đối tượng lôi cuốn sự chú ý của y.

Đối với người tìm đạo chân chính, nhờ sức mạnh ngày càng tăng của tần số rung động của họ, tình cảm tôn sùng này có thể trở nên đặc biệt khó khăn và đưa đến sự giam nhốt lâu dài. Điều này được giải thích là tình cảm tôn sùng đang tuôn ra trong trạng thái xuất thần do ảo cảm của các đệ tử dự

bị dựa vào các Chân Sư Minh Triết. Chung quanh tên gọi của các thành viên của Thánh Đoàn và chung quanh công việc của các Ngài và công việc của các đệ tử điểm đạo và các đệ tử tuân giới luật (hãy để ý câu này) một ảo cảm phong phú được tạo ra đang ngăn chặn các Chân Sư không cho đến được đệ tử hay không cho đệ tử đến gần được Chân Sư. Không thể nào xâm nhập vào ảo cảm dày đặc của lòng tôn sùng, đang rung động với sự sống ngậy ngất mãnh liệt, đang tỏa ra từ năng lượng có tập trung của đệ tử, vẫn đang hoạt động qua bí huyết nhật tùng.

Đối với ảo cảm này có một số qui luật cổ xưa: Hãy giao tiếp với Đại Ngã qua trung gian của Chân Ngã và như thế quên đi phàm ngã, cùng các phản ứng, các ham muốn và các ý định của phàm ngã. Hoặc là lòng bác ái của linh hồn không bị phàm ngã hóa bằng bất cứ cách nào và không tìm kiếm sự thừa nhận nào, lúc bấy giờ mới có thể tuôn đổ vào cõi ảo cảm đang bao quanh kẻ sùng tín và đám sương mù của lòng sùng tín của y (mà y lấy làm hãnh diện vì đó) mới tan biến được.

Trên Con Đường Dự Bị sẽ có lúc xảy ra sự dao động rõ rệt giữa các cặp đối hợp cho đến khi tìm được con đường trung dung. Hoạt động này tạo ra *ảo cảm về các cặp đối hợp*, vốn có bản chất trọng trực, tối tăm, đôi khi đượm vẻ vui tươi, phúc lạc, đôi khi có vẻ ảm đạm, gây thất vọng, khi vị đệ tử bị dao động giữa các nhị nguyên tính này. Tình huống này tiếp tục tồn tại (persists) khi nào còn đặt nặng vào *tình cảm* (feeling) – mà tình cảm này sẽ diễn ra trên cung bậc giữa sự vui mừng mãnh liệt khi vị đệ tử tìm cách đồng nhất hóa chính mình với đối tượng tôn sùng của mình hay đạo tâm, hoặc không làm được những điều đó, do đó, ngã quy trước thất vọng đen tối nhất và nhận chịu sự thất bại. Tuy nhiên, tất

cả những điều này có bản chất cảm dục và có tính chất dục vọng chứ không có tính chất linh hồn một chút nào. Trong nhiều năm và đôi khi trong nhiều kiếp sống, người tìm đạo vẫn còn bị giam nhốt trong ảo cảm này. Việc thoát ra khỏi thế giới xúc cảm và việc đệ tử an trụ vào thế giới của trí giác ngộ sẽ xua tan ảo cảm này, nó vốn gắn liền với đại tà thuyết chia rẽ. Thời điểm mà con người tách sự sống của mình ra làm ba (tất nhiên y phải đối phó với các cặp đối hợp và tự đồng hóa mình với một trong các cặp đó) y sẽ không chống nổi với ảo cảm chia rẽ. Có lẽ quan điểm này có thể giúp ích hay là có lẽ nó vẫn còn là một bí nhiệm đối với bí mật của ảo cảm thế gian, ẩn giấu trong ý tưởng rằng sự phân chia làm ba này đang che giấu cái bí mật sáng tạo. Chính Thượng Đế đã tạo ra các cặp đối hợp – tinh thần và vật chất– và Ngài cũng tạo ra con đường trung dung, đó là con đường của trạng thái ý thức hay trạng thái linh hồn. Hãy suy gẫm kỹ về ý tưởng này.

80 Bộ ba của các cặp đối hợp và của con đường nhỏ hẹp quân bình giữa chúng, tức con đường trung dung cao quý là phản ánh trên cõi cảm dục đối với hoạt động của tinh thần, linh hồn và thể xác; của sự sống, ý thức và hình tướng, ba trạng thái của thiên tính – tất cả đều thiêng liêng như nhau.

Khi người tìm đạo học được cách để tự mình thoát ra khỏi ảo cảm mà chúng ta đã nói đến, thì y lại khám phá ra một thế giới sương mù khác qua đó Thánh Đạo dường như đạt tới và qua đó y phải thấu nhập vào và như vậy tự mình thoát khỏi *ảo cảm của Thánh Đạo*. Hỡi huynh đệ, các ảo cảm này là gì? Nếu bạn muốn biết rõ các ảo cảm đó là gì hãy nghiên cứu ba cám dỗ của Đức Jesus. Hãy nghiên cứu ảnh hưởng mà các trường phái xác định vốn nhấn mạnh về thiên tính (áp dụng về mặt vật chất) đặt vào tư tưởng của thế gian;

hãy tìm tòi về sự thất bại của các đệ tử do sự kiêu hãnh, phức cảm của Đấng Cứu Thế, phức cảm của việc phụng sự và tất cả các lệch lạc khác đối với thực tại mà một người hay gặp phải trên nẻo Đạo, đang ngăn cản sự tiến bộ của y và đang làm hỏng việc phụng sự cho kẻ khác mà y sẽ đem lại. Hãy nhấn mạnh vào thể trí của riêng bạn, tính tự phát của đời sống linh hồn và đừng làm hư nó bằng ảo cảm của đạo tâm cao siêu được giải thích một cách ích kỷ, quá tập trung vào bản ngã, tự mình làm vật hy sinh, sự quá hiếu thắng của bản ngã và sự tự đề cao trong công tác tâm linh – đó là một số ảo cảm trên Thánh Đạo.

Kế tiếp, chúng ta sẽ xét ảo cảm trên cõi dĩ thái và chủ đề về Tổng Quả báo, và như thế hoàn tất phác họa vắn tắt về chủ đề của chúng ta mà phân đầu của giáo huấn này dự tính truyền đạt.

Trước khi đề cập tỉ mỉ đến chủ đề này, tôi muốn đưa thêm vào vấn đề được xem xét trước đây của chúng ta về vấn đề ảo cảm. Trong giáo huấn trước đây, tôi có lọc ra một số chủ đề về các loại ảo cảm khác nhau và để cho bạn tìm hiểu về sự vô cùng quan trọng của chúng trong các kiếp sống riêng của bạn. Chiến trường (đối với người gần đến con đường đệ tử nhập môn hay kẻ đang ở trên con đường đệ tử, nói theo ý nghĩa sách vở) trước tiên là chiến trường của ảo cảm. Đó là vấn đề quan trọng và cách giải quyết nó vốn có sẵn và cấp bách cho mọi đệ tử và người tìm đạo lớn tuổi. Do đó điều hiển nhiên đối với bạn là tại sao tầm quan trọng được đặt ra vào thời Aryan về sự cần thiết của việc nghiên cứu Raja Yoga và tuân theo giới luật của pháp môn này. Chỉ nhờ Raja Yoga mà con người mới có thể đứng vững trong ánh sáng, và chỉ nhờ sự giác ngộ và có được nhãn quan sáng suốt, thì

sương mù và khí độc của ảo cảm, sau rốt mới bị xua tan. Chỉ khi nào vị đệ tử học được cách giữ cho thể trí mình “ổn định trong ánh sáng” và khi các tia sáng trong sạch từ linh hồn tuôn xuống, bấy giờ ảo cảm mới được tìm ra, phân biệt, nhận biết về những gì thiết yếu và như vậy mới được xua tan, giống như sương mù của trái đất, tan rã dưới tia nắng mặt trời đang mọc vậy. Do đó, tôi xin các bạn chú ý nhiều hơn vào việc thiền định của bạn, không ngừng vun trồng khả năng trầm tư (reflect) và có thái độ trầm tư – được giữ ổn định suốt ngày.

Các bạn sẽ tìm được ở đó giá trị thực sự để suy gẫm sâu xa về các mục đích mà trực giác phải được vun trồng và thể trí giác ngộ được phát triển, tự hỏi mình xem các mục tiêu đó có đồng nhất về cứu cánh và đồng bộ về thời gian. Bấy giờ bạn sẽ khám phá ra rằng các mục tiêu của chúng khác nhau, còn các hiệu quả của việc khai mở rõ ràng của chúng trên sự sống phàm ngã cũng khác nhau. Ảo cảm không bị xua tan bằng trực giác, cũng như ảo tưởng không bị vượt qua bằng cách dùng thể trí giác ngộ.

Trực giác là một khả năng cao siêu hơn là trí tuệ và là một khả năng tiềm tàng trong Tam Thượng Thể Tinh Thần; đó là năng lực của lý trí thuần túy, một biểu hiện của nguyên khí trực giác và nằm bên ngoài cõi giới của Chân ngã và của Sắc tướng. Chỉ khi nào con người là đệ tử điểm đạo thì việc rèn luyện trực giác chân chính mới có thể xảy đến một cách bình thường. Bằng điều đó tôi muốn nói rằng lúc ấy trực giác sẽ tác động dễ dàng như là nguyên khí trí tuệ trong trường hợp của người có trí thông minh linh hoạt. Tuy nhiên, trực

Chính sự giác ngộ mà đa số người tìm đạo như là những người trong nhóm này phải tìm kiếm; họ phải vun trồng khả năng sử dụng thể trí như là dụng cụ phản chiếu ánh sáng linh hồn, chuyển hướng nó trên các phân cảnh của ảo cảm và nhờ đó đánh tan nó. Hỡi huynh đệ, thật là khó khăn khi muốn làm như thế ở giữa các thống khổ và các phỉnh lừa của ảo cảm. Nó đòi hỏi sự triệt thoái im lặng vào thể trí và tư tưởng cùng dục vọng từ cõi giới mà phạm ngã quen hoạt động trong đó và tập trung ý thức vào cõi linh hồn, ở đó chờ sự phát triển một cách thâm lặng và nhẫn nại nhờ biết được rằng ánh sáng sẽ tỏa chiếu và sau rốt sự giác ngộ sẽ xảy đến.

Có một nghi ngại sâu xa về phản ứng của con người đối với cuộc sống và hoàn cảnh, khi các phản ứng như thế được khơi dậy, và gây ra sự chỉ trích, chia rẽ hoặc kiêu hãnh, lại có giá trị. Các tính chất liệt kê ở trên là những tác nhân nuôi dưỡng ảo cảm một cách rõ rệt. Về mặt huyền môn, chúng có “đặc tính của ảo cảm”. hãy suy gẫm về điều này. Nếu một người có thể tự mình thoát khỏi ba đặc tính này, tức là y đi đúng con đường để từ bỏ và đánh tan mọi ảo cảm. Tôi chọn các lời này một cách thận trọng với nỗ lực ngăn chặn sự chú tâm của bạn.

Ảo tưởng được xua tan, đánh đổ nhờ việc sử dụng trực giác một cách hữu thức. Vị đệ tử điểm đạo tự cách ly mình ra khỏi thế giới ảo tưởng, ra khỏi các hình hài hư ảo và ra khỏi sự thôi thúc lôi cuốn của bản chất phạm ngã và do đó – qua trung gian của sự cách ly – đến chỗ tiếp xúc được với thực tại trong mọi hình hài mà từ trước đến giờ bị bức màn ảo tưởng che giấu. Đây là một nghịch lý trên Thánh Đạo. Sự cách ly và cô lập đúng cách sẽ đưa đến các tương giao chính đáng và các tiếp xúc trung thực với thực tại. Sau rốt chúng tạo ra sự

83 đồng hóa với thực tại nhờ sự tự cách ly để chống với cái không thực. Chính ý tưởng này ẩn sau giáo huấn đã được đưa ra trong quyển sách cuối trong bộ Điển Tắc Yoga của Patanjali. Các giáo huấn này thường bị giải thích sai lầm và ý nghĩa của chúng bị lệch đi thành sự biện hộ cho loại cách ly sai lầm của những người có khuynh hướng chia rẽ và có mục đích ích kỷ.

Chính linh hồn mới xưa được ảo tưởng qua việc sử dụng trực giác. Chính thể trí giác ngộ mới đánh tan ảo cảm.

Ở đây tôi muốn nêu ra rằng nhiều người tìm đạo có hão ý lại thất bại ở điểm đạo này do hai sai lầm.

1.– Họ quên cách phân biệt giữa ảo tưởng với ảo cảm.

2.– Họ cố gắng xưa tan ảo cảm qua những gì mà họ tin là đúng cách – bằng cách kêu gọi trong linh hồn, trong khi đó thực ra họ chỉ cần sử dụng thể trí thật đúng mà thôi.

Tuy nhiên, khi một người đang ở trong đám sương mù của ảo cảm và ảo tưởng, thì thật là dễ dàng mà ngồi xuống và tự ám thị để tin rằng mình đang “kêu gọi đến linh hồn” hơn là lệ thuộc vào bản chất cảm dục của con người đưa đến hậu quả là khó suy tư liên một mạch, bằng cách dùng thể trí như là dụng cụ để xưa tan ảo cảm. Điều dường như kỳ lạ, là việc “kêu gọi linh hồn” để đối phó trực tiếp với ảo cảm, có thể (và thường xảy ra như thế) đưa đến việc làm tăng thêm nỗi khó khăn. Thể trí là phương tiện mà nhờ đó ánh sáng có thể được mang lại để gánh vác mọi tình huống của ảo cảm, các đạo sinh nên nhớ kỹ ý tưởng này. Tiến trình là phải nối kết thể trí với linh hồn và kể đó cố tự tập trung một cách chính xác vào bản chất thể trí, chớ không phải trong bản chất linh hồn hay hình thức của chơn ngã. Bây giờ, nhờ sự phân tích, phân biện

và suy tư đúng, người ta tiếp tục đối phó với vấn đề ảo cảm. Điều khó khăn là các đệ tử thường không nhận ra được tình huống nào là tình huống thuộc ảo cảm và khó đưa ra một qui luật rõ rệt, không thể sai lầm để nhận biết lúc nào nó xảy đến. Tuy nhiên có thể nói được rằng ảo cảm luôn luôn xảy ra ở nơi nào có :

1.- Sự chỉ trích, mà khi phân tích kỹ, sẽ thấy rằng việc đó thực ra không đáng chỉ trích.

2.- Sự chỉ trích, mà không có một cá nhân nào chịu trách nhiệm. Với câu đó, tôi muốn nói rằng đó không phải vị trí hay nhiệm vụ của một người là để chỉ trích.

3.- Kiêu hãnh trong việc thành đạt hay thỏa mãn rằng mình là một đệ tử.

4.- Bất cứ ý thức tự tôn nào hoặc khuynh hướng chia rẽ nào.

Nhiều manh mối khác đưa đến việc nhận biết đúng ảo cảm có thể được đưa ra, nhưng nếu tất cả các bạn chú ý kỹ hơn đến bốn điểm nêu trên, bạn sẽ giải thoát các kiếp sống của bạn ra khỏi ảnh hưởng của ảo cảm một cách rõ rệt và tất nhiên sẽ phụng sự được rất nhiều cho huynh đệ của bạn. Ở đây, tôi nỗ lực đưa ra cho bạn một vài trợ giúp thực tiễn trong trận chiến khó khăn này giữa các cặp đối hợp, vốn là nguyên nhân chính của ảo cảm.

3.- Ảo cảm trên các phân cảnh dĩ thái ...Ảo lực

Bây giờ chúng ta xem xét cách thức và phương tiện để chấm dứt ảo lực và đệ tử thoát được ảnh hưởng của mãnh lực ở cõi trần. Có thể thấy được toàn thể câu chuyện về ảo lực trong câu nói trên. Cũng có thể thêm vào câu trên (có thể

không hoàn toàn đúng, tuy nhiên cũng có đủ chân lý để biện hộ cho lời phát biểu) rằng ảo lực, với tư cách một hậu quả được nhận biết, chỉ được trải qua khi người ta ở trên nẻo Đạo, bắt đầu bằng Con Đường Dự Bị hay Thanh Lọc. Con người luôn luôn ở giữa các mãnh lực. Nhưng ảo lực (dưới hình thức
 85 nổi khó khăn) chỉ trở nên như thế khi được nhận biết và sự nhận biết này không thể xảy ra trong các giai đoạn tiến hóa ban đầu. Trên nẻo Đạo, người ta bắt đầu xem xét và tìm thấy các hậu quả của lực; người ta thấy chính mình rõ ràng là nạn nhân của các luồng thần lực; con người bị lôi cuốn vào một loại hoạt động nào đó do các mãnh lực thiếu kiểm soát, và thể giới của lực trở thành thực tại được nhận biết một cách rõ rệt đối với người tìm đạo đang phấn đấu. Chính vì lý do này mà tôi nói rằng ảo lực là một khó khăn nổi bật của thể dĩ thái, vì liên hệ với ảo lực, chúng ta đang đối phó với các lực đang tuôn đổ qua bảy bí huyết của cơ thể (vào tất cả hay vào một số bí huyết), tạo ra các phản ứng và hiệu quả đáng mong muốn hoặc tai hại.

Dĩ nhiên, cần hiểu rằng mọi biểu lộ trên mọi phân cảnh đều là biểu hiện của lực, nhưng các mãnh lực mà tôi đề cập ở đây dưới tên gọi ảo lực đều là các năng lượng không được kiểm soát, các xung lực không được hướng dẫn này đang tỏa ra từ lãnh vực hoạt động của prana và từ mãnh lực tiềm tàng của chính vật chất. Các mãnh lực này lôi cuốn con người vào hoạt động sai lầm và bao quanh con người bằng một xoáy lực của các hậu quả và của các tình huống mà con người hoàn toàn không chống đỡ được. Con người là nạn nhân của mãnh lực của số đông, ẩn giấu trong phạm ngã hoặc trong thể giới và những hoàn cảnh chung quanh mà y thấy chính mình trong đó. Khi sức mạnh của ảo lực được gia thêm vào tình

trạng của ảo cảm và cũng là ảo tưởng của đệ tử tiến hóa, điều cần thiết biết bao nhiêu là nhận thấy được sự khác nhau hoàn toàn giữa ba loại phỉnh lừa này. Cần nên nhớ rằng khi chúng ta dùng từ ngữ “phỉnh lừa” (“deception”) là chúng tôi muốn nói phỉnh lừa theo quan điểm linh hồn. Người tìm đạo phải học cách **tách rời** khỏi ảo tưởng, ảo cảm và ảo lực; muốn làm được điều này, y phải hiểu các phương tiện để vượt thoát, đó là: Trực giác, Giác ngộ và Linh hứng.

Vấn đề ảo lực trở nên phức tạp do sự kiện là trên cõi trần (cũng như trên cõi cảm dục, mặc dù cho đến nay điều này ít được hiểu rõ) bạn phải đấu tranh với các cặp đối hợp. Các 86 cặp đối hợp này có bản chất khác nhau ở một vài phương diện so với các cặp trên cõi cảm dục. Trên cõi trần (bằng câu này tôi muốn nói đến các phân cảnh dĩ thái của cõi trần ⁽¹⁾ nơi mà người ta trải qua kinh nghiệm về sức mạnh phỉnh lừa của ảo lực) có sự đáp ứng của các mãnh lực của cõi giới bên trong của phạm ngã và các năng lượng xưa cũ của chính vật chất, được mang lại như các mầm mống tiềm tàng từ một thái dương hệ trước.

Có lẽ các bạn sẽ hiểu rõ hơn nếu tôi nói ra sự thực về ảo lực như sau:

Các sức thôi thúc ngấm ngấm của cuộc sống phạm ngã, khi bị tách ra và không ở dưới sự kiểm chế của linh hồn, được phối hợp với dòng sinh khí prana trong phạm vi ảnh hưởng của phạm ngã, lúc bấy giờ trở thành các dòng thần lực mạnh

¹ Cõi trần gồm 7 cõi phụ, từ cõi thấp nhất là cõi phụ thứ 7, đến cõi phụ cao nhất là cõi phụ 1 và có tên là : 7/ cõi phụ chất đặc, 6/ cõi phụ chất lỏng, 5/ cõi phụ chất hơi, 4/ cõi dĩ thái 4, 3/ cõi dĩ thái 3, 2/ cõi dĩ thái 2, 1/ cõi dĩ thái 1 (ND).

mẽ có điều khiển, tìm cách hiển lộ ra ở cõi trần, qua trung gian của bảy bí huyết trong thể xác. Các mãnh lực hay xung lực này, cộng với sinh khí prana có sẵn, tạo ra thể dĩ thái của người kém tiến hóa và thường là của kẻ thường nhân. Do đó, điều hiển nhiên là biết bao nhiêu người kém phát triển trở thành nạn nhân của năng lượng quần chúng thuộc loại thấp kém, bởi vì thể dĩ thái của y đáp ứng với, và thu hút năng lượng cho nó từ một loại prana chung ở quanh đó, cho đến khi có một sự định hướng rõ rệt và có sự kiểm chế cao siêu – hoặc là do đạo tâm được định hướng và thể trí tuân theo giới luật, hoặc sau đó ở dưới hình thức là kết quả của sự kiểm chế của linh hồn (dùng câu này theo quan điểm tâm lý học).

Được tập trung trong thể dĩ thái của cá nhân, năng lượng dĩ thái này đi qua hai giai đoạn trước khi tới giai đoạn của con đường đệ tử :

1.- Giai đoạn mà năng lượng dĩ thái đồng hóa với mãnh lực thứ hai mà tôi đã nói đến – đó là mãnh lực tiềm tàng dưới dạng vật chất trọng trực, năng lượng của chất liệu nguyên tử, như vậy tạo ra sự phối hợp và pha trộn rõ rệt. Năng lượng này tạo ra phạm ngã hoàn toàn phù hợp với các xung lực bên trong, tỏa ra từ cõi sinh khí prana, nơi có liên hệ đến toàn thể những người kém tiến hóa, hay là từ cõi cảm dục thấp kém, nơi có liên hệ đến kẻ kém tiến hóa hơn hoặc hạng thường nhân.

2.- Tuy nhiên, vào lúc mà sự thích ứng bên trong hướng về cõi có các giá trị cao siêu xảy ra, bấy giờ lực dĩ thái hay sinh lực sẽ đưa tới xung đột với trạng thái thấp của con người, tức thể xác trọng trực, và trận chiến của các cặp đối hợp thấp xảy ra.

Thật là lý thú khi ghi nhận rằng chính trong giai đoạn này mà tầm quan trọng được đặt vào các giới luật xác thân, vào các yếu tố kiểm chế như là hoàn toàn tiết dục, sống độc thân, ăn chay, vào việc giữ vệ sinh xác thân và luyện tập thân thể. Qua các giới luật này, việc kiểm chế sự sống vật chất tức biểu lộ thấp nhất của Ngôi Ba, Ngôi Thánh Thần, có thể được bù đắp và con người được tự do để tranh đấu thực sự với các cặp đối hợp. Trận chiến thứ hai này là *bãi chiến trường* thực sự (true *kurushetra*) và diễn ra trong thể cảm dục, giữa các cặp đối hợp vốn là đặc trưng của thái dương hệ chúng ta, cũng như các cặp đối hợp ở cõi trần là đặc trưng của thái dương hệ trước. Theo một khía cạnh đáng chú ý, trận chiến của các cặp đối hợp trên vòng xoắn ốc thấp, trong đó thể xác dưới hai trạng thái có liên quan của nó, có thể được thấy xảy ra trong giới động vật. Trong tiến trình này, con người hành động như là các tác nhân giới luật và các động vật được thuần hóa, vốn bị thôi thúc để phù hợp với sự chi phối của con người, đang vật lộn (cho dù là một cách vô tâm theo quan điểm của chúng ta) với vấn đề cặp đối hợp thấp này. Chiến trường của chúng ta diễn ra qua trung gian của thể xác trọng trược và các mãnh lực dĩ thái, đồng thời theo cách này, một đạo tâm cao siêu được biểu lộ. Điều này tạo ra cho họ kinh nghiệm mà chúng ta gọi là sự “thoát kiếp thú thành người” (“individualisation”), trong đó hạt giống của phàm ngã được gieo vào. Trên bãi chiến trường của con người, tức kurukshetra, trạng thái cao của linh hồn bắt đầu chế ngự, tạo ra tiến trình hội nhập thiêng liêng của con người mà chúng ta gọi là “điểm đạo” (“initiation”). Hãy suy gẫm về điều này.

Khi người tìm đạo đạt đến điểm đó trong nấc thang tiến hóa của mình, khi đó việc kiểm chế phàm ngã là một nhu cầu

cấp bách, y tóm tắt lại trong cuộc sống riêng của y trận chiến trước kia với các cặp đối hợp thấp nhất, và bây giờ bắt đầu giữ giới luật cho thể xác trọng trực của mình.

Để đưa ra một sự khái quát rộng lớn, có thể nói rằng đối với đa số gia đình nhân loại cuộc xung đột giữa thể dĩ thái với thể xác trọng trực này đã xảy ra, trong cuộc Thế Chiến vốn là sự áp đặt một thử thách và giới luật khác thường. Hãy nhớ rằng các thử thách và giới luật của chúng ta đều có tính cách tự đặt và không còn ở trong các giới hạn và các thời cơ của chúng ta nữa. Kết quả của việc thử nghiệm này là một số lớn người vượt qua được Con Đường Dự Bị, nhờ sự thanh tẩy và tinh luyện mà họ đã trải qua. Tiến trình thanh luyện này, ở một mức độ nào đó, đã chuẩn bị họ cho một cuộc xung đột kéo dài trên cõi cảm dục đang ở trước mắt của mọi người tìm đạo trước khi được điểm đạo. Đó là “kinh nghiệm của Arjuna”. Đây là một điểm lý thú mà chúng ta cần suy gẫm và giải thích nhiều về sự bí nhiệm và về nỗi khó khăn trong trình tự phát triển con người. Người tìm đạo cá biệt thường quen suy tưởng chỉ bằng các thuật ngữ của chính mình và với các thử thách và cố gắng của cá nhân mình. Y phải học cách suy tưởng về các biến cố xảy ra với quần chúng và kết quả mở đầu của các biến cố đó đối với nhân loại. Cuộc thể chiến là một tột đỉnh trong tiến trình “làm mất sinh khí” nguồn ảo lực trên thế giới. Nhiều mãnh lực được phóng thích và bị làm cạn và nhiều năng lượng bị tiêu phí. Tất nhiên có nhiều điều được làm sáng tỏ.

Ngày nay, nhiều người bận tâm vào các kiếp sống riêng tư của họ đến từng chi tiết với cùng tiến trình và sự xung đột như nhau. Ở một mức độ nhỏ bé, những gì xảy ra trong Thế Chiến là đã diễn ra trong các kiếp sống của họ. Họ bận tâm

89 với vấn đề ảo lực và do đó ngày nay chúng ta thấy con người ngày càng chú trọng vào việc luyện tập thể dục, tuân theo giới luật và luyện tập xác thân như được ấn định trong giới thể thao, trong các luyện tập điền kinh và huấn luyện quân sự. Mặc dầu tất cả đều có sự thúc đẩy sai lầm với các hậu quả khủng khiếp, tệ hại (lại nói theo cách khái quát rộng lớn), việc luyện tập thân thể và điều khiển thể xác có tổ chức của thanh niên trên thế giới ngày nay ở mọi quốc gia, đặc biệt là các nước quân sự ở Âu Châu, là đang chuẩn bị con đường cho hàng triệu người bước lên Con Đường Thanh Luyện. Hỏi huynh đệ, có phải là một sự thật khó hiểu chăng? Nhân loại đang được hướng dẫn đúng, cho dù (trong một mở đầu ngắn ngủi) họ hiểu sai tiến trình và áp dụng các động lực thúc đẩy sai lầm cho các hoạt động đúng.

Sau này, chúng ta sẽ đề cập đến các điểm này một cách tỉ mỉ hơn, khi chúng ta đến tiết thứ ba và bắt đầu nghiên cứu các cách thức để chấm dứt ảo cảm, ảo tưởng và ảo lực. Hiện giờ tôi chỉ bận tâm đến việc đưa ra cho bạn một bức tranh khái quát và một phác thảo, sơ sài về bảng lược kê ở trang 41. Hãy cẩn thận nghiên cứu và nếu có thể, nên ghi nhớ nó, vì khi hiểu đúng nó rồi, bạn sẽ có được sự hữu ích thực sự.

Liên quan đến vấn đề ảo lực, tôi muốn nêu ra rằng một trong các bước đầu tiên đưa đến việc vận dụng đúng ảo lực là phối kết xác thân (physical coordination); do đó ngày nay cần nhấn mạnh vào việc huấn luyện trẻ con; như vậy chúng ta cũng dùng đến một tiến trình tương tự dưới tên gọi “chỉnh hợp” (“alignment”) khi bàn đến việc thiên định và cố gắng đặt dưới sự kiểm chế của linh hồn ngày càng nhiều. Đạo sinh nên ghi nhớ kỹ điều này và hãy suy gẫm về các câu sau đây:

1. Phối kết về thể xác.

2. Định hướng cho thể cảm dục.
3. Hướng về trí tuệ.
4. Chính hợp cho phàm ngã.

90 Đây là mọi cố gắng để diễn tả tiến trình “hoạt động đúng trên Đường Phản Bồn Hoàn Nguyên”. Việc trở về Cội Nguồn này là mục tiêu cuối cùng của bốn giới trong thiên nhiên. Chúng ta có thể bàn rộng quan niệm này bằng cách mô tả chân lý theo cách sau đây:

Tiến trình	Tương ứng	Trở ngại
1. <i>Phôi kết</i>	<i>Giới khoáng chất</i>	<i>Áo Lực thể xác</i>
2. <i>Định hướng... ..</i>	<i>Giới thực vật.....</i>	<i>Áo cảm thể cảm dục</i>
3. <i>Hướng về</i>	<i>Giới động vật</i>	<i>Áo tưởng trí tuệ</i>
4. <i>Chính hợp</i>	<i>Giới nhân loại.....</i>	<i>Tổng Quả báo phàm ngã</i>

Do đó, các tiến trình này đều có các tương ứng của chúng trong tất cả các giới và dẫn đến:

1. Khai mở ý thức thiêng liêng.

Điều này bắt đầu trong giới khoáng chất.

2. Biểu lộ của linh hồn.

Điều này là điển hình trong giới thực vật với các hữu ích và vẻ đẹp của giới đó.

3. Biểu lộ của Đức Christ.

Đây là mục tiêu được biết rõ của giới động vật đang hoạt động hướng về sự biệt lập ngã tính (thoát kiếp thú để làm người).

4. Khai mở về sự vinh quang của Thượng Đế.

Đây là mục tiêu trước mắt của nhân loại.

4.- *Áo cảm trên cõi Thượng Trí ... Tổng Quả báo*

Bây giờ chúng ta sẽ đề cập rất vắn tắt về vấn đề Kê Chận Ngõ (Tổng Quả báo). Kê Chận Ngõ này thường được xem như là tai họa, như là một điều kinh khiếp cần tránh xa và như là một tai họa cuối cùng. Tuy nhiên tôi muốn nhắc nhở bạn rằng Kê Chận Ngõ là “kẻ đang đứng trước Công của Đấng Tối Cao”, kẻ đang đứng trong bóng tối của cửa điểm đạo, và là kẻ đối diện với Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục mắt mở rộng, như kinh sách xưa có nói đến. Tổng Quả báo này có thể được định nghĩa như là toàn thể các lực của phạm

91 ngã vì được biểu lộ trong phạm ngã, trước khi giác ngộ, trước khi được linh hứng và trước khi được điểm đạo. Ở giai đoạn này, phạm ngã cực kỳ mạnh mẽ, còn Tổng Quả báo tượng trưng cho tất cả các mãnh lực tâm thông và trí tuệ mà qua bao thời đại đã khai mở trong con người và được bảo dưỡng cẩn thận; Tổng Quả này có thể được xem như là sức mạnh của dạng vật chất tam phân, trước khi hiển dương và quên mình cho sự sống của linh hồn và cho việc phụng sự Thánh Đoàn, Đấng Tối Cao và nhân loại.

Tổng Quả là tất cả những gì hiện hữu trong con người, ngoại trừ Chân ngã tâm linh; đó chính là trạng thái thứ ba của thiên tính, khi được biểu lộ trong cơ cấu con người, chính trạng thái thứ ba này sau rốt phải phụ thuộc vào trạng thái hai, tức linh hồn.

Hai mãnh lực tương phản vĩ đại này tức Thiên Thần và Tổng Quả báo được mang lại cùng nhau – giáp mặt nhau – và cuộc xung đột cuối cùng xảy ra. Lần nữa, bạn nên để ý rằng

đó là cuộc gặp gỡ và là trận chiến giữa một cái khác với cặp đôi hợp cao. Do đó, người tìm đạo có đến ba cặp đôi hợp mà y phải đối phó khi tiến về phía ánh sáng và sự giải thoát.

Các cặp Đối Hợp

- 1.– Trên cõi trần chất thô trực và chất dĩ thái.
Tranh chấp nhau trên Con Đường Thanh Luyện.
- 2.– Trên cõi cảm dục..... các nhị nguyên quen thuộc.
Tranh chấp nhau trên Con Đường Đệ Tử.
- 3.– Trên cõi trí Thiên Thần và Tổng Quả.
Tranh chấp nhau trên Con đường Điểm Đạo.

Tôi đã cân nhắc để đưa ra cho bạn đủ tài liệu suy gẫm; tuy nhiên, tôi muốn kết thúc bằng cách nêu ra cho bạn bản chất rất thực tiễn của những gì mà tôi đã truyền đạt và muốn thúc đẩy bạn tìm ra trong kinh nghiệm thực tiễn riêng của bạn, bản chất của cuộc tranh chấp mà mỗi một trong các bạn phải chiến đấu. Để giúp bạn trong việc này, tôi sẽ trợ lực bạn bằng một cách rất rõ rệt.

Sẽ có ích cho bạn nếu tôi chỉ ra cho bạn – mỗi người trong số bạn – các cung đang chi phối phạm ngã tam phân của bạn. Kế đó bạn sẽ chọn vị thế để tự hành động một cách thật khôn khéo, hầu truy ra một cách dễ dàng hơn các nguyên nhân của nỗi khó khăn và để nghiên cứu một cách sáng suốt hơn kết quả mà bạn có thể có được đối với nhau và đối với những gì mà bạn tiếp xúc được trong đời sống hằng ngày. Tôi sẽ đi sâu vào chi tiết việc luyện tập vốn sẽ được dành cho mỗi một trong ba thể, chọn một trong các hiện thể (vehicle) vào một lúc và giải thích vấn đề mà mỗi người trong các bạn đang đối phó liên quan với hiện thể đặc biệt đó, định

ra một cách tham thiền để giúp bạn (một cách dễ dàng hơn nhiều) vận dụng được phạm ngã từ khía cạnh đặc biệt đó.

Do đó, bạn sẽ ghi nhận ở đoạn trên rằng ý định của tôi là đưa ra cho bạn việc luyện tập cẩn thận hơn và có hiệu quả hơn nhiều. Bạn có hưởng được lợi ích nhờ việc luyện tập đó không? Trong thời gian đó và để cho bạn có thể hiểu đúng những gì mà tôi sẽ nói lại cho bạn sau này, bạn sẽ tự mình nghiên cứu cẩn thận trong sáu tháng tới và xét xem coi những gì mà tôi đưa ra có đúng không? Hãy dùng tài liệu được đưa ra trong bộ sách “Luận Về Bảy Cung” như là tài liệu hướng dẫn của bạn trong việc tự phân tích này. Tôi xin nhắc là các cung đang chi phối ba thể theo thứ tự sau:

1. Cung chi phối thể trí.....các Cung 1, 4, 5
2. Cung chi phối thể cảm dục.....các Cung 2, 6
3. Cung chi phối thể xáccác Cung 3, 7

Như vậy bạn sẽ ghi nhận rằng tất cả các cung đều có vai trò trong cơ cấu con người, tạo ra mọi tình huống cho các hiện thể khi có dịp và mọi điều kiện cho phương tiện phát triển. Phát biểu này đối với các cung đang chi phối là một phát biểu của một qui luật tất yếu, trừ trường hợp của các đệ tử nhập môn.

Khi đọc và nghiên cứu, bạn sẽ thấy nó đáng để suy gẫm và sau đó để trả lời các câu hỏi sau:

- 1.- Mối liên hệ của trực giác với vấn đề ảo tưởng là gì?
- 2.- Bằng cách nào mà sự giác ngộ có thể xua tan được ảo cảm, và điều đó có thể xảy ra cách nào?
- 3.- Định nghĩa ảo lực và đem sự hiểu biết của bạn về linh hứng như là một yếu tố để xua đuổi ảo lực.

Tôi không có mục đích nói rõ về kỹ thuật này vì tôi tìm cách rút ra các ý tưởng riêng của bạn. Tôi muốn thúc đẩy bạn theo đuổi việc tham thiền tập thể một cách thận trọng. Đó là một điều vô cùng quan trọng cho nhóm khi để tâm đến sự hợp nhất và hợp tác tâm linh thực sự. Việc tham thiền lúc Trăng Tròn cũng sẽ tăng thêm cũng sẽ tăng thêm tầm quan trọng. Sau đó sẽ dễ dàng đi đến việc nhận ra và ghi nhớ bản chất của ảo cảm cần được đánh tan và có được khả năng nhìn thấy tiến trình ban phát ánh sáng.



TIẾT HAI

CÁC NGUYÊN NHÂN CỦA ẢO CẢM.

1.– *Sự phát triển của ảo cảm trong chủng tộc và trong cá nhân.*

Bây giờ chúng ta sẽ dùng từ “ảo cảm” để chỉ chung tất cả các khía cạnh của các phỉnh lừa, các ảo tưởng, hiểu sai và giải thích sai mà người tìm đạo đang gặp phải ở mỗi giai đoạn của đường đạo cho đến khi y đạt đến sự hợp nhất. Tôi muốn các bạn chú ý từ ngữ “hợp nhất” (“unity”) này, vì nó nắm giữ cái bí nhiệm để làm tan ảo tưởng, giống như tiến trình giải thoát khỏi ảo cảm đã được gọi theo huyền linh học. Điều hiển nhiên đối với bạn (nếu bạn có nghiên cứu các giáo huấn này một cách thận trọng) là nguyên nhân của ảo cảm, trước tiên dựa vào ý thức về nhị nguyên tính (duality). Nếu không có nhị nguyên tính như thế, sẽ không có ảo cảm, và nhận thức về bản chất nhị nguyên này của mọi biểu lộ đều nằm ở chính căn nguyên của một hay nhiều khó khăn mà nhân loại đang gặp phải – trong thời gian và không gian. Nhận thức này trải qua nhiều giai đoạn khác nhau và tạo thành vấn đề trọng đại của thực thể có ý thức. Tình trạng này là một khó khăn trong lãnh vực của chính ý thức chứ không thực sự có sẵn trong chất liệu nguyên thủy hoặc vật chất. Chủ thể trong xác thân nhận thức một cách sai lầm: nó giải thích không đúng những gì được

nhận thức; nó tiếp tục tự đồng hóa với những gì không phải là chính nó; nó chuyển ý thức vào lãnh vực hiện tượng đang bao kín, lừa dối và giam cầm nó cho đến khi nó trở nên bồn chồn và không vui do cảm giác có một điều gì không đúng. Sau rốt, lúc đó chủ thể đi đến chỗ nhận biết rằng nó không phải là những gì như nó vẫn tưởng và rằng thế giới hiện tượng có các bề ngoài không đồng nhất với thực tại như từ trước tới giờ nó đã gán cho như thế. Từ lúc đó, chủ thể đi đến chỗ có ý thức về nhị nguyên tính, đi đến nhận thức về “tha ngã tính” (“otherness”) và đi đến nhận thức rằng ý thức về nhị nguyên tính của mình phải được chấm dứt, còn tiến trình hợp nhất và cố gắng để đạt được sự nhất quán phải được đảm trách. Từ lúc đó các khó khăn của người đang tiến hóa bắt đầu được chủ thể quan sát và đối phó một cách có ý thức, và nó trực diện trong một thời gian dài với việc “thoát ra khỏi ảo cảm và đi vào cõi giới chỉ biết có sự hợp nhất”. Từ lúc đó, các giai đoạn có thể được liệt kê như sau:

Giai đoạn 1: Là giai đoạn mà thế giới vật chất được nhận biết và coi trọng (valued). Tam thời giai đoạn đó trở thành mục tiêu của mọi hoạt động, và do không nhận biết được sự khác nhau hiện có giữa mình với thế giới vật chất và thế giới tự nhiên, con người tìm cách tự đồng nhất hóa với thế giới đó và thấy thỏa mãn trong các thú vui và các trò tiêu khiển thuần vật chất. Giai đoạn này tự chia làm hai phần:

a. Phần mà trong đó sự thỏa mãn nằm trong hầu hết các đáp ứng tự động với bản năng của thể xác, với tính dục, thức ăn và sự ấm áp. Các điều này hiện ra lò mờ nhưng rộng lớn trong ý thức con người. Bản chất con vật trong con người được biến thành trung tâm nỗ lực để sinh ra một ý thức hợp nhất nào đó. Bởi vì, cho đến nay, con người tinh tế bên trong

vẫn còn “yếu ớt trong sự tác động” (nói về mặt nội môn), sự hợp nhất về vật chất xảy ra một cách tạm thời chỉ để đi sâu vào ảo cảm và làm chậm thêm bước tiến đến tự do.

96 b. Giai đoạn mà trong đó sự thỏa mãn và ý thức tính chất độc nhất nằm trong lãnh vực của cái vật chất và trong việc thành lập một trung tâm của cái đẹp và tiện nghi trong cuộc sống trên cõi trần. Ở đó con người có thể cảm thấy thoải mái và không biết tới ý thức ngày càng tăng của ý thức nhị nguyên mà ngày qua ngày, trở nên vững mạnh hơn. Giai đoạn này chỉ xảy ra vào những năm sau đó, khi người tìm đạo sắp tự tái định hướng vào chân lý và để tiến những bước đầu tiên hướng về Con Đường Dự Bị. Đó là sự phù hợp hướng về mục tiêu của Con Đường Tiến Hóa đến giai đoạn đã nói ở trên, nhưng người đã trải qua kinh nghiệm lại là một người rất khác với người hiện nay đang tìm kiếm sự tổng hợp trong việc hiện thực hóa cái đẹp trên cõi giới bên ngoài. Con người tinh anh hiện giờ đang trở nên chiếm ưu thế.

Giai đoạn 2: Trong giai đoạn này trước hết, con người trở nên có ý thức về nhị nguyên tính, có thể được mô tả bằng các từ ngữ : “con người và các lực”. Con người hiểu rõ được sự thật rằng chính mình và toàn thể nhân loại đều là nạn nhân của các mãnh lực và năng lượng mà họ không thể kiểm chế được, các mãnh lực và năng lượng này đang đưa đẩy nhân loại theo đủ mọi hướng. Con người cũng trở nên biết được các mãnh lực và năng lượng trong chính mình mà y cũng không kiểm chế được, chúng đang thúc đẩy con người hành động theo những cách khác nhau làm cho y thường trở thành nạn nhân của các cuộc nổi loạn của chính mình, các hành vi của riêng mình và các năng lượng được định hướng một cách ích kỷ. Ở đây con người khám phá ra (trước tiên một cách vô ý

thức và sau đó một cách có ý thức) cái nhị nguyên đầu tiên, đó là thể xác và thể sinh lực hay thể dĩ thái. Một thể là cơ quan để giáo tiếp trên cõi trần, còn thể kia là cơ quan giao tiếp với các lực, các năng lượng và thể giới hiện tồn ở bên trong. Thể sinh lực này kiểm soát và thúc đẩy thể xác vào một hoạt động hầu như tự động. Tôi đã đề cập đến nhị nguyên này trong một giáo huấn trước đây. Giai đoạn này là giai đoạn khó khăn nhiều cho con người với tư cách một cá nhân, và cho nhân loại nói chung. Con người vẫn còn quá kém hiểu biết về “cái thực tại đang tỏa chiếu dưới lớp vỏ che phủ của nó” – theo cách gọi của “Cổ Luận” (“Old Commentary”) – nhận thức đích thực đó quả là khó khăn và trước tiên hầu như không có được. Con người phải đương đầu với các cặp đối hợp đầu tiên này một cách mù mờ và thiếu hiểu biết. Đây là những gì mà chúng ta thấy đang xảy ra trên thế giới vào lúc này. Quần chúng đang thức tỉnh để nhận biết rằng họ là nạn nhân và là kẻ hứng chịu 97 các mãnh lực mà họ không có cách nào kiểm chế, cũng như không hiểu biết gì về các mãnh lực đó. Họ muốn giành lấy việc chế ngự chúng và quyết định làm như thế khi có dịp. Ngày nay, điều này tạo ra vấn đề chính yếu trong lãnh vực kinh tế, trong lãnh vực sinh hoạt hằng ngày và lãnh vực cai trị.

Sự căng thẳng trên thế giới ngày nay nằm trong sự việc là mãnh lực vật chất và năng lượng dĩ thái đang bám chặt. Đừng quên những gì mà trước đây tôi có nói với bạn rằng lực dĩ thái (etheric force) có liên quan chặt chẽ với Chân Thần tức là trạng thái tâm linh cao siêu nhất. Đó là chính sự sống sắp hiển lộ. Do đó, ngày nay tầm quan trọng dựa vào tinh thần của nhân loại, dựa vào tinh thần của một quốc gia và tinh thần của một nhóm. Tất cả đều là kết quả của trận chiến đang diễn ra giữa các cặp đối hợp trong lãnh vực thể sự của con người và trong

lãnh vực sinh hoạt của nhân loại bậc trung. Tuy nhiên, chính sự xung đột này – tức đấu tranh để tiến tới mức tổng hợp và nhất quán – đang tạo ra việc tái định hướng của nhân loại và của cá nhân vào các giá trị chân thực hơn và vào thế giới thực tại. Chính sự xung đột này – được tiến hành một cách thành công – đang đặt con người nói riêng và quần chúng nói chung lên trên Con Đường Thanh Luyện. Khi có sự thống nhất của các năng lượng này trên cõi trần, bấy giờ, bạn sẽ có hoạt động nhất trí và một quyết tâm đi theo một hướng đặc biệt. Nơi đó sẽ xảy ra việc tan hòa (resolution) (hãy chú ý từ ngữ này và cách dùng nó) của nhị nguyên (duality) thành nhất nguyên (unity).

Sự tan hòa này xảy ra trong các giai đoạn đầu (đối với người tìm đạo bậc trung) thành sự hợp nhất tạm thời ở thể cảm dục và kế đó lộ ra thành người nhất tâm mộ đạo. Hạng người này có trong mọi lãnh vực – tôn giáo, khoa học, chính trị hoặc trong bất cứ lãnh vực nào khác của cuộc sống. Sự hợp nhất ở thể dĩ thái của người này tạo ra sự tái định hướng – kết quả là có được tầm nhìn sáng suốt, thấu triệt được chân lý và hình ảnh con đường phải đi ngay trước mắt – tạm thời dùng để quyền rũ con người với ý thức về sự thành đạt, sự an toàn quyền lực và số mệnh. Con người tiến tới một cách mù quáng, 98 dữ dội và thô bạo cho đến khi thành linh y bị dừng lại bất ngờ đối diện với các tình huống đang thay đổi và biết được tình huống khác còn khó hơn nhiều. Các cặp đối hợp trên cõi cảm dục chống lại với y, y trở thành Arjuna (¹) trên bãi chiến trường. Mọi nhận thức của y về sự nhất quán, về định hướng,

¹ Arjuna: một nhân vật trong Kinh Bhagavat Gita (Chí Tôn Ca), một đệ tử của Đấng Krishna (ND)

về sự thỏa mãn thông thường đều tan biến, y bị lạc lỏng trong đám sương mù và ảo cảm của cõi cảm dục. Đây là thảm cảnh của nhiều đệ tử có thiện chí vào lúc này, và có lúc tôi phải chú ý vào đó, bởi vì khi có thể hành động như một nhóm, nhóm này có nhiệm vụ đã định là làm tan rã một số ảo cảm trên thế gian. Một ngày nào đó (và chúng ta hãy hy vọng rằng ngày đó không bao lâu nữa sẽ đến) nhóm này và các nhóm khác như thế sẽ hoạt động với tư cách một nhóm và dưới sự chỉ dẫn của Chân Sư của họ để chọc thủng ảo cảm thế gian và để cho một ít ánh sáng và sự giác ngộ xuyên qua hầu cho con người từ nay trở đi có thể bước đúng vào Đường Đạo một cách an toàn.

Do đó, tôi đã chọn một số người tìm đạo tham dự vào việc này, đây là những kẻ có khuynh hướng không chống được ảo cảm, mặc dù có hai người trong số này ít bị ảo cảm hơn những người trong nhóm. Việc tương đối thoát khỏi ảo cảm của họ là một trong các lý do để tôi chọn họ. Hai người này là D.L.R. và D.P.R. mong hai người này giữ cho cuộc sống của họ thoát khỏi bất cứ khuynh hướng nào đối với ảo cảm nếu họ phụng sự các huynh đệ của họ một cách đúng đắn như tôi mong mỏi. Tôi sẽ đưa ra chỉ dẫn về khuynh hướng của họ theo phương hướng đó trong các giáo huấn cá nhân dành riêng cho họ. Các thành viên khác trong nhóm đều mau chóng có khuynh hướng thiên về ảo cảm, nhưng đây là một phiền muộn cho họ. Tuy nhiên, điều đó có thể mau chóng trở thành một ưu thế. Làm thế nào mà ảo cảm của thế gian có thể được làm cho tan biến ngoại trừ bằng những kẻ nhận biết được ảo cảm là gì và là những kẻ đã tranh đấu với ảo cảm trong cuộc sống hằng ngày của họ ? Làm thế nào có được sự thành công trong việc xua tan ảo cảm thế gian bằng sự giác ngộ, trừ phi sự giác ngộ này được mang lại do những người đã học được

99 cách phóng chiếu ngọn đèn pha của linh hồn vào nơi tăm tối và vào ảo cảm đang bao quanh họ, như là các cá nhân, và kể đó thấy ảo cảm tan biến? Đừng nên mất can đảm bởi “sự yếu đuối do ảo cảm” này mà hãy chú ý đến nỗ lực của bạn để hiểu được vấn đề và khả năng của bạn để đạt đến cách giải quyết trong các kiếp sống riêng của bạn như là phần đóng góp mà bạn có thể làm được cho vấn đề phi thường nhất trong các vấn đề của thế giới này. Hãy làm tan ảo cảm của bạn bằng cách ở trong ánh sáng và giữ cho thể trí vững vàng trong ánh sáng đó bằng cách học để phóng chiếu ánh sáng này vào sương mù của ảo cảm trên cõi cảm dục. Đừng thử làm tan ảo cảm, như một số người tìm đạo thường làm, bằng cách nói “Bây giờ tôi hiểu ra”, trong khi đó tất cả những gì mà họ làm (và nhiều người trong các bạn cũng làm như thế) là phản ứng lại với sự vô vị về mặt huyền linh hiển nhiên.

Giai đoạn 3: Giai đoạn ảo cảm này thường được gọi là Kinh Nghiệm Arjuna. Ngày nay, Arjuna trên thế giới đang đương đầu với các cặp đối hợp, giống như vị đệ tử cá biệt đang làm, sẵn sàng – khi các cặp đối hợp này bị dung giải (resolved) thành cái duy nhất – bước lên Con Đường Đệ Tử.

Có thể nêu ra rằng:

1.– Con người khắp mọi nơi đều đang vật lộn với cặp đối hợp đầu tiên, tức là cặp đối hợp trên cõi trần. Khi sự “dung giải” (“resolution”) xảy ra, các khối người này sẽ bước lên Con Đường Thanh Luyện. Điều này đang xảy ra nhanh chóng. Có thể thêm rằng đây là một tiến trình dài và chậm chạp bởi vì, trong giai đoạn này, ý thức không phải là sự hiểu biết sáng suốt của kẻ biết suy tư, mà là ý thức mù mờ của con người vật chất, cộng với các mãnh lực của chính bản chất họ.

2.- Người dân có học vấn trung bình ở mọi quốc gia ngày nay đều đang đối mặt với kinh nghiệm Arjuna và các cặp đối hợp trên cõi cảm dục. Đó là cảm xúc mạnh mẽ đang lan rộng trên thế giới; đó cũng là việc tìm kiếm giác ngộ, qua giáo dục, tôn giáo và qua nhiều cơ sở hướng dẫn trí tuệ, tất nhiên với sự
100 tăng thêm kiến thức, minh triết và các tương giao chính đáng.

Thông thường những người này thuộc hai hạng:

a) Có những kẻ biết được sự cần thiết đối với quyết định và phân biệt trong việc suy tư và chọn lựa, nhưng họ chưa thực sự biết được các hàm ý hay biết được các chỉ dẫn. Họ được gọi là đang ở “giai đoạn hoang mang của cảnh ngộ Arjuna” và họ đã đưa thêm ảo cảm tâm linh vào ảo cảm cá nhân, quốc gia và chủng tộc; ảo cảm tâm linh này làm cho sương mù dày đặc thêm.

b) Những ai thoát khỏi tình trạng này đều trở nên biết được vấn đề của mình. Họ thấy được các cặp đối hợp và đang đi vào “giai đoạn nhận thức được sự giải thoát của Arjuna”. Họ thấy được Sắc Tướng của Thượng Đế (Form of God) và thực tại đang ẩn bên trong Sắc Tướng đó và đang đi đến quyết định là để cho Người Chiến Sĩ (Warrior) tiếp tục chiến đấu. Rồi họ sẽ (khi đã có quyết định và chọn lựa đúng) “đứng dậy và chiến đấu”, và họ sẽ thấy rằng mình không còn ở trên Con Đường Thanh Luyện nữa mà là ở trên Con Đường Đệ Tử.

Tất cả các bạn đều quen thuộc với giai đoạn này, và những người tìm đạo ở trong nhóm các đạo sinh này không cần đến giáo huấn của tôi để bước lên đường đạo, ra khỏi ảo cảm, tiến vào ánh sáng. Các qui luật đều được biết rõ: ảo cảm mà bạn có thể cảm nhận được đều quen thuộc như nhau; ảo cảm mà nhân loại có khuynh hướng mắc phải đều được bạn

biết rõ. Nhưng đối với bạn, vẫn còn phải theo con đường cũ, con đường Raja Yoga và ghi nhớ như là tác nhân xua đuổi và như thế học cách trụ lại trong “ánh sáng” giữa các cặp đối hợp và nhờ “ánh sáng” đó đạt được sự giải thoát bằng cách bước lên con đường trung dung cao cả. Hồi huynh đệ, đôi khi tôi cảm thấy rằng bạn biết rất nhiều về lý thuyết, nhưng thực 101 hành tương đối rất ít. Tôi tự hỏi không biết tôi có nên gánh lấy một trách nhiệm không hợp lý hay không khi đưa ra cho bạn quá nhiều huấn thị. Nhưng tôi tự nhắc nhở rằng tôi viết cho những kẻ khác cũng như cho bạn, và tôi có ít thì giờ dành cho công việc phụng sự đặc biệt này.

Giải pháp cho các nhị nguyên này sẽ xảy đến khi linh hồn, tức con người tâm linh chân chính, không còn tự đồng hóa chính mình với các cặp đối hợp, mà là đứng tự do trên con đường trung dung này. Lúc ấy vị đệ tử mới thấy được “Thánh Đạo sáng ngời đằng trước”, y học cách bước đi theo đó mà không bị lôi cuốn vào các thế giới ảo cảm đang trải dài ở mỗi bên. Y tiến thẳng tới mục tiêu của mình.

3.- Giai đoạn mà con người biết suy tư sáng suốt, dù là hoặc người tìm đạo có hảo ý, hay vị đệ tử điểm đạo cấp một và cấp hai, phải học cách phân biệt giữa một với nhiều chân lý, giữa tri thức với minh triết, giữa thực tại với ảo tưởng. Khi vượt qua được giai đoạn này, sẽ đến mức điểm đạo lần ba, trong đó phàm ngã (vốn thiên về ảo lực, ảo cảm và ảo tưởng) mới được giải thoát. Lần nữa, ý thức về sự nhất quán được kinh qua. Điều này là do sự phát triển của ý thức trực giác; ý thức này đặt vào tay vị đệ tử một vận cụ hữu hiệu để nhờ đó mà phân biện và nhận thức rõ. Nhận thức của vị đệ tử càng trở nên chính xác và y tương đối thoát khỏi sự phỉnh lừa, các sự đồng nhất hóa sai trái và giải thích lầm lẫn.

Do đó, bạn sẽ ghi nhận được bằng cách nào mà trình độ của một người, xuất phát từ mức khủng hoảng về nhị nguyên tính đến mức hợp nhất tương đối, chỉ cần có ý thức về sự hợp nhất bị xáo trộn đó bằng một nhận thức đối mới về nhị nguyên tính cao siêu hơn và sâu xa hơn. Nhị nguyên tính này tạm thời tạo ra nút rạn khác trong kiếp sống con người và như vậy khai mở trở lại một tiến trình đau khổ để hàn gắn hay để

102 “chữa trị về mặt huyền linh” lỗ hổng này trong sự liên tục của ý thức tâm linh. Ở đây tôi xin nhắc các bạn rằng ý thức an bình hay nhận thức về sự nút rạn này trong chính nó là một ảo tưởng và có bản chất ảo cảm và dựa vào nhận thức hão huyền về sự đồng nhất hóa với những gì *không phải* là chân ngã hay linh hồn. Toàn thể vấn đề có thể được giải đáp nếu sự chuyển di ý thức được tách ra khỏi sự đồng nhất hóa với các hình thức kinh nghiệm thấp kém thành hình thức đồng nhất hóa với con người đích thực.

4.- Hết giai đoạn này đến giai đoạn khác, con người tiến từ trạng thái ảo tưởng hay ảo cảm này đến trạng thái hay ảo tưởng hay ảo cảm khác, từ một mức phân biện này đến mức phân biện khác, cho đến khi y đã phát triển được trong chính y ba khả năng chủ yếu :

- 1) Khả năng vận dụng mãnh lực.
- 2) Khả năng bước lên trung đạo giữa các cặp đối hợp.
- 3) Khả năng sử dụng trực giác.

Y mở được các khả năng này bằng cách dung giải các cặp đối hợp trên cõi trần, cõi cảm dục và cõi hạ trí. Bấy giờ, y đối diện với giải pháp tốt cùng của mình, tức là y trang bị bằng các năng lực này. Y trở nên biết được hai thực thể to tát và đối nghịch ở bề ngoài (mà y thấy mình đã tự đồng hóa một cách hữu thức với cả hai) – Thiên Thần Bản Lai Diện Mục và Tổng

Quả. Đằng sau Thiên Thần này, y cảm thấy một cách mơ hồ là không còn nhị nguyên tính nào khác, mà là một sự Đồng Nhất vĩ đại, một Đơn Nhất sinh động – mà do thiếu một từ ngữ chính xác hơn – chúng ta gọi Bản Lai Diện Mục (Presence).

Bấy giờ y khám phá ra rằng trong trường hợp này, lối thoát không phải là phương pháp vận dụng mãnh lực hay bỏ ra sau cả hai cặp đối hợp, hoặc nhận thức đúng nhờ trực giác, mà là Tổng Quả và Thiên Thần phải được đem lại với nhau; thực thể thấp kém phải được “tẩy đi” trong “ánh sáng” hoặc “bị bắt buộc biến mất trong ánh sáng chói lọi”. Đây là 103 nhiệm vụ của thực thể cao trong số hai thực thể, mà vị đệ tử hay đệ tử được điểm đạo, một cách hữu thức và một cách có chủ tâm, tự đồng hóa mình vào đó. Chúng ta sẽ bàn đến tiến trình này sau. Đây là vấn đề mà đệ tử điểm đạo phải đối phó trước khi nhận được ba cuộc điểm đạo cuối cùng.

Bạn phải ghi nhớ rằng, thực ra không có giai đoạn nào trong số ba giai đoạn này được chia cách với nhau bằng các đường ranh rõ ràng. Mà chúng cũng không nối tiếp nhau theo một trình tự rõ ràng. Chúng nối tiếp với nhiều trùng lặp và thường thường có một phần xảy ra cùng lúc. Chỉ khi nào vị đệ tử giáp mặt với vài cuộc điểm đạo thì y mới thức tỉnh trước sự thật của các sự phân biệt này. Do đó có thể nói rằng :

1. Trong cuộc điểm đạo thứ nhất, vị đệ tử minh chứng rằng mình đã giải quyết được các nhị nguyên của cõi trần và có thể đặt đúng năng lượng dĩ thái (năng lượng cao trong số hai năng lượng) trên năng lượng cõi trần.

2.- Trong cuộc điểm đạo thứ hai, vị đệ tử điểm đạo minh chứng rằng mình có thể chọn giữa các cặp đối hợp và quyết định tiến bước trên “trung đạo”.

3.– Trong cuộc điểm đạo thứ ba, đệ tử điểm đạo có thể dùng trực giác để nhận thức đúng chân lý, và trong lần điểm đạo đó, vị này có thể bắt được ánh sáng đích thực đầu tiên về Tổng Quả và Thiên Thần Bản Lai Diện Mục.

4.– Trong cuộc điểm đạo thứ tư, đệ tử điểm đạo mình chứng được khả năng tạo được sự nhất quán hoàn toàn giữa trạng thái cao với trạng thái thấp của linh hồn đang biểu lộ và thấy được Tổng Quả hòa nhập vào Thiên Thần Bản Lai Diện Mục.

5.– Trong cuộc điểm đạo thứ năm – và ở đây ngôn từ lại không diễn tả đủ chân lý – đệ tử điểm đạo thấy được Tổng
104 Quả, Vị Thiên Thần và Bản Lai Diện Mục hòa nhập vào thành một tổng hợp thiêng liêng.

Một câu hỏi nảy sinh ra là điều gì tạo nên ảo cảm và ảo tưởng. Chủ đề rộng lớn (gồm toàn thể lãnh vực của lịch sử hành tinh) đến nỗi tôi chỉ có thể nêu ra một ít trong số các nguyên nhân có thể chấp nhận là đúng, ngoại trừ trong trường hợp các cá nhân. Điều này có nghĩa là khi các cá nhân đạt đến mức tiến hóa mà họ có thể tự đồng hóa với trạng thái cao của mình, tức linh hồn, và bấy giờ có thể đem năng lực linh hồn để bù đắp, chinh phục và chế ngự các mãnh lực thấp của phàm ngã, thì bấy giờ sự chính xác mới có thể có được và tất phải xảy ra. Do đó, khi đến lúc, khi một số đông người biết được tình trạng ảo cảm trên thế giới (qua việc khám phá ra ảo cảm và đối phó với nó trong chính các kiếp sống riêng của họ), lúc bấy giờ chúng ta sẽ có được một nhóm tiếp cận với vấn đề. Sau đó chúng ta sẽ có một cuộc tấn kích dứt khoát vào ảo cảm trên thế gian, và khi điều này xảy ra – nói về mặt nội môn – “sẽ có một khai mở để chấp nhận ánh sáng của vắng thái

đương. Sương mù sẽ dần dần tan mất, do tia sáng mặt trời khắc phục, bấy giờ kẻ hành hương sẽ tìm thấy Con Đường giác ngộ đưa họ từ giữa đám sương mù, thẳng đến ánh sáng”.

Chính các ý định khám phá ra độ xa bao nhiêu mà người tìm đạo và các đệ tử trên thế gian đã vượt qua được bằng sự hiểu biết của họ và bằng việc giải quyết vấn đề này mà một thực nghiệm như cuộc thực nghiệm đang được xúc tiến trong các nhóm này, đã được đảm trách và được phép tiến hành.

2.- Các nguyên nhân tạo ra Áo cảm trên thế gian.

Các nguyên nhân tạo ra Áo cảm trên thế gian có thể được chia ra làm ba nhóm :

105

A. Các nguyên nhân thuộc hành tinh.

B. Các nguyên nhân do chính nhân loại gây ra.

C. Các nguyên nhân do cá nhân đem lại, tuy nhiên được tìm thấy và dựa vào hai nhóm yếu tố chi phối nói trên.

A.- Nguyên nhân do hành tinh. Các nguyên nhân này gồm hai phần và vượt ngoài sự hiểu biết có giới hạn của bạn. Tôi chỉ nêu các nguyên nhân đó ra và yêu cầu bạn chấp nhận chúng như là các suy diễn hợp lý và các giả thuyết có thể đúng.

1. Các nguyên nhân có sẵn trong chính vật chất. Các nguyên tử đã tạo ra mọi hình hài, vốn được kế thừa từ một vũ trụ hay thái dương hệ trước, do đó bị nhuộm màu do kết quả của cuộc biểu lộ sáng tạo vĩ đại đó. Các hậu quả được tạo ra trong biểu hiện của cuộc sống thiêng liêng đó tạo ra các yếu tố được sắp xếp trước hay các nguyên nhân khởi đầu trong thái dương hệ và sự sống hành tinh này. Không thể nào tránh được các yếu tố chi phối và được kế thừa này. Chúng định đoạt bản chất của sự thôi thúc của sự sống, khuynh hướng của

công cuộc tiến hóa và các khuynh hướng bẩm sinh mà mọi hình hài đều có được, đó là khả năng để tăng trưởng và để khai mở, để định hướng kiểu mẫu và để biểu hiện trong thời gian và không gian cái nguyên hình hay kiểu mẫu, và để vạch ra và định đoạt cấu trúc của các giới (mà khoa học đang phân loại) thành thế giới thiên nhiên. Đây chỉ là một vài đặc điểm bẩm sinh, có sẵn của chính chất liệu nguyên thủy, được kế thừa và chi phối sự biểu lộ cuộc sống thiêng liêng hiện tại của chúng ta.

2. Sự sống hay sự biểu lộ của Hành Tinh Thượng Đế, “Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, hoạt động và hiện tồn”, được xác định bằng Bản Thể Riêng của Ngài. Đối với chúng ta, Sự Sống vĩ đại đó tượng trưng cho sự hoàn hảo và các tính chất vốn phân biệt ngài với các tính chất mà chúng ta hướng tới với đạo tâm cao nhất của chúng ta. Nhưng theo quan điểm của các Đấng đi trước Ngài trên con đường vũ trụ (tôi đã nói một cách tượng trưng và bằng các thuật ngữ chỉ sự hiểu biết của con người), Ngài ở trong số các vị “Thượng Đế bất toàn”. Các sự bất toàn này ngăn cản sự khai mở hay là biểu hiện toàn vẹn của năng lượng thiêng liêng khi liên kết với các đặc tính được kế thừa và các chiều hướng của chất liệu nguyên thủy mà nhờ đó Ngài phải biểu lộ sự sống của Ngài, còn các mục tiêu và các đường lối của Ngài tạo ra các “mầm mống của sự tử vong và hư hoại” vốn tạo thành đặc trưng cho cuộc tiến hóa của hành tinh chúng ta trong cả bốn giới của thiên nhiên. Các mầm mống này tạo ra chướng ngại, các bế tắc và các cản trở ngược lại với những gì mà linh hồn trong mọi hình thể được sáng tạo phải đấu tranh, giành lấy sức mạnh và sự hiểu biết để nhờ đó và sau rốt được giải thoát.

Đây là hai nguyên nhân chính thuộc hành tinh. Cuối cùng, các nguyên nhân này không thể cản trở linh hồn đi đến chỗ giải thoát, nhưng chúng có thể và nhất định là có ngăn trở và làm chậm trễ. Thật là vô ích cho những ai muốn suy đoán các giả thuyết này với vận cụ không thích hợp và loại trí óc hiện nay. Không đạt được gì cả và bạn cũng không trở nên minh triết hơn.

B. Các nguyên nhân do chính nhân loại gây ra. Một cách chậm chạp và từng bước một, nhân loại đã tạo ra và làm mạnh thêm tình trạng ảo cảm của ý thức mà chúng ta gọi là cõi cảm dục. Mọi ảo cảm đều được tạo ra bằng cách cùng mang lại một hay nhiều luồng năng lượng, tạo ra một vòng xoáy tạm thời của các năng lượng và, theo quan điểm con người – kẻ đứng nhìn (bàng quan) và kẻ tham dự – tạo ra một tình huống tối tăm, một trạng thái hoang mang làm cho sự lựa chọn sáng suốt và sự phân biệt đúng trở nên khó khăn, và trong các giai đoạn đầu không thể có được. Nó tạo ra một hào quang mà ngày nay, có bản chất bao quát và bao bọc tất cả đến nỗi, nói một cách biểu tượng, mọi người đều bị đắm chìm trong đó.

107 Lúc nhân loại còn ấu trĩ, hào quang này chỉ bao bọc những người tiến hóa cao. Để hiểu được những gì tôi muốn nói đến trong phát biểu này, tôi xin bạn chú ý đến sự kiện là những người rất kém thông minh, tức là những kẻ ở trong số những hạng người thấp kém nhất và những kẻ chỉ hơn con vật linh hoạt một ít, trước tiên bị chi phối bởi bản năng đều có khuynh hướng hành xử rất đơn giản và hoàn toàn ngay thẳng với các sự thật của cuộc sống mà họ đang đối phó và đối với họ rất là quan trọng – sự thật về đói khát, về sinh tử, về sự tự vệ và tồn tại. Có ít ảo cảm đích thực trong phản ứng của họ đối với sự sống và cách sinh hoạt, sự hỗn nhiên của họ, giống như sự

hồn nhiên của trẻ thơ, đã cứu thoát và che chở cho họ khỏi nhiều bệnh khó nhận ra (subtler ills). Tình cảm của họ thiếu tinh tế, trí não của họ chưa khơi hoạt. Nhưng khi nhân loại tiến hóa và các mức độ cao của ý thức nhân loại trở nên tinh tế hơn, yếu tố trí tuệ dần dần trở nên linh hoạt hơn, thì bấy giờ ảo cảm và ảo tưởng phát triển rất nhanh.

Các dấu hiệu đầu tiên của ảo cảm hiện ra khi các đệ tử và người tìm đạo thời Lemuria (mà nỗi khó khăn của họ là hiểu đúng, hành động đúng và kiểm chế thể xác) bắt đầu phân biệt giữa chính họ, với tư cách là thực thể hữu ngã thức, với mãnh lực vật chất và các sinh lực. Ngay tức khắc việc đó tạo nên một hoạt động phi thường nơi bí huyết cổ hòng vốn là trạng thái cao nhất của bí huyết xương mông (bí huyết sinh dục) và như thế đưa đến ảo cảm đầu tiên và đưa đến nhận thức rõ rệt đầu tiên và việc xem xét về sự thôi thúc của tính dục, và – đối với đệ tử điểm đạo thời đó – việc cần thiết chuyển biến tính dục. Điều này đi song song với môn Yoga đầu tiên hay là việc tôn thờ xác thân, mục đích là chế ngự nó bằng linh hồn, và hậu quả là sự hòa nhập của ý thức và tiềm thức.

108 Chung quanh những người tìm đạo vào thời đó, bấy giờ người ta có thể thấy các đám mây và sương mù đầu tiên của ảo cảm tụ tập lại, mặc dù không nơi nào có ảo tưởng cả. Việc nhận thức trước tiên về cõi tình cảm, về cõi cảm dục được khơi dậy trong ý thức của các nhóm đang chuẩn bị cho cuộc điểm đạo đầu tiên là cuộc điểm đạo cao nhất có thể có vào lúc đó. Lý do của việc xuất hiện ý thức cảm dục một cách chậm chạp này nơi người tìm đạo an trú vào thể xác ở thời đó là do sự kiện rằng một trong các bí mật điểm đạo là gồm có việc hiểu đúng và dùng đúng ý thức vốn được nhận biết và có khả năng tác động trên cõi cao hơn là cõi mà nhân loại nói chung,

vào bất cứ thời nào, đang sống. Do đó, vào thời Lemuria, kẻ nào an trú vào thể xác là kẻ ấy sắp được thu nhận vào nẻo Đạo, biết được:

1. Nhị nguyên tính ở cõi trần nơi mà ý thức của người ấy quen tác động một cách bình thường trong đó và có sự xung đột giữa thể xác tự nó với thể sinh lực (thể dĩ thái).

2. Một ý thức cao siêu được nhận biết một cách mơ hồ vốn được phân biệt bằng tính chất và sự cảm thụ. Vào thời đó, đây là tất cả những gì mà con người có thể tiếp xúc được trên cõi giới quen thuộc nhất hiện nay, cõi cảm dục.

3. Một nhận thức ngày càng tăng đối với ý thức về cá tính mình (self-identity) vốn là linh hồn thức tỉnh hay chơn ngã, tức vị Thầy đã phải dẫn dắt con người ra khỏi ý thức thuần túy hồng trần, bước vào giai đoạn siêu trần kế tiếp, tức ý thức cảm dục. Đừng quên rằng, nhờ sự quen thuộc và mệt mỏi vì xung đột, thánh linh của mỗi người đang phát triển từng bước.

Như thế, điều hiển nhiên đối với bạn, nếu phát biểu trên là một phát biểu đúng về sự kiện rằng ảo cảm nảy sinh từ việc nhận biết các yếu tố này trong tâm thức và là kết quả của các phản ứng nơi con người đối với các phức tạp của cấu tạo riêng của y và đối với năng lượng linh hồn của riêng con người.

109 Theo thời gian qua, toàn thể gia đình nhân loại bắt đầu biết đến nhị nguyên thuyết mới mẻ hiện hữu giữa kết cấu của xác thân với cõi cảm dục, cộng với sự hoạt động của bí huyết trong chính y mà vào giai đoạn này, làm cho nó xuất hiện dưới hình thức lương tâm và – vào lúc bất chợt đó– tự nhiên hiểu được sự thôi thúc đưa đến cách sống cao thượng hoặc một khuynh hướng đưa đến hoạt động thấp kém. Sau rốt,

lượng tâm mờ hồ này phát triển thành cái mà chúng ta gọi là Tiếng Nói của Lương Tâm. Khi điều đó xảy ra thì sự phức tạp và khó khăn của đời sống tăng thêm rất nhiều và ảo cảm rõ ràng là được tạo ra trên Địa cầu. Ảo cảm là những gì vốn bao bọc và quá nhấn mạnh vào cái thấp, do việc tổn hại cái cao và dùng để làm xao lãng sự chú tâm của người tìm đạo ra xa thực tại. Lần nữa, tôi xin nhấn mạnh lại rằng, ở giai đoạn ban sơ này, có phải ảo cảm chỉ được khơi dậy và nhận biết bởi người đã tiến hóa cao vào thời đó không?

Kế đó giống dân Lemuria dần dần tàn tạ và giống dân Atlantis xuất hiện. Trong nhiều triệu năm, giống dân này phát triển mạnh trên Địa cầu, ở đó có một số đông người có ý thức thời Lemuria đang đồng thời phát triển mạnh, cũng như ngày nay trong giống dân Aryan hiện tại, có hàng triệu người đang có ý thức thời Atlantis và đang an trú vào thể cảm dục của họ, các nạn nhân của xúc cảm và tất nhiên của ảo cảm.

Trong giống dân Atlantis, nhị nguyên tính của vật chất bấy giờ được dung giải, thể xác và thể dĩ thái tạo thành thể hợp nhất, và trong một người khỏe mạnh vẫn xảy ra như thế. Bấy giờ nhận thức về nhị nguyên tính chuyển thành nhận thức ngày càng tăng về sự xung đột trong lãnh vực phẩm tính, vào lãnh vực của cái mà ngày nay chúng ta gọi là “các cặp đối hợp” – như tốt và xấu, đau khổ và sung sướng, phải và trái, ý thức và phi ý thức, và rất nhiều đối nghịch mà ngày nay người tìm đạo phải đối phó.

Mỗi một trong các lịch sử nhân loại này đều chứng kiến sự hình thành của một nhận thức tạm thời về sự hợp nhất trong các giai đoạn đầu, khi sự nứt rạn trước kia đã được hàn gắn và nhị nguyên ban đầu đã được dung giải thành cái đơn

nhất, Bấy giờ xảy đến một nhận thức ngày càng tăng về một lãnh vực chọn lọc mới mẻ, dựa trên việc xuất hiện của các giá trị cao siêu và cuối cùng là giai đoạn xung đột trong ý thức của cá nhân và của toàn thể nhân loại, khi cố gắng để làm dung giải nhị nguyên tính cao siêu này mà con người hay nhân loại đang phải đương đầu.

Sự dung giải này xảy ra khi trạng thái cao của ý thức được hình dung một cách mơ hồ và con người mới biết được chính mình là thực thể có trí tuệ. Bấy giờ có một đòi hỏi ngày càng tăng vì bản chất trí tuệ đó cần được phát triển và được thể hiện trong nỗ lực để giải quyết vấn đề theo chủng loại (category) của các đối nghịch trên cõi cảm dục.

Đồng thời ý thức về cá tính mình (self-identity) hay ý thức rằng “Tôi hiện hữu” (“I am”) đang từ từ tăng lên, và vị đệ tử điểm đạo của thời đó nỗ lực đối phó để tự giải thoát mình ra khỏi sự giam hãm của các giác quan trên cõi cảm dục, ra khỏi ảo cảm dày đặc, đi vào những gì mà nhận thức bằng giác quan của y đã đưa ra cho y, và tạo được sự giải thoát cho y bằng việc kiểm chế hoàn toàn thể cảm dục. Cuối cùng y làm được điều này bằng cách phát triển năng lực vượt qua giữa các cặp đối hợp, mà không chịu ảnh hưởng của cái nào, và như thế bỏ chúng lại sau. Y hoàn thành được điều này bằng cách dùng thể trí như là kẻ phân phát ánh sáng để mở ra “trung đạo” và để xua tan ảo cảm cùng với ánh sáng của ảo cảm đó.

Ảo cảm này đã ăn sâu một cách vững chắc và trở nên mạnh thêm khi con người ngày càng thành công trong việc giải quyết sự nứt rạn vật chất ban đầu và đã trở nên tập trung vào ý thức cảm dục. Ngày nay đó là sự hệ trọng của ảo cảm

này và là sự thành công của diễn trình tiến hóa mà toàn thể nhân loại đang lạc lõng trong đám sương mù và khí độc của thế giới ý thức có tri giác. Khi tôi dùng từ ngữ “có tri giác” (“sentient”) tôi không đề cập đến bộ máy cảm giác của hệ thần kinh vật chất, mà là đề cập đến sự hiểu biết có tri giác của Chon Ngã mà ngày nay bị đắm chìm trong ảo cảm đến đổi một số đông nhân loại hoàn toàn đồng hóa với thế giới của cảm giác, của tính chất, của sự tương tác có tri giác và của các phản ứng tình cảm, với những cái ưa thích và không ưa thích của họ và việc than thân trách phận vượt hẳn lên. Than thân trách phận là một trong các ảo cảm chính của người tiến hóa và nhạy cảm. Chính người tiến hóa đã góp vào ảo cảm thế gian nhiều nhất. Ảo cảm chính yếu là phản ứng của người tìm đạo đối với chân lý, đối với thực tại khi lần đầu tiên y biết được những gì ở bên kia cõi cảm dục. Y giải thích tất cả những gì y biết và thấy được ở đó bằng các tên gọi của ảo cảm, của sự cảm thông bằng tình cảm, của sự cuồng tín có tri thức. Y quên rằng chân lý hoàn toàn vượt ngoài thế giới giác quan, không bị ảnh hưởng bởi thế giới đó và chỉ có thể được cảm nhận bằng sự thanh khiết của nó khi giác quan được siêu việt và được chuyển hóa. Ảo cảm lớn thứ nhì là sự than thân trách phận (self-pity).

Ngày nay, thế giới được chia làm ba nhóm, tất cả các nhóm đều thuộc vào một vài giai đoạn của ảo cảm:

1.- Những người có ý thức của giống dân Atlantis và do đó, hoàn toàn bị mê hoặc bởi:

a. Những gì thuộc vật chất và được ưa thích.

b. Những gì họ *cảm nhận được* (feel) trong mọi mối liên

hệ

c. Những gì họ tin là lý tưởng, là chân thật hay là đúng, dựa vào phản ứng của họ đối với các tư tưởng gia ngày nay, nhưng là những gì mà chính họ cũng không hiểu được bằng thể trí.

d. Những gì mà họ đòi hỏi đối với mỹ lệ, và đối với sự thoải mái về tình cảm.

e. Những gì mang lại cho họ sự thoải mái tinh thần trong lãnh vực tôn giáo và ước muốn về tôn giáo. Hãy để ý nhóm từ này.

112 2.- Những người có ý thức của giống dân Aryan rõ rệt. Điều này có nghĩa rằng yếu tố trí tuệ đang khơi hoạt và như vậy tạo ra nỗi khó khăn và rằng ảo tưởng của cõi trí hiện giờ đang cộng thêm vào ảo cảm của cõi cảm dục. Các ảo tưởng này có bản chất thiên về lý thuyết và trí tuệ.

3.- Một nhóm người đang vượt lên trên những người còn bị lệ thuộc vào ảo cảm và ảo tưởng, nhóm người này đáp ứng với Tiếng Nói Vô Thình và với các đòi hỏi của linh hồn.

Sự phức tạp của vấn đề tâm lý học hiện đại nằm trong sự kiện là nhân loại và thời đại của chúng ta đang chứng kiến sự tổng hợp của mọi ảo cảm và sự xuất hiện của các ảo tưởng của cõi trí. Ngày nay, chúng ta có những người tìm đạo thuộc mọi trình độ tiến hóa và thấy được nhiều người đang ôn lại các giai đoạn khác nhau trên con đường tiến hóa, với tầng lớp thấp kém nhất của nhân loại rõ rệt có ý thức thuộc giống dân Lemuria, cho dù là con số hãy còn ít, nói một cách tương đối.

Ảo tưởng đang nhanh chóng tăng lên khi năng lực trí tuệ của nhân loại phát triển, vì ảo tưởng là việc nhượng bộ cho các hình tư tưởng mạnh mẽ mà các nhà tư tưởng hiện đại và của thế hệ ngay trước đó đã tạo ra, và vào thời kỳ sáng tạo của họ,

các hình tư tưởng đó tạo thành mối hy vọng của nhân loại. Lúc bấy giờ chúng tiêu biểu cho các tư tưởng mới đang xuất hiện, nhờ đó nhân loại mới có thể tiến tới. Khi trở nên cũ kỹ và cô đọng lại, các hình tư tưởng này trở thành mối đe dọa và nổi chướng ngại cho sự sống đang mở rộng. Việc tìm hiểu các vấn đề ảo tưởng có từ nhiều thế kỷ trước, vào lúc mà nhân loại, sẽ bỏ ảo cảm lại sau; khi mà sẽ còn một ít người có thể trí của thời Atlantis trên hành tinh và khi sẽ không còn người nào còn giữ ý thức thời Lemuria. Tuy nhiên khi sự tiến hóa nối tiếp, nhiều điều được thúc đẩy cho tăng nhanh, và lúc mà nhân loại sẽ được phân biệt chủ yếu bằng ý thức của giống dân Aryan, không còn xa nữa như người ta thường gán cho như vậy. Tôi không nói bằng các thuật ngữ của giống dân Aryan như ngày nay thường hiểu hoặc là theo các hàm ý của dân Bắc Âu.

<i>Giống dân</i>	<i>Nhị nguyên tính</i>	<i>Nỗi khó khăn</i>	<i>Phương pháp</i>	<i>Mục đích</i>
Lemuria	Mãnh lực vật chất ngược lại với Năng Lượng Sự Sống	Ảo lực (Maya)	Kiểm chế thể cảm dục (Astral control) Hatha Yoga: Người tìm đạo Laya Yoga: Các đệ tử	Điểm đạo 1 Linh hứng
Atlantis	Các cặp đôi hợp Tính chất. Khả năng cảm thụ (Sentieny)	Ảo cảm (Glamour)	Kiểm chế thể trí Bhakti Yoga: Người tìm đạo Raja Yoga: Các đệ tử	Điểm đạo 2 Giác ngộ

Aryan	Tổng Quả báo Thiên Thân của Bản Lai Diện Mục	Ảo tưởng (Illusion)	Kiểm chế linh hồn Raja Yoga: Người tìm đạo Agni Yoga: Các đệ tử	Điểm đạo 3 Trực giác
-------	--	------------------------	--	-------------------------------

114 C. **Các nguyên nhân do cá nhân gây ra.** Nếu bạn đã nghiên cứu mọi điều trên với sự thận trọng cần có, bạn sẽ thấy rõ ràng khi một người bắt đầu luân hồi, y đã gặp chướng ngại do ảo cảm có sẵn thuộc mọi nguồn gốc cổ xưa và hoàn toàn vượt ngoài khả năng kiểm chế của người ấy ở giai đoạn này. Ảo cảm đó rất mạnh mẽ. Tôi dùng từ ngữ “gặp chướng ngại” (“handicapped”) một cách thận trọng vì thiếu một từ ngữ chính xác hơn. Tuy nhiên, tôi muốn nêu ra rằng ý nghĩa đích thực của tình huống nằm trong sự việc là các tình trạng này mang lại cơ may cho con người khi khơi dậy việc tìm hiểu và quan điểm về linh hồn, vì chúng tạo phương tiện để có được kinh nghiệm. Cuối cùng kinh nghiệm này sẽ đưa đến việc linh hồn đảm nhận việc kiểm chế bộ máy, tức phàm ngã, và như vậy mang lại cho linh hồn đó một lãnh vực phụng sự rõ rệt. Các hiện thể mà qua đó linh hồn tìm kiếm kinh nghiệm và biểu lộ, đều lệ thuộc vào ảo cảm thế gian một cách thông thường và tự nhiên, đồng thời cũng lệ thuộc vào ảo cảm của nhân loại cũng như ảo tưởng. Trong các giai đoạn kinh nghiệm ban đầu, khi linh hồn rơi vào cái bẫy của ảo lực, của ảo cảm và sau rốt của ảo tưởng, lý do là linh hồn tự đồng hóa với các hình thức này và do đó có ảo cảm bao quanh, như thế không đạt được sự đồng nhất hóa với chính nó. Khi sự tiến hóa nối tiếp, bản chất của vấn đề trở nên rõ ràng đối với linh hồn đang nhập thể, và bấy giờ một tiến trình được tạo ra, nhờ

đó linh hồn tự thoát ra khỏi các hậu quả của sự đồng nhất hóa sai lầm. Mọi linh hồn đang luân hồi vốn thành công trong việc giải phóng ý thức ra khỏi thế giới của ảo tưởng và của ảo cảm, thì đều rõ rệt là đang phụng sự nhân loại và giúp nhân loại thoát ra khỏi cảnh nô lệ lâu đời và mạnh mẽ này.

- 115 Nhưng phải nhớ rằng khi một người ở gần giai đoạn có ý thức khi cả hai thể cảm dục và thể trí đều linh hoạt và tác động, thì chính người ấy trở thành kẻ tạo ra ảo cảm. Y tranh đấu với các lực này ngay trong chính mình và trong thế giới y đang sống, và sức mạnh ngày càng tăng của năng lượng linh hồn đang chảy vào (chúng đi đến chỗ xung đột với các mãnh lực của phàm ngã) dần dần tạo ra chung quanh y một trường ảo cảm và một vùng ảo tưởng để đưa loại ảo cảm thứ ba này đến chỗ hoạt động đầy đủ.

Các ảo cảm này tùy thuộc vào biểu lộ của các lực khác nhau vốn tạo thành bản chất thấp của con người; con người ngày càng biết rõ điều này, và nó vượt qua các giai đoạn xuất lộ thành sự nhận thức, mạnh mẽ trong biểu lộ và dữ dội trong xung đột, cho đến khi linh hồn đang đấu tranh, ngồi lại – như Arjuna đã làm – giữa hai mãnh lực đối nghịch (mãnh lực của phàm ngã và năng lượng của linh hồn) và tự hỏi :

1. Cái nào đúng, cái này hay cái kia ?
2. Làm sao tôi phân biệt đâu là bốn phận hay trách nhiệm của tôi ?
3. Làm sao tôi tìm ra được lối thoát ra khỏi tình trạng bối rối này ?
4. Làm cách nào tôi có thể kiểm chế được chàng chiến sĩ để cho hai nhóm mãnh lực mà tôi ưa thích có thể được dung giải thành một ?

5. Làm cách nào tôi có thể tìm thấy lối thoát ra khỏi ngõ cụt này ?

6. Tại sao tôi phải làm tổn thương những gì tôi ưa thích và nhờ đó tôi tự biểu lộ qua bao thời đại ?

7. Làm thế nào tôi biết được sự giác ngộ trí tuệ để mở ra “trung đạo” giữa các cặp đối hợp ?

8. Làm thế nào tôi có thể thấy được Thượng Đế ? Nói cách khác thấy được Sắc Tướng của Thượng Đế (Form of God)?

116 Nhiều câu hỏi như thế nảy sinh trong trí người tìm đạo. Các câu hỏi này cho thấy sự lưỡng lự, hoang mang, hiểu rõ ảo cảm bao quanh, giai đoạn của ảo tưởng và tình trạng bất lực. Vị đệ tử đang chống chọi với mọi mãnh lực của bản chất riêng của mình, và cũng là các mãnh lực của toàn thể nhân loại và của tình trạng hành tinh. Ý cảm thấy không được giúp đỡ, trì trệ, yếu đuối và vô vọng. Thậm chí ý không thể tìm được lối thoát. Chỉ có một sự thật còn sáng tỏ, đó là sự thật về linh hồn, về Thực Thể bất tử, chiến sĩ ở sau hậu trường, Người đánh xe, Đức Krishna, Đức Christ nội tâm.

Bộ kinh Bhagavad Gita có thể được hiểu hoàn toàn theo quan điểm cuộc chiến đấu của vị đệ tử với ảo cảm và các đạo sinh nên thận trọng khi nghiên cứu bộ kinh này.

Các ảo cảm cá nhân mà vị đệ tử biết được, tất nhiên thuộc năm loại lực. Khi hoạt động cùng một lúc, các lực này tạo ra các ảo cảm mà chính con người đã hoàn toàn phát khởi và tạo ra. Đó là:

1. Các mãnh lực của bản chất xác thân trọng trược và của thể sinh lực, mà sau này khi tác động qua bản chất xác thân thô trược, sẽ tạo ra tình trạng ảo lực hay tình trạng năng lượng không kiểm chế được.

2. Các mãnh lực của bản chất cảm dục, dựa vào dục vọng và khả năng cảm thụ. Ở giai đoạn này, các mãnh lực này thuộc vào hai nhóm mà chúng ta gọi là các cặp đối hợp. Trong giai đoạn này của lịch sử cá nhân, sức mạnh của chúng được làm mạnh thêm, vị đệ tử trong đa số trường hợp đều đang trụ vào thể cảm dục của mình, và do đó, lệ thuộc vào ảo cảm được tạo ra do sự tương tác của các cặp đối hợp cộng thêm tình trạng ảo lực đã nói trên.

3. Các lực của bản chất hạ trí, của chitta hay chất trí (mind-stuff) mà thể trí được tạo thành. Thể này bị nhuộm 117 màu bởi hoạt động trong quá khứ, như là chất liệu đang cấu thành mọi hiện thể. Thể này cộng thêm vào ảo lực và ảo cảm thành tình trạng của ảo tưởng.

4. Bây giờ cung phạm ngã hiện ra và làm mạnh thêm cả ba trạng thái để biểu lộ lực này, sau rốt tạo ra hoạt động tổng hợp của chúng. Bây giờ chúng ta thấy hiện ra những gì gọi là “tình trạng ảo cảm gấp ba” làm thành ảo cảm chủ yếu duy nhất,

5. Cung linh hồn hay năng lượng linh hồn trong suốt thời gian này không ngừng tăng thêm sức mạnh nhịp nhàng của nó và tìm cách áp đặt mục tiêu và ý chí của nó lên phạm ngã. Chính mối liên hệ hợp nhất và sự tương tác giữa mục tiêu với ý chí mà – khi đạt đến điểm quân bình – sẽ đưa con người bước lên Con Đường Dự Bị, bước lên Con Đường Đệ Tử và thẳng đến cửa điểm đạo. Ở đó, đứng trước Cửa, y nhận ra được nhị nguyên tính cuối cùng đang chờ được dung giải (tan hòa). Đó là Tổng Quả Báo và Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục.

Bản chất của các ảo cảm này khác với người khác, vì tính chất của cung định đoạt loại ảo cảm hay ảo tưởng mà một người sẽ dễ dàng chịu khuất phục, còn loại ảo cảm kia mà y sẽ tạo ra dễ dàng nhất. Các đệ tử phải học cách phân biệt giữa:

1. Nhiều hoặc một ảo cảm đang có sẵn quanh y mà y sẽ dễ dàng bị lôi cuốn vào, hoặc y sẽ dễ dàng thu hút, vì chúng tạo ra đường lối ít đối kháng nhất.

2. Ảo cảm mà y tạo ra khi y theo đuổi cuộc sống qua trung gian của một vận cụ đặc biệt, vốn bị nhuộm màu bởi các kinh nghiệm của các lần nhập thế trước và bởi tính chất của cung mà theo đó y ra đời.

118 Đề tài này phức tạp đến nỗi nếu tôi đi sâu vào các chi tiết đặc biệt cũng không ích lợi gì. Tôi chỉ có thể chỉ ra các ảo cảm chính (và bằng danh xưng này, tôi gộp chung ảo lực và các ảo tưởng khác nhau) mà các loại cung sắp xếp trước cho con người. Bấy giờ nếu bạn áp dụng các loại cung này cho ba hiện thể biểu lộ, cũng như cho phạm ngã và linh hồn, bạn sẽ thấy vấn đề phức tạp biết bao nhiêu. Tuy nhiên, hồi huynh đệ, hãy nhớ điều này :

Trong thái dương hệ này, lối thoát thì chắc chắn và được xác định cho sự thành công của linh hồn, sự chế ngự và kiểm soát cuối cùng của linh hồn là sự kết thúc được dự báo chắc chắn, cho dù ảo cảm có to tát như thế nào hay sự tranh đấu có mãnh liệt như thế nào chẳng nữa. Như vậy, việc xác minh (do nơi người tìm đạo) ảnh hưởng cung của mình là một trong các bước đầu tiên hướng về việc tìm hiểu bản chất của nỗi khó khăn và phương pháp giải thoát. Trong tương lai, khoa tâm lý học sẽ hướng đến việc khám phá ra hai cung đang chi phối linh hồn và phạm ngã. Làm được điều này là nhờ nghiên cứu

về loại thể chất, các phản ứng tình cảm và các khuynh hướng của trí tuệ, bây giờ sự chú ý sẽ được hướng đến việc tìm ra các cung chi phối các hiện thể riêng biệt. Khi năm cung này (chân ngã, phàm ngã, xác thân, cảm dục và hạ trí) gần được xác định, bây giờ cần xem xét các yếu tố sau :

1. Bản thể, tính chất và sự ổn định của hệ thống tuyến nội tiết (glandular system).

2. Mức độ tiến hóa đã đạt được. Điều này được thực hiện bằng việc thận trọng xem xét các bí huyết và các tuyến cùng mối liên hệ của chúng với nhau.

3. Biết được các điểm nứt rạn hay tách rời hiện có trong phàm ngã. Các điểm này có thể nằm :

a. Giữa thể dĩ thái với thể xác, đưa đến việc thiếu sinh lực, thể chất suy nhược, bị ám ảnh và nhiều hình thức trở ngại.

119 b. Trong thể cảm dục có tri giác, đưa đến một số lớn vấn đề và các khó khăn về mặt tâm lý dựa vào sự nhạy cảm không thích hợp, phản ứng với ảo cảm chung quanh, các khuynh hướng có sẵn đối với ảo cảm trong hiện thể hoặc do bởi sự bén nhạy với ảo cảm của người khác.

c. Trong thể trí, tạo ấn tượng lên các ảo tưởng của thể trí thuộc nhiều loại, như là việc kiểm chế bằng các hình tư tưởng tự tạo ra, sự nhạy cảm với thế giới hiện hữu, các hình tư tưởng của quốc gia hay hình tư tưởng đang bao quanh của bất cứ trường phái tư tưởng nào, các thành kiến, ý thức về kịch tính hay về sự quan trọng hay là việc tuân theo một cách cuồng tín vào các nhóm ý tưởng, được kế thừa từ quá khứ, hoặc là các phản ứng của thể trí có bản chất thuần cá nhân.

d. Giữa bất cứ nhóm nào trong các nhóm mãnh lực mà chúng ta gọi là các thể :

Giữa thể dĩ thái với thể cảm dục.

Giữa thể cảm dục với thể trí.

Thí dụ, có một sự tương ứng rõ rệt giữa tình trạng của tính tiêu cực đối với cách sinh hoạt ở cõi trần vốn là kết quả của việc thiếu hội nhập giữa thể xác với thể dĩ thái và việc thiếu quan tâm và không đối phó được với các sinh hoạt ở cõi trần mà tư tưởng gia trên các mức độ trừu tượng và khoa học thường để lộ cho thấy. Cả hai nhóm đều không tạo được một biểu hiện rõ rệt và dứt khoát trên cõi trần, cả hai nhóm đều không đối phó được với các khó khăn của cách sống cõi trần theo một cách rõ rệt và thỏa đáng, cả hai nhóm đều không tích cực về mặt vật chất, nhưng các nguyên nhân tạo ra các tình trạng tương đối giống nhau này lại hoàn toàn khác nhau – mặc dù kết quả giống nhau.

120 4. Hiểu được Con Đường của Sự Sống đối với một cá nhân, nhờ nghiên cứu các dấu hiệu về chiêm tinh học của người ấy. Trong mỗi liên hệ này cần xem xét cung thái dương mà một người được sinh ra trong đó, như là chỉ dẫn cho các khuynh hướng phạm ngã của người ấy và dưới hình thức là biểu hiện cho các đặc điểm mà người ấy đã kế thừa từ quá khứ, nhưng đối với cung mệnh (rising sign) vì đang nắm giữ trong đó các chỉ dẫn của con đường mà linh hồn của một người muốn cho người ấy đi theo.

Nhiều yếu tố khác sẽ biện minh cho sự thận trọng chú tâm này. Vấn đề của cá nhân trở thành phức tạp do một số khuynh hướng được kế thừa có bản chất gia đình, quốc gia và chủng tộc. Các khuynh hướng này ảnh hưởng một cách mạnh

mẽ đến thể xác trong cả hai khía cạnh, tạo ra nhiều loại ảo cảm. Nó cũng bị ảnh hưởng bởi một số ý tưởng kế thừa vốn là các hình tư tưởng biểu hiện của gia đình, các tiếp cận với chân lý của quốc gia và chủng tộc. Các điều này tạo ra các ảo tưởng mạnh mẽ mà con người cá biệt dễ dàng nhượng bộ. Cũng có các mãnh lực đang tuôn chảy vào của cung mà mặt trời có thể đi qua, đó là các tình trạng được thấy trên thế giới ngày nay, do bởi sự kiện là mặt trời chúng ta đang tiến vào cung mới của hoàng đạo. Do đó các năng lượng mới và mạnh mẽ đang tác động vào nhân loại, tạo ra các hiệu quả trong cả ba thể. Chúng đang khơi dậy các ảo cảm trong bản chất tình cảm và các ảo tưởng trong bản chất trí tuệ. Các năng lượng này dễ dàng lệ thuộc vào ảo cảm mà vào lúc này đang trở thành có ý thức về một nhị nguyên nổi bật. Do đó, như bạn sẽ thấy, chủ đề rất rộng lớn, và môn học về các ảnh hưởng tâm lý này và các kết quả của ảnh hưởng của chúng lên cơ thể người, cho đến nay vẫn còn ấu trĩ. Tuy thế, tôi đã đưa ra đủ để khơi dậy sự chú tâm và để phát khởi việc nghiên cứu trong lãnh vực mới của hoạt động tâm lý này.

Trở lại việc nghiên cứu nhiều ảo cảm vốn được tạo ra bởi và liên quan với một vài loại cung:

CUNG I.

Ảo cảm về sức mạnh vật chất

Ảo cảm về sự thu hút cá nhân.

Ảo cảm về tính duy ngã và sức mạnh của phàm ngã.

Ảo cảm về “cái rốn của vũ trụ” (“the one at the centre”).

Ảo cảm về tham vọng ích kỷ của cá nhân.

Ảo cảm về tình trạng cai trị, về tình trạng độc tài và về việc kiểm soát rộng lớn.

Áo cầm về phức cảm Đấng Cứu Thế (the Messiah complex) trong lãnh vực chính trị.

Áo cầm về một vận mệnh ích kỷ, về quyền thiêng liêng của các vua chúa được đòi hỏi về mặt cá nhân.

Áo cầm về sự hủy diệt.

Áo cầm về sự cô lập, cô đơn, xa cách.

Áo cầm về việc áp đặt ý chí – lên những kẻ khác và lên các nhóm khác.

CUNG II.

Áo cầm về tình thương của thực thể được thương yêu.

Áo cầm về sự mến mộ của quần chúng (popularity)

Áo cầm về minh triết cá nhân (personal wisdom).

Áo cầm về trách nhiệm ích kỷ (selfish responsibility).

Áo cầm về sự hiểu biết quá hoàn mãn, đưa đến việc phủ nhận hành động đúng đắn.

Áo cầm về sự than thân trách phận, một áo cầm căn bản của cung này.

Áo cầm về phức cảm Đấng Cứu Thế trong giới tôn giáo và nhu cầu cho thế gian.

Áo cầm về sự sợ hãi, dựa vào sự nhạy cảm quá mức.

Áo cầm về sự tự hy sinh.

Áo cầm về sự xả thân một cách ích kỷ (selfish unselfishness).

Áo cầm về sự tự mãn.

Áo cầm về việc phụng sự ích kỷ (selfish service).

CUNG III.

Áo cầm về việc bận rộn (being busy).

122 Áo cầm về việc hợp tác với Thiên Cơ theo con đường cá nhân chứ không theo con đường của nhóm.

Ảo cảm về cơ mưu linh hoạt (active scheming).

Ảo cảm về công việc sáng tạo – không có động cơ thúc đẩy đích thực.

Ảo cảm về các hảo ý, mà căn bản là tính ích kỷ.

Ảo cảm về “con nhện ở giữa” (“the spider at the centre”)

Ảo cảm về “Thượng Đế trong cỗ máy” (“God in the machine”).

Ảo cảm về sự sử dụng liên tục và không ngay thẳng.

Ảo cảm về sự tự cao, theo quan điểm hiểu biết, về năng lực.

CUNG IV.

Ảo cảm về sự hài hòa, nhắm vào tiện nghi cá nhân và sự thỏa mãn cá nhân.

Ảo cảm về chiến tranh.

Ảo cảm về sự xung đột, với mục đích lập lại công chính và hòa bình.

Ảo cảm đối với nhận thức mơ hồ về nghệ thuật.

Ảo cảm về nhận thức bằng tâm thông thay vì nhận thức của trực giác.

Ảo cảm về nhận thức âm nhạc.

Ảo cảm về các cặp đối hợp theo ý nghĩa cao.

CUNG V.

Ảo cảm về tính vật chất hay quá chú trọng vào sắc tướng.

Ảo cảm của trí tuệ.

Ảo cảm về kiến thức và về định nghĩa.

Ảo cảm về sự an toàn dựa vào quan điểm hẹp hòi.

Ảo cảm về hình tướng che giấu thực tại.

Ảo cảm về sự tổ chức.

Ảo cảm về cái bề ngoài che giấu cái bên trong.

123 **CUNG VI.**

Ảo cảm về lòng tôn sùng.

Ảo cảm về sự liên kết với sắc tướng và con người.

Ảo cảm về chủ nghĩa lý tưởng.

Ảo cảm về sự trung thành, về các tín điều.

Ảo cảm về sự đáp ứng tình cảm.

Ảo cảm về tính chất tình cảm.

Ảo cảm về sự can thiệp.

Ảo cảm về các cặp đối hợp thấp.

Ảo cảm về các Đấng Cứu Thế và các Huấn Sư (World Saviours and Teachers).

Ảo cảm do nhãn quang hẹp hòi (narrow vision).

Ảo cảm về sự cuồng tín.

CUNG VII.

Ảo cảm về công tác huyền thuật (magical work).

Ảo cảm về mối liên hệ của các đối cực.

Ảo cảm về các quyền lực dưới mặt đất (subterranean powers).

Ảo cảm về những gì cùng chung với nhau.

Ảo cảm về thể xác.

Ảo cảm về cái thần bí và kín đáo (the mysterious and the secret).

Ảo cảm về ma thuật tình dục (sex magic).

Ảo cảm về các mãnh lực biểu lộ đang xuất hiện.

Ở đây, tôi đã liệt kê nhiều ảo cảm. Nhưng tên gọi ảo cảm còn nhiều vô số và tôi không có cách nào liệt kê hết các năng lực hay lãnh vực của ảo cảm.

Một trong các nhóm hoạt động với tôi, có một số tính chất và các khó khăn và có thể là hữu ích nếu tôi đưa ra ở đây.

124 Nhóm này có một lịch sử kỳ lạ so với các nhóm khác, vì nhân sự trong nhóm được thay đổi nhiều lần. Mỗi lần, một người rời khỏi nhóm vì quyền hạn nghiệp quả và mối liên hệ lâu đời với chính tôi hay với các thành viên trong nhóm và do đó, y tìm cơ hội gia nhập vào hoạt động này. Mỗi lần thất bại, là mỗi lần vì lý do thuộc phạm ngã của họ. Họ thiếu sự hiểu biết về nhóm và rõ rệt là chỉ lo cho chính họ. Họ thiếu cái nhìn mới mẻ và rộng rãi. Như thế họ tự loại mình ra khỏi hoạt động của kỷ nguyên mới đang khai mở này. Tôi giải thích điều này vì nó có giá trị là giúp cho các đệ tử hiểu được sự kiện là không thể không biết đến mối liên hệ về nghiệp quả và phải biết tạo cơ hội cho nhóm, cho dù điều đó làm trì hoãn sự tác động trong việc phụng sự của nhóm.

Một số thành viên của nhóm vẫn còn đang tranh đấu với ảo cảm và cần có một thời gian lâu hơn nữa mới tự điều chỉnh để nhận biết ảo cảm khi gặp phải. Nhiệm vụ chính của nhóm này là làm tan biến một số ảo cảm thông thường bằng sự thiên định hợp nhất đã chỉ. Một số các thành viên trong nhóm cũng đang đối phó hay có các điều chỉnh chủ yếu trong các kiếp sống của họ và cần có một ít thời gian để lập lại nhịp điệu chủ quan cần thiết. Nhưng tất cả nhóm đều phải làm việc với sự cảm thông, kiên nhẫn và nhiệt thành và điều đó không quá lâu trước khi công việc của nhóm được bắt đầu.

Các bạn sẽ thấy là hữu ích khi xem xét các câu hỏi sau đây:

1. Phương pháp gì nhờ đó các ý tưởng được mở mang từ lúc tạo ấn tượng lên trí của một số người có trực giác ?

Nói rộng ra, họ vượt qua các giai đoạn sau như bạn thấy được chỉ dẫn :

- a. Ý tưởng.... dựa vào nhận thức của trực giác.
- b. Lý tưởng...dựa vào việc tạo thanh và phân phối trí tuệ
- c. Thần tượng...dựa vào khuynh hướng cụ thể hóa của biểu hiện trên cõi trần.

2. Ảo cảm nào bạn cảm thấy đang đặc biệt chế ngự trên thế giới ngày nay, tại sao?

- 125 3. Tôi thường nói đến công việc mà nhóm này và một số nhóm khác dự tính làm để đánh tan ảo cảm thế giới. Bạn có ý kiến gì để làm sao điều này được thực hiện hay những điều gì sẽ được cần nơi bạn?

3.- Tương phản giữa các ảo cảm cao với ảo cảm thấp.

Trong phần trước của tiết này, chúng ta xem xét (một cách vắn tắt và qua loa) một số nguyên nhân của ảo cảm trọng trước đang bao quanh nhân loại. Chính những ảo cảm này rất cổ xưa, được hình thành một cách mạnh mẽ, và là đặc điểm nổi bật của cõi cảm dục hiện ra một cách rõ ràng, như là sự kiện đã xảy ra đối với ba nguyên nhân chính có khuynh hướng bổ sung.

1. Các ảo cảm gây ra do cuộc sống hành tinh và có sẵn trong chính vật chất.
2. Các ảo cảm nói chung do nhân loại khơi mào và được cho làm mạnh thêm suốt vô số thời gian đã qua.
3. Ảo cảm do chính cá nhân tạo ra, hoặc trong quá khứ, qua việc tham dự vào ảo cảm thế gian, hoặc bắt đầu từ kiếp sống này.

Mọi người đều có khuynh hướng thiên về tất cả các ảo cảm này, và trong nhiều kiếp sống chúng tỏ mình là nạn nhân

bất lực của những gì mà sau đó y phát hiện ra là sai lầm, giả dối và phỉnh lừa. Bây giờ y học được rằng y không cần nhu nhược khuất phục dưới sự khống chế của quá khứ – do cảm dục, xúc cảm và ảo cảm – mà là y được trang bị một cách thích hợp để điều khiển nó, y phải biết điều đó, và rằng có các phương pháp và kỹ thuật mà nhờ đó y có thể thành kẻ chinh phục ảo tưởng, kẻ xua tan ảo cảm và là kẻ chế ngự ảo lực. Đây là tiết lộ đầu tiên và chính khi nào y hiểu được hàm ý của điều này và bắt tay vào chế ngự tình trạng không được ưa thích mà sau đó y đi đến chỗ nhận thức được nhị nguyên chủ yếu. Đối với lúc này, không có trường hợp ảo tưởng nào cả. Y khám phá ra sự liên quan giữa chính y với tư cách một phạm ngã, Tổng Quả thực sự với Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục đang giữ cửa điểm đạo. Điều này đánh dấu một thời điểm quyết định trong kiếp sống của vị đệ tử vì nó cho thấy thời điểm mà y có thể bắt đầu bước lên Con Đường Điểm Đạo, nếu y muốn và cần có được sự chịu đựng dũng cảm.

Sau cùng việc chinh phục được một phần ảo cảm và hoàn toàn thoát khỏi sự giam cầm của ảo tưởng là các chỉ dẫn cho Thánh Đoàn đang quan sát thấy rõ rằng người đó đang sẵn sàng được điểm đạo. Chỉ khi nào y hoàn toàn không còn bị lừa phỉnh và chỉ khi nào y có phần nào tự do về mặt trí tuệ, thì y mới có thể đối diện với vị Thiên Thần đang chờ đợi và vượt qua cửa điểm đạo. Ở đây có một điểm mà tôi muốn nêu ra cho bạn: sau khi vượt qua cửa điểm đạo, mỗi lần như vậy, vị đệ tử phải quay trở lại để nhận lãnh các nhiệm vụ mới của mình một lần nữa trong ba cõi hoạt động thấp; ở đó y thực hành lại các tiến trình trước kia – một cách vắn tắt và với sự hiểu biết – sau đó y tiếp tục điều khiển những cái cơ bản của bài học điểm đạo sắp tới. Ở đây, tôi đưa ra một số lớn thông

tin dưới một hình thức rất cô đọng, nhưng đó là những gì có thể có được vào lúc này.

Trong một thời gian dài, ý thức về nhị nguyên tính thâm nhuần bản thể của vị đệ tử và làm cho cuộc đời của người này hình như là một cuộc xung đột không ngừng giữa các cặp đối hợp. Trận chiến của các tương phản xảy ra một cách rõ rệt trong cuộc đời vị đệ tử. Y dao động giữa các kinh nghiệm của quá khứ và hồi tưởng lại kinh nghiệm điểm đạo mà y đã trải qua, trước tiên nhấn mạnh vào các kinh nghiệm trước, sau đó vào kinh nghiệm vĩ đại cuối cùng, kinh nghiệm này đang tô đậm màu cuộc sống nội tâm của y. Y có những lúc kéo dài, lúc đó y là một đệ tử bị bối rối, đang tranh đấu với ảo cảm, và có những lúc ngắn ngủi y là vị đệ tử điểm đạo chiến thắng. Y khám phá ra trong chính mình các cội nguồn của ảo cảm và ảo tưởng, sự quyến rũ của ảo lực, cho đến lúc, y lại đứng trước cửa điểm đạo và đối diện với các nhị nguyên chính trong tiểu vũ trụ riêng biệt của mình – Tổng Quả và Thiên Thần. Trước tiên y sợ Thiên Thần và sợ ánh sáng tỏa ra từ vẻ mặt của Thiên Thần đó, vì ánh sáng đó phóng vào thực tại linh hoạt cái bản chất của Kẻ Chận Ngõ vốn là chính y. Trước đây, chưa bao giờ y nhận thức được nhiệm vụ nặng nề trước mắt và ý nghĩa đích thực của việc đảm trách mà y tự cam kết. Dần dần hai điều hiện ra một cách rõ ràng đáng kinh ngạc trong trí y :

1. Ý nghĩa của bản chất riêng của y, với thuyết nhị nguyên cốt yếu của nó.
2. Nhận biết được mối liên hệ giữa các cặp đối hợp mà y, với tư cách một đệ tử, phải đấu tranh.

Khi đã hiểu được mối liên hệ của nhị nguyên chính và thấp (liên hệ của phạm ngã với linh hồn) bấy giờ y chuẩn bị

vượt lên thực tại cao siêu hơn, thực tại về Chân Ngã hội nhập (phàm ngã và linh hồn) và mối liên hệ của nó với Bản Lai Diện Mục. Trong câu này, với một ít lời ngắn gọn, bạn đã diễn đạt được kết quả của ba cuộc điểm đạo đầu tiên và hai cuộc điểm đạo cuối cùng. Hãy suy gẫm điều này.

Tôi tin rằng, điều đó sẽ có giá trị thực sự nếu tôi liên kết vì sự lợi ích của bạn với các đặc tính tương phản khác nhau của kẻ thông minh và vị đệ tử, bằng cách dùng từ ngữ “đệ tử” để chỉ chung tất cả các giai đoạn phát triển, từ giai đoạn đệ tử chính thức đến giai đoạn Chân Sư. Không có gì trừ ra Thánh Đoàn, đây là một thuật ngữ chỉ sự tiến bộ vững vàng từ một trạng thái hiện tồn thấp của ý thức đến trạng thái hiện tồn cao hơn. Trong mọi trường hợp, đây là trạng thái tâm thức của một Thực Thể Cao Siêu nào đó, bị hạn chế, ràng buộc và kiểm chế bởi vật chất. Bạn nên để ý rằng, tôi nói “vật chất” (substance) chứ không phải “hình hài” (form), vì trong thực tế, chính vật chất mới kiểm soát tinh thần trong một chu kỳ biểu lộ dài, rất dài; không phải vật chất kiểm chế, lý do là vật chất thô trực luôn luôn bị kiểm chế bởi các mãnh lực mà về mặt thần bí được xem như là có bản chất dĩ thái, và do đó, dưới hình thức vật chất chứ không phải hình hài. Lúc nào cũng phải ghi nhớ điều này vì nó nắm giữ mạnh mẽ cho việc tìm hiểu đúng về phàm ngã.

Do đó, chúng ta sẽ nghiên cứu các tương phản chủ yếu mà vị đệ tử phải hiểu bằng trực giác và y phải tự làm quen với việc đó. Chúng ta sẽ chia những gì phải nói làm bốn phần, bàn đến một cách vắn tắt, nhưng tôi tin tưởng giúp ích được cho mọi người:

- a. *Tương phản giữa ảo tưởng với đối cực của nó*
..... *Trực giác (Intuition).*
- b. *Tương phản giữa ảo cảm với đối cực của nó*
..... *Giác ngộ (Illumination).*
- c. *Tương phản giữa ảo lực với đối cực của nó*
..... *Linh hứng (Inspiration).*
- d. *Tương phản giữa Tổng Quả với đối cực của nó*
..... *Thiên Thần Bản Lai Diện Mục (The Angel of the PRESENCE).*

Bạn sẽ hiểu được đây là một chủ đề rộng lớn và đề cập đến vấn đề chính của vị đệ tử. Ở điểm này, tôi muốn nhắc đến những gì tôi đã nói liên quan đến bốn trạng thái của ảo cảm và yêu cầu bạn nghiên cứu kỹ các biểu đồ và các bảng liệt kê khác nhau mà đôi khi tôi có đưa cho bạn.

a/ Tương quan giữa ảo tưởng với Trực giác.

Tôi chọn cái tương phản này như là cái đầu tiên phải bàn đến vì nó sẽ (cho dù có thể là không) tạo thành ảo cảm chính của các thành viên của nhóm này. Điều không may là ảo cảm tình cảm vẫn còn chi phối và đối với đa số các bạn, cái tương phản thứ hai, tức tương phản giữa ảo cảm với giác ngộ, có thể tỏ ra hữu ích nhất và có tính chất xây dựng nhất.

129 Ảo tưởng là sức mạnh của một hình tư tưởng nào đó thuộc thể trí, về một lý tưởng và một quan niệm nào đó – được cảm nhận, hiểu và giải thích bằng thể trí – để chi phối các tiến trình trí tuệ của cá nhân hoặc của nhân loại, và tất nhiên để tạo ra giới hạn cho biểu lộ của cá nhân hoặc của nhóm. Các ý tưởng và quan niệm như thế có thể thuộc ba loại, như tôi sẽ giải thích cho bạn hiểu:

1. Chúng có thể là các ý tưởng *được kế thừa*, như trong trường hợp những kẻ thấy việc đó quá khó khăn không thể làm cho chúng thích hợp với cái nhìn mới mẻ đối với sự sống trên thế gian và đối với trật tự xã hội như được biểu lộ trong các ý thức hệ mới. Chúng bị chi phối mạnh mẽ bởi đẳng cấp, truyền thống và nền tảng của chúng.

2. Chúng có thể là các *ý tưởng hiện đại hơn*, mà sau rốt, vốn là phản ứng của tư tưởng hiện đại đối với các điều kiện và các tình huống trên thế giới, và đối với nhiều người tìm đạo khác đều có khuynh hướng và tự nhiên là như thế, nhất là nếu sinh hoạt trong xoáy lốc mà chúng ta gọi là Âu Châu hiện đại. Các ý tưởng hiện đại như thế ngày nay được lý giải thành các luồng ý thức hệ chủ yếu đang chi phối, và đối với các ý thức hệ này, mỗi người thông minh tất nhiên phải phản ứng lại, mặc dù họ quên rằng phản ứng đó được dựa vào truyền thống hoặc dựa và khuynh hướng quốc gia hay quốc tế.

3. Chúng có thể là các *ý tưởng mới mẻ được nhận biết một cách mơ hồ* nhưng có được bên trong chúng sức mạnh chi phối tương lai và hướng dẫn thế hệ hiện nay ra khỏi bóng tối đi vào ánh sáng. Cho đến nay không một ai trong các bạn thực sự cảm nhận được các ý tưởng mới mẻ này, mặc dù trong những con thiên định cao siêu và thành đạt tâm linh, bạn có thể phản ứng lại với chúng một cách mơ hồ và ngần ngại. Phản ứng đó có thể chỉ đứng ở mức độ mà nó chi phối, một cách dứt khoát, việc phụng sự của bạn đối với các huynh đệ bạn. Bạn có thể phản ứng lại một cách chính xác và có thể làm như thế ngày càng nhiều nếu bạn giữ được sự toàn vẹn của linh hồn bạn và không bị thua trong trận chiến và bị bối rối vì hoàn cảnh chung quanh trong lãnh vực phụng sự đã chọn của bạn.

130

Ảo tưởng do thể trí có thể được mô tả như là một ý tưởng được lồng trong hình thức lý tưởng, không cho phép có một chỗ hay một phạm vi nào cho bất cứ một hình thức lý tưởng nào khác. Do đó, nó cản trở khả năng tiếp xúc với các ý tưởng. Con người bị ràng buộc với thế giới của các lý tưởng và của chủ nghĩa lý tưởng. Con người không thể tách xa khỏi thế giới đó. Ảo tưởng thuộc cõi trí trói buộc, giới hạn và giam nhốt con người. Một ý tưởng tốt lành sau đó có thể trở thành một ảo tưởng rất dễ dàng và tỏ ra là một yếu tố chi phối tai hại trong kiếp sống của kẻ ghi nhận nó.

Ở đây rất có thể bạn hỏi phải chăng chính Thánh Đoàn không bị chi phối bởi một ý tưởng và do đó, lại chính là nạn nhân của ảo tưởng chung và rộng lớn? Ngoài sự kiện các vị lãnh đạo của Thánh Đoàn và Các Vị Giám Sát Thiên Cơ không bao giờ để cho một việc như thế xảy ra cho đến khi các Ngài thoát khỏi được sự thúc đẩy của ảo tưởng, tôi xin nhắc nhở bạn rằng mọi ý tưởng tuôn đổ vào ý thức hành tinh đều theo đường vận chuyển của bảy cung. Như vậy Thánh Đoàn được mở rộng, trong bất cứ trường hợp nào, đối với bảy nhóm ý tưởng chính yếu vốn là Thiên Ý (Idea of God) cho bất cứ điểm đặc thù nào trong thời gian, biểu lộ theo bảy con đường chủ yếu – tất cả các đường lối này đều đúng như nhau và dùng cho nhu cầu gấp bảy lần của nhân loại. Mỗi một trong bảy định thức của Thiên Ý (God's Idea) đều có sự đóng góp đặc biệt của Thiên Ý để tạo thành; mỗi một trong các định thức đó là một ý tưởng đích thực, góp phần vào việc phụng sự nhân loại hoặc hành tinh; và mỗi một trong bảy biểu lộ đều có liên quan hỗ tương với sáu biểu lộ khác của cùng Tư Tưởng thiêng liêng, thể hiện như là các lý tưởng trên cõi trí, ở đó có thể không có sự thu hẹp vào một ý tưởng duy nhất với các phân

nhánh như đang xảy ra trong con người. Ít nhất, có sự nhạy bén đối với bảy nhóm ý tưởng và các lý tưởng do đó mà ra của chúng và – nếu việc đó không vượt hơn thế – Thánh Đoàn cho đến giờ vẫn uyển chuyển và linh động. Nhưng không chỉ vậy mà còn hơn thế nữa, vì, đối với các thành viên của Thánh Đoàn, ý tưởng và hiệu quả của ý tưởng không những được diễn tả bằng các tên gọi chỉ hình tư tưởng con người và chủ nghĩa lý tưởng của con người, mà chúng cũng còn được tiếp xúc và nghiên cứu về mối liên quan của chúng đối với chính Thiên Trí và đối với các giới trên hành tinh. Các ý tưởng này xuất phát và tỏa ra từ cõi Bồ Đề, vốn ít khi mở ra với tâm thức của một đệ tử bậc trung và chắc chắn là không mở ra cho sự tiếp xúc của lý tưởng gia bậc trung. Ở đây tôi muốn nhắc bạn rằng có một vài lý tưởng gia, tự bản thân họ đã tiếp xúc được, với ý tưởng đã khai sinh ra chủ nghĩa lý tưởng. Họ chỉ giao tiếp được với việc diễn giải ý tưởng của con người, như một số đệ tử hay kẻ có trực giác đã đưa ra – một điều hoàn toàn khác hẳn.

Do đó, ảo tưởng có thể được định nghĩa như là hậu quả của một ý tưởng (được diễn dịch thành lý tưởng) được xem như là toàn thể cách trình bày, dưới hình thức tình tiết hoặc giải pháp đầy đủ, được tách ra khỏi và được hình dung một cách độc lập với mọi ý tưởng khác – cả về bản chất tôn giáo hay bề ngoài hoàn toàn không liên hệ gì tới tôn giáo. Trong câu này có hàm ý vấn đề về chia rẽ và về sự bất lực của con người không thể liên kết các hàm ý khác nhau của một ý tưởng thiêng liêng lại với nhau. Khi được hình dung và hiểu theo một nghĩa hẹp và riêng biệt, tất nhiên có sự lệch lạc của chân lý, và vị đệ tử hoặc người tìm đạo tất nhiên tự cam kết với khía cạnh bất toàn của thực tại hay của Thiên Cơ chớ

không phải cam kết với chân lý chừng nào mà chân lý có thể được tiết lộ hay với Thiên Cơ như các Thành Viên của Thánh Đoàn đã biết. Ảo tưởng này khơi dậy trong vị đệ tử hay lý tưởng gia một phản ứng tình cảm mà ngay tức khắc nuôi dưỡng cho lòng ham muốn và tất nhiên chuyển ra khỏi cõi trí đi vào cõi cảm dục; như thế dục vọng được khơi dậy vì một lý tưởng còn thiếu sót và không thích hợp và như thế ý tưởng không thể đạt được biểu lộ đầy đủ, vì người theo ý tưởng đó chỉ thấy được một phần lý tưởng như chân lý đầy đủ và do đó không thể hiểu các ý nghĩa về mặt xã hội, hành tinh và cả vũ trụ.

Nơi đâu có việc hiểu biết thực sự toàn vẹn ý tưởng (một điều thực sự hiếm có) nơi đó sẽ không có ảo tưởng. Ý tưởng vốn rất bao la hơn là người theo chủ nghĩa lý tưởng nghĩ ra, đến nỗi chỉ có sự khiêm tốn mới cứu vãn được người theo chủ nghĩa lý tưởng ra khỏi sự hẹp hòi. Nơi nào có ảo tưởng (vốn 132 rất thông thường) và có phản ứng mơ hồ do cách diễn giải một ý tưởng, nơi đó sẽ có kẻ cuồng tín, kẻ theo chủ nghĩa lý tưởng mập mờ, kẻ áp đặt một cách tàn bạo ý tưởng theo cách hiểu của họ, nhưng người nam và nữ hẹp hòi và cố chấp, cố tìm cách trình bày cách giải thích *của họ* về ý tưởng của Thượng Đế lại còn có những người có tầm nhìn bị gò bó, hạn hẹp. Cách mô tả thực tại nhuộm đầy ảo tưởng như thế và cách trình bày ý tưởng đầy tưởng tượng như thế đã gây ra cả sự tự kiêu lẫn sự nguyên rủa của thế giới. Đó là một trong các yếu tố đã đưa thế giới hiện đại của chúng ta đến con đường bất hạnh của nó, và chính do sự lạm dụng năng lực thiêng liêng này để tiếp xúc với ý tưởng và chuyển đổi nó thành lý tưởng mà ngày nay thế giới chịu đau khổ – đó là điều không thể tránh khỏi. Việc áp đặt các ý tưởng được giải thích theo quan

điểm con người và theo hạ trí này dưới hình thức các ý thức hệ giới hạn đã tạo ra hiệu quả đau khổ cho con người. Họ cần phải học cách xâm nhập vào ý tưởng đích thực đang nằm sau lý tưởng của họ và học cách giải thích ý tưởng đó một cách chính xác dưới ánh sáng linh hồn của họ, ngoài việc dùng các phương pháp vốn có sự đảm bảo và chuẩn nhận của Lòng Bác Ái. Thí dụ không có ảo tưởng rằng ý tưởng được diễn đạt trong câu nói “mọi người đều bình đẳng như nhau” là một sự kiện cần được nhấn mạnh. Câu này được những người có khuynh hướng dân chủ bình đẳng nhận ra. Thực ra, đó là câu nói về một sự kiện, nhưng khi không có việc cân nhắc các ý tưởng quan trọng như nhau đối với sự tiến hóa, đối với các thuộc tính của nhân loại và đối với các tính chất tôn giáo và quốc gia, thì, ý tưởng căn bản chỉ nhận được áp dụng có giới hạn. Đó là các hệ thống ý thức hệ bị cưỡng đặt của thời đại chúng ta và của ngày nay, và sự tăng trưởng nhanh chóng các ảo tưởng về ý thức hệ, tuy thế lại đặt nền tảng vào một ý tưởng chân chính – cho mỗi cái và cho tất cả chớ không có ngoại lệ nào. Lại nữa, đó không phải là ảo tưởng mà sự phát triển tâm thức Christ (bồ đề tâm) là mục tiêu của gia đình nhân loại, nhưng khi ý thức đó được giải thích bằng các thuật ngữ theo uy quyền tôn giáo và do những kẻ mà bồ đề tâm nơi họ cho đến nay chưa được phát triển, nó chỉ trở nên một ý niệm đẹp dễ và thường là sự thúc đẩy bạo hành và như thế tức khắc rơi vào lãnh vực ảo tưởng.

Tôi đưa ra hai minh họa này, trong số nhiều minh họa có thể có để cho bạn có thể hiểu được ảo tưởng đến bằng cách nào, chúng phát triển và sau rốt biến mất ra sao; như thế bạn có thể có một tiêu chuẩn nào đó để so sánh, nhờ đó hiểu được

giá trị tương đối của cái chân và cái giả, của cái tạm thời ngay trước mắt và của cái vĩnh cửu căn bản của thực tại.

Do đó, điều hiển nhiên đối với bạn là các phân cảnh thấp hay phân cảnh cụ thể của cõi trí sẽ thu đạt hay chứa đựng – qua các thời đại – một số lớn tư tưởng, đã được đưa ra dưới hình thức các lý tưởng, khoác lấy chất trí, được bảo dưỡng bằng sinh lực của những người đã hiểu biết được ít nhiều sự thật của ý tưởng khi họ có khả năng diễn đạt và họ đã mang lại cho các lý tưởng này tầm quan trọng của khả năng tạo ra hình tư tưởng của họ và sự chú tâm có định hướng của họ, tất nhiên hàm ý là năng lượng của lý tưởng được đưa ra thì có giới hạn bởi vì – như bạn biết – năng lượng theo sau tư tưởng (energy follows thought).

Các hình tư tưởng này trở thành các mục tiêu hướng đến cái mà thực tại chủ quan, tức con người, đạt tới và y tự đồng hóa trong một thời gian dài; y tự hướng tới các hình tư tưởng này, như vậy làm cho chúng có sinh khí và mang lại sự sống và sự tồn tại cho chúng. Chúng gắn bó với y; chúng chi phối các phản ứng và các hoạt động của y; chúng nuôi dưỡng bản chất ham muốn của y và tất nhiên chiếm một sự quan trọng không đúng mức, tạo ra một tường rào (dày thưa khác nhau, tùy theo mức độ huyền đồng) giữa con người đang luân hồi với thực tại vốn là Bản Thể đích thực của y.

Ở đây tôi không cần ghi thành từng mục bất cứ cái nào trong số các hình tư tưởng thông thường này và các trạng thái của ảo tưởng trí tuệ và thuộc cõi trí. Giờ đây, tôi không muốn bạn nghĩ rằng ý tưởng được thể hiện, mà chúng ta gọi lý tưởng, chính đó là một ảo tưởng. Ý tưởng chỉ trở thành lý tưởng khi nó được xem như là một cứu cánh trong chính nó

thay vì là những gì mà về bản thể, được xem như là phương tiện cho một cứu cánh. Một lý tưởng, khi được hiểu đúng và sử dụng đúng, sẽ mang lại sự trợ giúp tạm thời hướng đến việc đạt được một thực tại tức thời và có thể sớm xảy ra, đó chính là mục tiêu mà con người hay nhân loại, bất cứ lúc nào, cũng cần đạt đến. Ngày nay, ý tưởng trước mắt nhân loại là thiết lập trở lại (trên một vòng xoắn ốc cao hơn) mối liên hệ tinh thần vốn đặc trưng cho nhân loại trong tình trạng ấu trĩ, trong tình trạng sơ khai. Sau đó, được hướng dẫn khôn khéo và thái độ đầy tình phụ tử của Thánh Đoàn và các thầy tu được điểm đạo của thời ấy, con người biết được mình thuộc vào một gia đình duy nhất – một gia đình có nhiều huynh đệ – và đạt được điều này nhờ sự cảm nhận và ý thức về giác quan đã mờ mang. Ngày nay dưới tên gọi *Tình Huynh Đệ*, ý tưởng tương tự đang tìm kiếm hình thức trí tuệ và thiết lập mối liên hệ tinh thần đổi mới (ý tưởng) qua việc luyện tập các mối liên hệ đúng đắn giữa con người (lý tưởng). Đây là mục tiêu trước mắt của nhân loại.

Kết quả này tất nhiên sẽ được mang lại nhờ chu kỳ của qui luật tất yếu mà hiện giờ chúng ta đang trải qua và ý tưởng được cảm nhận một cách mơ hồ sẽ – như là kết quả của một việc cực kỳ cần thiết – áp đặt nhịp điệu của nó lên nhân loại và như vậy thúc đẩy việc hiểu rõ về Bản Thể đích thực nơi tất cả mọi người. Nếu nghiên cứu kỹ càng nền móng căn bản của mọi ý thức hệ (ideologies) không trừ một cái nào, người ta sẽ khám phá được rằng ý tưởng về mối liên hệ vẹn toàn này (thường bị lệch lạc trong cách trình bày và bị che giấu do các phương pháp sai lầm), về các mục tiêu tâm linh này và về hoạt động tích cực rõ ràng do tình huynh đệ ẩn sau mọi hình thức bề ngoài. Tôi dùng tình huống thông thường như một minh

họa của *ý tưởng* chiếm hình thức như *lý tưởng*, và hồi huynh đệ, chẳng may, lại thường trở thành *thần tượng* và hiểu sai do cuồng tín và là mục tiêu quá cường điệu của quần chúng, dưới sự hướng dẫn của một vài lý tưởng gia nổi bật. Một lý tưởng là một biểu lộ *tạm thời* của một ý niệm căn bản; lý tưởng đó không được dự trù phải có thường xuyên mà đơn giản là phụng sự cho một nhu cầu và dẫn đến con đường thoát ra khỏi quá khứ, đi vào một tương lai thích hợp hơn. Tất cả các lý tưởng hiện nay, tự biểu lộ qua các ý thức hệ thông thường sẽ phụng sự mục tiêu của họ và sau rốt biến mất, giống như mọi ý thức hệ khác đã qua trong lịch sử nhân loại và sau rốt sẽ thay chỗ cho mỗi liên hệ tinh thần đã được hiểu rõ, một mối thân hữu chủ quan, giống như tình huynh đệ đã được diễn tả và xác định. Khi đã phát triển đầy đủ và hiểu rõ, các điều này sẽ tạo ra một hình thức kiểm chế và hướng dẫn, và một loại quyền lãnh đạo mà thậm chí vào lúc này các nhà tư tưởng tiến bộ cũng không thể hiểu được.

Khi các lý tưởng và các quan niệm trí tuệ và các hình tư tưởng được đưa ra, chi phối thể trí của một cá nhân, một chủng tộc hay nhân loại nói chung, loại bỏ mọi viễn cảnh hoặc tầm nhìn xa và ngăn chặn thực tại, bấy giờ chúng tạo thành một ảo tưởng đến chừng nào mà chúng kiểm chế tâm trí và cách sống. Chúng ngăn chặn sự tác động tự do của trực giác, với khả năng thực sự của trực giác khi tiết lộ tương lai trước mắt; trong khi biểu lộ, chúng thường ngăn cản nguyên lý căn bản của Thái Dương Hệ, tức Tình Thương qua sự kiểm chế được áp đặt của một nguyên lý phụ thuộc và tạm bợ nào đó; như vậy chúng có thể tạo thành “vầng mây đen đe dọa có mưa” dùng để che giấu “đám mây của các điều khả tri” (mà đạo sư Patanjali có nói đến trong quyển sách cuối cùng của

ông ấy) – đám mây minh triết đó đang bay lượn trong cõi hạ trí mà các đạo sinh và người tìm đạo có thể khai thác và sử dụng nhờ tác động tự do của trực giác.

Bấy giờ chúng ta hãy xem xét trực giác, vốn là cái đối nghịch với ảo tưởng. Nên nhớ rằng ảo tưởng đó giam nhốt con người trên cõi trí và hoàn toàn bao bọc con người bằng các hình tư tưởng nhân tạo, ngăn chặn không để con người tiến vào các lãnh vực hiểu biết cao siêu hay là tiến vào việc phụng sự có tính chất bác ái phải được đưa ra trong các cõi thấp của nỗ lực hữu thức được biểu lộ.

Điểm chính yếu mà tôi tìm cách đưa ra ở đây đó là trực giác, vốn là cội nguồn hay là tác nhân ban phát sự thiên khai. Nhờ có trực giác mà sự hiểu biết dần dần về các con đường của Thượng Đế trong thế gian và nhân danh nhân loại mới được tiết lộ; nhờ có trực giác mà sự siêu việt và nội tại của Thượng Đế mới lần lượt được hiểu rõ và con người có thể tiến vào tri thức thuần túy đó, đi vào lý trí được truyền linh hứng đó, nó sẽ giúp cho con người không những hiểu được các tiến trình của thiên nhiên dưới biểu lộ mẫu nhiệm ngũ phân của thiên nhiên, mà còn hiểu được các nguyên nhân ẩn dưới các tiến trình này, cho thấy rằng các nguyên nhân đó là các hiệu quả chứ không phải là các biến cố ban đầu; nhờ trực giác con người mới đạt đến kinh nghiệm của Thiên Giới và khám phá ra được bản chất, kiểu mẫu của các sinh linh và của hiện tượng và các đặc điểm của Các Con của Thượng Đế khi các Vị này biểu lộ. Nhờ có trực giác, một số thiên cơ (plans) và thiên ý (purposes) được thể hiện qua các thế giới biểu lộ được sáng tạo mới lọt vào sự chú tâm của con người và con người được chỉ cho thấy bằng cách nào mà y và phần còn lại của nhân loại có thể hợp tác nhau và thúc đẩy thiên cơ; nhờ trực giác mà các

định luật của cuộc sống tâm linh vốn là các định luật chế ngự Chính Thượng Đế, chi phối Shamballa, và hướng dẫn Thánh Đoàn, làm cho con người ngày càng chú ý đến, và khi con người tỏ ra có khả năng hiểu được và hành động với các định luật này.

Có bốn hạng người có khuynh hướng được thiên khai nhờ sự khơi hoạt của trực giác :

1.- *Những người ở trên đường lối của các vị cứu độ thế gian (world saviours).* Những vị này tiếp xúc với Thiên cơ và dẫn thân vào việc phụng sự, hoạt động để cứu giúp nhân loại. Họ ở vào các trình độ hiểu biết khác nhau, trải rộng khắp mọi đường lối, từ kẻ đang tìm cách bộc lộ thiên tính trong cuộc sống của riêng mình, và cho nhóm người nhỏ ngay trước mắt mình (nhờ các thay đổi và các hiệu quả diễn ra ngay trong cuộc sống cá biệt của người ấy) đến các vị Tiến Hóa Cao có trực giác và các Đấng Cứu Thế như là Đức Christ. Những người ở trường hợp đầu được thúc đẩy bằng mọi năng lực bởi một bước ngoặt nào đó nhờ bởi trực giác, bước này hoàn toàn tái tạo lại y và mang lại cho y một nhận thức mới về các tiêu chuẩn đạo đức. những vị thuộc trường hợp sau có thể tùy ý tiến lên cõi giới nhận thức bằng trực giác và tiêu chuẩn đạo đức rồi ở đó biết chắc được Thiên Ý và có cái nhìn rộng lớn về Thiên cơ. Các đấng Thiên Sai vĩ đại của Thượng Đế đó có quyền tự do của Thánh Địa (Shamballa) và của Tân Jerusalem (Thánh Đoàn). Như thế, các Ngài đều thống nhất trong việc giao tiếp của các Ngài và cho đến nay các Ngài tương đối còn ít.

2.- *Những kẻ trong hàng ngũ của các nhà tiên tri.* Những người này tiếp xúc với Thiên cơ vào những lúc trực giác dâng

cao và biết được những gì mà tương lai cận kề đang nắm giữ. Ở đây tôi không đề cập đến các nhà tiên tri Do Thái, rất quen thuộc với Phương Tây, mà đề cập đến tất cả những ai nhìn thấu suốt những gì cần làm để dẫn dắt nhân loại ra khỏi bóng tối, đi vào ánh sáng, bắt đầu với tình trạng như hiện nay, nhìn đến một tương lai có sự thành toàn thánh thiện. Những người này có được một minh họa rõ ràng trong trí về những gì có thể thành tựu được và có khả năng nêu điều đó ra cho con người cùng thời với mình. Tất nhiên những nhà tiên tri này thuộc mọi trình độ, từ những kẻ có được nhãn quang tương đối rõ ràng về hình ảnh và các mục đích của vũ trụ, đến những kẻ chỉ thấy được giai đoạn kế tiếp trước mắt cho nhân loại hoặc quốc gia. Chỉ có Isaiah và Ezekiel là hai nhà tiên tri Do Thái có được nhãn quang vũ trụ và có tài tiên tri đúng mà thôi. Những kẻ khác thấp kém hơn, nhưng là những người sáng suốt, do phân tích và suy diễn, họ thẩm định được tương lai trước mắt và nêu ra các điều có thể xảy ra. Họ không mở được trực giác một cách trực tiếp. Trong Tân Ước, John, một đệ tử thân thiết, có đặc ân thu nhận được hình ảnh vũ trụ và một nhãn quang tiên tri đúng thực mà Ngài đã diễn tả trong Sách Khải Huyền (Apocalypse), nhưng Ngài là người duy nhất đã thành công như thế, và thành công vì Ngài vô cùng từ bi, bác ái, rất minh triết và rất uyên bác. Trực giác của Ngài được khơi hoạt nhờ lòng bác ái sâu xa và mãnh liệt của Ngài – giống như Sự Phụ của Ngài, là Đức Christ.

3. *Những kẻ là các nhà tu hành chân chính.* Đây là những nhà tu hành do tiếng gọi tâm linh chứ không do sự lựa chọn. Chính việc hiểu sai về quyền hạn và trách nhiệm của nhà tu hành đã đưa mọi giáo hội (ở Tây Phương và Đông Phương) đến vị thế độc đoán tai hại của họ. Lòng bác ái của Đấng Tối

Cao và sự thôi thúc tâm linh đích thực giúp nhận biết được Thượng Đế hiện hữu trong vạn vật và đặc biệt biểu lộ thiên tính nơi con người, tiếc thay lại thiếu mất trong đa số các nhà tu hành thuộc mọi tôn giáo trên thế gian. Không có sự dẫn dắt, chỉ đường và giải thích bằng tình thương. Vì vậy chủ nghĩa giáo điều của nhà thần học, các đảm bảo vô lý và mù mờ của nhà thần học để giải thích cho phù hợp và sự độc ác thường thấy của y được che phủ bằng sự đòi hỏi các nguyên tắc công chính và các ý định tốt lành của nhà thần học. Nhưng trong mọi tôn giáo đều có người tu hành chân chính. Vị này là bạn và huynh đệ của tất cả mọi người, và vì có lòng bác ái thâm sâu, nên vị ấy cũng có được minh triết và (nếu là mẫu người thiên về trí tuệ và có luyện tập) trực giác của vị này sẽ được khơi hoạt và phần thưởng cho ông ta là có được sự thiên khai (revelation). Hãy suy gẫm về điều này. Người tu hành chân chính rất hiếm và không phải chỉ có trong cái được gọi là “đẳng cấp thánh thiện” mà thôi.

4.- *Những người là các nhà thần bí hay nhà huyền linh học thực tiễn.* Nhờ một đời sống biết giữ giới luật, nhờ đạo tâm nhiệt thành và một thể trí có luyện tập, những người này đã thành công trong việc khơi hoạt trực giác và do đó, về mặt cá nhân, họ tiếp nhận được đúng nguồn minh triết thiêng liêng. Chức năng của họ chính là để diễn dịch và đưa ra những hệ thống hiểu biết tạm thời. Ngày nay, trên thế giới có nhiều người như thế, họ đang làm việc một cách nhẩn nại mà những người thiếu suy xét không thể nhận ra và không biết tìm kiếm. Ngày nay, họ cần phải “tự tập hợp” vào lúc cần thiết của thế gian để cho tiếng nói của họ được nghe thấy rõ ràng. Những người này đang làm tan hòa ý thức nhị nguyên thành sự hợp nhất trong hiểu biết. Việc họ mê mải với thực tại

và tình thương sâu xa của họ đối với nhân loại đã làm *nảy sinh* trực giác. Khi xảy ra việc phát sinh trực giác, người ta không còn bị một bức rào chắn nào nữa, rồi sự hiểu biết đích thực, do kết quả của minh triết được khai mở, là món quà mà những người như thế có được, để cống hiến cho nhân loại và thời đại của họ.

Trên đây là bốn nhóm người đang chuyển đổi ảo tưởng thành trực giác. Đây là cách dung giải (làm tan hòa) đầu tiên trên các cặp đối hợp, vì không có việc dung giải nào như thế, mà không có sự trợ giúp của trí tuệ, bởi vì qua sự phân tích, 139 sự phân biện và lập luận đúng đắn – trí tuệ cho thấy những gì nên làm.

b. Tương phản giữa ảo cảm với giác ngộ.

Một trong các biểu tượng thích hợp nhất nhờ đó người ta có thể gom lại một số hình ảnh về bản chất của ảo cảm là phác họa lại cõi cảm dục ở ba trong số các phân cảnh của nó (phân cảnh hai, ba và bốn đếm từ trên xuống) giống như vùng đất bị che khuất trong đám sương mù dày với các mật độ khác nhau. Ánh sáng thông thường của kẻ thường nhân, tương tự như đèn pha xe hơi có độ sáng vừa đủ cho chúng, chỉ dùng để làm rõ thêm nỗi khó khăn và không thể đi sâu vào đám sương mù. Nó chỉ phóng ánh sáng vào để làm nổi rõ độ dày của sương mù và rồi hiệu quả ngăn chặn của sương mù trở nên rõ ràng thêm. Tình trạng sương mù lộ rõ ra – nhưng chỉ có thế. Sự việc cũng giống như thế trên cõi cảm dục có liên quan đến ảo cảm; ánh sáng vốn có sẵn trong con người, tự gây ra và tự phát sinh, bao giờ cũng không thể đi sâu vào hay xua tan được cái tranh tối tranh sáng và tình trạng khí độc của sương mù. Ánh sáng duy nhất có thể xua tan sương mù ảo cảm và đưa sự

sống thoát khỏi các hậu quả bệnh hoạn là ánh sáng của linh hồn, mà – giống như tia sáng thuần khiết có tính tẩy rửa – ánh sáng này có được tính chất kỳ lạ và độc đáo của sự thiên khai, của việc làm tiêu tan tức thì và của sự giác ngộ. Sự thiên khai được ban xuống đó khác hẳn với sự thiên khai nhờ trực giác vì đó là sự thiên khai về những gì mà ảo cảm che lấp, ẩn giấu, vốn là sự thiên khai độc đáo cho cõi cảm dục và được chi phối bằng các định luật của cõi ấy. Việc sử dụng đặc biệt ánh sáng linh hồn này khoát hình thức của sự tập trung ánh sáng (phát ra từ linh hồn, xuyên qua thể trí) dựa vào tình trạng ảo cảm – riêng biệt hay đặc thù, hay tổng quát và khắp nơi – để cho bản chất của ảo cảm được khai mở, tính chất và nền tảng của nó được tìm ra và sức mạnh của nó đi đến chỗ tàn tạ nhờ giai đoạn định trí lâu dài, bền bỉ vốn được đưa ra để xua tan tình huống đó.

140 Trong đoạn kế tiếp, chúng ta sẽ bàn kỹ về phương pháp dùng ánh sáng một cách khoa học này, do đó tôi sẽ không thảo luận tỉ mỉ chủ đề ở điểm này. Tôi chỉ sẽ bàn những gì giúp cho bạn, với tư cách một nhóm, bắt đầu công việc chờ đợi từ lâu của bạn về vấn đề xua tan ảo cảm hiện có trên thế giới – ít nhất ở một số khía cạnh của nó. Tôi không xác định ảo cảm ở chỗ này hoặc đưa ra cho bạn các trường hợp về sự hoạt động của nó như tôi đã làm trong trường hợp ảo tưởng và sự tương đồng trái ngược của nó, tức trực giác, bởi vì tôi đã đề cập đến lĩnh vực một cách rất kỹ lưỡng trong tiết kế trước, và bạn chỉ phải tham khảo tiết đó để hiểu tất cả những gì tôi chuẩn bị đưa ra cho bạn vào lúc này. Tuy nhiên, tôi sẽ định nghĩa một cách ngắn gọn về *sự giác ngộ*, yêu cầu bạn ghi nhớ rằng ở đây chúng ta không bàn đến sự giác ngộ vốn dĩ tiết lộ Thực Tại hay bản chất của linh hồn hay sự giác ngộ giúp cho

cái nhìn của bạn được sáng tỏ về giới linh hồn, mà là bàn đến hình thức giác ngộ vốn do linh hồn đưa xuống vào lãnh vực hoạt động của cõi cảm dục. Sự giác ngộ này bao gồm việc sử dụng ánh sáng một cách có ý thức, trước tiên, dùng nó như ngọn đèn pha, quét vào chân trời của cõi cảm dục và xác định vị trí của ảo cảm đang tạo ra khó khăn, và sau đó dùng nó như là nơi phân phối ánh sáng có tập trung, với chủ đích rõ rệt, chuyển lên lãnh vực của cõi cảm dục trong đó nó được dự trữ tạo ra một cố gắng nào đó để làm tan biến sương mù đang tập trung nơi đó.

Do đó, một vài tiền đề căn bản, theo thứ tự có thể được đưa ra như sau :

1.- Tính chất và đặc điểm chủ yếu của linh hồn là ánh sáng. Do đó, nếu ánh sáng đó được dùng đến và tính chất đó được biểu lộ nơi vị đệ tử và hành giả, thì trước tiên, y phải đạt được sự tiếp xúc nhận biết với linh hồn nhờ việc tham thiền.

141 2.- Tính chất của cõi cảm dục, mà đặc tính chính của nó là ảo cảm. Đó là lãnh vực mà nơi đó trận chiến lớn lao của các cặp đối hợp phải xảy ra vì trong một trường hợp chúng là biểu hiện của dục vọng xa xưa – thuộc ảo cảm, có tính phỉnh lừa và giả dối, còn trong trường hợp khác là khát vọng tâm linh cao cả về những gì đích thực và chân chính. Ở đây, cần nhớ rằng, ham muốn ở cõi cảm dục, xúc cảm sai lầm và ích kỷ và các phản ứng ở thể cảm dục đối với các sự kiện trong đời sống hằng ngày, đều không xảy ra tự nhiên đối với linh hồn và sau rốt tạo ra một tình trạng dùng để che giấu một cách thành công bản chất đích thực của con người tâm linh.

3.- Kế đó một mối liên hệ phải được thiết lập giữa linh hồn với cõi cảm dục, xuyên qua thể cảm dục của đệ tử. Thế

cảm dục này phải được vị đệ tử xem như bộ máy đáp ứng với thế giới cảm giác và như là vận cụ duy nhất nhờ đó linh hồn có thể tiếp xúc với phân cảnh biểu hiện đó – tạm thời và không kéo dài như nó có thể làm. Do đó, vị đệ tử phải lập sự tiếp xúc với linh hồn và làm điều này một cách có ý thức và với tầm quan trọng cần có, và như thế đưa ánh sáng linh hồn vào thể cảm dục của riêng mình, học cách tập trung nó ở đó trong bí huyết nhật tụng, và từ mức thành tựu đó, tiếp tục tác động lên cõi cảm dục và với nhiệm vụ khó khăn là xua tan ảo cảm.

4.– Khi đường lối tiếp xúc này được tạo ra, và linh hồn, thể cảm dục và cõi cảm dục đã được liên kết chặt chẽ như thế, thì vị đệ tử phải mang ánh sáng có tập trung từ bí huyết nhật tụng (nơi mà ánh sáng tạm thời nằm ở đó) lên bí huyết tim. Y phải giữ cho ánh sáng ổn định nơi đó, rồi bền bỉ, kiên nhẫn làm việc từ bí huyết cao đó. Ở đây, tôi có thể diễn đạt lại một giáo huấn cổ xưa cho các đệ tử. Giáo huấn này có trong Văn Khố của Thánh Đoàn và có đề cập đến tiến trình đặc biệt này. Tôi đang đưa ra cho bạn một diễn giải ngắn và có phần không thích hợp về cách diễn tả cổ xưa có tính cách tượng trưng này:

“Vị đệ tử đứng lên, lưng quay về phía sương mù ảo cảm, nhìn về Phương Đông từ đó ánh sáng tuôn tràn. Đệ tử gom mọi ánh sáng có được vào tim mình và từ điểm sức mạnh đó giữa hai bắp vai, ánh sáng tràn ra”.

5.– Vị đệ tử phải từ bỏ hết mọi ý thức về sự khấn trương hay căng thẳng và phải học cách làm việc với niềm tin và lòng yêu thương trong sạch. Y càng ít cảm nhận (feel) thì càng ít bận tâm với các xúc cảm (feelings) hay cảm giác (sense) về sự thành đạt hay không thành đạt, y càng có khả năng từ bỏ thì

công việc sẽ tiến hành một cách có hiệu quả và ảo cảm dần dần bị xua đi. Trong công việc này không cần phải vội vàng. Những gì rất lâu đời đều không thể bị xua đi mau chóng cho dù có ý định tốt đẹp hay hiểu được phương pháp cần thiết chính xác ra sao đi nữa.

Điều rõ rệt đối với bạn là có các yếu tố nguy hiểm trong việc này. Trừ phi các thành viên của nhóm rất cảnh giác và trừ phi họ tập được thói quen quan sát kỹ càng, họ có thể đau đớn do bí huyết nhật tùng quá bị kích thích, cho đến khi họ đã chế ngự được tiến trình chuyển đổi nhanh chóng ánh sáng của linh hồn, được tập trung ở nhật tùng và ánh sáng nội tại của thể cảm dục, cũng nằm tại bí huyết đó, đi vào bí huyết tim và nằm giữa hai vai. Do đó, tôi muốn nhắc nhở mỗi một và tất cả các bạn là hãy tiến hành công việc với sự thận trọng tối đa và tôi muốn nhắc nhở bạn rằng nếu bạn không thấy có sự xáo trộn nào ở bí huyết nhật tùng hay ngẫu nhiên gặp trong chính bạn bất cứ bất ổn về tình cảm nào tăng lên, cũng đừng lo lắng quá mức. Tôi muốn bạn xem hiện tượng xáo trộn chỉ là một khó khăn tạm thời, chỉ xảy đến khi bạn tìm cách phụng sự. Nếu bạn chú tâm vào vấn đề này một cách sáng suốt, không quan tâm đến gì khác nữa, không để cho bị buồn phiền hay bị lo lắng, thì sẽ không có hậu quả xấu nào xảy đến.

143

Liên quan đến công việc của nhóm đã được định trước theo các đường lối này, bạn sẽ tiếp tục việc thiền định của nhóm (đã có chỉ trong quyển “Con Đường Đệ Tử trong Kỷ Nguyên Mới”, quyển I, trang 61) và sau đó – khi bạn đạt đến Giai đoạn III trong việc thiền định tập thể – bạn sẽ cùng làm việc như sau:

1.- Nhờ liên kết được với tất cả các huỳnh đệ trong nhóm, bây giờ bạn hãy đưa ra các ẩn dụ đã được dạy một cách tượng trưng trong kinh sách cổ mà tôi đã giải thích cho bạn ở trên.

a. Liên kết một cách có ý thức với linh hồn bạn và hiểu được sự liên kết này là có thật.

b. Kế đó, nhờ sức mạnh của trí tưởng tượng sáng tạo, đưa ánh sáng của linh hồn hướng vào thể cảm dục của bạn và từ đó đến bí huyết nhật tùng – đó là con đường ít bị cản trở nhất.

c. Kế đó, chuyển ánh sáng của linh hồn và ánh sáng bên trong của thể cảm dục từ bí huyết nhật tùng đến bí huyết tim, bằng một tác động rõ rệt của ý chí.

2.- Kế đó, bằng cách tưởng tượng, đứng quay lưng lại thế giới ảo cảm, với con mắt trí tuệ tập trung vào linh hồn, vốn có bản chất là Tình Thương.

3.- Tạo ra một thời gian chuyển tiếp độ vài phút để cho bạn tự ổn định với công việc, rồi một cách rõ rệt và cố ý, tập trung ánh sáng đang có, từ mọi nguồn, vào trong bí huyết tim. Tưởng tượng bí huyết đó ở giữa hai bã vai như một mặt trời đang tỏa chiếu. Ở đây tôi có thể nêu ra rằng, trong một con người, đây là sự tương ứng của tiểu vũ trụ với “tâm của Thái Dương” vốn luôn luôn được hướng dẫn bởi “Mặt Trời tinh thần trung ương”, nằm trong đầu. Hãy thu lấy hình ảnh này một cách rõ ràng trong ý thức bạn vì nó bao gồm hoạt động song hành, tuy có tính tổng hợp của bí huyết đầu và bí huyết tim.

4.– Kế đó hình dung ra một tia sáng của ánh sáng trắng tinh khiết, tỏa rộng và chói sáng, từ bí huyết tim nằm giữa hai vai, tuôn vào áo cầm nằm ở đó mà bạn đại diện cho nhóm, đang đối phó. Địa điểm mà áo cầm khu trú vào là gì, tôi sẽ giải rõ liền sau đây.

5.– Khi địa điểm này được định rõ trong trí bạn và được gọi ra bằng lòng ham muốn và sức mạnh của bạn, và khi bạn có được hình ảnh hoàn toàn tượng trưng này được hình dung một cách rõ rệt, bấy giờ bạn sẽ thấy được tia sáng đặc biệt của bạn hòa lẫn với tia sáng mà các huynh đệ trong nhóm của bạn đang phóng chiếu ra. Như vậy một dòng ánh sáng vĩ đại có hướng dẫn xuất phát từ một vài người tìm đạo có luyện tập (và hỡi huynh đệ, bạn đã luyện tập chưa?) sẽ tuôn đổ vào địa điểm đó của áo cầm mà bạn có nhiệm vụ đối phó.

6.– Hãy làm công việc này trong năm phút liên tục một cách cẩn thận và kế đó tiếp tục như đã chỉ trong giai đoạn IV của phác thảo về tham thiền của bạn.

Khi định nghĩa “giác ngộ” (“illumination”) như là tương phản với áo cầm, hiển nhiên là các nhận xét của tôi hẳn phải được giới hạn vào một vài khía cạnh của giác ngộ và chỉ sẽ liên quan đến các hình thức hoạt động đã được hướng dẫn và các trình bày về vấn đề này có liên quan đến việc vận dụng ánh sáng trên cõi cảm dục và đặc biệt liên quan đến công việc mà bạn tự nguyện thi hành. Có thể có nhiều định nghĩa khác nữa, vì ánh sáng linh hồn giống như một ngọn đèn pha to lớn, tia sáng của đèn có thể được xoay theo nhiều hướng và được tập trung trên nhiều mức độ. Tuy nhiên, ở đây chúng ta chỉ quan tâm đến cách sử dụng chuyên biệt của nó mà thôi.

145

Giác ngộ và ánh sáng hiểu biết (light of knowledge) có thể được xem như là các từ ngữ đồng nghĩa, nhiều ảo cảm có thể bị xua tan và phân tán dưới sức mạnh của thể trí có kiến thức, vì về mặt bản thể, thể trí là kẻ khắc chế sự xúc động qua việc đưa ra sự thật. Vấn đề là đem lại cho cá nhân, hay chủng tộc hay quốc gia đang hành động dưới ảnh hưởng của ảo cảm để gọi đến sức mạnh của thể trí hầu đánh giá tình trạng và bắt nó ở dưới một sự giám sát thâm lặng nghiêm ngặt. Ảo cảm và tình cảm tiếp tay với nhau, còn cảm giác lan ra rất mạnh, thường liên quan đến ảo cảm đến nỗi nó không thể mang lại ánh sáng hiểu biết một cách dễ dàng và có hiệu quả.

Giác ngộ và nhận thức chân lý cũng là các thuật ngữ đồng nghĩa, nhưng cần nên nhớ rằng chân lý trong trường hợp này không phải là chân lý trên cõi trù tượng mà là chân lý cụ thể và có thể biết được – một chân lý có thể được đưa ra và diễn đạt dưới hình thức và tên gọi cụ thể. Nơi nào mà ánh sáng chân lý phóng chiếu đến, thì nơi đó ảo cảm tự động tan biến, thậm chí chỉ trong nhất thời. Nhưng, lần nữa, nỗi khó khăn hiện đến vì ít ai để ý đến chuyện gặp được chân lý thực sự, bởi vì, sau rốt nó đòi hỏi phải từ bỏ ảo cảm ưa thích và khả năng nhận biết sự sai lầm và nhận ra các lỗi lầm, sự kiêu hãnh sai lạc của thể trí sẽ không để cho điều đó xảy ra. Lần nữa, tôi muốn cam đoan với bạn rằng sự khiêm tốn là một trong các yếu tố mạnh nhất để giải thoát mãnh lực giác ngộ của thể trí, vì nó phản chiếu và truyền đạt ánh sáng của linh hồn. Việc đối diện nhất định với cuộc sống thực tiễn và việc nhận biết chân lý một cách nghiêm túc – một cách lạnh nhạt, hững hờ và một cách bình thản – sẽ vô cùng dễ dàng khơi dậy trào lưu giác ngộ đủ để xua tan ảo cảm.

Khi bàn đến vấn đề ảo cảm và giác ngộ, có thể là có ích nếu ở đây tôi bàn đến ảo cảm đặc biệt mà tôi muốn đòi hỏi nhóm của bạn trợ giúp để xua tan. Ở đây tôi đề cập đến **ảo cảm về sự chia rẽ**. Hành động theo đường lối này sẽ có ý nghĩa thực tiễn và có hiệu quả nhất, vì không một ai trong các bạn (như bạn sẽ thấy) có thể hành động một cách có hiệu quả về vấn đề này nếu bạn cảm thấy có bất cứ ý thức chia rẽ nào; phản ứng chia rẽ này có thể tự hiện ra như là căm thù, ghét thậm tệ hoặc chỉ trích bằng lời nói; trong một số trường hợp có lẽ gồm cả ba. Có các mãnh lực mà về mặt cá nhân bạn có thể xem như là sự chia rẽ hoặc như là nguyên nhân chia rẽ. Tôi muốn nhắc nhở bạn rằng các quan điểm ưa thích và các niềm tin được ưa chuộng của những kẻ đối nghịch với bạn về mặt trí tuệ (thường ở dưới chiêu bài của việc hăm dọa gắn bó vào những gì mà bạn xem như là các nguyên tắc đúng đắn) là những kẻ xem các quan điểm của họ là đúng; họ cảm thấy các quan điểm của bạn đều sai lầm và họ xem đó như là có tính cách chia rẽ và như là nền tảng của sự phiền muộn. Trong hoàn cảnh của họ, họ cũng thành thật như bạn và cũng khao khát có được cách hành xử đúng đắn như bạn cảm thấy chính bạn đang có. Điều này thường bị bỏ quên và tôi muốn nhắc nhở bạn chuyện đó. Tôi cũng có thể giải thích rõ điều này bằng cách chỉ cho bạn thấy rằng sự căm thù hay ghét bỏ (dislike) (nếu từ ngữ “căm thù” không quá mạnh) mà bất cứ ai trong các bạn đều có thể cảm thấy đối với các hoạt động của chính phủ Đức và đường lối mà họ chọn để chống lại dân Do Thái, có thể được chuyển đổi với hầu hết sự biện minh tương tự như vậy chống lại chính người Do Thái. Người Do Thái luôn luôn chia rẽ và họ xem mình như là “người được Chúa tuyển chọn” và không bao giờ tỏ ra có thể hội nhập với bất cứ

quốc gia nào. Cũng có thể nói như thế với người Đức và nơi nhiều người, họ cũng có cùng phản ứng như họ đưa ra cho người Do Thái, mặc dù không có sự ngược đãi về mặt vật chất. Như bạn thấy rõ, theo quan điểm của linh hồn thì không một thái độ nào đúng cả; cả hai đều sai lầm như nhau và đây là một quan điểm mà người Do Thái và chống Do Thái sau rốt phải hiểu, và nhờ sự hiểu biết, sẽ đưa đến việc chấm dứt oán thù.

Tôi đề cập đến điều này vì tôi sẽ yêu cầu bạn đối phó với ảo cảm lâu đời và tràn lan trên thế giới – ảo cảm về việc thù ghét dân Do Thái. Trong nhóm này, ít nhất có những người nuôi ý tưởng bài Đức mãnh liệt; có những kẻ khác, mặc dù sáng suốt, lại bài Do Thái rõ rệt. Tôi yêu cầu những người trong cả hai nhóm này nên nhận ra vấn đề mà họ phải đối 147 phó. Đây là một vấn đề đã có từ lâu và mọc rễ sâu vào trong ý thức nhân loại, to tát hơn là cá nhân có thể nhìn thấy; quan điểm của cá nhân tất nhiên hạn hẹp đến nỗi sự hữu ích có tính cách xây dựng bị tổn thương một cách dễ nhận thấy. Hồi huynh đệ, sau rốt, quan điểm “người thua thiệt” (“underdog”) không hẳn là quan điểm duy nhất hay nhất thiết luôn luôn là quan điểm đúng. Cả hai người Đức và người Do Thái đều xứng đáng với tình thương không thiên lệch của chúng ta, đặc biệt họ đều phạm tội (tôi tạm dùng một từ ngữ như thế) do các sai lầm và khuyết điểm căn bản như nhau. Người Đức có ý thức chủng tộc quá mạnh; người Do Thái cũng vậy. Người Đức có thái độ phân cách với thế giới, người Do Thái cũng thế. Ngày nay người Đức nhấn mạnh vào sự thuần khiết của chủng tộc, một điều mà người Do Thái đã nhấn mạnh từ nhiều thế kỷ nay. Một nhóm nhỏ người Đức bài Cơ Đốc giáo; một số ít người Do Thái cũng vậy. Tôi có thể tiếp tục đưa

thêm nhiều sự tương đồng như thế, nhưng các điều kể trên cũng đủ rồi. Do đó cảm giác không ưa thích của bạn đối với một nhóm không biện minh gì nhiều hơn là việc không chịu thừa nhận bất cứ sự bào chữa nào về các hoạt động và các thái độ của nhóm kia. Thường xuyên thích khước từ và ngoảnh mặt ra khỏi cái ưa thích, ở chỗ này người Đức và người Do Thái đều giống nhau một cách kỳ lạ. Giống như nhiều người Anh và đa số giống dân Anh đều là người La Mã đầu thai, rất nhiều người Đức là dân Do Thái đầu thai. Do đó có sự tương đồng về quan điểm của họ. Thật là mối bất hòa trong gia đình và không có gì tệ hại hơn điều này nữa.

Tôi sẽ yêu cầu bạn chọn người Đức và người Do Thái vào nhóm thiên định của bạn và tuân đổ tình thương của nhóm bạn lên cả hai phân nhóm này trong các huynh đệ của bạn trong gia đình nhân loại. Trước khi bắt đầu tham thiền, hãy bảo đảm chắc là bạn đã làm cho chính bạn thoát khỏi – về tình cảm và trí tuệ – bất cứ đối kháng tiềm tàng nào, thoát khỏi oán ghét, khỏi bất cứ ý tưởng có trước nào về cái đúng, cái sai, mà bạn chỉ phải nhờ cậy vào tình thương của linh hồn bạn, hãy nhớ rằng cả người Do Thái lẫn người Đức đều là các linh hồn
148 giống như bạn và có cội nguồn, mục tiêu và kinh nghiệm sống giống như bạn.

Khi bạn tuân đổ dòng ánh sáng trắng tinh khiết (như Giai đoạn III chỉ dẫn), hãy chắc chắn nó đang tuân qua bạn với sự tinh khiết và trong trẻo như một dòng duy nhất. Kế đó xem nó chia làm hai thành các số lượng hay tỷ lệ bằng nhau – một dòng với ánh sáng và tình thương linh hoạt tiến đến người Do Thái, còn dòng kia tiến đến người Đức. Tính chất về tình thương của bạn sẽ được coi như có giá trị chớ không phải độ

chính xác trong việc phân tích hay sự hoàn thiện của phương pháp của bạn.

c. Tương phản giữa ảo lực với linh hứng.

Ở đây, chúng ta rõ ràng đi vào lãnh vực của chất liệu nguyên thủy của vật chất. Về mặt bản thể và theo cách thức đặc biệt, đây là lãnh vực của lực. Một cách chủ yếu (đối với cá nhân), ảo lực là tập hợp các mãnh lực đang chi phối bảy bí huyết không trừ cái nào cả, tôi muốn nhấn mạnh về năng lượng đang chi phối của linh hồn. Do đó bạn sẽ thấy rằng đa số nhân loại, cho đến người ở trên con đường dự bị, đều ở dưới sự kiểm chế của ảo lực, vì con người nhượng bộ cho ảo lực khi y bị kiểm chế bởi bất cứ một hay nhiều lực nào khác hơn là các năng lượng đến trực tiếp từ linh hồn đang chi phối và kiểm chế các mãnh lực thứ yếu của phạm ngã vì sau rốt chúng phải và sẽ làm thế.

Khi một người ở dưới sự kiểm chế của các mãnh lực cõi trần, cõi cảm dục và cõi hạ trí, thì lúc đó y tin chắc rằng, đối với y, đó là những mãnh lực chính đáng. Ở đây có ẩn tàng vấn đề ảo lực. Tuy nhiên các mãnh lực như thế, khi chúng kiểm chế con người, sẽ định đoạt con người bằng một thái độ riêng biệt và tạo ra một hiệu quả vốn nuôi dưỡng và kích thích phạm ngã chớ không mang lại năng lượng của linh hồn, tức Chân Nhân (the true Individuality). Việc phân tích này sẽ 149 chứng tỏ rằng bạn giác ngộ. Nếu các người nam lẫn nữ muốn đặt kiếp sống của mình dưới sự giám sát chặt chẽ của con người nội tâm đích thực hay con người tâm linh và như thế có thể xác định được loại kết hợp nào của năng lượng đang chi phối hoạt động sự sống của họ, họ sẽ không tiếp tục hành

động – như họ đang làm hiện nay – một cách mù mờ như thế, một cách không thích hợp và một cách thiếu hiệu quả như thế.

Chính vì lý do này mà việc nghiên cứu và tìm hiểu về *các động cơ thúc đẩy (motives)* có giá trị và quan trọng như thế, vì việc nghiên cứu như thế sẽ định đoạt về mặt trí tuệ (nếu được nghiên cứu thích đáng) một hoặc nhiều yếu tố gì gọi hứng cho cuộc sống hằng ngày. Đây là một phát biểu được xem xét cẩn thận. Tôi muốn hỏi bạn: Động cơ thúc đẩy chính của bạn là gì? Bởi vì, dù sao chăng nữa, nó cũng chi phối và định đoạt khuynh hướng cuộc sống chủ yếu của bạn.

Nhiều người, đặc biệt là quần chúng thiếu sáng suốt, chỉ được gọi hứng bằng sự ham muốn – vật chất, trần tục và tạm bợ. Ham muốn của con vật đòi hỏi việc thỏa mãn sự thèm khát thú tính, ham muốn vật chất đòi hỏi của cải và đòi hỏi cuộc sống xa hoa. Sự khao khát về “đồ vật”, về tiện nghi và an toàn – về mặt kinh tế, xã hội và tôn giáo – đang chi phối đa số con người. Con người đang ở dưới ảnh hưởng của hình thức ảo lực trọng trực nhất, và các mãnh lực của bản chất y đang tập trung vào bí huyết xương mông. Nhiều người khác bị thúc đẩy bởi một số hình thức đạo tâm hoặc tham vọng – đạo tâm hướng về một số thiên đường vật chất (đa số các tôn giáo đều mô tả thiên đường theo lối này), các tham vọng về quyền lực, ham muốn thỏa mãn các thèm khát về tình cảm hay về thẩm mỹ, muốn chiếm hữu các thực tại tinh vi hơn, khao khát tiện nghi tình cảm, ổn định trí tuệ và đoan chắc rằng các ham muốn cao siêu sẽ đáp ứng với sự hài lòng. Tất cả các cái này đều là ảo lực dưới hình thức tình cảm và không giống với ảo cảm. Trong trường hợp ảo cảm, các mãnh lực của bản chất con người nằm ở nhật tùng. Trong trường hợp ảo lực, chúng nằm

ở bí huyết xương mông. Ảo cảm vốn tinh tế và có bản chất tình cảm. Ảo lực thì hữu hình và thuộc chất dĩ thái.

150 Chính các mãnh lực của ảo lực đang thúc đẩy, kích thích và đem năng lượng cho sự sống của kẻ thường nhân. Dưới ảnh hưởng của chúng, con người vô phương chống đỡ vì chúng gọi ra mọi sự suy tư, mọi khát vọng, mọi ham muốn và mọi hoạt động của con người trên cõi trần. Vấn đề của con người gồm có hai mặt:

1.- Đưa mọi bí huyết của con người vào dưới sự linh cảm (inspiration, cảm ứng) của linh hồn.

2.- Dịch chuyển hay biến đổi các mãnh lực của các bí huyết thấp, đang chi phối phạm ngã, thành năng lượng của các bí huyết trên cách mô, để tự động đáp ứng với linh hứng của linh hồn.

Chính trong ý tưởng này có bao gồm sức mạnh và giá trị tượng trưng của các bài tập thở. Động cơ là sự kiểm chế của linh hồn, và mặc dù các phương pháp được dùng (trong nhiều trường hợp) rõ ràng không được ưa thích, tuy nhiên khuynh hướng phát triển của tư tưởng về sự sống tất nhiên sẽ tỏ ra có tính quyết định và chi phối. Các phương pháp được dùng có lẽ không cứu được thể xác thiếu chuẩn bị khỏi một số kết quả xấu xa tệ hại, tuy nhiên về lâu về dài và sau cùng, chúng có thể hướng dẫn kinh nghiệm tương lai (có thể trong một kiếp sống khác) theo một cách thức mà người tìm đạo sẽ thấy chính mình có thể hành động với tư cách một linh hồn hơn là trong trường hợp nào khác.

Trước khi kết thúc giáo huấn đặc biệt này về ảo cảm, tôi muốn nhóm chú ý tới các câu nói huyền linh mà tôi đưa ra cho D.L.R. trước khi đệ tử này rời khỏi nhóm. Các câu đó có mỗi

liên hệ nhất định với công việc của nhóm và tôi muốn bạn thận trọng xem xét và nghiên cứu các câu ấy. Trong “Cổ Luận”, khi nói về công việc của những người có thiên chức (dharma) làm tan ảo cảm thế gian, có dùng những câu sáng tỏ như sau:

151 “Họ đến và trụ lại. Bên trong các hình thể xoáy tròn – một số có vẻ đẹp hiếm có còn một số thì khủng khiếp và làm thất vọng – họ trụ lại. Họ không nhìn đây, nhìn đó, mà họ ngược mặt hướng về ánh sáng. Như vậy, ánh sáng tinh khiết tuôn tràn qua trí họ để xua tan sương mù.

“Họ đến và dừng lại. Họ ngưng các việc nặng nhọc bên ngoài của họ, tạm dừng để làm một công việc khác. Trong tâm họ là sự an nghỉ. Họ không chạy đó đây nữa, mà tạo ra một điểm an bình và đứng yên. Những gì mà ngoài mặt đang che lấp và ẩn giấu cái thực tại, bắt đầu biến mất và từ trái tim đang an tịnh, một tia sáng có mãnh lực làm tan biến phóng ra, hòa lẫn với ánh sáng đang tỏa chiếu và sau đó sương mù do con người tạo ra tan biến đi.

“Họ đến và họ quan sát. Họ làm chủ con mắt linh thị; họ cũng làm chủ hướng đúng của mãnh lực cần thiết. Họ thấy được ảo cảm của thế giới, và khi thấy, họ ghi nhận đằng sau đó mọi điều chân, thiện, mỹ. Như vậy, nhờ con mắt Tuệ giác họ có được năng lực đẩy xa các ảo cảm đang che khuất, đang xoáy cuộn của thế giới ảo cảm.

“Họ đứng, dừng lại và quan sát. Đó là các kiếp sống của họ và công cuộc phụng sự mà họ mang lại cho linh hồn con người”.

Tôi muốn gửi gắm các dòng này để bạn thận trọng xem xét. Chúng không những gọi lại cho bạn lãnh vực phụng sự

cho nhóm của bạn, mà còn là thái độ cần có của sự sống cá biệt của mỗi thành viên trong nhóm.

Ở điểm này, tôi cũng muốn đề cập đến một yếu tố thực sự quan trọng trong công việc này và lặp lại lời cảnh báo của tôi trước đây: Bạn có nhớ rằng nỗ lực để giải thoát chính bạn ra khỏi sự *cáu kinh bức bối* (irritation) hay thoát khỏi những gì mà trong quyển Agni Yoga gọi là “tình trạng hiểm nghèo” (“imperil”) (một từ ngữ đặc biệt tuy nhiên thỏa đáng, hồi huynh đệ) đặc biệt thiết yếu cho nhóm hay không? Sự cáu kinh quá thông thường trong những ngày căng thẳng thần 152 kinh và nó gây nguy hiểm rõ rệt nhất cho sự tiến bộ và làm chậm trễ các bước tiến của vị đệ tử trên Thánh Đạo. Nó có thể tạo ra sự căng thẳng nguy hiểm cho nhóm nếu nó hiện ra ở bất cứ ai trong số các bạn, và sự căng thẳng này có thể ngăn trở sự tác động tự do của mãnh lực và ánh sáng mà bạn có nhiệm vụ sử dụng cho dù các thành viên khác trong nhóm vẫn không hay biết về cội nguồn xuất phát đó. Sự cáu kinh chắc chắn là làm phát sinh ra một chất độc, chính chất độc này nằm trong vùng bao tử và bí huyết nhật tòng. Sự cáu kinh (irritation) là một bệnh, nếu tôi có thể dùng từ ngữ đó, của bí huyết nhật tòng và nó rõ ràng là lây nhiễm đến mức gần như báo động. Thế nên, hồi huynh đệ, hãy tự xem xét một cách cẩn thận và nên nhớ rằng chỉ đến khi nào bạn có thể sống trong bí huyết đầu và bí huyết tim, bạn mới chấm dứt được bệnh gây nguy hiểm này và giúp vào việc chuyển mãnh lực của bí huyết nhật tòng vào bí huyết tim.

d. Tương phản giữa Tổng Quả Báo với đối cực của nó, tức Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục.

Toàn bộ chủ đề về Tổng Quả Báo và sự liên hệ của nó với Thiên Thần (một cách tượng trưng để bàn đến mối liên hệ và khả năng lớn lao, và một sự kiện vĩ đại trong biểu lộ) chỉ đến bây giờ mới có thể xét đến. Chỉ khi nào con người trở thành phạm ngã hợp nhất, lúc bấy giờ vấn đề Tổng Quả mới nảy sinh, và chỉ khi nào thể trí được cảnh giác và có được sáng suốt (như trường hợp ngày nay và đang trở nên khá phổ biến) thì con người mới có thể cảm nhận – một cách sáng suốt chứ không phải chỉ có tính cách thần bí – về vị Thiên Thần và như thế biết được Bản Lai Diện Mục bằng trực giác. Chỉ lúc bấy giờ, toàn bộ vấn đề về các chướng ngại mà Tổng Quả đang đưa ra và các giới hạn mà nó mang lại cho sự tiếp xúc và nhận thức về mặt tinh thần mới có được tầm mức mạnh mẽ. Chỉ lúc bấy giờ chúng mới có thể được xem xét một cách có ích và chọn được các giai đoạn đưa đến hành động đúng đắn. Chỉ khi nào có sự dung giải thích hợp bên trong toàn thể nhân loại, thì Tổng Quả của phần lớn nhân loại mới hiện ra như một thực thể phối kết, hay Tổng Quả theo ý nghĩa quốc gia hoặc chủng tộc mới xuất hiện, lan tràn và mang lại sinh khí cho ảo cảm quốc gia, chủng tộc và hành tinh, để bảo dưỡng và nuôi sống các ảo cảm cá nhân và làm cho toàn thể vấn đề có bề ngoài không thể lầm lẫn được. Chỉ lúc bấy giờ mối liên hệ giữa linh hồn của nhân loại với các mãnh lực phát sinh của phạm ngã vốn dĩ mạnh mẽ và có từ lâu đời, mới có thể trở nên quan trọng, việc này đòi hỏi sự hoạt động mạnh mẽ và sự hợp tác sáng suốt.

Bây giờ đã đến thời điểm đó và trong hai quyển “Các vấn đề của Nhân Loại” và “Sự Tái Lâm của Đức Christ”, và cũng trong các thông điệp vào lễ Wesak và kỳ Trăng Tròn Tháng Sáu, tôi có bàn đến tình huống này một cách khẩn cấp và thực

tiến nhất, vấn đề là trong chính nó có việc đảm bảo cho sự tiến bộ của con người hướng về mục tiêu đã định, cũng như khẳng định về các cản trở chính của nó đối với việc chứng nghiệm tâm linh. Các tiết mà hiện nay chúng ta sẽ bàn đến đều rất quan trọng đối với những ai đang tu tập để được điểm đạo. Hỡi huynh đệ, tôi nói là “đang tu tập” (“in training”); tôi không nói rằng bạn sẽ được điểm đạo trong kiếp này. Chính tôi không biết là bạn có được điểm đạo hay không; vấn đề nằm trong tay bạn và trong vận mệnh đã được sắp xếp của bạn – do linh hồn bạn sắp xếp. Vấn đề của bạn chủ yếu là học cách vận dụng Tổng Quả và xác định phương pháp và tiến trình để nhờ đó **hoạt động phối hợp** tạm thời có thể xảy ra. Nhờ trung gian của sự phối hợp này mà Tổng Quả “*biến mất, không còn được nhìn thấy nữa, mặc dù nó vẫn còn tác động trên cõi bên ngoài, kế thừa hành của Thiên Thân; ánh sáng thu hút Tổng Quả và tiến vào kỳ qui nguyên – vẫn tỏa chiếu bằng từ lực – hình thức xưa cũ này của sự sống tan rã mặc dù vẫn còn giữ hình thức của nó; nó an nghỉ và hoạt động nhưng hiện giờ không phải là chính nó*”. Đó là cách nói nghịch thường của Bộ Sách Cổ Luận (Old Commentary).

Trước đây tôi đã định nghĩa cho bạn bằng các thuật ngữ càng đơn giản càng tốt, về bản chất của Tổng Quả. Tuy nhiên, 154 tôi muốn bàn rộng thêm về một hay hai điểm và đưa ra một hay hai gợi ý mới mà – để làm sáng tỏ và để bạn hiểu nhanh hơn – chúng tôi sẽ liệt kê như sau:

1. Về mặt bản thể, Tổng Quả Báo là phạm ngã; đây là sự hợp nhất toàn vẹn gồm có các lực của thể xác, năng lượng thể sinh lực, các lực của thể cảm dục và các năng lượng của thể trí, tạo thành toàn thể bản chất thấp.

2. Tổng Quả Báo hình thành khi việc tái định hướng sự sống con người xảy ra một cách hữu thức dưới ấn tượng của linh hồn; lúc bấy giờ, về mặt lý thuyết, toàn thể phàm ngã được hướng đến việc *giải thoát để phụng sự*. Vấn đề là biến lý thuyết và đạo tâm thành các sự thật trong kinh nghiệm.

3. Trong một thời gian dài các mãnh lực của phàm ngã không tạo ra Tổng Quả. Con người không ở trên ngưỡng của thiên tính; y không biết được một cách hữu thức về Thiên Thần. Các mãnh lực của y hãy còn phôi thai; y hành động một cách vô ý thức trong môi trường của mình, nạn nhân của hoàn cảnh và của bản chất riêng của y một cách hiển nhiên và ở dưới sự quyến rũ và thôi thúc của sự ham muốn đối với hoạt động và cuộc sống ở cõi trần. Tuy nhiên, khi sự sống của con người được điều khiển từ cõi trí, cộng thêm ham muốn hay tham vọng và con người bị kiểm chế ít nhất đến một mức độ rộng lớn nào đó do ảnh hưởng của thể trí, thì bấy giờ Tổng Quả bắt đầu hình thành dưới hình thức một mãnh lực hợp nhất.

4. Các giai đoạn mà trong đó Tổng Quả được nhận ra, lệ thuộc vào việc giữ giới luật nhờ tính phân biệt và sau rốt được kiểm chế và chi phối, có ba phần chính:

a. Giai đoạn mà phàm ngã chế ngự và cai quản sự sống và tham vọng, cùng các mục tiêu nỗ lực trong cuộc sống của con người. Lúc bấy giờ Tổng Quả kiểm chế.

b. Giai đoạn có sự rạn nứt từ từ trong tâm thức vị đệ tử.
 155 Tổng Quả Báo hay phàm ngã lúc bấy giờ bị thúc đẩy theo hai hướng: một là hướng về việc theo đuổi tham vọng và dục vọng của cá nhân trong ba cõi thấp; hai là Tổng Quả (chú ý

cách diễn tả này) cố gắng bước lên ngưỡng cửa thiêng liêng và đứng trước Cửa Điểm Đạo.

c. Giai đoạn mà Tổng Quả cố tâm tìm sự hợp tác của linh hồn và mặc dù trong chính nó chủ yếu vẫn còn tạo ra một tường chắn đối với sự tiến bộ tinh thần, càng ngày càng chịu ảnh hưởng của linh hồn hơn là của phạm ngã.

5. Khi đạt đến giai đoạn cuối cùng (và ngày nay, có nhiều người đạt được tới đó) vị đệ tử cố gắng với ít nhiều thành công để giữ vững Tổng Quả (bằng cách học “giữ cho thể trí ổn định trong ánh sáng” và như vậy kiểm chế phạm ngã). Theo cách này thì tính chất hay thay đổi luôn luôn linh hoạt của Tổng Quả dần dần bị vượt qua; việc định hướng về phía thực tại của nó và tách ra khỏi Đại Ảo Tưởng đã có hiệu quả, Thiên Thần và Tổng Quả từ từ tiến đến việc liên kết chặt chẽ.

6. Trong các giai đoạn cố gắng và thử kiểm chế trước kia, Tổng Quả thì tích cực còn Linh Hồn thì tiêu cực trong các hiệu quả của chúng trong ba cõi nỗ lực của con người. Bây giờ có một thời kỳ dao động, đưa đến cuộc sống thăng bằng, trong đó không có trạng thái nào chiếm ưu thế; sau đó sự quân bình thay đổi, rồi phạm ngã dần dần trở nên tiêu cực, còn linh hồn hay tâm (psyche) trở nên chiếm ưu thế và tích cực.

7. Các ảnh hưởng về mặt thiên tượng có thể tác động mạnh mẽ vào các tình huống này và – nói một cách tổng quát và trong một vài giới hạn huyền môn – có thể ghi nhận rằng:

- 156 a. Cung Hải Sư (Leo).....chi phối Tổng Quả tích cực.
- b. Cung Song Nam (Gemini)chi phối các tiến trình dao động.

c. Cung Nhân Mã (Sagittarius).....chi phối Tổng Quả tiêu cực.

Có thể thêm rằng ba cung – Hồ Cáp (Scorpio), Nhân Mã (Sagittarius), Nam Dương (Capricorn) – sau cùng đưa đến sự hòa nhập của Tổng Quả và Thiên Thần.

8. Cung linh hồn kiểm soát và điều khiển sự hoạt động của Thiên Thần và loại ảnh hưởng của nó trên Tổng Quả. Nó có ảnh hưởng đến nghiệp quả, thời gian và mùa màng.

9. Cung phàm ngã chi phối Tổng Quả trong tất cả các trạng thái trước kia cho đến lúc mà cung linh hồn bắt đầu ổn định để tạo ra hiệu quả ngày càng tăng. Như bạn biết, cung phàm ngã này là sự kết hợp của ba năng lượng vốn dĩ tạo ra cung thứ tư hay cung phàm ngã, qua trung gian của sự liên hệ hỗ tương của chúng trải qua một giai đoạn lâu dài.

10. Do đó, năm loại năng lượng mà tôi nêu ra cho bạn dường như rất quan trọng trong các kiếp sống riêng của bạn khi tôi đưa ra cho bạn các chỉ dẫn về bản chất của năm cung đang chi phối của bạn, nó cũng chi phối mối liên hệ giữa Tổng Quả với Thiên Thần cả trong cá nhân lẫn trong toàn thể nhân loại. Năm cung này là các cung của thể xác, cung của thể cảm dục, cung thể trí, cung phàm ngã và cung linh hồn.

11. Các cung đang chi phối nhân loại và đang điều khiển nhân loại và các vấn đề hiện tại trên thế giới thì như sau:

a. *Cung linh hồn..... cung 2..... nhân loại phải biểu lộ tình thương.*

b. *Cung phàm ngã..... cung 3..... sự thông tuệ đang phát triển để biến đổi thành bác ái – minh triết.*

c. *Cung trí tuệ..... cung 5..... thành tựu khoa học.*

d. Cung thể cảm dục cung 6..... phát triển chủ nghĩa lý tưởng.

e. Cung thể xác..... cung 7..... tổ chức, kinh doanh.

157 Cung linh hồn kiểm soát toàn bộ giai đoạn sống. Các cung phạm ngã được đưa ra ở trên dành cho Kỷ Nguyên Song Ngư mà hiện giờ đang bắt đầu đi qua; nhưng các cung này đã đứt khoát và không thể chối cãi là đã chi phối nhân loại.

Bạn cũng sẽ chú ý rằng cung một, Cung Ý Chí hay Quyền Lực đang thiếu vắng như là cung bốn, Cung Hải Hòa qua Xung Khắc. Cung bốn này luôn luôn linh hoạt vì nó kiểm soát theo một cách đặc biệt, Huyền Giai sáng tạo thứ tư và có thể được xem như đang tạo thành cung phạm ngã căn bản của Huyền Giai sáng tạo thứ tư. Cung một nói ở trên là một cung phạm ngã tạm thời thoáng qua của lần luân hồi thứ yếu.

12. Trong Kỷ Nguyên Bảo Bình (Aquarian Age) đang nhanh chóng đến, Tổng Quả sẽ xuất hiện hơi khác với các mãnh lực của phạm ngã:

a. Cung phạm ngã..... cung 5.... có tính căn bản và có tính quyết định.

b. Cung thể trí..... cung 4.... hiệu quả sáng tạo.

c. Cung thể cảm dục... cung 6.... chi phối các động cơ thúc đẩy.

d. Cung thể xác cung 7.... cung sắp đến.

13. Mỗi đại chu kỳ trong hoàng đạo đều có bản chất của cuộc luân hồi của gia đình nhân loại, và mỗi chủng tộc lớn đều có một sự kiện hơi giống nhau; tuy nhiên sự việc sau quan trọng hơn xét về mặt hiểu biết và ý thức của nhân loại. Đối với một vài cuộc luân hồi ít quan trọng trong kiếp sống của linh hồn, sự tương đồng xảy ra trái ngược với nhiều lần luân hồi không quan trọng và nhanh chóng kế tiếp. Trong số

các lần chuyển kiếp quan trọng, có ba lần quan trọng hơn cả: giống dân Lemuria, giống dân Atlantis và giống dân Aryan.

14. Mỗi giống dân tạo ra loại Tổng Quả riêng biệt của nó, mà giống dân đó phải đối phó vào lúc kết thúc chu kỳ tâm linh (không phải là chu kỳ vật chất, vì chu kỳ này đang
158 chuyển sang thời kỳ cô đọng) khi đạt đến tột đỉnh và có thể xảy ra một số cuộc điểm đạo cho nhân loại đã tiến hóa của chu kỳ đó.

15. Khi lần luân hồi của một giống dân và một chu kỳ hoàng đạo xảy ra cùng một lúc (không phải lúc nào cũng có trường hợp này) bấy giờ sẽ có việc tập trung sự chú ý một cách có ý nghĩa và quan trọng của Tổng Quả trên vị Thiên Thần và ngược lại. Hiện tại, điều này đang xảy ra vào lúc kết thúc Kỷ Nguyên Song Ngư và khi giống dân Aryan đã đạt tới mức trưởng thành và có mức phát triển tương đối cao. Con đường đệ tử có ý nghĩa là sự chín chắn, và Tổng Quả phải đáp ứng với sự phát triển đầy đủ này. Giống dân Aryan sẵn sàng bước lên con đường đệ tử.

16. Việc phát triển tính nhạy cảm nơi cá nhân và nơi chủng tộc cho thấy sắp xảy ra việc nhận biết Thiên Thần Diện Mục theo cả hai quan điểm linh thị và tính cấp thiết của cơ hội. Cơ hội cho việc hòa nhập tích cực không bao giờ trung thực như ngày nay.

17. Các đường phân chia đang có giữa các khu vực ảnh hưởng đã được biết rõ giữa Tổng Quả với Thiên Thần thì rõ rệt hơn từ trước đến giờ trong lịch sử nhân loại. Con người biết được sự khác nhau giữa phải và trái và bây giờ phải chọn con đường mà họ sẽ đi. Trong cuộc khủng hoảng của giống dân Atlantis (đó cũng là cuộc khủng hoảng của toàn thể nhân

loại) câu chuyện về cuộc khủng hoảng đó còn tồn tại với chúng ta trong kinh Bhagavad Gita, Arjuna – tượng trưng cho vị đệ tử lúc đó và là đệ tử trên thế giới – thật tình bị bối rối. Ngày nay, điều này không đúng như thế nữa. Các đệ tử trên thế giới ngày nay chắc chắn là nhìn thấy các vấn đề tương đối rõ ràng hơn nhiều. Động cơ cá nhân sẽ thắng hay Tổng Quả sẽ bị hy sinh với tình thương và sự hiểu biết cho Thiên Thần? Đây là vấn đề chính yếu.

159 Hỡi huynh đệ, tôi sẽ yêu cầu các bạn làm hai điều: Nghiên cứu các ý kiến trên dưới ánh sáng của cuộc khủng hoảng thế giới hiện tại và dưới ánh sáng của bài toán riêng cho linh hồn – phạm ngã của bạn.

Dưới hình thức Tổng Quả, nhân loại tiến bộ đang đứng ở ngay ngưỡng cửa của Đấng Thánh Linh. Thiên Thần ở tình trạng đợi chờ – để được thu hút vào Bản Lai Diện Mục, tuy nhiên sẵn sàng thu hút Tổng Quả. Nhờ vào tâm thức, nhân loại đã tiến vào chính các biên cương của thế giới có các giá trị tinh thần và lãnh vực Linh Quang cùng lãnh vực Thượng Đế. Thiên Thần “đã đến cõi Trần” trong sự mong đợi được công nhận – một biến cố của việc đó, tức sự giáng lâm của Đức Christ cách đây 2.000 năm, là biểu tượng và là điềm báo trước. Đây là tình huống có liên quan đến mọi người tìm đạo tiên hóa. Có thể đó là tình huống của bạn. Đó cũng là tình huống có liên quan đến toàn thể nhân loại và Thánh Đoàn đang đến gần. Theo một quan điểm tâm linh cao siêu, ngày nay ý thức của nhân loại đang tác động qua đoàn người phụng sự thế gian, qua người tìm đạo và các đệ tử trên thế giới ngày càng tăng thêm, con số đó rất là đông đảo.

Ngày nay, nhân loại là Tổng Quả trong khi Huyền Giai Linh Hồn là Thiên Thần và phía sau là Bản Lai Diện Mục của chính Thánh Linh, được Thánh Đoàn biết bằng trực giác, còn nhân loại chỉ cảm nhận một cách mơ hồ, chỉ bằng cách này mà sự tổng hợp cả ba phần mới là biểu lộ thiêng liêng trong hình hài.

Tất cả ba trạng thái này đều có các phân thân mạnh mẽ (mặc dù phân thân của Bản Lai Diện Mục xuyên qua Shamballa đã được kiểm chế một cách sáng suốt từ lúc nhân loại xuất hiện). Các phân thân này đều có hào quang, nếu bạn thích gọi như thế, và hiện nay trong ba cõi thấp, Tổng Quả vẫn còn mạnh mẽ nhất, cũng như trong cuộc sống của người tìm đạo, cho đến nay phàm ngã của y là yếu tố mạnh mẽ nhất. Chính phân thân mạnh mẽ này của con người mới tạo thành ảo cảm chính yếu trong cuộc sống của nhân loại và của từng vị đệ tử. *Chính sự tổng hợp của ảo cảm, được phối hợp và pha trộn bởi cung phàm ngã, nhưng được tuân xuống do hiệu quả của cung linh hồn đang đặt ảnh hưởng một cách vững chãi.* Đó là bóng tối hay sự lệch lạc của thực tại ngày nay lần đầu tiên được nhân loại nhận biết ở một mức độ rộng lớn và được làm giảm nhẹ đi nhiều do ánh sáng tỏa chiếu từ Thiên Thần, tức là tác nhân truyền chuyển năng lượng từ Bản Lai Diện Mục (Presence).

Và thế là họ trụ lại – Nhân loại và Thánh Đoàn. Và, hồi huynh đệ, như thế các bạn ở tình trạng phàm ngã và linh hồn, được tự do để tiến đến ánh sáng nếu bạn quyết định như thế, hoặc là vẫn ở trạng thái tĩnh tại và không tiến tới, không học hỏi gì cả và không đi đến đâu cả; bạn cũng có quyền tự do quay lại để đồng nhất hóa với Tổng Quả, như vậy chối bỏ ảnh hưởng của Thiên Thần, từ chối cơ may trước mắt và trì hoãn –

cho đến một chu kỳ muộn hơn nhiều – việc chọn lựa đã định của bạn. Điều này đúng đối với bạn và với toàn thể nhân loại nữa. Liệu phàm ngã duy vật thuộc cung ba của nhân loại có chế ngự tình huống hiện nay hay liệu linh hồn với tình thương của nó có tỏ ra là yếu tố mạnh mẽ nhất, nắm giữ phàm ngã và các vấn đề nhỏ bé của phàm ngã, dẫn dắt nó đến chỗ phân biệt đúng và biết được các giá trị thực sự, như thế đưa vào kỷ nguyên của linh hồn hay sự chi phối của Thánh Đoàn? Chỉ có thời gian mới trả lời được.

Hôm nay, tôi sẽ không trao cho bạn nhiều hơn nữa. Tôi rất muốn rằng một vài phát biểu chủ yếu này phải được tất cả các bạn thành thạo trước khi chúng ta bàn đến tiết III. Đối với các giáo huấn chung cho nhóm, mà bạn nhận được gần đây, tôi cũng muốn nói nhiều về thời gian, sự quan tâm và chú ý của bạn. Các điều chỉnh bên trong nhóm và các mối liên hệ trong nhóm được thiết lập một cách vững vàng hơn là điều vô cùng cần thiết và tôi yêu cầu bạn dựa vào đó mà thi hành. Ở đây tôi cũng muốn nhắc nhở bạn rằng – như trong mọi biểu lộ khác – có một phàm ngã cho nhóm và một linh hồn cho nhóm, bạn phải học cách phân biệt một cách rõ ràng giữa hai cái và đưa ra toàn bộ tầm quan trọng của ảnh hưởng, ham muốn và sức ép của bạn lên phía Thiên Thần của nhóm. Bằng cách này, có thể xảy ra một nhận thức phi thường về những gì mà mọi cuộc điểm đạo chuẩn bị cho người dự tuyển – đó là sự thiên khai về Bản Lai Diện Mục.



TIẾT BA

CHẤM DỨT ẢO CẢM

Bây giờ chúng ta xem xét tiết thứ ba liên quan đến ảo cảm thế gian. Thật khó mà diễn tả một cách rõ ràng về vấn đề này, vì chúng ta đang ở giữa biểu lộ dày đặc nhất của ảo cảm – cái tệ hại nhất mà thế giới chưa bao giờ gặp, bởi vì ảo cảm, gắn liền với nhiều thế kỷ bởi sự tham lam, ích kỷ, gây hấn và thiên về vật chất, đã được tập trung trong ba quốc gia. Chính vì đó, ảo cảm được nhận thấy dễ dàng và lộ ra rõ rệt nhất. Ba quốc gia này biểu lộ ra ba khía cạnh của ảo cảm thế gian (đó là ảo tưởng, ảo cảm và ảo lực) một cách đáng ngạc nhiên, và việc tấn kích mạnh mẽ của chúng vào ý thức nhân loại, không những tùy thuộc vào sự đáp ứng của nước Đức, Nhật và Ý đối với đám khí độc có từ xưa này, mà còn vào mọi quốc gia – Liên Hiệp Quốc cũng như Các Nước Độc Tài – bị lây nhiễm vì tình trạng chung này. Nền tự do của thế giới tất nhiên phần lớn tùy thuộc vào người dân trong mọi quốc gia, những kẻ mà (trong chính họ) đã tiến tới vượt ra khỏi các “ảo tưởng do ảo cảm và các ấn tượng do ảo lực” của linh hồn con người vào một trạng thái ý thức mà trong đó họ có thể thấy sự xung đột ở các kỳ hạn rộng lớn hơn, nghĩa là giống như thời kỳ hiện có đối với họ giữa Tổng Quả với Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục.

162

Những người này là những kẻ tìm đạo, các đệ tử và đệ tử điểm đạo trên thế gian. Họ hiểu biết nhị nguyên tính, nhị nguyên căn bản của sự xung đột và không biết tường tận về bản chất tam phân và tình trạng biến phân của tình huống ẩn dưới nhị nguyên tính đã hiểu rõ này. Do đó họ tiến gần đến vấn đề một cách đơn giản hơn, và vì lý do này, chiều hướng của thế giới hiện nay phần lớn nằm trong tay họ.

Ở đây thật đúng là tôn giáo, nói chung, đã đi lệch đường. Tôi nói đến tôn giáo chính thống. Tôn giáo đã mai mê với Tổng Quả, còn đôi mắt của nhà thần học đã bám vào khía cạnh vật chất thuộc cõi hiện tượng của sự sống xuyên qua sự sợ hãi và sự cấp thiết của nó, còn sự kiện về Thiên Thần chỉ là lý thuyết và là một điều mơ tưởng. Thế quân bình được điều chỉnh bằng thái độ nhân bản mà phần lớn đi vào việc kiểm chế, không kể đến khuynh hướng thần học nào. Các thái độ này được xây dựng trên niềm tin vào sự công chính có sẵn của tinh thần nhân loại, trong thiên tính của con người, và dựa vào bản chất không thể hủy diệt của linh hồn nhân loại. Điều này tất nhiên sẽ đưa đến ý niệm về Bản Lai Diện Mục hay về Thượng Đế nội tại và là kết quả của cuộc cách mạng cần thiết chống lại niềm tin vào Thượng Đế Siêu Việt. Cuộc cách mạng tâm linh này hoàn toàn là một tiến trình quân bình và không nhất thiết tạo ra sự quan ngại căn bản nào, vì Thượng Đế Siêu Việt thì hằng hữu, nhưng chỉ có thể thấy, biết và tiến đến đúng bằng Thượng Đế nội tại – nội tại trong con người cá biệt, trong các nhóm và các quốc gia, trong các hình thức có tổ chức và trong tôn giáo trong toàn thể nhân loại và trong chính Hành Tinh Thượng Đế. Nhân loại hiện nay (và đã qua nhiều thời kỳ) đang tranh đấu với ảo tưởng, ảo cảm và ảo lực. Những nhà tư tưởng tiến bộ, những kẻ trên Đường Dự Bị,

trên đường Đệ Tử và trên đường Điểm Đạo đã đạt đến một trình độ mà chủ nghĩa duy vật và tính chất tâm linh, Tổng Quả và Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục và thuyết nhị nguyên cơ bản của biểu lộ có thể được tìm thấy và xác định rõ ràng. Bởi vì có sự rõ ràng của đường ranh giới, các vấn đề nằm dưới các biến cố trên thế giới hiện nay, các mục tiêu tranh chấp trên thế giới hiện tại, các cách thức và phương pháp để tái lập việc tiếp xúc tâm linh rất thường thấy vào thời Atlantis, mà từ lâu đã bị thất lạc và việc biết được các kỹ thuật có thể đưa vào kỷ nguyên mới trên thế giới và trật tự văn hóa của nó có thể được ghi nhận và đánh giá rõ ràng.

Mọi sự khái quát hóa đều có sai lầm. Tuy nhiên có thể nói rằng nước Đức đã tập trung ảo cảm thế giới vào chính nước ấy – trạng thái nhạy bén và tiêu biểu nhất trong ba trạng thái của ảo cảm. Nước Nhật đang biểu lộ sức mạnh của ảo lực – hình thức thô thiển nhất của sức mạnh vật chất. Nước Ý thiên về cá nhân và trụ vào thể trí, là biểu hiện của ảo tưởng thế gian. Liên Hiệp Quốc, với mọi lỗi lầm, hạn chế, yếu kém và theo chủ nghĩa quốc gia, đang tập trung vào sự xung đột giữa Tổng Quả với Thiên Thần, và như vậy ba hình thức của ảo cảm và hình thức cuối cùng của sự xung đột giữa lý tưởng tâm linh và đối thủ vật chất của nó đang xuất hiện cùng một lúc. Tuy nhiên, dần dần và một cách dứt khoát, Liên Hiệp Quốc cho thấy tầm quan trọng của nỗ lực của mình và lòng khao khát hướng về phía Thiên Thần, như vậy lập lại sự quân bình đã mất và dần dần tạo ra ở mức độ hành tinh các thuộc tính và các điều kiện để cuối cùng sẽ xua được ảo tưởng, đánh tan ảo cảm và làm mất sinh khí của ảo lực đáng có. Liên Hiệp Quốc làm điều này bằng cách giúp làm tăng sự suy tư rõ rệt của quảng đại quần chúng thuộc mọi quốc gia, giúp liên kết lại để

chinh phục ba Cường Quốc Khôi Trục, bằng khả năng ngày càng tăng của các quốc gia để nhận được các ý tưởng được xem như là tổng thể, được xem như một trật tự thế giới thích hợp hay liên bang đáng thêm muốn, và khả năng của các quốc gia để phân biệt giữa các sức mạnh của chính đạo với sức mạnh của tà vạy hay chủ nghĩa duy vật.

Công việc được thực hiện bởi những vị nhìn thấy thế giới như là diễn trường cho sự xung đột giữa Tổng Quả với Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục có thể được liệt kê như sau:

1. Tạo ra các điều kiện trên thế giới để cho các Lực Lượng Chính Đạo có thể vượt qua được các Tà Lực. Các Ngài làm điều này bằng sức mạnh của các lực lượng vũ trang của Chính Đạo cộng thêm với sự hiểu biết sâu rộng rõ ràng của các Ngài.

164

2. Hướng dẫn nhân loại cách phân biệt:

a. Giữa tính chất tinh thần với tính chất vật chất, nêu ra các mục tiêu khác nhau của các mãnh lực đang tranh chấp.

b. Giữa sự chia xẻ với sự tham lam, phác thảo ra một thế giới tương lai, trong đó Bốn Quyền Tự Do sẽ thống ngự và mọi người sẽ có được những gì cần cho các tiến trình sinh hoạt chính đáng.

c. Giữa ánh sáng với bóng tối, cho thấy sự khác nhau giữa một tương lai sáng sủa của tự do và cơ hội thuận tiện, với tương lai đen tối của nô lệ.

d. Giữa tình thân hữu với sự chia rẽ, đưa ra một trật tự thế giới, nơi mà hận thù chủng tộc, phân chia giai cấp và dị đồng về tôn giáo không còn tạo ra bức tường ngăn cản cho sự cảm thông quốc tế, không còn đẳng cấp của Khôi Trục về các chủng tộc thống ngự (master races), về các quan điểm cố chấp trong tôn giáo và các dân tộc nô lệ.

e. Giữa toàn bộ với từng phần, cho thấy thời gian đang đến gần (dưới sự thôi thúc tiến hóa của tinh thần) trong đó cái từng phần hay điểm thiết yếu (point of life) đảm nhận trách nhiệm của nó cho toàn bộ, còn cái toàn bộ hiện hữu cho lợi ích của cái từng phần.

Trạng thái tối tăm do kỷ nguyên ảo cảm mang lại. Ánh sáng được làm mạnh thêm và làm cho sáng tỏ bởi những người tìm đạo và các đệ tử trên thế giới, những người này, do cách hành xử, hành động, các bài viết và cách phát biểu của họ, đang đưa ánh sáng vào chỗ tối tăm.

3. Chuẩn bị con đường cho ba năng lượng tinh thần vốn sẽ đưa nhân loại vào kỷ nguyên hiểu biết, đưa đến việc làm sáng tỏ cho thể trí biết tập trung của nhân loại khắp thế giới. Ba năng lượng nội tại này là:

165 a. *Năng lượng của trực giác* sẽ dần dần xua đi ảo tưởng thế gian và tự động tạo ra sự tăng gia lớn lao hàng ngũ các đệ tử điểm đạo (đạo đồ).

b. Nhờ *năng lượng giác ngộ* (energy of illumination), sự hoạt động của ánh sáng sẽ xua tan ảo cảm thế gian và đưa hàng ngàn người bước lên Con Đường Đệ Tử.

c. Qua trung gian của mãnh lực bao quát của mình, *năng lượng của nguồn cảm hứng* sẽ đưa tới việc làm mất sinh lực hay lấy đi, giống như cơn gió, sức mạnh thu hút của ảo lực hay vật chất. Biến cố này sẽ giúp cho hàng ngàn người bước lên Con Đường Dự Bị.

4. Phóng rải sự sống mới vào hành tinh qua trung gian của mọi phương tiện có thể có. Giai đoạn đầu tiên hướng về việc phóng rải này là chứng minh rằng sức mạnh của chủ

thuyết duy vật bị phá vỡ do sự thất bại hoàn toàn của Phe Trục, và giai đoạn thứ hai, bằng khả năng của Liên Hiệp Quốc để chứng minh (khi điều này đã được thực hiện) sức mạnh của các giá trị tinh thần bằng các công cuộc kiến tạo của họ để phục hồi trật tự thế giới và để đặt các nền móng vốn sẽ đảm bảo cho một cách sống tốt đẹp và thiên về tinh thần hơn. Các thái độ và công việc có tính cách xây dựng này phải được tiến hành về mặt cá nhân do từng người, về mặt tổng thể do các quốc gia. Vào lúc này, giai đoạn đầu tiên đang được thực hiện. Giai đoạn hai cho đến nay còn nhiều điều phải làm.

5. Đưa đến tận nhà cho các quốc gia trên thế giới các chân lý đã được dạy ra bởi Đức Phật, vị Chúa của Ánh Sáng, và Đức Christ, vị Chúa của Tình Thương. Trong mỗi liên hệ này, về căn bản có thể nêu ra như sau:

a. Các nước thuộc Phe Trục cần hiểu rõ giáo huấn của Đức Phật như Ngài đã dạy ra trong Tứ Diệu Đế (Four Noble Truths); họ cần hiểu rằng nguyên nhân của mọi đau khổ là lòng ham muốn – ham muốn những gì thuộc về vật chất.

b. Liên Hiệp Quốc cần học hỏi để áp dụng Định Luật Bác Ái (Law of Love) như đã được hiển lộ trong đời sống Đức Christ và để diễn đạt chân lý rằng “không ai sống cho riêng mình”, và không riêng quốc gia nào, và mục tiêu của mọi nỗ lực của con người là *cảm thông bằng tình thương (loving understanding)*, được thúc đẩy bằng một chương trình bác ái cho mọi người.

Nếu cuộc đời và giáo huấn của hai vị Đại Hóa Thân này có thể được hiểu rõ và thể hiện lại trong cách sống của con người ngày nay, trong cõi nhân sinh, trong lãnh vực suy tư

của con người và trong trường sinh hoạt hằng ngày, trật tự thế giới hiện tại (ngày nay phần lớn là thiếu trật tự) có thể được biến cải và thay đổi thành một thế giới mới, để rồi một nhân loại mới có thể dần dần xuất hiện. Lòng vị tha và việc sử dụng ý chí biết hy sinh sẽ là chủ âm cho giai đoạn chuyển tiếp sau chiến tranh, trước khi khai mở Kỷ Nguyên Mới.

Các đạo sinh nên nhớ rằng mọi biểu hiện và mọi điểm khủng hoảng đều được tượng trưng bằng biểu tượng cổ của một điểm bên trong vòng tròn, tiêu điểm của sức mạnh nằm trong phạm vi ảnh hưởng hay hào quang. Thế nên, ngày nay toàn bộ vấn đề chấm dứt ảo cảm và ảo tưởng thế gian, căn bản là nằm sau tình hình bén nhọn hiện tại và tai họa trên thế giới. Việc khả hữu xua đuổi và làm tan như thế rõ ràng là được tập trung vào hai Đấng Hóa Thân là Đức Phật và Đức Christ.

Bên trong thế giới của ảo cảm – thế giới của cõi cảm dục và của các xúc cảm – xuất hiện một điểm sáng. Đức Chúa của Ánh Sáng, tức Đức Phật, đã đảm nhận tập trung trong chính Ngài sự tỏa chiếu mà sau rốt khả dĩ xua tan được ảo cảm. Trong thế giới của ảo cảm. Trong thế giới ảo tưởng – thế giới của cõi trí – hiện ra Đức Christ, Đức Chúa của Bác Ái, Ngài ¹⁶⁷ biểu hiện trong chính Ngài sức mạnh của ý chí *thu hút* của Thượng Đế. Ngài đảm trách việc xua tan ảo tưởng bằng cách kéo về chính Ngài (bằng mãnh lực của lòng bác ái) tấm lòng của mọi người, và đưa ra sự quyết tâm này bằng lời nói: “Còn ta, khi ta đã được treo lên khỏi đất, ta sẽ kéo mọi người đến cùng ta”. (John 12:32)⁽¹⁾. Từ điểm mà lúc bấy giờ họ sẽ đạt đến, thế giới của nhận thức tâm linh, của chân lý và của ý

¹ Bản dịch Kinh Thánh 2003. Nhà Xuất Bản Tôn Giáo.

tưởng thiêng liêng sẽ được bộc lộ. Kết quả sẽ là việc làm tan ảo tưởng.

Công việc kết hợp của hai Đấng Con vĩ đại này của Thượng Đế được tập trung qua các đệ tử trên thế gian và qua các đệ tử điểm đạo của các Ngài, hẳn phải và sẽ làm tiêu tan ảo tưởng và xua đi ảo cảm – một mặt là nhờ nhận biết được thực tại bằng trực giác, do thể trí điều hợp được với công việc, và một mặt là nhờ sự tuôn đổ vào của ánh sáng lý trí. Đức Phật đã tạo ra nỗ lực đầu tiên cho hành tinh để làm tan ảo cảm thế gian; Đức Christ tạo ra nỗ lực đầu tiên cho hành tinh hướng về việc xua tan ảo tưởng. Bây giờ công việc của các Ngài phải được tiến hành một cách sáng suốt bởi một nhân loại đủ khôn ngoan để nhận biết được thiên chức của mình. Nhân loại đang nhanh chóng làm tan ảo tưởng và tất nhiên sẽ ngày càng nhìn được rõ ràng hơn. Ảo cảm thế gian đang được dần dần đẩy ra khỏi các nẻo đường của con người. Hai phát triển này đã được mang lại bằng các ý tưởng mới mẻ sắp đến, được tập trung qua những người có trực giác trên thế gian và được phóng rải vào quảng đại quần chúng nhờ các tư tưởng gia trên thế giới. Công việc đó cũng được trợ giúp phần lớn bởi quần chúng hầu như vô thức, nhưng tuy thế thực ra biết được ý nghĩa đích thực của Tứ Diệu Đế. Nhờ đánh tan được ảo tưởng và xua đuổi được ảo cảm (nếu tôi có thể dùng một từ ngữ như thế), nhân loại đang chờ sự thiên khai sắp đến. Sự thiên khai này sẽ được mang lại bằng nỗ lực phối hợp của Đức Phật và Đức Christ. Tất cả những gì mà chúng ta có thể thấy trước hay đoán trước liên quan đến sự thiên khai đó là một vài kết quả mạnh mẽ và rộng lớn sẽ được đạt đến bằng cách hòa nhập ánh sáng và tình thương và bằng sự phản ứng của *“vật chất được soi sáng đối với mãnh lực thu hút của tình thương”*.

168 Bằng câu này, tôi đã đưa ra cho những ai có thể hiểu được ẩn dụ sâu xa và hữu ích đối với phương pháp và mục tiêu của công việc được tổ chức vào kỳ Trăng Tròn tháng 6 – 1942. Tôi cũng đã đưa ra manh mối cho việc hiểu biết đúng về công việc của các Đấng Hóa Thân này – một điều mà từ trước đến giờ người ta hoàn toàn không hiểu. Có thể nói thêm rằng khi hiểu được ý nghĩa của các từ ngữ *“sự biến dung của nhân loại”* thì sự chứng nghiệm sẽ đến khi *“thân thể tràn đầy ánh sáng”* rồi *“trong ánh sáng đó chúng ta sẽ thấy được Linh Quang”*. Điều này có nghĩa là khi phàm ngã đã đạt đến mức trong sạch, hiển dăng và giác ngộ, bấy giờ mãnh lực thu hút của linh hồn (mà bản chất là bác ái và cảm thông) mới có thể tác động và sự pha trộn của cả hai mới xảy ra. Đây là những gì mà Đức Christ đã minh chứng và biểu lộ.

Khi công việc của Đức Phật (hiện thân của nguyên khí Bồ Đề) lên đến cao độ trong vị đệ tử có đạo tâm và trong phàm ngã hội nhập của y, bấy giờ việc biểu lộ đầy đủ công việc của Đức Christ (hiện thân của nguyên khí bác ái) cũng có thể được thành tựu và cả hai mãnh lực này – ánh sáng và tình thương – sẽ biểu lộ rực rỡ trong vị đệ tử đã biến dung. Do đó, những gì đúng cho cá nhân thì cũng đúng cho nhân loại nói chung. Ngày nay, nhân loại (đã đạt được mức trưởng thành) có thể “bước vào việc chứng nghiệm” và đóng góp một cách hữu thức vào công việc khai mở hoạt động tinh thần và bác ái. Các hiệu quả thực tiễn của tiến trình này sẽ là việc làm tan biến ảo cảm và giải thoát tinh thần con người ra khỏi sự giam cầm của vật chất; nó cũng sẽ tạo ra việc xua tan ảo tưởng và nhận ra chân lý khi chân lý đó hiện ra trong ý thức của những ai đã trụ vào “ý thức Christ” (“awareness of the Christ”).

169

Tất nhiên, đây không phải là một tiến trình nhanh chóng, mà là một phương cách được sắp xếp và điều chỉnh, hẳn là sau rốt sẽ thành công nhưng tương đối chậm trong sự thành lập và tiến triển của nó. Tiến trình này được khai mở trên cõi cảm dục do Đức Phật, và trên cõi trí khi Đức Christ xuất hiện trên cõi trần. Nó cho thấy sự trưởng thành sắp đến của nhân loại. Tiến trình này đã từ từ gom lại các động lực thúc đẩy khi hai Đấng Cao Cả này tụ tập chung quanh các Ngài nhiều đệ tử và các đạo đồ trong 2.000 năm qua. Tiến trình đã đạt đến một mức hữu ích sâu xa khi đường thông thương giữa Shamballa với Thánh Đoàn được mở ra và nói rộng, và khi sự giao tiếp giữa hai trung tâm vĩ đại này với nhân loại được thiết lập vững chắc hơn.

Vào thời kỳ Trăng Tròn tháng 6- 1942, cuộc thử nghiệm đầu tiên về sự trực tiếp giao tiếp giữa Trung Tâm mà Thiên Ý thống ngự, tức Trung Tâm mà Tình Thương của Thượng Đế ngự trị, với Trung Tâm nơi có sự mong chờ sáng suốt, được thiết lập. Môi trường của cuộc thử nghiệm này là nỗ lực kết hợp của Đức Christ, của Đức Phật và của những kẻ đáp ứng được với ảnh hưởng được phối hợp của các Ngài. Cuộc thử nghiệm này phải được tiến hành ở giữa sự tấn kích dữ dội của các tà lực và kéo dài hơn hai tuần bắt đầu từ ngày Trăng Tròn (30-5-1942) và kết thúc vào ngày 15-6-1942. Vào lúc đó, có một sự tập trung to tát sức mạnh Tâm Linh và việc sử dụng một Khấn Nguyện đặc biệt (khấn nguyện mà chính nhân loại không thể dùng được), nhưng sau rốt, sự thành công hay thất bại của cuộc thử nghiệm được chính nhân loại định đoạt.

Bạn có thể cảm thấy, dù cho sai lầm, rằng không có đủ người biết hay hiểu được bản chất của cơ hội hay những gì đang xảy ra. Nhưng sự thành công của cuộc thử nghiệm như

thế không tùy thuộc vào kiến thức huyền linh của một số ít người, tương đối ít, mà đối với họ, các sự kiện và thông tin chỉ được truyền đạt có một phần. Điều này cũng tùy thuộc vào khuynh hướng của nhiều người đang mong muốn hướng về các thực tại tâm linh một cách vô tình, đó là những người đang mưu tìm một cách sống tốt đẹp và mới mẻ hơn cho mọi người, đó là những người đang mong muốn cho ai ai cũng được tốt lành và sự mong mỏi, ước ao của họ là cho một kinh nghiệm đích thực về sự thánh thiện, các mối liên hệ chính đáng của con người và sự dũng cảm tâm linh trong nhân loại. Số này rất nhiều và trong mọi quốc gia đều có họ.

Khi Thiên Ý, biểu lộ nơi Shamballa và tập trung trong Đức Phật, Tình Thương của Thượng Đế, biểu lộ trong Thánh Đoàn và tập trung qua Đức Christ, còn ước vọng sáng suốt của nhân loại, tập trung qua các đệ tử trên thế gian, những người tìm đạo và những người thiện chí đều được đưa vào cùng hàng ngũ – hoặc cố ý hoặc vô tình – bấy giờ một sự tái định hướng to tát có thể và sẽ xảy ra. Biến cố này là điều có thể xảy ra.

Kết quả đầu tiên sẽ là việc hiểu rõ về cõi cảm dục và bắt đầu tiến trình xua tan ảo cảm; kết quả thứ nhì sẽ là việc soi sáng cõi trí và xua đuổi mọi ảo tưởng đã qua và dần dần tiết lộ các chân lý mới của những gì mà mọi lý tưởng trước đó và cái được gọi là các công thức của chân lý chỉ là những cột đánh dấu. Hãy suy gẫm câu này. Cột đánh dấu chỉ cho thấy đường đi; nó không tiết lộ mục tiêu nó chỉ đưa ra mà không kết luận. Cho đến nay, mọi chân lý đều như thế cả.

Do đó, cần phải có những người hiểu biết và những người có tâm và trí mở rộng; những ai đã thoát khỏi các thành

kiến vốn đã được nắm giữ một cách cuồng tín và thoát khỏi các chủ nghĩa lý tưởng cổ xưa, chúng phải được nhận ra; đó cũng chỉ là các chỉ dẫn chưa đầy đủ của các chân lý vĩ đại chưa được hiểu rõ – các chân lý này có thể được hiểu rõ ở phạm vi lớn lao và lần đầu tiên **NẾU** (IF) các bài học về tình hình thế giới hiện nay và tai họa do chiến tranh được học hỏi một cách đúng đắn và ý chí hy sinh được huy động đến.

Tôi đã đưa ra áp dụng thực tiễn này và minh họa trước mắt về giáo huấn liên quan đến ảo cảm, ảo tưởng và ảo lực, bởi vì toàn bộ vấn đề thế giới đã đến mức khủng hoảng ngày nay và bởi vì việc minh giải vấn đề đó sẽ là chủ đề nổi bật của 171 mọi tiến bộ – về giáo dục, tôn giáo và kinh tế – cho đến năm 2.025 A.D.

Trong phần mà hiện nay chúng ta đang đề cập đến, chúng ta sẽ xem xét các đường lối thực tiễn mà ảo tưởng, ảo cảm và sức mạnh của ảo lực có thể đi đến chỗ kết thúc trong cuộc sống của cá nhân, kể đến trong sự sống quốc gia và sau cùng trên thế giới. Luôn luôn chúng ta phải bắt đầu bằng đơn vị (unity) của sự sống, tức Tiểu Vũ Trụ; kế đó, nhờ hiểu được tiến trình và sự tiến bộ liên quan đến cá nhân, sau đó ý tưởng mới có thể được mở rộng đến nhóm, đến tổ chức, quốc gia và đến nhân loại nói chung. Như thế dần dần chúng ta sẽ tiến đến Tư Tưởng vĩ đại mà chúng ta gán cho tên gọi là Thượng Đế (God), tức Đại Vũ Trụ (Macrocosm).

Trong đoạn này chúng ta sẽ bàn đến các kỹ thuật và các kỹ thuật này có thể được tóm tắt như sau:

1. *Kỹ thuật của Bản Lai Điện Mục*. Theo kỹ thuật này, linh hồn đảm nhận việc kiểm chế phạm ngã hội nhập và các liên hệ của nó, hàng ngang và hàng dọc. Kỹ thuật này bao

gồm việc khai mở đóa hoa trực giác, xua đuổi ảo tưởng, tiết lộ Thiên Thần, chỉ ra Bản Lai Diện Mục và mở ra cho đệ tử trên thế giới các ý tưởng và cánh cửa của các cuộc điểm đạo cao siêu. Nhờ sự hiểu biết và áp dụng các ý tưởng thiêng liêng này hay các tư tưởng mầu mống này của vị đệ tử, y trở nên đệ tử điểm đạo và mục tiêu trước mắt là cuộc điểm đạo thứ ba có thể xảy ra. Trực giác là năng lực biến dung (power of transfiguration) được thể hiện. Kỹ thuật này có liên quan đến môn yoga ít được biết đến là Agni Yoga hay môn yoga về lửa (yoga of fire).

172 2. *Kỹ thuật Ánh Sáng*. Nhờ kỹ thuật này mà thể trí đã giác ngộ sẽ đảm trách việc kiểm chế thể cảm dục hay thể tình cảm và xua tan ảo cảm. Khi ánh sáng tuôn đổ vào, ảo cảm sẽ tan rã. Sự giác ngộ sẽ chế ngự và linh thị về thực tại có thể được nhận thấy. Kỹ thuật này có liên quan đến Raja Yoga và mục tiêu của nó là lần điểm đạo thứ hai; nó tạo ra khả năng để bước lên Con Đường Đệ Tử và cho phép con người *“biết cách sống một cuộc sống được soi sáng bằng Đấng Thánh Linh”*. Sự giác ngộ là khả năng biến đổi được sử dụng thực tiễn (the applied power of transformation).

3. *Kỹ thuật Điềm nhiên* (Technique of Indifference). Nhờ kỹ thuật này mà ảo lực (maya) được kết thúc; vì sự kiểm chế thể cảm dục đã thanh luyện được đưa vào hoạt động một cách hữu thức và một cách đúng phương pháp, mới tạo được sự phóng rã các năng lượng của thể dĩ thái do việc kiểm chế vật chất (matter) hay chất liệu của lực (force—substance) và đưa một số lớn người bước lên Con Đường Dự Bị. Nơi nào có “sự điềm nhiên thiêng liêng” (“divine indifference”) đối với tiếng gọi hay sự lôi cuốn của vật chất, thì ở đó mới có thể có được *nguồn linh hứng (inspiration)*. Kỹ thuật này có liên quan đến

Karma Yoga dưới hình thức thực tiễn nhất của nó và liên quan đến việc sử dụng vật chất với sự vô ngã hoàn toàn (complete impersonality). Mục đích của kỹ thuật này là đạt điểm đạo lần một, cuộc điểm đạo này cho phép con người “*sống một cuộc sống được Thượng Đế truyền cho linh hứng*”. Nguồn linh hứng là năng lực truyền chuyển được sử dụng thực tiễn (the applied power of transmission).

1. *Kỹ thuật của Bản Lai Diện Mục.*

Khi bắt đầu nghiên cứu đề tài này, đạo sinh có ba điều cần ghi nhớ: sự hiện hữu của Trục giác, sự thật về Ảo Tưởng và Bản Lai Diện Mục đang ám trợ (overshadowing Presence). Bản Lai Diện Mục này được trục giác phát hiện và nhận biết, sẽ đưa ảo tưởng đến chỗ kết thúc.

Lịch sử của ảo tưởng là lịch sử không nên lầm lẫn với ảo cảm; ảo tưởng có liên quan với toàn thể tiến trình khai mở. Ảo cảm có thể và thường có liên quan với sự lệch lạc của những gì đã được khai mở, nhưng cần phải ghi nhớ rằng ảo tưởng trước nhất có liên hệ đến phản ứng của thể trí đối với sự thiên
 173 khải được bộc lộ khi linh hồn ghi nhận nó và tìm cách gây ấn tượng lên nó ở trạng thái cao nhất của phạm ngã cá biệt. Do đó, ảo tưởng xảy ra do thể trí không ghi nhận được một cách chính xác, không diễn giải được những gì đã được truyền đạt và kết quả là lỗi lầm (nếu bạn thích từ ngữ đó) của người thông minh và phát triển cao, của những người đang đứng trên nẻo Đạo và những người đang ở trên tiến trình muốn trở nên được định hướng đúng đắn; đó cũng là lỗi lầm (sin) của các đệ tử nhập môn khi họ tìm cách mở rộng tâm thức để đáp ứng với sự tiếp xúc với linh hồn. Khi họ đã “nhìn xuyên qua

ảo tưởng” (và tôi dùng câu này theo nghĩa huyền bí của nó) thì bây giờ họ đã sẵn sàng để được điểm đạo lần ba.

Do đó, chủ đề của chúng ta là chủ đề về sự *thiên khai* (*revelation*) và tôi muốn đưa ra một vài nhận xét chung về chủ đề này, bởi vì nhờ đó vấn đề ảo tưởng thế gian có thể được minh giải và một cách đương nhiên ảo tưởng cá nhân cũng vậy.

Việc khai mở ý thức nhân loại đã có tiến bộ qua các thời đại và tùy thuộc vào hai yếu tố chính có liên quan:

1. Yếu tố (factor, tác nhân) về sự phát triển dần dần thể trí con người qua các tiến trình của chính sự tiến hóa. Yếu tố này có thể được xem như là khả năng nội tại của những gì mà chúng ta gọi là thể trí, tức Chitta, hay chất trí, để trở nên ngày càng nhạy bén hơn với ảnh hưởng của thế giới hiện tượng ⁽¹⁾ và với ấn tượng từ các thế giới hiện tồn ⁽²⁾ cao siêu. Thể trí là khí cụ để ghi nhận tiến trình “biến dịch” (“becoming”) nhưng nó cũng – trong các giai đoạn khai mở sau này của nhân loại – có khả năng ghi nhận bản chất hay chức năng của bản thể (being). Biến dịch được khai mở nhờ trí tuệ; còn Bản thể được khai mở nhờ trực giác. Trong mọi nghiên cứu về ảo tưởng, bản chất làm khí cụ của thể trí cần được ghi nhớ, và năng lực ¹⁷⁴ của thể trí để ghi nhận một cách chính xác, để diễn tả và truyền đạt kiến thức đến từ cõi hiện tượng, còn minh triết đến từ lãnh vực của linh hồn.

¹ Thế giới hiện tượng (phenomenal world) tức ba cõi tiến hóa của con người. (ND).

² Thế giới hiện tồn (world of being) tức thế giới của linh hồn. (ND)

2. Yếu tố về phương pháp mà nhờ đó mà nhân loại biết được những gì không biểu hiện ngay trước mắt. Đây là phương pháp hay tiến trình của những gì được gọi là “sự khai mở do áp đặt” hay là ẩn tượng được gọi ra cho thể trí có thể tiếp nhận được các ý tưởng, các thực thể, các kế hoạch và các mục tiêu nằm ở hậu trường, có thể nói như thế, và vốn là (sau rốt) các yếu tố định đoạt và chi phối tiến trình thế giới. Các khai mở này hay các ẩn tượng chủ quan, và thiết yếu được khai mở bằng trực giác và không liên hệ với các kiến thức, các ẩn tượng và các ảnh hưởng có liên quan đến ba cõi tiến hóa của con người, trừ phi đến lúc mà (khi đã hiểu cặn kẽ) chúng biến đổi dần dần cách sống của con người, tiết lộ cho con người biết các mục tiêu của mình và đưa ra bản chất đích thực của con người. Các thiên khai đã được đưa ra khắp các thời đại và tạo ẩn tượng lên thể trí của những người được luyện tập để tiếp nhận chúng liên quan đến toàn thể giới rộng lớn và đưa đến sự việc đánh giá cao về sự duy nhất của sự sống và với biểu hiện theo chủ thuyết vật hoạt luận (hylozoistic expression).

Hai tiến trình song hành đã tạo ra nhân loại và nền văn minh của nhân loại: một là chính diễn trình tiến hóa, nhờ đó mà thể trí của cá nhân dần dần được khai mở cho đến khi nó trở nên trạng thái chế ngự trong phạm ngã; và đồng thời một loạt các thiên khai được đưa ra một cách khôn khéo, theo từng bậc, đã dẫn dắt toàn thể nhân loại đến gần hơn sự hiểu biết tất nhiên về bản thể; các thiên khai đó đã dẫn dắt con người từ từ tách ra khỏi việc đồng nhất hóa với sắc tướng và tiến vào các trạng thái ý thức siêu việt theo quan điểm thông thường của con người, nhưng hoàn toàn bình thường theo khía cạnh tâm linh.

175 Đưa quan niệm này vào khoa thuật ngữ huyền linh một cách cụ thể: Ngã tính (Individuality) đã đưa đến việc dần dần hoàn thiện thể trí với nhận thức, hiểu biết, phân tích và diễn giải của nó, trong khi đó, việc điểm đạo, nhờ sự tăng trưởng của trực giác, sẽ mang lại (khi tiến trình hoàn thiện thể trí đạt đến một mức phát triển tương đối cao) việc hiểu rõ thể giới của các giá trị tâm linh, của thực thể hợp nhất và của hiểu biết bằng trực giác. Điều này bao hàm hoạt động tiếp theo sau của điểm tập trung cá biệt vượt ngoài cõi hiện tượng đi vào cõi thực tại. Công dụng thấp của thể trí và các tiến trình khai mở của nó đã tạo ra ảo tưởng, trong khi việc khai mở thượng trí và sau đó dùng thượng trí như là tác nhân truyền đạt của trực giác và của thiên khai cao siêu, sẽ tạo ra sự biến dung của ba cõi hiện tượng được xem như cõi hiện tồn (world of being).

Ảo tưởng thường bị giải thích sai và áp dụng sai khi nhận thức chân lý bằng thể trí. Không có gì liên quan đến giai đoạn ảo cảm của thể trí, mặc dù ảo tưởng có thể được đưa xuống thế giới cảm giác và trở thành ảo cảm. Khi điều này xảy ra, sức mạnh của nó trở nên cực kỳ lớn vì một hình tư tưởng đã trở thành một thực thể, có mãnh lực sinh động và mãnh lực thu hút của cảm giác được cộng thêm vào hình thức vô cảm xúc của tư tưởng. Hãy suy gẫm điều này. Nhưng ở giai đoạn mà hiện nay chúng ta đang bàn đến, tức là giai đoạn ảo tưởng thuần túy, một sự thiên khai đã tuôn đổ xuống cõi trí và – do việc không hiểu đúng và giải thích đúng sự thiên khai đó hay để áp dụng sự thiên khai đó một cách hữu ích – sự thiên khai đã phát triển thành ảo tưởng và trở thành có tính chất phình lù, kết tinh (crystallisation) và có thông tin sai lầm.

Do đó, chủ đề của phương pháp này, trước tiên có liên quan đến:

1. *Tiến trình thiên khai*. Tiến trình này đã là và ngày nay đang là chứng tích chủ yếu và là đảm bảo của sự hiện hữu, phía sau màn cảnh của sự sống cõi hiện tượng, của một Nhóm hay một Tác Nhân khai mở với nhiệm vụ gồm ba tính chất:

a. Đánh giá sự khai mở ý thức con người và để đáp ứng với tiếng kêu gọi và sự đòi hỏi thường xuyên hầu có thêm ánh sáng và hiểu biết.

b. Để phán đoán sự thiên khai nào cần thiết kế tiếp và hình thức nào nó sẽ khoác lấy, nhờ phương tiện nào mà nó sẽ xuất hiện, nơi đâu và khi nào nó sẽ hiện ra.

c. Để xác minh xem coi các chương ngại, các ngăn trở và các định kiến nào mà sự thiên khai mới mẻ sắp đến sẽ phải đương đầu.

2. *Sự thật về Bản Lai Diện Mục* (The fact of the Presence). Bản Lai Diện Mục này chính là sức mạnh thôi thúc ẩn sau mọi thiên khai và thực ra đó là Thượng Đế nội tại, bao giờ cũng cố gắng để nhận biết và tự Ngài được thôi thúc thêm vào đó bằng sự kiện về Thượng Đế siêu việt (God Transcendent).

3. *Ảnh hưởng của Thiên Thần Diện Mục* (The Influence of the Angel), Thiên Thần Diện Mục là mầm mống đã biệt ngã hóa của ý thức, nhờ Thiên Thần Diện Mục, sau khi phát triển và đáp ứng với phạm ngã cá biệt, con người sẽ tiến tới chỗ biết được Bản Lai Diện Mục (the Presence). Mọi sự thiên khai chân chính đều có liên quan đến vinh quang khai mở của thiên tính trong một số lãnh vực biểu hiện, để từ đó chứng thực cho Bản Lai Diện Mục còn tiềm tàng.

4. *Phản ứng của những người có trực giác* trên khắp thế giới đối với sự thiên khai đó và hình thức mà những người có trực

giác đưa ra cho các nhà tư tưởng trên thế giới. Các nhà tư tưởng này bao giờ cũng là người đầu tiên hiểu và đánh giá cao các chân lý mới. Những người có trực giác đưa ra giai đoạn kế tiếp của chân lý dưới một hình thức tương đối thuần khiết cho dù vào lúc trình bày, chân lý đó có thể bị che giấu bằng biểu tượng.

- 177 5. *Sự đáp ứng của thế giới biết suy tư* đối với chân lý được trình bày. Chính ở điểm này mà ảo tưởng hiện ra, và cách giải thích cùng cách trình bày sai đang xảy ra. Các giải thích không đúng về chân lý được tiết lộ này, khi chúng kéo dài đủ lâu và có động lực thúc đẩy cần thiết, cộng thêm vào với ảo tưởng tổng quát và trở thành một phần của ảo tưởng đó và như vậy nuôi dưỡng và được nuôi dưỡng bằng ảo tưởng thế gian. Đây là việc tạo nên hình ảnh hảo huyền của tư tưởng, đã phát triển qua các thời đại, đang chi phối rất nhiều đối với niềm tin của nhiều người. Khi sự thiên khai đạt tới giai đoạn này, thì một số đông nhân loại trở nên dính líu vào; họ ghi nhận ảo tưởng như là chân lý; họ xem ảo tưởng này như là thực tại; họ không hiểu được ý nghĩa của sự thiên khai được đưa ra một cách tượng trưng, che giấu, mà lầm lộn sự thiên khai đó với cách trình bày có ý đánh lừa, như vậy sự thiên khai được nhận biết bằng trực giác lại trở thành một học thuyết méo mó, lệch lạc. Các giải thích và các giáo điều của thần học đều thuộc loại này và từ đó kéo theo sự tái diễn bi kịch cổ xưa, đó là người mù dắt dẫn người mù mà Đức Christ có đề cập tới khi Ngài đối mặt với các nhà thần học ở thời của Ngài.

Các phát biểu trên đều đúng với mọi thiên khai khi nó phát xuất từ trung tâm tỏa chiếu ánh sáng, cho dù chúng có liên quan đến điều được gọi là chân lý tôn giáo hoặc các khám phá khoa học, hoặc tiêu chuẩn cao về các giá trị tinh thần, nhờ

đó nhân loại tiến bộ của cả hai bán cầu đang tìm cách sinh tồn và đôi khi tiến một bước có ý nghĩa và quan trọng.

a. *Trực giác xua đuổi ảo tưởng cá nhân.*

Ngày nay chúng ta đã đi đến một bước ngoặt trong lãnh vực hiểu biết của nhân loại và bây giờ có thể bước vào kỷ nguyên mới trong đó ảo tưởng có thể bị xua tan và các nhà tư tưởng có thể bắt đầu ghi nhận một cách chính xác và không còn hiểu sai những gì mà người có trực giác truyền đạt cho họ. Cho đến nay, phát biểu này không áp dụng cho quần đại 178 quần chúng. Cần có một thời gian lâu dài trước khi họ sẽ đáp ứng mà không có ảo tưởng, bởi vì ảo tưởng được dựa vào hoạt động kiến tạo hình tư tưởng của hạ trí. Nhiều người chỉ mới bắt đầu dùng hạ trí đó, và do đó, đối với họ, ảo tưởng là một giai đoạn cần thiết để thử thách và luyện tập, và là giai đoạn mà họ phải vượt qua, nếu không họ sẽ đánh mất nhiều kinh nghiệm có giá trị, làm cho khả năng phân biện của họ kém phát triển. Đây là một điểm mà mọi huấn sư huyền linh học cần nên ghi nhớ. Tất nhiên, điều thiết yếu là quần chúng phải được giảng dạy về ý nghĩa của ảo tưởng và được huấn luyện để thấy và chọn được phần cốt lõi của chân lý thuần túy trong bất cứ cách trình bày nào về chân lý mà họ có thể gặp phải. Điều cũng thiết yếu không kém, đó là những người có trực giác trên thế giới phải học cách sử dụng, kiểm soát và hiểu được khả năng nhận thức tâm linh, khả năng ly cách thiêng liêng và sự đáp ứng thích hợp vốn là đặc trưng của trực giác. Họ có thể làm được điều này nhờ thực hành kỹ thuật của Bản Lai Diện Mục, nhưng không phải như thường được giảng dạy và trình bày.

Có lẽ tôi sẽ làm cho ngụ ý của tôi rõ ràng hơn nếu tôi nói rằng kỹ thuật này thuộc về một số đường lối khoa học hay cách thức làm việc, vì nhiều điều huấn luyện được đưa ra trong các trường phái tham thiền chân chính và trong các hệ thống Raja Yoga đã được chuẩn bị cho người tìm đạo. Các giai đoạn này bắt đầu khi mà các công thức thông thường ngưng lại và sự dễ dàng được ước định để tiến tới Thiên Thần Diện Mục hay linh hồn và khả năng để nâng cao ý thức đến mức hội nhập với linh hồn. Tôi xin liệt kê các tiến trình hay các giai đoạn như sau:

1. Tạo ra giai đoạn nhất tâm bất loạn (tension). Đây là điều căn bản thiết yếu. Chính sự nhất tâm bất loạn được mang lại bằng việc kiềm chế hoàn toàn phàm ngã sao cho phàm ngã trở nên “thích hợp cho sự tiếp xúc với thực tại”.

2. Đạt được trạng thái hòa hợp với linh hồn hay với Thiên Thần Diện Mục đang bảo vệ sự tiến tới Con Đường Tiến Hóa Cao Siêu.

178 3. Giữ thể trí ổn định trong ánh sáng của linh hồn, đó vẫn là cách hành xử của phàm ngã cho toàn bộ giai đoạn còn lại của công việc do linh hồn nắm giữ mức nhất tâm bất loạn chớ không phải do nỗ lực của phàm ngã. Linh hồn đảm nhận việc nắm giữ này khi phàm ngã đã gắng làm hết sức để đạt được mức nhất tâm được mong mỏi.

Đây là ba bước đầu tiên mà việc thực hành cách chỉnh hợp cần được chuẩn bị cho đạo sinh học hỏi các bí pháp cao siêu. Các bước này phải đi trước mọi nỗ lực để mở trực giác, và việc này có thể mất nhiều tháng (hay thậm chí nhiều năm) để chuẩn bị cẩn thận. Lửa là biểu tượng (symbol) của thể trí và

đây là ba giai đoạn đầu tiên của giới luật Agni Yoga hay môn Yoga về lửa mà Raja Yoga đã chuẩn bị cho đạo sinh.

Kế đến là sáu giai đoạn nữa trong kỹ thuật; các giai đoạn này phải được hiểu rõ ràng, chúng tạo thành nền tảng để suy tưởng sáng suốt và nghiên ngẫm lâu dài, được tiến hành trong khi làm các công việc lặt vặt và các bốn phận hằng ngày chớ không phải xảy ra vào những thời điểm định sẵn. Người có trực giác hoặc đệ tử có luyện tập bao giờ cũng theo đuổi cuộc sống đôi (dual life) giữa hoạt động trần tục với sự trầm tư về tinh thần mạnh mẽ cùng một lúc. Đây là điểm nổi bật của vị đệ tử Tây phương trái ngược với đệ tử Đông phương. Vị đệ tử phương Đông trốn tránh cuộc sống, tìm vào chốn tịch lặng, tránh xa các sức ép của cuộc sống hằng ngày và tránh việc tiếp xúc thường xuyên với kẻ khác. Nhiệm vụ của vị đệ tử Tây phương khó khăn hơn nhiều, nhưng những gì mà vị đệ tử này sẽ chứng nghiệm cho chính mình và cho thế giới nói chung sẽ cao siêu hơn. Điều này đáng được mong chờ nếu diễn trình tiến hóa mang một ý nghĩa nào đó. Các chủng tộc Tây phương phải tiến lên đến chỗ tối thượng tâm linh mà không xóa bỏ sự đóng góp của Đông phương, và tác động của Luật Luân Hồi nắm giữ mạnh mẽ về điều này và cho thấy sự cần thiết này.

180 Trào lưu của sự sống di chuyển từ Đông sang Tây giống như mặt trời, còn những người trong các thế kỷ qua đã gióng lên nốt của thần bí học Đông phương, họ phải ngân lên và hiện giờ đang ngân lên nốt của huyền linh học Tây Phương. Do đó, các giai đoạn sau phải đi theo ba giai đoạn trước. Chúng ta sẽ tiếp tục với cách đánh số đã nêu vì những gì tôi đưa ra ở đây là một công thức dành cho tư thế thiền định tiến bộ hơn. Tôi không nói đến hình thức.

4. Nỗ lực một cách dứt khoát và bền bỉ để cảm nhận Bản Lai Diện Mục khắp vũ trụ dưới mọi hình thức và trong mọi cách trình bày về chân lý. Điều này có thể được diễn tả bằng các lời: “cố gắng để chọn ra mầm mống hay hạt giống của thiên tính vốn đã tạo ra mọi hình hài”. Tôi xin nêu ra rằng đây không phải là việc đạt đến một thái độ yêu thương và một sự gần gũi bằng tình cảm với mọi người và mọi hoàn cảnh. Đó là con đường thần bí và mặc dầu không được dự kiến để bị chối bỏ trong cuộc đời của vị đệ tử, vào lúc này, nó không được dùng trong tiến trình tiếp cận một cách có hiệu quả. Đó là nỗ lực trước tiên để thấy được trong ánh sáng mà Thiên Thần Diện Mục đang phóng chiếu, điểm ánh sáng ở sau mọi vẻ bên ngoài của cõi hiện tượng. Do đó, đây là sự chuyển di linh thị thần bí vào các trình độ hiểu biết cao hơn. Đó không phải là linh thị của linh hồn mà là linh thị hay nhận thức tâm linh đối với những gì mà ánh sáng linh hồn có thể trợ giúp để khai mở. Ánh sáng linh hồn đang chập chờn trong phạm ngã giúp cho vị đệ tử thấy được linh thị của linh hồn và trong ánh sáng đó, để đạt được sự hợp nhất với linh hồn cho dù chỉ là tạm thời. Bây giờ ánh sáng vĩ đại hơn của linh hồn trở nên tập trung giống như một mặt trời tỏa chiếu, và đến phiên mình, ánh sáng đó khai mở một linh thị còn kỳ diệu hơn nhiều – linh thị về Bản Lai Diện Mục mà Thiên Thần là sự đảm bảo và hứa hẹn của linh thị ấy. Giống như ánh trăng là sự đảm bảo ánh sáng mặt trời đang hiện hữu, cũng thế ánh sáng mặt trời là sự đảm bảo của một ánh sáng còn vĩ đại hơn nữa, chắc hẳn bạn thừa biết điều đó.

181 5. Kế đó, nhờ cảm nhận được Bản Lai Diện Mục – không phải trên lý thuyết, mà là nhờ đáp ứng với rung động do Sự Hiện Hữu của nó – kế tiếp là giai đoạn xác minh Thiên Ý

(Purpose). Mỗi hy vọng đồng nhất hóa với Thiên Ý còn nằm quá xa, ngay cả đối với vị đạo đồ bậc trung, dưới đẳng cấp của Chân Sư. Chúng ta không quan tâm đến giai đoạn không thể đạt được đó (đối với chúng ta). Nhưng chúng ta quan tâm tới nỗ lực để đạt được việc hiểu biết những gì mà qua trung gian của hình hài, đang tìm cách thể hiện Thiên ý cao siêu ở bất cứ mức độ đặc biệt nào trong chu kỳ tiến hóa. Điều này có thể và đã được thành tựu qua nhiều thời đại bởi những người đã tiếp cận đúng và suy tư đúng trên Con Đường Tiến Hóa Cao Siêu. Con đường này được tiết lộ cho vị đệ tử, cho dù nó có thể không liên quan gì đến việc truyền thông bằng trực giác mà đệ tử đó có thể mang trở lại từ cuộc hành trình cao siêu của y.

6. Lúc bấy giờ, vị đệ tử nhận lãnh một vấn đề thể gian nào đó, một kế hoạch nào đó mà trí y đã vạch ra hoặc là tâm y mong muốn giúp đỡ nhân loại trong những gì mà về mặt huyền linh được gọi là “ánh sáng gồm ba phần của trực giác”. Ánh sáng này được tạo thành bằng sự pha trộn của ánh sáng phàm ngã (tập trung trong thể trí), ánh sáng của linh hồn (tập trung trong Thiên Thần) và ánh sáng vũ trụ mà Bản Lai Diện Mục phát ra; khi được thực hiện một cách dễ dàng nhờ định trí và thực hành lâu dài, ánh sáng này sẽ tạo ra hai kết quả:

a. Đột nhiên hé mở trong thể trí đang chờ đợi của đệ tử (vẫn đang là tác nhân thu nhận) câu trả lời cho vấn đề của y, manh mối cho những gì cần có để mang lại niềm an ủi cho nhân loại, thông tin mong muốn, mà khi được áp dụng, sẽ mở ra một cánh cửa nào đó trong lãnh vực khoa học, tâm lý học hoặc tôn giáo. Khi được mở ra, cánh cửa này sẽ mang lại sự cứu giúp hay giải thoát cho nhiều người. Như trước đây tôi có nói với bạn, trực giác không bao giờ có liên quan đến các vấn

182 đề hoặc các đòi hỏi của cá nhân như rất nhiều người tìm đạo còn ngã chấp nghĩ tưởng. Trực giác hoàn toàn vô ngã (impersonal) và chỉ có thể áp dụng cho nhân loại theo một ý nghĩa tổng hợp.

b. “Tác nhân xâm nhập của ánh sáng” (theo như Cổ Luận đã gọi những kẻ có trực giác mạo hiểm này) được nhận biết như là kẻ có thể được phó thác cho một thiên khai nào đó, truyền đạt cho một chân lý mới nào đó, bàn rộng ý nghĩa của mầm mống chân lý đã được đưa ra cho nhân loại. Bây giờ y sẽ thấy được linh thị, nghe được diệu âm, ghi nhận được thánh huấn, hoặc là – ở hình thức cao siêu nhất – y trở thành một đường vận chuyển thần lực và linh quang cho thế gian, một Hiện Thân hữu thức của thiên tính hay một Vị Bảo Quản nguyên khí thiêng liêng. Các hình thức này tạo thành sự thiên khai đích thực, được truyền đạt hay được biểu hiện; chúng vẫn còn hiếm hoi nhưng sẽ ngày càng được phát triển trong nhân loại.

7. Một vài giai đoạn kế tiếp trong việc chuẩn bị cho việc thiên khai được gọi là:

- a. Từ bỏ Con Đường Cao Siêu.
- b. Quay trở lại với Thiên Thần Diện Mục hay tái tập trung vào linh hồn.
- c. Một tạm ngưng hay thời khoảng ngắn dành cho việc suy tư xây dựng dưới ảnh hưởng của Thiên Thần Diện Mục.
- d. Chuyển thể trí vào việc tạo thành các hình tư tưởng để thể hiện sự thiên khai.
- e. Kế đến lại một tạm ngưng, được gọi là “sự tạm ngưng trước khi trình bày” (“the pause preceding presentation”).

8. Đưa ra sự thiên khai hay đưa ra chân lý được truyền đạt và sự đột hiện của chân lý đó vào thế giới ảo tưởng xảy ra tiếp theo. Trong thế giới ảo tưởng đó, chân lý hứng chịu “cuộc thử lửa” (“fiery ordeal”), nơi đó “một ít lửa bên trong vốn được tiết lộ sẽ quay trở lại cội nguồn xuất phát của nó; một ít lửa dùng để hủy diệt tác nhân khai mở còn một ít để thiêu đốt 183 những ai nhận ra sự thiên khai”. Đây là giai đoạn của Agni Yoga mà, như bạn có thể thấy, chỉ dành cho những ai có thể thâm nhập qua vị Thiên Thần, đi vào chốn mà “lửa đang ngự trị”, và nơi mà Thượng Đế, tức Bản Lai Diện Mục, đang tác động như là lửa thiêu rụi và đang chờ đợi giờ tổng thiên khai. Đây là cách trình bày tượng trưng về chân lý vĩ đại. Trong trường hợp đệ tử điểm đạo cá biệt, cuộc điểm đạo thứ ba, Điểm Đạo Biến Dung, đánh dấu sự thành tựu của tiến trình. Chỉ lúc bấy giờ sự vinh quang mới được nhìn thấy: chỉ lúc đó mới nghe được điệu âm (voice) của Bản Lai Diện Mục và mới đạt được sự hợp nhất với quá khứ, hiện tại và vị lai.

9. Việc nhượng bộ của thiên khai đối với ảo tưởng đang thịnh hành, việc giáng xuống vào thế giới ảo cảm và việc biến mất tiếp theo sau của ảo cảm khi sự thiên khai và sự xuất lộ của nó dưới hình thức một triết lý. Nhưng đồng thời nhân loại đã được trợ giúp và hướng dẫn tiến tới; những người có trực giác tiếp tục làm việc và dòng tuôn chảy vào của những gì được khai mở thì không bao giờ ngừng.

Phương pháp căn bản này nằm dưới cả hai sự thiên khai thứ nhất và thứ hai. Trong trường hợp sự thiên khai thứ nhất, chu kỳ thời gian thì dài, trong sự thiên khai thứ hai, chu kỳ thời gian lại ngắn. Một trường hợp rất lý thú của tiến trình này được chứng minh bởi một trong các điểm thiên khai thứ hai liên quan với giáo huấn xuất phát từ Thánh Đoàn (Đấng

Bảo Quân các thiên khai thứ hai, trong khi Shamballa là Đấng Bảo Quân thiên khai thứ nhất) cách đây năm mươi năm và ở dưới hình thức bộ sách Giáo Lý Bí Nhiệm, H. P. B. là “người có trực giác biết thấu nhập, nhận thức và chiếm hữu”. Sự thiên khai mà bà truyền bá theo thông lệ quen thuộc của mọi thiên khai thứ yếu từ Cội Nguồn đến cõi ngoài. Ở đó, thể trí của con người bị ảo tưởng che lấp và bị ảo cảm làm mờ nhạt, biến nó thành một triết lý cứng nhắc, không nhận ra thêm sự thiên khai nào nữa và – nhiều nhóm nghiên cứu minh triết thiêng liêng như thế – cho rằng bộ Giáo Lý Bí Nhiệm là thiên khai cuối cùng và không có gì cần được hiểu biết ngoại trừ bộ sách đó và không có gì được cho là đúng ngoại trừ các giải thích của họ về bộ sách đó. Nếu họ nói đúng, thì bấy giờ sự phát triển tiến hóa chấm dứt và hoàn cảnh nhân loại thật là bi đát.

Thậm chí vị tân đệ tử trên đường mở trực giác có thể bắt đầu phát triển trong chính mình năng lực nhận biết những gì mà hạ trí không thể mang lại cho y. Một ý tưởng nào đó để khai mở năng lực, cần được sử dụng để trợ giúp nhiều người, có thể lọt vào trí y; một ít ánh sáng mới về một chân lý cổ có thể nhập vào, giải tỏa chân lý ra khỏi các ngăn trở của tin tưởng chính thống, như vậy soi sáng cho ý thức y. Y phải sử dụng điều này cho mọi người chứ không riêng cho mình y. Dần dà, y học được cách tiến vào thế giới trực giác. Hết ngày này sang ngày khác, hết năm nọ qua năm kia, y trở nên nhạy bén hơn với Thiên Ý và có khả năng nhiều hơn trong việc chiếm hữu chúng một cách khôn khéo để cho các huynh đệ của mình sử dụng.

Niềm hy vọng của thế gian và việc xua tan ảo tưởng nằm trong việc phát triển trực giác và chuyên tâm rèn luyện trực giác. Có nhiều người có trực giác một cách tự nhiên, công việc

của họ là phối hợp năng lực tâm thông bậc cao với các tia chớp lóe của trực giác đích thực. Phải có việc luyện tập của người có trực giác chính xác. Song song với việc đáp ứng bằng trực giác của họ và cố gắng đẩy nhanh trực giác của họ vào thế giới tư tưởng của con người, cũng phải có sự phát triển ổn định thể trí con người để cho thể này có thể hiểu thấu đáo những gì được phóng ra và trong điều này cũng có ẩn tàng mỗi hy vọng của nhân loại.

b. *Trực giác của nhóm xưa tan ảo tưởng của thế gian.*

Ngày nay thế giới tràn đầy ảo tưởng, nhiều ảo tưởng bị che lấp dưới hình thức các chủ nghĩa lý tưởng (idealism); nó tràn đầy mơ tưởng, dự tính, và cho dù nhiều điều trong đó đã được định hướng và diễn tả đúng, việc xác định chắc chắn của giới trí thức để tạo hoàn cảnh sống tốt đẹp hơn cho toàn dân 185 trên thế giới, câu hỏi nảy sinh là: có phải hết thảy những điều mơ tưởng này là đủ cho cách sống năng động thiết yếu vốn sẽ đưa nó xuống thành minh chứng vật chất và biểu hiện thực sự và như vậy đáp ứng thực sự cho nhu cầu nhân loại hay không? Tôi xin nêu ra rằng hai Đấng Thiên Khải vĩ đại đã từng đến Địa cầu trong tầm mức lịch sử hiện đại đã đưa ra các thiên khải đơn giản sau đây cho nhân loại:

1. Nguyên nhân của mọi nỗi khổ đau của nhân loại là lòng ham muốn và lòng ích kỷ cá nhân. Hãy từ bỏ ham muốn thì sẽ được giải thoát.

2. Có một con đường giải thoát và con đường đó đưa đến sự giác ngộ.

3. Không có lợi gì cho một người khi có được cả thế giới mà đánh mất linh hồn của mình.

4. Mọi người đều là Con của Thượng Đế.

5. Có một con đường giải thoát đó là con đường bác ái và hy sinh.

Cuộc sống của các Đấng Thiên Khải này được trình bày tượng trưng về những gì mà các Ngài đã dạy ra, và phần còn lại của giáo huấn của các Ngài chỉ là một sự bàn rộng về các chủ đề chính yếu. Sự đóng góp của các Ngài là một phần trong toàn thể các thiên khải chung cho các thời đại vốn đã hướng dẫn con người từ trạng thái ban đầu lúc mới có con người đến trạng thái phức tạp với nền văn minh hiện đại. Sự thiên khải chung này có thể gọi là Sự Thiên Khải về Thánh Đạo vốn hướng dẫn con người ra khỏi sắc tướng đến Trung tâm của mọi sự sống; tính chất tinh khiết của sự thiên khải này đã được duy trì qua các thời đại bởi một nhóm nhỏ các đệ tử, các đạo đồ và các nhà huyền học chân chính, các Ngài luôn luôn hiện hữu trên Địa cầu – bảo vệ sự giản dị của giáo huấn đó, tìm kiếm những ai có thể đáp ứng và nhận biết được mầm mống của chân lý, và dạy con người thế chỗ các Ngài và bước lên con đường nhận thức bằng trực giác. Một trong các nhiệm vụ chính của Thánh Đoàn là tìm kiếm và phát hiện những ai 186 bén nhạy với sự thiên khải và những ai mà thể trí được luyện tập để cho họ có thể trình bày các chân lý được đưa ra bằng cách nào mà khi đến tai các nhà tư tưởng trên thế giới, các chân lý đó tương đối không thay đổi. Tuy nhiên, mọi thiên khải, khi được đưa ra bằng lời nói và dưới hình thức lời nói, chúng đều mất đi ít nhiều sự trong sáng thiêng liêng của thiên khải.

Nhiều thiên khải thời trước đã xuất hiện theo các đường lối thúc đẩy của tôn giáo và, vì ảo tưởng đã ăn sâu và lớn lên theo thời gian, sự đơn giản nguyên thủy (như các Đấng Thiên Khải đã truyền đạt) đã bị đánh mất đi. Tất cả các thiên khải

căn bản đều được đưa ra dưới hình thức đơn giản nhất. Mỗi ngày mỗi thêm thắt vào, thể trí của con người đã làm cho giáo lý trở nên phức tạp qua các nghị luận bằng trí của họ, cho đến khi các hệ thống thần học rộng lớn được tạo ra mà chúng ta gọi, thí dụ, là Giáo Hội Thiên Chúa (Christan Church) và hệ phái Phật Giáo (Buddhist system). Các nhà Sáng lập ra Giáo Hội và Hệ phái đó chắc hẳn là khó nhận ra hai hay ba sự kiện hay chân lý căn bản và thiêng liêng mà các Ngài tìm cách khai mở và nhấn mạnh, chiếc áo khoác của ảo tưởng to biết bao, đang vắt ngang qua lời rao giảng đơn giản của Đức Christ và Đức Phật. Các giáo đường rộng lớn và các nghi lễ có tính cách khoa trương của chính thống giáo đã làm xa cách cách sống khiêm tốn của Đức Christ, tức vị Thầy của các Chân Sư và cũng là Thầy của thiên thần và con người; từ sự đơn giản của cách sống hiện tại của Ngài, Ngài xem xét và chờ đợi sự trở lại của dân Ngài hướng về con đường đơn giản để chứng nghiệm tâm linh.

Ở Tây phương ngày nay ảo tưởng lớn mạnh đến nỗi người ta nói đến “uy quyền thế tục của Giáo Hội Thiên Chúa”; còn các Giáo Hội Tin Lành (Protestant Churches) thì tách ra thành các phe phái hiếu chiến (Warring factions); Giáo Hội Khoa Học Công Giáo được biết đến do khả năng thu góp tiền của và dạy cho tín đồ của mình làm như thế và để đạt được sức khỏe tốt nhất thời; Giáo Hội Chính Thống Hy Lạp (Greek Orthodox Church) trở nên hủ nát khắp nơi và chỉ còn niềm tin đơn thuần của người ít học và người nghèo là còn duy trì được sự tương đồng về chân lý dưới dạng đơn thuần nguyên thủy của nó. Họ không có khả năng bàn bạc về thần học cao siêu, nhưng họ vững tin rằng Thượng Đế là tình thương – chỉ đơn giản như thế – rằng có một con đường đưa

đến hòa bình và ánh sáng, và rằng nếu họ chối bỏ các ham muốn vật chất riêng của họ thì họ làm đẹp lòng Thượng Đế. Hỡi huynh đệ, tôi biết là tôi đang đưa ra những điều khái quát, vì tôi cũng thừa biết rằng trong các hệ thống thần học đều có người ngoan đạo và các giáo sĩ thánh thiện và minh triết; tuy nhiên, những người này không phí thì giờ để bàn cãi về thần học mà là để yêu thương huynh đệ mình. Họ làm điều này vì họ yêu thương Đức Christ và tất cả những gì mà Ngài dạy ra. Họ không quan tâm đến việc xây những thánh đường đồ sộ bằng đá cẩm thạch và không quan tâm đến việc gom góp tiền tài cần để nuôi sống họ; họ chỉ lưu ý đến việc tập hợp những người tạo thành Giáo Hội chân chính, ở cõi giới tâm linh bên trong và giúp những người này bước vào ánh sáng.

Áo tưởng về quyền hành, về tính ưu việt không làm ô nhiễm được họ. Sau khi cuộc khủng hoảng trên thế giới trôi qua, các giáo sĩ khắp nơi sẽ chỉ an tâm khi nào họ có thể tìm ra cách đi xuyên qua ảo tưởng của triết lý và giáo điều đang vùi lấp họ và tìm lại con đường trở về với Đức Christ và Thánh điệp đơn giản của Ngài chứa đựng trong đó quyền năng cứu độ thế gian, nếu được nhận ra và thực hành.

Nhiều thiên khai đích thực từ thời Đức Christ đã xuất hiện cho thế giới theo đường lối khoa học. Thí dụ việc trình bày bản thể của vật chất¹) (đã được chứng minh một cách khoa học) về cơ bản chỉ là một hình thức của năng lượng, quả là một thiên khai cũng vĩ đại như bất cứ thiên khai nào được Đức Christ hoặc Đức Phật dạy ra. Thiên khai đó đã hoàn toàn cách mạng hóa sự suy tư của con người và – dần dần như bạn

¹ Material substance: căn bản của vật chất/ bản chất của vật chất/ thực chất của vật chất/ bản thể của vật chất...

có thể tưởng nghĩ – trở thành một cuộc đột phá chủ yếu vào Đại Áo Tường. Nó liên kết năng lượng với lực, sắc tướng với sự sống, con người với Thượng Đế và nắm giữ cái bí nhiệm về sự biến đổi, biến tố (transmutation, chuyển hóa) và biến dung. Các thiên khai / khám phá của khoa học khi có căn bản và có nền tảng thì đều thiêng liêng như các thiên khai của tôn giáo, nhưng cả hai đều được hạ thấp xuống để đáp ứng với đòi hỏi của nhân loại. Trong kỷ nguyên sắp tới, khoa học sẽ hướng mọi nỗ lực để hàn gắn vết thương của nhân loại và xây dựng một thế giới tốt đẹp, hạnh phúc hơn.

Các khám phá /thiên khai (revelations) của khoa học, mặc dầu thường được tập trung qua một người nam hoặc nữ, nhưng rõ ràng là kết quả do nỗ lực của tập thể và của hoạt động có luyện tập trong nhóm hơn là các thiên khai của tôn giáo như thường được gọi. Do đó, sự thiên khai sẽ đến theo hai cách:

1. Nhờ cố gắng, đạo tâm và thành tựu của một nhân vật thân cận với Thánh Đoàn và nhờ thế thấm nhuần ý thức thiêng liêng đến nỗi vị này có thể nhận được thánh điệp trực tiếp từ Cội Nguồn thiêng liêng trung ương. Ngài đã nhập vào hàng ngũ các Đấng có Trực Giác Cao Siêu và hoạt động một cách tự do trong cõi giới Thiên ý. Ngài biết rõ nhiệm vụ của mình, Ngài thận trọng chọn lãnh vực hoạt động và tách ra một hay nhiều chân lý mà Ngài cho là thích hợp với nhu cầu của thời đại. Ngài xuất hiện dưới hình thức một Sứ Giả của Đấng Tối Cao, Ngài trải qua một đời sống phụng sự đầy kịch tính và có tính lôi cuốn, đồng thời thể hiện bằng biểu tượng các biến cố thuộc cuộc đời của Ngài bằng một số chân lý căn bản vốn đã được tiết lộ nhưng Ngài tái diễn lại một cách sinh động. Ngài giản lược lại trong chính Ngài các thiên khai đã

qua, và đưa thêm vào đó sự đóng góp riêng của Ngài đối với thiên khai mới mà nhiệm vụ đặc biệt của Ngài là trình bày cho thế giới.

2. Nhờ nỗ lực của một nhóm tìm tòi, như là các nhà nghiên cứu khoa học trong mọi quốc gia, họ đang *cùng nhau* tìm kiếm ánh sáng về các vấn đề biểu lộ hay tìm kiếm một vài cách thức để làm nhẹ nỗi khổ đau của nhân loại, sự thiên khai sẽ đến như thế đó. Nỗ lực của một nhóm như thế thường nâng cao sự vươn lên của đạo tâm chưa được nhận ra của nhóm, bây giờ một số người mới có thể tiến vào thế giới của Thiên Ý và ở đó họ tìm được bí quyết mong đợi để chữa trị và như vậy y khám phá được, bằng trực giác, một bí mật tìm kiếm từ lâu.

- 189 Khi ở vào hàng đầu, thì sự khám phá cũng là một thiên khai y như các chân lý được các Đức Thầy trên Thế Giới đưa ra. Ai có thể nói rằng câu nói Thượng Đế là Tình Thương lại có giá trị hơn là câu nói Tất Cả đều là Năng Lượng?

Bấy giờ con đường mà sự thiên khai noi theo đều như nhau trong cả hai trường hợp, và ảo tưởng bắt kịp cả hai hình thức thiên khai nhưng – và đây là một điểm tôi muốn bạn suy gẫm – có ít ảo tưởng tụ tập chung quanh các khám phá/ thiên khai của khoa học hơn là tụ tập chung quanh các khám phá về những gì mà nhân loại gọi một cách dứt khoát hơn là các chân lý tinh thần. Một lý do nằm trong sự kiện là thiên khai tâm linh vĩ đại sau rốt do Đức Christ rao giảng, đã ra đời cách đây 2.000 năm và sự phát triển thể trí con người cùng sự đáp ứng của con người với chân lý đã tăng thêm rất nhiều kể từ lúc đó. Lại nữa, các khám phá của khoa học phần lớn là kết quả của sự nhất tâm (tension) của nhóm, sau rốt được tập trung trong một kẻ tiếp nhận có trực giác và nhờ đó sự thiên khai được bảo vệ.

Ngày nay, nhân loại đang chờ sự thiên khai vốn sẽ biểu hiện cho các tư tưởng, các ước mơ và mục đích kiến tạo của Kỷ Nguyên Mới, lần đầu tiên sự thịnh nguyện đến từ một nhóm đông những người có khuynh hướng về trực giác. Hồi huynh đệ, tôi không nói là những người có trực giác. Hiện nay nhóm có khuynh hướng trực giác rất đông đúc và sự tập trung của nhóm hiện giờ có thực và thịnh nguyện của nhóm nổi bật đến nỗi nhóm đang tiếp tục gom góp số người có cùng chí hướng lại với nhau. Do đó dù bất kỳ thiên khai nào có thể hiện ra trong tương lai gần, cũng sẽ được “bảo vệ hữu hiệu bằng tinh thần thông cảm” hơn bất cứ thiên khai nào trước đây. Đây là ý nghĩa của các lời lẽ trong Tân Ước, “mọi con mắt sẽ thấy được Ngài”, toàn thể nhân loại sẽ biết được Đấng Duy Nhất đang hiển lộ. Trong các kỷ nguyên qua, vị Sứ Giả từ Chốn Cao Thâm chỉ được nhận biết chỉ bởi một ít người, và cần đến nhiều thập niên và đôi khi nhiều thế kỷ, thánh điệp của Ngài mới thâm nhập vào tâm người.

190 Cũng có áp lực của các thời kỳ và sự phát triển của ý thức về sự cân xứng, cộng với việc nhấn mạnh về việc quay trở lại với tính chất đơn giản của cách sống và các nhu cầu có thể cứu cho sự thiên khai sắp đến khỏi bị chìm đắm quá nhanh vào ngọn lửa của Đại Áo Tường.

Do các sự việc nêu trên, điều hiển nhiên đối với bạn là cách thức ứng xử đối với các sự việc thế gian, các trạng thái ý thức và các tình huống trong ba cõi thấp là một điều mà vị đệ tử và điểm đạo đồ hoạt động từ trên xuống dưới. Thực ra phương pháp đó là việc lặp lại cung tiến hóa giáng hạ trong đó – giống như Đấng Sáng Tạo, từ một điểm thuận lợi của hướng bên ngoài – năng lượng, lực và các lực được hướng vào cõi hiện tượng và tạo ra các hiệu quả rõ rệt trên chất liệu của

ba cõi. Đây là một điểm cần thận trọng ghi nhớ, và chính vì lý do này mà Phương Pháp của Bản Lai Diện Mục phải luôn luôn được sử dụng, ưu tiên hơn mọi phương pháp khác. Nó tạo được sự giao tiếp với Tác Nhân tinh thần đang chi phối và giúp cho vị đệ tử có được thái độ của Nhà Quan Sát vô tư và là một tác nhân của Thiên Cơ. Khi phương pháp này được theo đúng, nó sẽ làm cho trực giác hoạt động và thế giới ý nghĩa (nằm sau thế giới hiện tượng) sẽ khai mở, nhờ đó xua tan được ảo tưởng. Chân lý được nhìn thấy và nhận biết đúng theo bản chất của nó. Các sắc tướng trong thế giới hiện tượng bên ngoài (bên ngoài theo quan điểm của linh hồn và do đó bao gồm ba cõi thấp của cách sinh hoạt quen thuộc hằng ngày của chúng ta) được nhìn thấy chỉ là các biểu tượng của một Thực Tại Tâm Linh bên trong.

2. Phương pháp Ánh sáng

Bây giờ chúng ta xem xét sự phát triển kế tiếp và cách phụng sự qua trung gian của phương pháp khác.

Chủ đề này rất rộng lớn và có rất nhiều tài liệu được tìm thấy trong mọi kinh sách, các giảng giải trên thế giới và các nghị luận của thần học về chủ đề Ánh Sáng, đến nỗi chân lý đơn giản và một vài nguyên tắc cơ bản bị lạc mất trong đám hỗn độn của ngôn từ. Trong các kinh sách khác, tôi có đưa ra nhiều điều liên quan đến đề tài này, và trong Quyển “Ánh sáng của Linh Hồn” mà tôi viết với sự cộng tác của A.A.B. có một cố gắng để nêu ra bản chất ánh sáng của linh hồn. Chìa khóa của phương pháp này nằm trong các lời: Trong Ánh Sáng đó chúng ta sẽ thấy được LINH QUANG. Một đoạn đơn giản có các lời lẽ tượng trưng và có vẻ trừu tượng này được viết như sau: Khi vị đệ tử đã thấy được trung tâm chói sáng

đó trong chính mình và có thể bước đi trong ánh sáng tỏa chiếu của nó, thì bây giờ y ở vào một vị thế (hay ở vào trạng thái tâm thức, nếu bạn thích dùng thế) trong đó y trở nên biết được ánh sáng bên trong mọi hình hài và mọi nguyên tử. Thế giới thực tại bên trong vẫn hữu hình đối với y như là chất liệu ánh sáng (một điều khác với Thực Tại, được khai mở bằng trực giác). Bây giờ y có thể trở nên một kẻ cộng tác hữu hiệu với Thiên Cơ, bởi vì thế giới ý nghĩa tâm linh trở nên có thực đối với y và y biết được những gì cần làm để xua tan ảo tưởng. Có thể nói rằng tiến trình để đưa ánh sáng vào chỗ tối tăm này đương nhiên có ba giai đoạn:

1. Giai đoạn mà kẻ sơ cơ và người tìm đạo cố gắng xóa bỏ ảo cảm ra khỏi sự sống của riêng họ bằng cách dùng ánh sáng trí tuệ. *Ánh sáng của tri thức* là một tác nhân xua đuổi chính trong các giai đoạn thi hành nhiệm vụ trước kia và loại bỏ một cách có hiệu quả các ảo cảm khác vốn làm cho chân lý xa cách với người tìm đạo.

2. Giai đoạn mà người tìm đạo và đệ tử làm việc với ánh sáng của linh hồn. Đây là *ánh sáng của minh triết* vốn là kết quả được diễn dịch ra từ kinh nghiệm lâu dài, và ánh sáng này đang tuôn tràn, hòa lẫn với ánh sáng của tri thức (light of knowledge).

192 3. Giai đoạn mà vị đệ tử và điểm đạo đồ hoạt động với *ánh sáng của trực giác*. Chính nhờ sự trộn lẫn của ánh sáng tri thức (ánh sáng phạm ngã) và ánh sáng minh triết (ánh sáng linh hồn) mà Linh Quang mới được nhận thấy, hiểu biết và được đánh giá. Ánh sáng này dập tắt các ánh sáng yếu ớt hơn do tính chất rực rỡ thuần khiết chứa đầy sức mạnh của nó.

Thế là bạn có ánh sáng của tri thức, ánh sáng của minh triết và ánh sáng của trực giác, đây là ba giai đoạn rõ rệt hay các trạng thái của Linh Quang Duy Nhất. Chúng tương ứng với Mặt Trời hồng trần, tâm của Mặt Trời và Mặt Trời Tinh Thần Trung Ương. Trong câu cuối cùng này bạn có manh mối và chìa khóa cho mối tương quan giữa con người với Thượng Đế.

Các giai đoạn này và các phương pháp tương ứng của chúng thường bị hiểu lầm nếu đạo sinh không nhớ rằng giữa các giai đoạn đó không có ranh giới thực sự nào cả mà luôn luôn chỉ có sự trùng lặp, một sự phát triển theo chu kỳ và một tiến trình dung hợp làm cho kẻ sơ cơ dễ bị lầm lẫn nhất. Cũng như kết quả của phản ứng nội tại với môi trường chung quanh tạo ra bộ máy cần thiết để tiếp xúc với môi trường đó, việc khai mở các năng lực mà các phương pháp này dùng để tạo ra cách tiếp xúc với linh hồn và các môi trường tâm linh cũng giống như thế. Mỗi một trong các phương pháp này đều có liên quan đến môi trường mới; sau rốt mỗi một trong các phương pháp này đều mở mang năng lực trong vị điểm đạo đồ hoặc vị đệ tử có thể được dùng trong việc phụng sự nhân loại và trong các lãnh vực hoạt động thiêng liêng cao siêu; mỗi một trong một các phương pháp đều có liên hệ đến các phương pháp khác và mỗi phương pháp đều đưa vị đệ tử vào một môi liên hệ hữu thức với một môi trường mới, các trạng thái ý thức mới và các mãnh vực phụng sự mới. Thí dụ:

1. *Phương pháp của Bản Lai Diện Mục*, khi được theo đuổi một cách thành công, sẽ giúp cho trực giác tuôn chảy vào, và thay thế hoạt động của thể trí suy luận và xua tan ảo tưởng, thay thế ảo tưởng đó bằng các ý tưởng thiêng liêng, tạo

thành các quan niệm mà chúng ta gọi là các lý tưởng. Nên nhớ rằng các Chân Sư chỉ sử dụng thể trí cho hai hoạt động:

193 a. Để giao tiếp với thể trí các đệ tử của các Ngài và thu hút người tìm đạo qua trung gian của một khí cụ tương tự với thể trí của đệ tử.

b. Để tạo ra các hình tư tưởng trên các cảnh giới cụ thể vốn có thể thể hiện được các ý tưởng thiêng liêng này. Tác Nhân hướng dẫn, tức Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục, tạo ra năng lực sáng tạo bằng cách này, và chúng ta gọi đây là kết quả của trực giác – ý tưởng hay chân lý, nhận thức và sao chép lại nó.

2. *Phương pháp Ánh Sáng* được liên kết chặt chẽ hơn với thể trí và có nghĩa là phương pháp mà nhờ đó sự giác ngộ đang tuôn đổ từ linh hồn (bản chất của linh hồn là ánh sáng) có thể tỏa chiếu không những các lý tưởng mà còn cả sự sống, các hoàn cảnh và biến cố, tiết lộ nguyên nhân và ý nghĩa của kinh nghiệm. Khi năng lực để giác ngộ của vị đệ tử được hiểu rõ, thì đệ tử đã tiến được bước đầu tiên hướng về việc xua tan ảo cảm; và cũng như phương pháp của Bản Lai Diện Mục trở nên có hiệu quả trên cõi trí, phương pháp này cũng tạo ra các năng lực có thể trở nên có hiệu quả trên cõi cảm dục và sau rốt làm tan biến và mất đi cõi đó.

3. *Phương pháp Điềm nhiên* làm mất hiệu lực hay hóa giải chỗ dựa của vật chất trên sự sống tức là tinh thần, đang tác động trong ba cõi thấp, vì linh hồn là bằng chứng của sự sống.

Do đó, liên quan với phương pháp thứ hai này, tôi muốn chọn ra một vài từ ngữ trong Thánh kinh, dùng từ ngữ “ánh sáng” thay cho từ ngữ “đức tin”. Tôi đưa ra cho bạn định nghĩa này: *Ánh sáng là chất liệu của các sự việc được hy vọng, là*

bằng chứng của các sự việc không được nhìn thấy. Có lẽ đây là một trong các định nghĩa huyền bí nhất về ánh sáng trên thế giới đã được đưa ra cho đến nay và ý nghĩa thực sự của nó được dự tính tiết lộ trong hai thế hệ tới đây. Từ ngữ “đức tin” (“faith”) là thí dụ lý thú của phương pháp làm cho một số chân lý cổ xưa trở nên “mơ hồ” (“blind”) để cho ý nghĩa của chúng không thể được tiết lộ sớm được. Ánh sáng và chất liệu (substance) là các thuật ngữ đồng nghĩa. Linh hồn và ánh sáng cũng giống như thế, và trong sự ngang bằng về ý tưởng này – ánh sáng, chất liệu, linh hồn – bạn có chìa khóa đưa đến sự hòa nhập và nhất quán mà Đức Christ biểu lộ rất đầy đủ cho chúng ta trong lúc Ngài sống ở cõi trần.

Do đó, khi các đạo sinh và những người tìm đạo đã có được tiến bộ trong việc tiếp xúc với linh hồn, thì họ chọn một trong các giai đoạn quan trọng đầu tiên hướng đến việc hiểu được ánh sáng và các công dụng của ánh sáng. Tuy nhiên họ phải thận trọng để không lẫn lộn ánh sáng (mà họ có thể tập trung vào sự sống, hoàn cảnh, biến cố và vào môi trường chung quanh) với trực giác. Ánh sáng mà chúng ta bàn đến ở đây chính nó biểu lộ trong ba cõi thấp, cho thấy hình hài và các sắc tướng, phản ứng và các hiệu quả của chúng, ảo cảm và sự thu hút lôi cuốn của chúng, và năng lực để đánh lừa và giam nhốt ý thức của chúng. Ánh sáng được bàn đến là ánh sáng của linh hồn, soi sáng thể trí và mang đến sự thiên khai của thế giới sắc tướng mà sự sống đắm chìm trong đó.

Trực giác chẳng có liên quan gì đến bất cứ cõi nào trong ba cõi kinh nghiệm của con người, mà chỉ liên quan đến nhận thức của Tam Thượng Thể Tinh Thần và liên quan đến thế giới ý tưởng. *Trực giác đối với thế giới ý nghĩa cũng giống như thể trí đối với ba cõi kinh nghiệm.* Nó tạo ra sự hiểu biết cũng

như ánh sáng linh hồn tạo ra tri thức, qua trung gian của kinh nghiệm đó. Tri thức không phải là một phản ứng thuần trí tuệ mà là một điều gì đó được tìm thấy trên mọi cảnh giới, và có tính chất bản năng trong một hình thức nào đó trong mọi giới. Điều này có tính chất hiển nhiên. Năm giác quan mang lại tri thức cõi trần; sự nhạy bén tâm linh mang lại tri thức cõi cảm dục; thể trí mang lại nhận thức trí tuệ, nhưng tất cả ba đều là các trạng thái của ánh sáng tri thức (đến từ linh hồn) khi nó cung cấp tin tức cho các hiện thể biểu lộ của nó trong ba môi trường rộng lớn mà nó chọn để tự giam mình cho các mục tiêu phát triển.

Trên một vòng xoắn ốc cao hơn, trực giác là biểu lộ ba mặt của Tam Thượng Thể Tinh Thần, nếu đặt trực giác liên hệ với các cảnh giới cao của biểu lộ thiêng liêng; đó là một kết quả của sinh hoạt của Chân Thần – một năng lượng vốn mang theo sự thiên khai của Thiên ý. Chính trong cõi giới của thiên khai thiêng liêng này mà sau rốt vị đệ tử học cách hoạt động và trong đó vị điểm đạo đồ hoạt động một cách hữu thức. Đối với kinh nghiệm cao siêu này, sự sống linh hoạt của ba cõi thấp là một biểu lộ lệch lạc nhưng cũng tạo được nền tảng luyện tập trong đó khả năng để sống *cuộc đời của đệ tử điểm đạo có nhận thức trực giác* và phụng sự Thiên Cơ từ từ được phát triển. Các phân biệt này (trong thời gian và không gian, bởi vì mọi sự phân biệt đều là thành phần của đại ảo tượng, dù là tất yếu và không thể tránh được khi thể trí chi phối) phải được thận trọng xem xét. Các đệ tử sẽ đạt đến một mức trong sự phát triển của họ lúc mà họ sẽ nhận biết dù cho họ có đang phản ứng với ánh sáng linh hồn hay với nhận thức bằng trực giác của Tam Thượng Thể. Kế đó họ sẽ đi đến mức mà họ sẽ hiểu được nhận thức bằng trực giác đó – như họ thường gọi –

chỉ là phản ứng của phàm ngã giác ngộ đối với khuynh hướng đồng nhất hóa của Tam Thượng Thế. Nhưng các quan niệm này vượt ngoài sự hiểu biết của thường nhân bởi vì sự dung hợp (fusion) và sự đồng nhất hóa (identification, huyền đồng) chẳng giống nhau chút nào.

Các qui luật cho Phương Pháp Ánh Sáng đã được đưa ra một cách thích hợp trong hệ thống Raja Yoga của Patanjali, với năm giai đoạn Định Trí, Thiền Định, Đại Định, Giác Ngộ, và Linh Hứng đều được minh chứng; đến lượt chúng, các giai đoạn này phải được diễn ra song song bằng cách tuân theo Năm Quy Luật và Năm Giới Luật. Tôi yêu cầu các bạn nghiên cứu các điều này. Đến phiên chúng, năm quy luật và năm giới luật này sẽ tạo ra nhiều kết quả trong sự nhảy bèn về tâm linh mà sự giao tiếp với Thánh Đoàn, sự giác ngộ, phụng sự và giữ giới luật đều được mô tả và sau rốt là giai đoạn 196 “hợp nhất cô lập” (“isolated unity”) vốn là một tên gọi khác thường mà Patanjali dùng để mô tả cuộc sống nội tâm của vị đệ tử điểm đạo.

Hầu hết những gì tôi đề cập ở trên đều được mọi người tìm đạo biết rõ dù họ có nghiên cứu giáo lý Raja Yoga của Ấn Độ hoặc có cuộc sống thần bí thực tiễn do các nhà thần bí học như Meister Eckhart và những nhà huyền bí học hiện đại thiên về trí tuệ đưa ra hay không. Những người thuộc hạng sau vượt qua linh thị thần bí bằng cách đạt đến sự dung hợp. Tôi không cần bàn rộng về vấn đề này. Chính giai đoạn nhất quán cao siêu mà mọi nhà thần bí chân chính trải qua đã là bằng chứng rồi.

Những gì làm chúng ta bận tâm ở đây là làm cách nào để ánh sáng này được nhận biết, đánh giá và sử dụng để xua tan

ảo cảm và đưa ra cách phụng sự sâu xa huyền nhiệm cho thế gian. Có thể nói rằng ánh sáng nội tâm giống như ngọn đèn pha, phóng vào thế giới ảo cảm và thế giới tranh chấp của con người do những gì mà một Chân Sư gọi là “cái bệ của linh hồn và ngọn tháp tâm linh hay đèn pha tâm linh”. Các thuật ngữ này gợi ra ý tưởng về độ cao và khoảng cách vốn rất đặc trưng cho việc tiến đến huyền nhiệm. Mãnh lực để dùng ánh sáng này như là một tác nhân xua đuổi chỉ đến khi các biểu tượng này bị bỏ đi và người phụng sự bắt đầu tự xem mình như là ánh sáng và như là trung tâm tỏa chiếu. Ở đây có ẩn lý do của các kỹ thuật của môn huyền linh học. Nhà huyền bí học biết rằng trong mọi nguyên tử của xác thân đều có một điểm ánh sáng. Y biết rằng bản chất của linh hồn là ánh sáng. Vì trong biết bao nhiêu kỷ nguyên dài, y tiến bước nhờ ánh sáng phát sinh trong các hiện thể của mình, bằng ánh sáng trong chất liệu nguyên tử của xác thân y và do đó được hướng dẫn bởi ánh sáng của vật chất. Về sau, y khám phá ra ánh sáng của linh hồn. Sau nữa, y học được cách dung hợp và pha trộn ánh sáng linh hồn và ánh sáng vật chất. Kế đó y tỏa chiếu ra dưới hình thức người mang Ánh Sáng, ánh sáng đã tinh lọc của vật chất và ánh sáng của linh hồn được pha trộn và tập trung lại. Việc sử dụng ánh sáng tập trung này khi nó xua đuổi ảo cảm cá nhân sẽ dạy cho các đệ tử những giai đoạn đầu của phương pháp sẽ xua tan ảo cảm của nhóm và sau rốt ảo cảm thế giới, đây là điểm kế tiếp mà chúng ta sẽ bàn đến.

Chủ đề mà chúng ta đang bàn đến – ánh sáng của linh hồn khi nó xua tan ảo cảm trong ba cõi thấp – là đề tài thực tiễn, hữu dụng và cần thiết nhất cho việc nghiên cứu cần có hiện giờ: nó liên quan đến cõi cảm dục, và việc phụng sự được đưa ra lại trở nên tối cần thiết và thật đúng lúc. Việc giải thoát

thế giới cá nhân và thế giới nhân loại nói chung, ra khỏi ảo cảm đang bao bọc tất cả (chính ảo cảm này nắm giữ nhân loại trong tình trạng nô lệ) là một nhu cầu thiết yếu cho nhân loại. Kỷ nguyên mới sẽ mở ra trước mắt nhân loại vào lúc kết thúc chiến tranh sẽ được phân biệt bằng sự việc nhân loại an trú vào thể trí và tất nhiên thoát khỏi ảo cảm. Kế đó, trong một thời gian, ảo tưởng sẽ kiềm chế cho đến khi trực giác được phát triển đầy đủ hơn. Ảo tưởng này sẽ tạo ra các kết quả rất là khác nhau đối với những ai chỉ đi theo nó khi con người đang sống và làm việc ở giữa ảo cảm. Đặc tính thứ hai của kỷ nguyên mới sẽ là tiếp cận một cách khoa học với toàn bộ vấn đề ảo cảm mà bấy giờ sẽ được nhận biết đối với những gì hiện hữu và sẽ được xua tan một cách khoa học bằng cách sử dụng các thể trí đã giác ngộ của các nhóm, đang hoạt động hợp nhất chỉ cho mục đích đó.

Do đó vấn đề mà tôi đang đưa ra cho bạn (là những người tìm đạo và các đệ tử trên thế giới) chính là năng lực để phụng sự thế gian một cách rõ rệt. Sau rốt, các nhóm sẽ được tạo thành bởi những kẻ đang hoạt động để làm tan ảo cảm trong các kiếp sống cá nhân của họ và những kẻ đang hoạt động như thế không nhiều lắm để đạt được sự giải thoát riêng của họ, nhưng với mục đích đặc biệt để loại bỏ cội cảm dục với những ảo cảm quan trọng của cội đó. Họ sẽ hoạt động một cách hợp nhất vào một giai đoạn chính nào đó của ảo cảm thế gian bằng mãnh lực của thể trí giác ngộ riêng của họ; nhờ hợp nhất, họ sẽ chuyển hướng "ngọn đèn pha của thể trí, đang phản chiếu ánh sáng mặt trời, nhưng đồng thời tỏa ra ánh sáng nội tâm của riêng mình vào đám sương mù của Địa cầu; vì trong các đám sương mù này, mọi người đều đang vấp ngã.

198 Trong phạm vi soi sáng của ánh sáng tập trung rực rỡ, thực tại sẽ đặc trưng xuất hiện.”

Thật là lý thú khi ghi nhận rằng lời Khẩn nguyện lâu đời nhất trên thế gian có liên quan đến ba trạng thái của ảo cảm, và chính vì ba trạng thái này mà ba phương pháp phải được dùng đến để có thể tạo ra sự giải thoát và tiến hóa. Như bạn biết, lời khẩn nguyện này ghi như sau: (Brihadaranyaki Upanishad I, 3, 28):

“Hỡi Đấng Chí Tôn, xin dẫn dắt chúng con từ bóng tối đến ánh sáng; từ cõi giả đến cõi chân; từ cõi tử vong đến cõi bất tử”.

Câu “xin dẫn dắt chúng con từ bóng tối đến ánh sáng” có liên quan đến thể trí, vì sau rốt, thể này trở nên được soi sáng bằng ánh sáng của trực giác; việc giác ngộ này xảy ra nhờ phương pháp của Bản Lai Diện Mục, từ Thực Thể này mà ánh sáng tỏa chiếu ra. Đây là yếu tố trung gian tạo ra sự Biến Dung (Transfiguration) của phàm ngã, và một trung tâm của ánh sáng rực rỡ trên cõi trí. Câu nói này rất đúng dù cho nói về một cá nhân hay về điểm tập trung ánh sáng vốn được tạo ra bởi sự hợp nhất trí tuệ (mental unity) và sự suy tư sáng suốt của nhân loại đã tiến hóa. Những người này, nhờ năng lực của thể trí hợp nhất của họ, sẽ thành công trong việc giải thoát thế giới ra khỏi một vài trạng thái của Đại Ảo Tưởng.

“Xin dẫn dắt chúng con từ cõi giả đến cõi chân”, câu này có liên hệ đặc biệt với cõi cảm dục và các ảo cảm đang bao quanh mọi vật của cõi này. Các ảo cảm này là tiêu biểu cho cõi giả và hiện ra trước các tù nhân của cõi cảm dục, đưa các tù nhân này tới chỗ nhầm ảo cảm là Thực Tại. Việc giam nhốt do ảo cảm này có thể kết thúc nhờ hoạt động của Phương Pháp Ánh

Sáng, được sử dụng bởi những kẻ đang hoạt động – trong việc tạo ra nhóm – để làm tan ảo cảm và làm hiện ra trong ý thức con người một quan niệm và nhận thức rõ rệt về bản chất của Thực Tại. Công việc đặc biệt để xua tan ảo cảm này là chủ đề trước mắt của chúng ta. Nó vô cùng quan trọng cho những ai
 199 biết được cánh cửa mở ra hướng tới tương lai mà mọi người phải vượt qua nên bắt đầu tiến hành công việc này. Chỉ như thế, nhân loại mới có thể được trợ giúp để bỏ lại đằng sau các lỗi lầm, các ảo cảm và các thất bại của quá khứ. Chính phương pháp này mới giúp thoát khỏi ảo cảm và có thể biến đổi cách sống của con người, và nhờ thế mới mang lại nền văn minh và văn hóa mới. Việc xua tan ảo tưởng có thể được các đệ tử tiến hành khắp nơi trên hành tinh, được những người tìm đạo trên thế giới trợ giúp; tuy nhiên, trước tiên đó sẽ là công việc của những người mà tiêu điểm chung của họ giúp cho cách sống cảm dục trở thành đường lối ít bị đối kháng nhất và những kẻ đã học được hay đang học cách chế ngự ảo cảm bằng sức mạnh của tư tưởng và ánh sáng của trí tuệ. Đây là những người thuộc cung sáu trong trường hợp thứ nhất, được trợ giúp bởi những người tìm đạo và các đệ tử thuộc cung hai và cung bốn.

Theo thời gian và không gian, nhiệm vụ này trước tiên sẽ được thiết lập và kiểm soát trong việc tạo thành nhóm chỉ bởi những người tìm đạo mà cung linh hồn hoặc cung phạm ngã là cung sáu, hoặc bởi những người mà thể cảm dục của họ do cung sáu chi phối. Khi họ hiểu rõ bản chất của công việc phải làm và “chấp nhận một cách nhiệt thành phương pháp ánh sáng trong việc phụng sự nhân loại”, thì công việc của họ sẽ được hoàn tất nhờ các đệ tử thuộc cung hai, đang tụ tập trong các Huyền Viện của các Chân Sư có thu nhận đệ tử. Sau rốt,

công việc do hai nhóm này đảm nhận sẽ được tiết lộ (và vào một ngày giờ muộn hơn nhiều) bởi những người tìm đạo và các đệ tử, tức là những người sẽ dẫn thân vào hoạt động cảm dục khi cung bốn bắt đầu biểu lộ trở lại. Do đó, việc xua tan ảo cảm được tiến hành bởi những người xuất lộ theo các đường lối năng lượng biểu hiện cho các cung hai, bốn và sáu. Tôi xin nhấn mạnh điều này vì các đệ tử thường đảm nhận các nhiệm vụ mà họ đặc biệt không thích hợp và các cung của họ không giúp được họ hoàn thành nhiệm vụ, mà đôi khi còn làm trở ngại cho việc hoàn thành đó nữa.

200 Toàn bộ chủ đề có liên quan tới tâm thức, tới trạng thái thứ hai và liên quan với các hình thức nhờ đó nhân loại trở nên ngày càng hiểu biết hơn. Ảo cảm được tạo ra bởi việc nhận biết những gì mà chính con người đã tạo ra và như có nói về mặt huyền linh: “Con người chỉ biết được thực tại khi đã hủy diệt được những gì mà chính con người đã tạo ra”. Các hình thức này thuộc hai nhóm chính:

1. Các hình thức này có cội nguồn rất xa xăm và vốn là kết quả của hoạt động, cách suy tư và lầm lạc của nhân loại. Chúng bao gồm mọi hình thức mà *bản chất ham muốn* của nhân loại đã tạo ra suốt bao thời đại và là chất liệu mờ ảo của ảo cảm – mờ ảo theo khía cạnh cõi trần, nhưng dày đặc theo khía cạnh của cõi cảm dục. Chúng là những gì mang lại động cơ thúc đẩy đằng sau mọi nỗ lực và hoạt động trên cõi giới bên ngoài khi con người toan tính làm thỏa mãn lòng ham muốn. Theo các hình thức này, người tìm đạo cá biệt bao giờ cũng phải loại bỏ chính mình, vươn lên sau khi làm như thế qua cái công mà chúng ta gọi là cuộc điểm đạo thứ hai, tiến vào một tâm thức rộng lớn hơn.

2. Các hình thức này thường xuyên được tạo ra và không ngừng được sản sinh để đáp ứng với *bản chất khao khát* của nhân loại và mang tới sự cảm dỗ vốn sẽ đưa con người tiến tới sự thành đạt cao cho phạm ngã trong trường hợp đầu và sau đó thành tựu về tâm linh. Chúng có trong chúng các chỉ dẫn cho cái mới mẻ và cái có thể xảy ra. Chúng cũng (có thể dường như kỳ lạ) tạo ra huyền cảm, vì chúng chỉ tạm thời và hư ảo, đừng nên để cho chúng che giấu cái Chân. Thực Tại đó sẽ tự lắng đọng vào đúng lúc một khi ánh sáng từ trên cao tuôn đổ vào. Chúng là chỉ dẫn của cái Chân và thường bị nhầm lẫn với cái Chân; chúng đang xung khắc với các tư tưởng và ham muốn cổ xưa của quá khứ và sau rốt phải thay chỗ cho sự hiện hữu đích thực của cái Chân. Chúng mang lại (vào những lúc 201 khủng hoảng) sự thử thách lớn lao cho mọi người tìm đạo và các đệ tử, khơi dậy loại phân biệt tinh tế nhất; nhưng khi sự thử thách đó đã được vượt qua một cách thành công, bấy giờ nhiệm vụ xua tan cả hai loại ảo tưởng này mới có thể được đưa ra cho vị đệ tử và người tìm đạo, với tầm quan trọng dựa vào nhu cầu trước mắt hay bất cứ huyền cảm đặc biệt và thông thường nào của thế gian.

Do đó điều hiển nhiên đối với bạn là các nhóm đang hoạt động một cách hữu thức cho việc phụng sự để đánh tan ảo cảm sẽ có các đặc tính sau đây:

1. Các nhóm này sẽ gồm có những người tìm đạo và các đệ tử thuộc cung sáu, được trợ giúp bởi những kẻ hoạt động về tâm linh thuộc cung hai.

2. Các nhóm này được tạo thành bởi những kẻ:

a. Đang học hoặc đã học được cách xua tan các ảo cảm cá nhân của riêng mình và có thể mang lại sự cảm thông với nhiệm vụ.

b. Được tập trung vào cõi trí và do đó có một số mức độ giác ngộ về trí tuệ. Họ đang thành thạo Phương Pháp Ánh Sáng.

c. Biết được bản chất của ảo cảm mà họ đang cố gắng xua tan và có thể dùng thể trí giác ngộ như ngọn đèn rọi.

3. Họ được xem như ở trong số những kẻ (nói về mặt huyền linh) có được các năng lực sau đây trong tiến trình phát triển mau lẹ:

a. Khả năng không những chỉ nhận biết ảo cảm là gì, mà còn phân biệt giữa nhiều loại huyền cảm khác nhau.

b. Khả năng để đánh giá ánh sáng, thu hút ánh sáng vào chính mình, và kể đó, một cách hữu thức và một cách khoa học phóng ánh sáng đó vào thế giới huyền cảm. Các
202 Chân Sư, các đệ tử điểm đạo cao cấp và các đệ tử trên thế giới làm điều này một mình nếu cần, và không cần đến sự che chở của nhóm hoặc sự trợ giúp của ánh sáng nơi các thành viên trong nhóm.

c. Khả năng sử dụng ánh sáng không những nhờ thu hút và phóng chiếu, mà còn bằng cách sử dụng ý chí một cách hữu thức, đưa năng lượng vào tia sáng được phóng chiếu. Họ đưa thêm vào khả năng này một sự tập trung bền bỉ và vững vàng. Khi được phóng ra như thế, tia sáng này có hai công dụng: nó tác động bằng cách tổng xuất mãnh liệt, như một cơn gió mạnh thổi bay hay xua tan đám sương mù dày đặc, hoặc là giống như tia nắng mặt trời sấy khô và thu hút hết sương mù. Nó cũng tác động như một tia sáng mà những gì mới mẻ

và gắn bó với Thiên Lý (divine intention, lẽ trời) mới có thể thấu nhập được. Các ý tưởng mới và các lý tưởng được ưa thích có thể đi vào “chính xác” giống như tia sáng điều khiển và đưa phi cơ đáp vào vị trí đã định.

a. Xua tan ảo cảm cá nhân.

Trước hết, chúng ta hãy xem xét cách thức mà nhờ đó người tìm đạo cá biệt có thể thành công trong việc xua tan huyền cảm vốn có từ bao đời, đã chi phối cuộc sống của y trong ba cõi thấp. Y đã bị chi phối bởi dục vọng trong 4/5 kinh nghiệm luân hồi của y. Y bắt đầu chuyển đổi dục vọng thành đạo tâm và tìm cách – với mọi sự sùng tín, tình cảm và lòng khao khát những gì mà y có thể – thực hiện. Lúc bấy giờ y mới nhận ra được bản chất đáng sợ của các huyền cảm mà y tự động và bước vào đó một cách bình thường. Áo cảm nảy sinh khi con người nhận biết và ghi nhận dục vọng như là một sự thúc đẩy, như vậy biểu lộ nhân tính của y và phân biệt y với con vật, bởi vì chính thể trí mới tiết lộ sự hiện hữu của dục vọng. Nỗ lực theo bản năng để làm thỏa mãn ham muốn –
 203 luôn luôn có sẵn trong phạm ngã – thế chỗ cho các nỗ lực đã sắp xếp để đáp ứng với ham muốn, bao gồm việc sử dụng trực tiếp thể trí. Như vậy đường phân cách giữa con vật và con người tăng lên rõ rệt, và biểu hiện căn bản đầu tiên của tính ích kỷ thuần túy đã xuất hiện cách đây lâu lắm rồi. Về sau khi sự tiến hóa nối tiếp và lòng ham muốn chuyển từ sự thỏa mãn có sắp xếp này đến sự thỏa mãn khác, nó bắt đầu khoắc lấy một trạng thái ít vật chất hơn và con người tìm được thú vui trong kinh nghiệm tình cảm và trong việc chuyển thành kịch tính của nó: điều này đưa đến việc tạo ra kịch tính dưới hình thức biểu lộ đầu tiên có tính cách nghệ thuật của nó; bằng cách này, qua nhiều thời đại, con người đã đưa thêm vào

cách sống nhiều kịch tính và đầy tình cảm cá nhân bằng một sự tràn ngập thay thế trong đó, như vậy tự biểu hiện ra bên ngoài và bổ sung vào các kịch tính riêng tư, các ước muốn và mục tiêu cá nhân của mình bằng những gì đã phát triển nhờ vào trí tưởng tượng sáng tạo, như vậy đặt ra nền tảng cho sự nhận thức – sáng suốt và thực tế – đối với phần có liên hệ với tổng thể. Như thế từ thời Atlantis nguyên sơ, người ta đã đặt ra nền móng cho việc khai mở ý thức nhị nguyên huyền bí qua các giai đoạn khác nhau của việc nhận thức theo quan niệm thần nhân đồng hình (anthropomorphic recognition) về thiên tính so với sự nhận thức về thực tại trong chính con người, cho đến khi cuối cùng chúng ta đạt đến vấn đề mà vị đệ tử gặp phải. Bấy giờ Tổng Quả đương đầu với Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục và cuộc xung đột chủ yếu và cuối cùng được giải quyết.

Ý thức nhị nguyên này đạt đến tột đỉnh vào lúc điểm đạo thứ ba trong trận chiến cuối cùng giữa các cặp đôi hợp và sự chiến thắng vinh quang của Thiên Thần – tiêu biểu cho các sức mạnh Tốt Lành trong con người, trong nhóm và trong nhân loại. Kế đó nhị nguyên tính và lòng ham muốn những gì thuộc về vật chất và không thuộc về chính mình (vì đã được đồng nhất hóa với Tổng Thể) biến mất. Sự hợp nhất và “cuộc sống phong phú hơn” được đạt đến.

Tiến trình mà vị đệ tử (tức là người đang quyết tâm xua tan ảo cảm trong cuộc đời mình) noi theo có thể được chia
204 thành bốn giai đoạn, có thể được định nghĩa như sau:

1.- **Giai đoạn nhận biết** được huyền cảm tức là các ảo cảm đang che giấu Thực Tại. Các huyền cảm này tùy thuộc

vào bất cứ bước ngoặt đặc biệt nào trong kiếp sống dựa vào cung của phạm ngã.

2.– **Giai đoạn tập trung** ý thức của vị đệ tử vào cõi trí và gom ánh sáng vào điểm tập trung đó để cho sự giác ngộ được sáng tỏ, công việc cần làm được nhìn thấy một cách rõ rệt, và ngọn đèn rọi của thể trí được hướng vào ảo cảm vốn được dự tính sẽ bị xua tan.

3.– **Giai đoạn định hướng.** Giai đoạn này bao gồm việc tuôn đổ ánh sáng đều đặn (theo hướng sáng suốt) vào những chỗ tối tăm của cõi cảm dục, nên nhớ rằng ánh sáng này sẽ cho phép vị đệ tử làm được hai điều:

- a. Xua tan ảo cảm – một kinh nghiệm đem lại hài lòng.
- b. Thấy được Thực Tại – một kinh nghiệm khủng khiếp, hỡi huynh đệ.

4.– **Giai đoạn đồng nhất hóa** với Thực Tại vì tiếp xúc được với Thực Tại đó sau khi xua tan huyền cảm. Với ánh sáng gia thêm vào ánh sáng đang có, con người sẽ có thêm nhận thức về các ảo cảm còn tinh anh hơn, mà đến phiên chúng phải bị xua tan.

Tiến trình nhận biết, tập trung, xua tan và theo sau là thiên khai diễn tiến không ngừng từ lúc đệ tử bước lên Con Đường Đệ Tử Nhập Môn cho đến lần điểm đạo thứ ba.

Do đó, manh mối cho mọi thành công trong tiến trình này có liên quan với sự thiên định và giữ cho thể trí ổn định trong ánh sáng. Chỉ nhờ sự ổn định này mà tia linh quang mới được tạo thành, mạnh lên, tập trung lại và phóng ra, để rồi – vào
205 đúng lúc – rút trở lại. Ở đây tôi không thể nói rõ hơn về tiến trình thiên định, dựa vào sự hiểu biết đúng đắn về bản chất của sự định trí. Tôi có viết nhiều về đề tài này và giới luật Raja

Yoga đã được bạn biết rõ. Ngày nay, việc định trí và kiểm soát thể trí là chủ đề quen thuộc của mọi giáo huấn được các nhà giáo dục và các bậc cha mẹ sáng suốt đưa ra. Ngày nay, kẻ thường nhân ⁽¹⁾ khó mà hiểu được rằng có một thời mà những câu như “Hãy dùng thể trí của bạn” hoặc câu “Phải chi bạn biết suy tư một chút” hoặc câu “Chỉ cần bạn biết kiểm chế thể trí một chút là được” hoàn toàn không ai biết bởi vì thể trí rất ít phát triển. Sau đó điều này chỉ được nhận biết như là một nhân tố tác động bởi những kẻ có ý thức của đệ tử điểm đạo. Thực ra, Con Đường Tiến Hóa là con đường nhận thức, dẫn đến thiên khai. Toàn bộ diễn trình tiến hóa đều có tính chất khai mở, đưa từ sự mở rộng ý thức này đến sự mở rộng khác cho đến khi các cõi vô sắc tướng ⁽²⁾ và cõi sắc tướng ⁽³⁾ bộc lộ dưới ánh sáng mà điểm đạo đồ tạo ra và tiến bước trong đó. Các ánh sáng này thay đổi và khai mở mỗi cách khác nhau; gồm có:

1. Ánh sáng của chính vật chất, có trong mọi nguyên tử của vật chất.
2. Ánh sáng của thể sinh lực hay thể dĩ thái – một ánh sáng vốn được phản chiếu từ Linh Quang Duy Nhất vì nó hợp nhất ba loại ánh sáng trong ba cõi thấp.
3. Ánh sáng của bản năng.
4. Ánh sáng của trí tuệ hay ánh sáng tri thức.
5. Ánh sáng của linh hồn.
6. Ánh sáng của trực giác.

¹ Kẻ thường nhân (average person) là người chưa đạt đến giai đoạn người tìm đạo (aspirant) và dĩ nhiên là còn cách xa hơn nữa với giai đoạn đệ tử sơ cơ (neophyte/beginner) – (ND).

² Từ cõi thượng trí trở lên (ND).

³ Từ cõi hạ trí trở xuống (ND).

Chúng ta vượt qua từ ánh sáng này đến ánh sáng khác, từ khai mở này đến khai mở khác cho đến khi chúng ta ra khỏi lãnh vực ánh sáng tiến vào lãnh vực sự sống, mà cho đến nay, đối với chúng ta toàn là tối tăm.

Điều hiển nhiên đối với bạn là ánh sáng ngày càng tăng này sẽ mang theo nó một loạt các thiên khai phát triển thường xuyên, mà giống như các thiên khai khác trong thế giới kinh nghiệm của con người, mở ra trước tiên trước các con mắt của mọi thế giới sắc tướng, kế đó là thế giới lý tưởng, kế đó bản thể của linh hồn, của ý niệm và của thiên tính. Tôi chỉ chọn ra một vài từ tượng trưng cho sự thiên khai và tượng trưng cho đặc tính của nó. Nhưng tất cả mọi thiên khai này đều tạo thành một thiên khai hợp nhất vĩ đại đang từ từ mở ra trước mắt nhân loại. Ánh sáng của phàm ngã từng người tiết lộ cho con người thế giới sắc tướng, thế giới vật chất, thế giới bản năng, thế giới dục vọng và thế giới trí tuệ; ánh sáng của linh hồn tiết lộ bản chất về mối liên hệ của các hình thức sự sống này cho cõi vô sắc tướng và cõi của sự xung đột giữa cái chân với cái giả. Ánh sáng của trực giác mở ra trước linh thị của linh hồn bên trong phàm ngã, bản thể của Thượng Đế và sự hợp nhất của Tổng Thể. Sự bồn chồn của lòng ham muốn vật chất, tìm kiếm sự thỏa mãn trong ba cõi thấp, sau rốt, được thay thế bằng đạo tâm hướng về sự tiếp xúc với linh hồn và sự sống của linh hồn. Đến lượt nó, đạo tâm này được nhận biết như là một giai đoạn hướng về các kinh nghiệm căn bản lớn lao mà chúng ta đặt tên là năm cuộc điểm đạo chủ yếu. Các kinh nghiệm này mở ra cho con người sự thật mà từ trước đến giờ không được hiểu rõ về sự bất phân ly của con người và về mối liên hệ của ý chí cá biệt của con người đối với thiên ý.

Bây giờ chúng ta sẽ nghiên cứu các cách thức mà theo đó các giai đoạn hoạt động trên cõi cảm dục được tiến hành: trước tiên, con người học cách sử dụng ánh sáng của thể trí do linh hồn tạo ra khi linh hồn trở nên có liên hệ chặt chẽ với phàm ngã và được trực giác thúc đẩy. Nhờ có ánh sáng này, vị đệ tử học được cách xua tan các ảo cảm riêng biệt của phàm ngã mình. Tôi đề cập đến ánh sáng này vì tôi muốn làm cho bạn hiểu được tầm mức của nhiệm vụ mà một người đảm nhận khi người này bắt đầu quyết tâm chính mình tổng khứ ảo cảm chuẩn bị cho công cuộc phụng sự rộng lớn. Lúc bấy giờ y xung đột với tất cả ảo cảm của toàn bộ cảnh giới và có khuynh hướng bị đánh bại bởi việc nhận thức những gì y đang đối phó. Đây là một trong các nguyên nhân tạo ra thất vọng sâu xa và các mặc cảm tự ty nặng nề làm cho một số người hoàn toàn trở thành vô tích sự hay là sau rốt đưa đến việc tự tử. Các ảo cảm cá nhân của riêng họ ràng buộc họ vào ảo cảm quốc gia hoặc ảo cảm hành tinh và như thế chi phối quá trình hiển lộ trong cuộc sống của họ và sự suy tư của họ. Tôi yêu cầu bạn ghi nhớ điều này khi bạn đối xử với mọi người và tìm ra các ảo cảm nằm trong ý tưởng của họ và không thể để cho họ thấy được chân lý như bạn nhìn thấy vậy. Họ vẫn giữ bản chất của họ vì ảo cảm cá nhân của họ được nuôi dưỡng bằng các ảo cảm lớn hơn, và ảo cảm này cho đến nay trở thành quá nhiều đối với họ.

Tôi không có ý định chỉ riêng bàn đến các huyền cảm đặc thù này, mà chỉ muốn trao cho bạn một công thức mà – với một ít thay đổi và bổ sung – có thể phụng sự cho cá nhân và nhóm với nhiệm vụ là xóa tan ảo cảm. Tôi xin bắt đầu bằng cách nói rằng nhu cầu trước tiên đối với con người là hiểu được rằng các phản ứng, các ý tưởng, các ham muốn và kinh

nghiệm trong cuộc sống của con người nếu nói về bản chất tình cảm, đang bị chi phối một hay nhiều ảo cảm, thì y vẫn còn là nạn nhân của nhiều ảo cảm, đã nảy sinh qua nhiều kiếp sống, mọc rễ sâu vào lịch sử quá khứ của y mà y phản ứng lại theo bản năng. Tuy nhiên, sẽ đến lúc mà đệ tử dự bị trở nên biết được các ảo cảm có tính chất bản năng này và biết được chúng ở bề ngoài, thậm chí có khi phản ứng lại với chúng; con người tìm cách tự giải thoát cho mình, lúc đầu y hoạt động không đều đặn, cố gắng dùng thể trí để nhờ lý lẽ vượt ra khỏi các ảo cảm và dao động giữa sự thành công tạm bợ, khi con người có thể hành động một cách thận trọng y như khi thoát khỏi ảo cảm và những giai đoạn dài chịu thất bại khi bị lấn áp, không thể thấy được ánh sáng ở nơi đâu và hành động như người mù, hoang mang. Điều này cho thấy rằng y bị thu hút giống như bởi một nam châm (sức mạnh của ảo cảm từ xưa chất chứa lại với các hậu quả của nghiệp báo) vào giữa chính ảo cảm mà y muốn tìm cách tránh né. Sau đó đến giai đoạn (do kết quả của tiến trình dao động) khi sức lôi kéo của linh hồn bắt đầu hóa giải sức lôi kéo của các ảo cảm này: y mong
 208 mọi được biểu lộ một cách tự do và thoát khỏi sự kiềm chế của cõi cảm dục. Bây giờ tiến trình quân bình mới xảy ra.

Chính trong giai đoạn này mà sự thiền định được tiến hành để cho con người có thể nhận ra ánh sáng của linh hồn khi nó trộn lẫn với ánh sáng nội tại của hạ trí, và ánh sáng hỗn hợp này ngày càng mạnh thêm khi con người kiên trì trong việc thiền định. Một điều sẽ xảy đến khi người tìm đạo khám phá ra rằng ánh sáng nội tâm này có thể được sử dụng, và y bắt đầu thăm dò và với sự thành công không đều đặn để chuyển ánh sáng đó vào các vấn đề ảo cảm đặc biệt của y. Cũng chính ở điểm này mà hiện giờ chúng ta tiến hành

Phương Pháp Ánh Sáng, dùng phương pháp đó để kết thúc phương pháp mơ hồ kém khoa học của thời đã qua. Phương pháp được nêu ra này chỉ dùng cho người biết được ít nhiều về ánh sáng trí tuệ, về ánh sáng trong đầu và về ánh sáng của linh hồn. Ánh sáng trong đầu được tạo ra bởi việc cùng mang lại một cách rõ ràng có sắp xếp ánh sáng linh hồn và ánh sáng phạm ngã, tập trung vào thể trí và tạo ra hiệu quả trong não bộ. Tiến trình tập trung này gồm ba giai đoạn:

1. Cố gắng tập trung ánh sáng trí tuệ và ánh sáng vật chất vào thể trí (mental vehicle).

Giai đoạn này có nghĩa là tập hợp lại ánh sáng của vật chất và chất liệu (ánh sáng của vật chất trọng trực và ánh sáng dĩ thái) và ánh sáng của chính thể trí. Không có ánh sáng đặc thù hoặc riêng biệt nào ở trong hoặc là thuộc về chính thể cảm dục, vì thể này chỉ là một tập hợp các hình thức (forms), do từng con người, do các quốc gia và do các chủng tộc tạo ra. Và toàn thể hình thức này tạo thành cõi cảm dục và không có ánh sáng cố hữu nào ở dưới các hình thức khác tạo ra nữa. Chúng không được tạo ra như một hình thức biểu hiện cho một số sự sống năng động của Hành Tinh Thượng Đế, và đây là ý nghĩa thực sự của những gì mà trước kia tôi đã nói với bạn rằng thực ra, cõi cảm dục không tồn tại. Đó là sự sáng tạo do ảo tưởng của dục vọng con người qua bao thời đại, và ánh sáng giả tạo của nó là một phản ánh của ánh sáng vật chất hoặc là ánh sáng trí tuệ. Tiến trình tập trung này xảy ra nhờ sự chỉnh hợp và bằng nỗ lực để mang lại một mức độ giác ngộ mà ánh sáng tích cực/dương của trí và ánh sáng tiêu cực/âm của bộ óc và được tiến hành nhờ việc kiểm soát thể trí được phát triển trong con tham thiền. Khi hai đối cực này được nối kết vào lúc đó (bằng tác động của ý chí phạm ngã) hai trạng

thái này của ánh sáng thứ yếu có thể hợp thành một điểm sáng nhỏ – giống như ánh sáng của ngọn đuốc nhỏ – phát hiện ra một giai đoạn nào đó của ảo cảm mà người tìm đạo đáp ứng dễ dàng nhất. Ánh sáng tập trung đầu tiên này không có bản chất nổi bật nào để cho nó có thể làm được gì nhiều hơn là tiết lộ. Nó không có sức mạnh xua tan, mà cũng không thể làm cho ảo cảm hiện có trở thành vô hiệu quả. Nó chỉ có thể làm cho con người biết rõ trong ý thức nào bộ hay ý thức tỉnh thức của mình rằng ảo cảm đang cầm giữ mình. Điều này có liên quan đến giai đoạn định trí trong tiến trình thiền định.

2. Giai đoạn hai của tiến trình tập trung được tạo nên nhờ cố gắng thiền định. Trong giai đoạn trước, sự pha trộn của hai loại ánh sáng vật chất hoàn toàn là một tiến trình theo hình thức, còn người tìm đạo hoàn toàn bị thúc đẩy bởi các mãnh lực và động cơ cá nhân của phàm ngã của mình. Một minh họa của giai đoạn này và về hiệu quả của giai đoạn đó có thể được nhìn thấy nơi kẻ nào có các động lực thúc đẩy thuần ích kỷ và qua sự định trí mãnh liệt, tập trung vào trí lực và mang lại sự thỏa mãn cho các ham muốn của mình, và cố đạt được mục tiêu của mình. Y diệt hết mọi phản ứng tình cảm và tiến lên con đường dài hướng về việc xua tan ảo cảm. Y phát triển được khả năng thu hút ánh sáng của chính vật chất (vật chất hồng trần và chất liệu trí tuệ) và như thế y làm sinh ra một ánh sáng giả trá mà từ đó ánh sáng linh hồn bị loại ra một cách mạnh mẽ. Chính mãnh lực này sau rốt sẽ tạo ra kẻ bàng môn ⁽¹⁾ (hắc đạo). Y đã phát triển được khả năng thu hút năng lượng ánh sáng của chính vật chất và tập trung năng lượng đó

¹ Bàng Môn: bàng: bên cạnh; nằm phía ngoài. Bàng môn: môn phái nằm ngoài chánh đạo.

một cách mạnh mẽ và có hiệu quả đến nỗi nó trở thành một sức mạnh hủy diệt lớn lao. Chính năng lượng này đã mang lại cho Hitler và sáu tên cộng sự tàn ác của y cái sức mạnh hủy diệt trên cõi vật chất. Nhưng trong trường hợp người tìm đạo, năng lực để suy tưởng về thực tại tâm linh và để tiếp xúc với linh hồn sẽ hóa giải được các nguy hiểm có sẵn khi chỉ tập trung vào và chỉ sử dụng một mình ánh sáng của vật chất; ánh sáng thứ yếu của vật chất được cộng thêm vào với ánh sáng của linh hồn và bấy giờ hai ánh sáng được pha trộn này, hay là các trạng thái của Linh Quang Duy Nhất được tập trung vào cõi trí nhờ mãnh lực của trí tưởng tượng sáng tạo. Sau rốt, điều này giúp cho con người xua tan ảo cảm và giải thoát con người ra khỏi cõi cảm dục.

3. Giai đoạn ba là giai đoạn mà ánh sáng vật chất, ánh sáng trí tuệ và ánh sáng linh hồn (với tư cách là vận hà của trực giác) được pha trộn hòa lẫn và tập trung một cách hữu thức. Kể đó con người chuyển hướng ánh sáng được pha trộn này, dưới sự hướng dẫn của linh hồn vào thế giới ảo cảm và vào ảo cảm đặc biệt mà có lúc y đã từng bị thu hút vào. Ánh sáng giả trá của cõi cảm dục tan biến trong ba ánh sáng được pha trộn này giống như một ngọn lửa có thể gần như bị dập tắt nếu đặt dưới tia nắng sáng chói; hay là một tấm kính cực mạnh, tập trung ánh nắng, có thể phát ra ngọn lửa hủy diệt. Chính việc sử dụng ánh sáng mạnh mẽ mới có thể xóa đi ánh sáng yếu hơn và xua tan sương mù.

Mọi điều này phải được tiến hành một cách hiểu biết và có ý thức như là cách mở đầu cho phương pháp thích hợp. Lúc đầu, công việc của y có tính cách thực nghiệm, sau cùng mới được áp dụng một cách khoa học. Nó sẽ được dựa vào việc nhận thức chân lý – một chân lý phải đối mặt và chấp

nhận. Công việc này không phải là một hình thức viện lý, mặc dù việc đó đến trước công việc khoa học một cách rõ rệt mà
 211 tôi đang phác họa; đó không phải là việc vun trồng các chú tâm mới mẻ thuộc loại trí tuệ và tâm linh vốn đang dần dần thay thế cho ham muốn và xua đi ảo cảm. Đó là mọi mở đầu thích hợp và đưa tới một khai mở vốn chuẩn bị cho người tìm đạo làm việc một cách khoa học; đó không phải tiến trình “tiêu diệt dục vọng” như một vài trường phái tư tưởng giảng dạy, mà là một tiến trình từ từ xóa bỏ dục vọng bằng giới luật nghiêm nhặt và công phu tu tập khó nhọc, và một cách ngẫu nhiên, tiến trình này bao hàm việc xua tan ảo cảm. Đó là phương pháp chậm chạp của quá khứ. Ngày nay tiến trình cần phải thay đổi, bởi vì hiện đã có đủ người hiểu biết và có thể làm việc một cách khôn khéo cũng như một cách khoa học.

Tiến trình mà tôi đang khai triển cho bạn là tiến trình xua tan ảo cảm một cách hiệu quả và nhanh chóng, được dựa vào việc chấp nhận giả thuyết về ánh sáng, dựa vào việc biết được sự thật rằng cõi cảm dục không hiện hữu thực sự, dựa vào việc sử dụng trí tưởng tượng sáng tạo đã được huấn luyện và dựa vào việc không dẫn đo tuân theo các giáo huấn, về mặt cá nhân cũng như tập thể.

Tôi có ý định đưa ra cho bạn hai công thức – một để dùng cho cá nhân và một dùng cho các nhóm, khi các nhóm này đóng góp nỗ lực hợp nhất của họ vào việc xua tan ảo cảm, hoặc ảo cảm của nhóm, hoặc có liên quan với một trạng thái ảo cảm thế gian nào đó hiện có. Đối với bạn, có hai sự việc trở nên rõ ràng:

Thứ nhất: Những ai đang tham dự vào việc xua tan ảo cảm phải có khả năng phân biệt giữa ảo cảm với thực tại. Khi

xem xét ở bề ngoài, hai cái này thường rất giống nhau. Họ phải nhận biết rằng trạng thái tình cảm tạo thành bức màn vắt ngang qua chân lý và làm lệch lạc việc đưa ra chân lý hoặc làm lệch lạc sự biểu lộ thiên tính trong cá nhân hoặc trong nhóm. Do đó, họ phải có khả năng nhìn xa trông rộng, suy tư sáng suốt và nhận thức nhạy bén về những gì đang ngăn chặn

212 việc thể hiện tầm nhìn xa đó và tiếp nhận chân lý một cách trung thực. Họ cũng phải có khả năng phân biệt giữa ảo cảm lớn và nhỏ. Một huyền cảm nhỏ, một hình tư tưởng chóng tàn, thoáng qua, có bản chất dễ nhận ra thì không cần phải dùng cả hai công thức. Một ảo cảm nhỏ như là ý thức về sự than thân trách phận trong một cá nhân hoặc là việc ca ngợi một cá nhân đáng chú ý do một cá nhân, một nhóm hoặc một quốc gia đưa ra. Thời gian và lẽ phải thông thường (commonsense) đủ để ứng xử với một tình trạng như thế. Một ảo cảm chính trên thế giới (trước chiến tranh) là nhấn mạnh vào tài sản và tin tưởng rằng hạnh phúc tùy thuộc vào tiền của, đồ đạc và tiện nghi vật chất.

Thứ hai: Ba giai đoạn tập trung, đã nói ở trên, hợp thành giai đoạn chuẩn bị. Cả ba giai đoạn này phải được phát triển phần nào trước khi có thể sử dụng các công thức một cách có hiệu quả. Những ai có ý định hoạt động với nhiệm vụ giữ sạch thế giới huyền cảm phải thường xuyên tự đặt mình vào các giai đoạn này bằng thuật an trụ (art of polarisation), nếu tôi có thể gọi như thế. Họ phải hiểu biết về bộ máy tư tưởng, về việc tạo ra các hình tư tưởng và về bản chất của nhà tư tưởng. Tuy nhiên, về mặt tình cảm, họ phải an trụ vào công việc nào của nhóm tương đối thoát khỏi sự kiểm chế của thể cảm dục. Đến một chừng mực nào đó, việc thoát khỏi sự kiểm chế cảm dục này phải là sự chọn lựa của những kẻ hoạt động

nhắm vào việc xua tan ảo cảm chính yếu. Trong trường hợp một người đang tìm cách đánh tan huyền cảm trong đời sống cá nhân mình, y nên trụ vào thể trí bằng sự quyết tâm và nỗ lực mặc dầu bản chất tình cảm, đối với y trong bất cứ kiếp sống nào, là đường lối ít bị đối kháng nhất. Những ai đang hoạt động trong công việc tạo thành nhóm sẽ có được khả năng tập trung trí tuệ, nhưng đối với các mục tiêu của công việc cần làm, họ sẽ tự tập trung một cách có chủ tâm và thận trọng vào cõi tình cảm qua sự kiểm chế bản tánh của họ. Do đó, người hành đạo phải thực hành việc thiền định, phải quán tưởng nhiều về bản chất của tư tưởng cùng công dụng của nó và phải biết được ánh sáng nội tâm.

Khi ba giai đoạn này được thiết lập dưới hình thức các hoạt động liên kết, các tập quán và phản ứng tự động, và khi chí hướng trở nên vững vàng, khả năng tập trung đã trở thành một phản ứng hầu như theo bản năng, bấy giờ công việc có hiệu quả và tốt lành mới có thể thực hiện được; công việc này cần phải có thêm tính kiên nhẫn và đức kiên trì. Tôi có thể nói thêm là không nhất thiết phải đạt được sự hoàn thiện trong tiến trình trước khi bắt đầu công tác phụng sự này. Các đệ tử và người tìm đạo phải vun trồng ý thức hợp tác và hiểu rằng trong việc phụng sự như đã được đề ra, họ rõ ràng là đang tham gia vào hoạt động của Thánh Đoàn, và do đó, đang ở vào vị thế làm cho sự trợ giúp cho dù họ không thể – chỉ một mình và không được giúp đỡ – đạt được kết quả mong đợi. Họ có thể thúc đẩy tiến trình bằng sự trợ giúp có kết hợp của họ. Sức mạnh của nỗ lực hợp nhất trên cõi trần ngày nay đang biến thành hiện thực ở một mức độ rộng lớn, còn nỗ lực do chiến tranh trong mọi quốc gia đã hồi thúc phần lớn vào việc thực hiện này. Sức mạnh của tình cảm hợp nhất (thường tự

biểu hiện trong những gì được gọi là tâm lý quần chúng) được nhận biết và sợ hãi cũng như được khai thác ở khắp nơi. Sức mạnh của tư tưởng hợp nhất, cho đến nay ít được hiểu rõ và mãnh lực có sẵn dưới ánh sáng của nhiều trí óc, làm cho chúng trở thành dụng cụ có hiệu quả trong các sự việc thế gian, đang thấm nhập và xua tan huyền cảm, chứng tỏ năng lực sáng tạo trên cõi trần, sẽ tỏ ra là một phần của các cách thức làm việc mới mẻ sẽ được sử dụng trong kỷ nguyên mới. Thánh Đoàn đã sắp xếp và làm việc theo cách này, và hiện nay đã chuẩn bị để trải nghiệm hiệu quả của công việc đó bằng cách tổ chức một hay nhiều nhóm sẽ hoạt động về vấn đề ảo cảm.

214 Vậy thì bạn có thể thấy, những gì mà tôi đang vạch ra đều tương đối mới mẻ. Ấn tượng yếu ớt của phương pháp sắp đến xét về mặt cá nhân, đã được ghi nhận. Những người nam và nữ ở khắp nơi trên thế giới đang cố gắng giải thoát mình ra khỏi ảo cảm bằng mãnh lực của cách suy tư rõ ràng, giới luật và lương tri nghiêm nhặt và bằng việc ghi nhận một cách có ý thức mối liên hệ của họ với toàn thể – đang thôi thúc họ loại ra khỏi cuộc sống của họ tất cả những gì có thể ngăn trở những kẻ khác hay làm tăng sự phình gát trên thế giới qua ảo cảm. Nên thêm vào điều này (có lẽ dưới hình thức một khía cạnh của tôn giáo mới trên thế giới hiện nay đang trên đường hiển lộ) một nhận thức là các nhóm có thể thành công trong việc tẩy sạch các ảo cảm đang làm đen tối con đường dẫn đến mục tiêu của nhân loại, nhờ sức mạnh của tư tưởng kết hợp được phóng xuất ra.

Để thực hiện giai đoạn đầu tiên hướng về hoạt động hợp nhất của nhóm theo đường lối phụng sự này, tôi trình bày một thể thức hay trình tự cho nhóm mà – nếu được vận dụng bởi

những người có cuộc sống tương đối thoát khỏi ảo cảm, tức những người thực tế và họ được nhóm nhận biết như là tương đối tự do, những người này được thúc đẩy bằng ý định tốt đẹp – sẽ làm được nhiều điều để chấm dứt được một vài trạng thái của ảo cảm thế giới. Nhờ được kết hợp với nỗ lực của các nhóm tương tự mà nỗ lực của họ sẽ làm yếu đi sức mạnh của các ảo cảm xưa cũ này đến nỗi “Ngày Xán Lạn” (“Day of Clarification”) sau rốt sẽ đến.

Tuy nhiên, trước hết tôi xin nêu ra một cách vắn tắt cho từng người tìm đạo một công thức để sử dụng mà nhờ đó y có thể giúp mình tự thoát khỏi một hay nhiều ảo cảm đặc biệt của mình. Tôi sẽ đưa ra phương pháp, rồi người tìm đạo nên làm đúng theo đó, không để ý gì đến thời gian, sẵn sàng làm công việc này đều đặn trong nhiều tháng, nếu cần, trong nhiều năm cho đến khi chính mình thoát khỏi ảo cảm, và ánh sáng đột nhập vào cõi cảm dục qua thể cảm dục của y. Tôi xin gợi ý rằng không một người tìm đạo nào nên thử giải quyết vấn đề ảo cảm nói chung hoặc tìm cách xua tan mọi ảo cảm mà y dễ mắc phải. Y đang đối phó với tà kiến/tà lực (evil) đã có từ lâu và đang đối phó với các thói quen về huyền cảm đã được tạo ra một cách vững chãi. Chúng có liên hệ một cách chặt chẽ với các khía cạnh của cách sống hằng ngày của y, với cuộc sống tính dục của y hoặc với các tham vọng của y, các liên hệ của y với người khác, các lý tưởng và ý tưởng ưa thích của y, các mơ ước và các thị kiến của y. Y nên chọn huyền cảm nào lộ rõ nhất và gây cản trở nhiều nhất vào bất cứ thời điểm ấn định nào (luôn luôn có thời điểm đó) và với mục đích đánh tan ảo cảm đó, y nên tận lực làm việc, nếu y muốn đặt các nền móng để phụng sự có hiệu quả trong việc xua tan huyền cảm của thế gian.

a. Cách Thức Xua Tan Ảo Cảm (Dành cho cá nhân)

I. Các giai đoạn chuẩn bị.

1.– Nhận diện ảo cảm cần phải xua tan. Giai đoạn này gồm có:

a. Sẵn sàng hợp tác với linh hồn theo các con đường của thể xác, thể cảm dục và thể trí hầu trợ giúp vào công việc chuyên môn hơn. Hãy suy gẫm về các hàm ý trong câu này.

b. Nhận ra các đường lối mà ảo cảm này tác động vào cuộc sống hằng ngày và vào mọi giao tiếp hằng ngày.

2.– Ba giai đoạn tập trung đã vạch ra (tr. 208–210⁽¹⁾) phải được thực hiện.

a. *Giai đoạn tập trung ánh sáng trí tuệ và ánh sáng vật chất trong thể trí.* Giai đoạn này được thực hiện bằng tiến trình nâng cao và hòa lẫn, phối hợp, mà muốn làm được như vậy, cần phải dùng đến sự hoạt động của trí tưởng tượng sáng tạo (creative imagination).

b. *Giai đoạn thiên định,* mà vào đúng lúc sẽ đưa tới việc dung hợp ánh sáng vật chất, ánh sáng trí tuệ và ánh sáng linh hồn trên cõi trí.

216 c. *Giai đoạn mà cả ba loại ánh sáng này được nhận ra là một ánh sáng hỗn hợp duy nhất.* – giống như ngọn đèn rọi, sẵn sàng chuyển vào hướng cần thiết.

3.– Biết được hai khía cạnh chuẩn bị:

¹ Số trang của bản tiếng Anh (ND).

a. Chính hợp phàm ngã, sao cho ba trạng thái của phàm ngã được nhìn thấy như là tạo ra một con người duy nhất đang hoạt động.

b. Tác động hợp nhất trong đó phàm ngã và linh hồn cũng được nhìn thấy như là một đơn vị. Tác động này được thực hiện qua sự dâng hiến phàm ngã cho linh hồn và việc linh hồn chấp nhận phàm ngã.

Hai đường lối suy tư này tạo ra một lãnh vực tư tưởng và nhận thức có sức thu hút mọi công việc cần làm vào trong đó.

4.- Một sự tạm ngưng mà trong đó toàn thể con người tự chuẩn bị sẵn cho công việc cần làm. Do sự bận tâm sâu xa tới giai đoạn tiếp xúc với linh hồn và việc chuẩn bị ban đầu, giờ đây y tập trung hết tâm trí của mình vào ảo cảm cần được xóa bỏ. Giai đoạn này không bao gồm việc nhận biết về ảo cảm và lý do này, lý do nọ của ảo cảm. Nó chỉ mang ý nghĩa là *chuyển sự chú tâm của linh hồn-phàm ngã đã hội nhập vào cõi cảm dục và vào ảo cảm đặc biệt; không nên chuyển sự chú tâm vào thể cảm dục của người tìm đạo*, là kẻ đang ra sức xua tan huyền cảm. Đây là một phát biểu rất quan trọng, bởi vì trong lúc hủy diệt loại ảo cảm đặc biệt mà y quan tâm tới, thì người tìm đạo hay vị đệ tử bắt đầu hủy diệt phần đóng góp của mình trong đó – tức là phần nơi y giúp cho y tiếp xúc được với ảo cảm – và đồng thời y đang tự chuẩn bị cho việc phụng sự nhóm theo cùng đường lối. Điều này cho thấy đây không phải là việc dễ làm.

II. Kỹ thuật hay công thức.

5.- Bằng tác động của trí tưởng tượng sáng tạo, kẻ hành đạo cố gắng để thấy và lắng nghe linh hồn – cội nguồn của ánh sáng và sức mạnh trong ba cõi thấp – đang phát ra thánh

ngữ OM đưa vào thể trí của phàm ngã đang chú tâm đợi chờ. Nơi đây, ánh sáng và sức mạnh của linh hồn được ghi nhớ và giữ lại bởi phàm ngã tích cực, vì một thái độ tiêu cực không còn thích hợp.

6.– Ánh sáng và sức mạnh được giữ lại, sẽ kết hợp với ánh sáng kép của phàm ngã (như chúng ta biết, ánh sáng này tập trung trên cõi trí) được nhìn thấy đang sinh ra một ánh sáng mạnh mẽ có thể hình dung được như là ngọn đèn rọi có ánh sáng rực rỡ và mạnh mẽ. Nó phải được thấy giống như một quả cầu sáng rực linh hoạt, nhưng chưa tỏa ra hay phóng xuất ra ngoài.

7.– Khi động tác hình dung này được xem như hoàn tất thỏa đáng, tiếp theo là thời gian tạm nghỉ, lúc đó người tìm đạo tập trung mọi ý chí mà y đang có ở đằng sau ánh sáng được tạo ra như thế bằng sự dung hợp của ba loại ánh sáng. Động tác này có liên quan đến giai đoạn mà Patanjali đã nói đến, đó là giai đoạn “thể trí được giữ ổn định trong ánh sáng”. Công dụng của ý chí này – ý chí linh hồn-phàm ngã – thì mãnh liệt, nhưng vào giai đoạn này thì yên tĩnh và không thu hút hay tỏa ra.

8.– Kế tiếp là một tiến trình mà theo đó ảo cảm phải được xua tan, còn ngọn đèn rọi của trí được giao tiếp bằng mãnh lực của tư tưởng. Ảo cảm và tính chất của nó, ngọn đèn rọi và sức mạnh của nó đều được nhận biết đúng theo bản chất của chúng, một hoặc nhiều hiệu quả được mang lại bằng mỗi liên hệ đó nên được xem xét cẩn thận. Tiến trình này đừng nên để
 218 diễn ra vì lẽ tiến trình trí tuệ, ánh sáng và sức mạnh sẽ làm mạnh thêm ảo cảm đã mạnh sẵn. Cần phải làm như thế nào mà vào lúc kết thúc tiến trình, ảo cảm sẽ bị làm yếu đi một

cách đáng kể và sau rốt bị xua tan. Đây là một nhận thức quan trọng.

9.– Khi đạt được sự định trí, sự nhận thức và mối liên hệ cần thiết, bấy giờ người tìm đạo (bằng tác động của ý chí và của trí tưởng tượng sáng tạo) chuyển hướng ngọn đèn rọi và thấy được một tia sáng linh hoạt phóng ra và xuyên thủng ảo cảm. Y phải hình dung ra một tia sáng chói lọi rộng lớn, đang từ thể trí giác ngộ tuôn tràn lên cõi cảm dục. Y phải tin rằng việc xảy ra như thế.

10.– Kế đó đến giai đoạn quan trọng và khó khăn của công việc, đó là người hành đạo *đặt tên ảo cảm* và nhìn thấy ảo cảm ở trong tiến trình tan rã. Y giúp vào tiến trình này bằng cách nói với sự nhất tâm và không phát thành lời:

Sức mạnh của ánh sáng ngăn chặn việc xuất hiện ảo cảm (đọc tên ảo cảm).

Sức mạnh của ánh sáng làm vô hiệu tính chất của ảo cảm, không cho ảnh hưởng đến tôi.

Mãnh lực của ánh sáng hủy diệt sự sống ở sau ảo cảm.

Thốt ra ba câu này, có nghĩa là tạo ra sự xác quyết về sức mạnh, về mục tiêu, và phải được thốt ra vào lúc nhất tâm bất loạn (tension) với thể trí được giữ ổn định và với sự định hướng tích cực.

11.– Lần nữa Thánh Ngữ được ngân lên với ý định tạo ra những gì mà ngôn từ huyền linh học gọi là “Tác Động Thâm Nhập”; bấy giờ ánh sáng được thấy hoàn tất ba việc:

a. Tạo một tác động rõ rệt lên huyền cảm.

b. Xâm nhập vào ảo cảm và bị nó thu hút.

c. Từ từ xua tan ảo cảm; theo thời gian qua ảo cảm sẽ không bao giờ mạnh trở lại và sau rốt sẽ cùng biến mất.

12.– Tiến trình này được nối tiếp bằng một tiến trình thu hồi, trong đó người tìm đạo thu hồi tia sáng một cách có chủ tâm và cố ý đồng thời tái định hướng chính mình vào cõi trí.

Tôi xin nói ngay rằng huyền cảm không bao giờ bị xua tan ngay tức khắc. Áo cảm có nguồn gốc quá lâu đời. Nhưng kiên trì sử dụng công thức này sẽ làm yếu ảo cảm và nó sẽ từ từ và chắc chắn biến mất, con người sẽ tự do bước khỏi chướng ngại đặc biệt đó. Phương thức này có vẻ như là phương thức rất lâu lắc, nhưng tôi đã cố ý phân nó ra thành chi tiết với đầy đủ ý nghĩa để cho người tìm đạo có thể hiểu được một cách rõ ràng những gì mà y định làm. Sau khi thực hành đúng và tuân theo một cách trung thực các điều kiện cần thiết, người tìm đạo sẽ tuân theo nó hầu như một cách tự động và tất cả những gì mà bấy giờ y cần sẽ là phương thức rút gọn theo nét phác họa vắn tắt sau đây:

Phác họa ngắn gọn Phương thức

1. Bốn giai đoạn chuẩn bị:

- a. Nhận ra ảo cảm cần phải xua tan.
- b. Giai đoạn tập trung ánh sáng của phàm ngã, một ánh sáng kép (dual light).
- c. Giai đoạn thiền định và nhận biết ánh sáng vĩ đại hơn.
- d. Hợp nhất của ánh sáng kép của vật chất và ánh sáng của linh hồn, như vậy tạo ra đèn rọi của thể trí.

220 2. Tiến trình chinh hợp và hội nhập đã được nhận biết.

3. Thận trọng chuyển hướng đèn rọi của thể trí vào cõi cảm dục.

Phương thức

4. Hoạt động của linh hồn và giữ lại ánh sáng.
5. Tạo ra và hình dung ra ngọn đèn rọi.
6. Kêu gọi ý chí ở sau ngọn đèn rọi của thể trí.
7. Ánh sáng hợp nhất sinh ra được chuyển vào ảo cảm bằng sức mạnh của tư tưởng.
8. Đặt tên ảo cảm và xác định ba lần.
9. Tác động Thấu Nhập.
10. Tiến trình Triệt Thoái.

Hỡi huynh đệ, các bạn sẽ thấy những gì tôi đang làm thực ra là giảng dạy cho thế hệ sắp đến cách hủy diệt các hình tư tưởng đang cầm giữ nhân loại, và, trong trường hợp ảo cảm, vốn là các hình thức mà dục vọng, xúc cảm, sự nhạy cảm với môi trường, đạo tâm đang phát triển và các lý tưởng cổ xưa đã chiếm đoạt và đang ngăn chặn ánh sáng của linh hồn không cho chiếu rọi vào ý thức đang thức tỉnh. Các năng lượng hình thành trên cõi cảm dục đều không phải là xúc cảm và cảm giác thuần khiết, được khoác dưới lớp chất liệu thuần túy cảm dục, vì không có sự việc nào như thế. Chúng là các ham muốn theo bản năng được khơi hoạt bằng vật chất tiến hóa của cõi trần, và trong toàn bộ của nó và qua hoạt động của gia đình nhân loại vật chất này đang được chuyển đổi và nâng lên cho đến một ngày nào đó chúng ta sẽ thấy sự biến hình của vật chất đó và “Sự Huy Hoàng của Đức Mẹ Đồng Trinh” – Trang Thái Mẹ liên quan với thiên tính. Chúng cũng là các hình tư tưởng đi xuống mà con người phát triển luôn luôn tạo ra và lôi cuốn vào sự biểu lộ, khoác cho chúng chất liệu của dục vọng. Khi các hình tư tưởng đang đi xuống này (một

phản chiếu trong ba cõi thấp của “đám mây lớn chứa các điều khả tri” (“cloud of knowable things) đang được nhận biết như Patanjali đã gọi, và đang lượn lờ trên cõi Bồ Đề chờ lắng tụ xuống) và khối giáng xuống gồm các đòi hỏi theo bản năng từ trạng thái thấp của từng cá nhân và từ nhân loại nói chung, gặp nhau ở điểm nhất tâm (point of tension) lúc bạn có sự xuất hiện của cõi cảm dục – một lãnh vực hoạt động do con người tạo ra. Trong thiên nhiên, các giới dưới nhân loại không hề biết cõi cảm dục; các giới siêu nhân loại đã vượt qua cõi ấy, đã tìm ra cái bí ẩn về sự phỉnh lừa của cõi cảm dục và không còn thừa nhận cõi đó nữa ngoài việc xem cõi đó như lãnh vực kinh nghiệm tạm thời mà con người sinh hoạt trong đó. Trong lãnh vực đó con người học được sự thật rằng “Thực tại vốn không là cái nào trong những cái này mà chỉ có Cái Này (the One) và Cái Kia (the Other) có liên quan với nhau”. Đây là một trong các lối nói của huyền linh học mà vị đệ tử phải học cách hiểu và dùng để mô tả sự biểu lộ.

b. Xua tan Ảo cảm của nhóm và Ảo cảm của Thế gian

Công việc của nhóm trong việc xua tan huyền cảm thế gian phải được vận dụng (vì sẽ là việc hiển nhiên đối với bạn) bởi những kẻ đang hoạt động để xua tan ảo cảm trong các kiếp sống riêng của họ và đã học được cách dùng phương thức vừa nêu. Đa số những người đang hoạt động như thế đều là người tìm đạo thuộc cung sáu – tức là những người có phạm ngã thuộc cung sáu hay người có cung linh hồn là cung sáu, cộng với những người thuộc mọi cung nhưng có thể cảm dục thuộc cung sáu rất mạnh. Đây là những người hành đạo có hiệu quả nhất trong nhóm nhưng gặp một khó khăn chủ yếu. Mặc dầu có đạo tâm và thiện ý, họ lại ít khi biết được các ảo cảm đang kiểm chế họ. Thật là cực kỳ khó khăn khi thuyết

phục cho người tìm đạo thuộc cung sáu chấp nhận rằng họ bị
222 ảo cảm chi phối, đặc biệt khi đó là ảo cảm mang ý nghĩa tâm
linh và ở mức rất cao. Trong trường hợp của họ, ảo cảm này
càng mạnh thêm do năng lượng của lòng sùng tín làm cho nó
chai cứng lại và làm cho nó có tính chất rất khó thâm nhập
vào. Lòng tự tin quá vững chắc của họ lại là một trở ngại lớn
lao cho việc nhìn xa thấy rộng bởi vì tất cả những điều đó phải
được vượt qua trước khi việc xua tan ảo cảm có thể tiến hành
một cách thành công. Người thuộc cung một có thể vượt qua
ảo cảm tương đối dễ dàng khi họ biết được ảo cảm làm cho
phàm ngã bị giới hạn. Người thuộc cung ba thì dễ bị ảnh
hưởng của ảo cảm như người thuộc cung sáu, còn thể trí
quanh co, méo mó, có dự tính của họ và sự nhanh nhẹn mà
thể trí có thể phình gạc chính họ (và thường tìm cách phình
lừa những kẻ khác) cản trở phần lớn việc xua tan ảo cảm của
họ. Khuynh hướng dễ trở thành nạn nhân ảo cảm của những
người tìm đạo và đệ tử thuộc cung ba được chứng minh ở chỗ
không đủ khả năng diễn đạt điều mình muốn nói một cách rõ
ràng bằng ngôn từ. Trong nhiều kiếp sống, họ tự bảo vệ bằng
việc diễn giải quanh co các tư tưởng, ý tưởng, và ít khi truyền
đạt những gì muốn nói một cách rõ ràng. Điều này giải thích
tại sao những người thuộc cung ba hầu hết thiếu khả năng
giảng dạy. Do đó, cả hai nhóm này phải học cách sử dụng
phương thức này và họ nên khẩn trương thúc đẩy tiến trình
làm tan ảo cảm nếu họ muốn tự mình nói hay viết ra ý tưởng
của mình một cách rõ ràng, nếu họ không bao giờ muốn bị mơ
hồ hay diễn tả không hết ý, nói bằng ẩn dụ hay gọi ra một ý
kiến. Họ nên diễn đạt một cách rõ ràng các ý tưởng mà họ có
thể bàn đến.

Người thuộc cung bảy phải đương đầu với khó khăn là có thể tạo ra những hình tư tưởng cực kỳ sắc cạnh và do đó, các ảo cảm kiểm chế y đều chính xác rõ rệt, và đối với y, tất cả đều có tính hấp dẫn, không cưỡng lại được. Tuy nhiên, chúng đều co lại nhanh chóng và tự tiêu diệt. Người tìm đạo thuộc cung hai thường thường biết đầy đủ về bất cứ loại ảo cảm nào vốn có thể tìm cách nắm giữ họ vì họ có khả năng bẩm sinh là nhận biết rõ ràng. Cái khó khăn của họ là phải diệt hết trong 223 chính họ sự đáp ứng nhanh chóng của họ đối với sức thu hút của cõi cảm dục và nhiều ảo cảm lan tràn của cõi này. Họ không thường đáp ứng với một loại ảo cảm giống như đáp ứng với mọi ảo cảm khác theo một cách thức tương đối tạm bợ, mà chỉ đáp ứng với loại ảo cảm làm trì trệ quá mức sự tiến hóa của họ. Do sự sáng suốt nhạy cảm của họ, họ đưa thêm vào sự nhạy bén đối với huyền cảm này một năng lực chịu đựng đối với ảo cảm và ghi nhận sự đáp ứng của họ dưới hình thức một tội lỗi và thất bại, như thế làm trì hoãn việc thoát ra khỏi huyền cảm của họ bằng một thái độ tiêu cực với sự tự ti và buồn chán. Họ sẽ học được rất nhiều do việc sử dụng thường xuyên phương thức này cho đến lúc họ biết được một hay nhiều huyền cảm nhưng đều không bị chúng tác động đến. Người thuộc cung năm ít bị đau khổ vì ảo cảm nhưng lại là nạn nhân trước tiên của ảo tưởng, và đối với họ, Phương Thức của Bản Lai Diện Mục vô cùng quan trọng, vì phương thức này mang lại một nhân tố mà người thuộc cung năm đích thực thường bài xích và không chấp nhận, đó là sự thật về Chân Ngã. Họ cảm thấy tự phụ/tự mãn. Họ đáp ứng một cách rất dễ dàng và thỏa đáng với quyền năng của tư tưởng; tự hào về năng lực trí tuệ của họ là tội lỗi đeo đẳng của họ, do đó, họ bắt đầu các mục tiêu của họ và mê mải với thế

giới cụ thể và thế giới trí tuệ. Vào lúc mà Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục trở thành thực tại đối với họ, thì sự đáp ứng của họ với ảo tưởng yếu đi và biến mất. Vấn đề chính của họ chẳng qua là không chối bỏ thể cảm dục, vì họ thường hay khinh thường ảnh hưởng của thể này, nhưng họ có một khó khăn lớn khi nhận ra rằng những gì mà thể trí dự tính khai mở – tức Chân Ngã linh thiêng. Hạ trí của họ tự ý chen vào giữa họ với linh thị.

Người thuộc cung bốn đặc biệt có khuynh hướng rơi vào ảo cảm và như vậy tạo ra một tình trạng cực kỳ khó khăn. Tôi có thể xác định nỗi khó khăn của họ bằng cách nói rằng họ có khuynh hướng đưa các huyền tưởng (illusions) của họ xuống cõi cảm dục và bao phủ các huyền tưởng này bằng ảo cảm tại 224 cõi này và hậu quả là nỗi khó khăn tăng gấp đôi; họ đối phó với sự kết hợp của ảo cảm và ảo tưởng. Tuy nhiên, họ là nhóm các linh hồn mà sau rốt sẽ khai mở bản chất đích thực của trực giác và đây sẽ là kết quả của trận chiến ảo tưởng – ảo cảm của họ trong thế giới sắc tướng (world of appearances).

Bây giờ chúng ta tiến đến việc xem xét phương thức mà những người tìm cách phụng sự nhân loại sử dụng, bằng cách phá tan và xua đuổi các ảo cảm đang cầm giữ nhân loại trong cảnh tù ngục và những kẻ biết được nhu cầu để làm điều này trong việc tạo thành nhóm. Một vài đặc điểm cá nhân vốn thiết yếu cho nhân viên của các nhóm như thế. Trước tiên phải có khả năng để hoạt động “mà không màng” đến các kết quả và có khả năng sử dụng phương thức trong một thời gian dài đã định (thí dụ mỗi tuần một lần trong hai năm hoặc hơn nữa) mà không mong chờ kết quả; họ cần phải hiểu rằng họ không bao giờ có thể biết được mình có thành công hay không, bởi vì ảo cảm mà họ cố xua tan thì rộng lớn và lan tràn đến đôi trí óc

cá biệt của họ không thể hiểu hết được các hậu quả. Họ ở quá gần với hình ảnh; phối cảnh của họ tất nhiên phải là phối cảnh của tiền cảnh ngay trước mắt. Thứ đến, họ phải biết đánh giá sáng suốt những gì tạo ra ảo cảm thế gian để cho họ có thể “đặt tên ảo cảm” về mặt huyền linh, rồi, nhờ làm như thế mà tiếp xúc được với ảo cảm. Ba là họ phải quen với việc xua tan ảo cảm trong các kiếp sống riêng của họ; việc cần phải làm điều này và sự thành công của họ khi làm như thế là các yếu tố cho thấy họ thích hợp với công việc.

Cuối cùng, họ phải có lòng yêu thương đồng loại. Họ đừng nên làm điều này giống như người thuộc cung sáu đang làm, đó là yêu thương với sự tận tụy/tôn sùng riêng biệt, mà là giống như người thuộc cung hai đang làm – tức là yêu thương/cảm mến hoàn toàn đối với mọi người, có tấm lòng cảm thông, cộng với một trí óc biết phê phán, biết yêu thương một cách không lay chuyển bất chấp có lỗi lầm, có nhận thức sáng suốt về ưu điểm và khuyết điểm của một cá nhân hoặc một chủng tộc. Khả năng để làm điều này là một trong các yếu tố cho phép người tìm đạo thuộc cung sáu chuyển khỏi cung phụ thứ sáu và đặt mình vào cung chính thứ hai như các đệ tử điểm đạo cung bốn và cung sáu đều phải làm.

Một trong các đòi hỏi trong công tác tập thể này là việc chọn lựa thật cẩn thận những người được tham gia vào công tác. Họ phải được chọn lựa bởi vì họ *có thể* làm việc chung với nhau. Họ phải hoặc là quen biết nhau thật rõ ràng và không còn có các bất đồng/ va chạm liên quan đến phạm ngã, hoặc là họ phải tương đối không quen biết nhau về mặt phạm ngã, nhưng được lôi cuốn vào nhau như những kẻ cộng tác bằng linh hồn trong công việc đặc biệt này. Bằng hết khả năng của họ, họ phải nỗ lực làm việc một cách đều đặn để lập được một

nhịp điệu sẽ dẫn đến tác động nhịp nhàng vững chãi của ánh sáng lên trên ảo cảm. Họ cũng phải trung kiên gắn bó với phương thức được đưa ra. Đây là một trong các phương thức đầu tiên và mạnh mẽ nhất, bởi vì chính đó là phương thức đầu tiên được dùng để xua tan ảo cảm của nhóm. Toàn thể phương thức này hoàn toàn mới mẻ đối với con người, và công việc phải làm tất nhiên là khó khăn vì nó bao hàm tình huống đáng chú ý. Các nhóm sẽ thực hành việc này để chọc thủng ảo cảm đang làm lu mờ tầm nhìn xa của con người và để xua tan ảo cảm, sẽ là các nhóm không điếm đạo đầu tiên làm theo cách này trên cõi trần và hoạt động một cách hữu thức và với ý định vững vàng. Cho đến giờ công việc đã được các thành viên của Thánh Đoàn xúc tiến, và bây giờ chỉ có ý định kiểm giữ ảo cảm cho đến khi nhân loại sẵn sàng hủy diệt những gì mà nhân loại tạo ra. Trước đây, các ảo cảm cũng bị chọc thủng, còn ngày nay do nỗ lực được tập trung để tiến hành trong một thời gian dài và thường là không có bất cứ sự hiểu biết hữu thức thực sự nào. Một minh họa của điều này đó là công việc mà Giáo hội Cơ Đốc đang làm một cách phân tán và mơ hồ khi cố xuyên thủng ảo cảm về ham muốn vật chất và lợi lộc vật chất bằng cách thay thế vào đó ý tưởng về một thiên đường. Hiện giờ, công việc được vạch ra thì linh hoạt và rõ ràng, được tiến hành một cách có hiểu biết và có tác động đặc biệt. Đó là một phương pháp rõ ràng để vận dụng và phóng xuất năng lượng của ánh sáng với mục đích phá hủy các chương ngại có bản chất trí cảm trên Con Đường Trở Về với Thượng Đế.

Một hình thức làm việc có tập trung hơn và dễ dàng hơn là điều đáng mong ước và trợ giúp, nếu nhóm có thể gặp gỡ, để cùng nhau sử dụng phương thức. Tuy nhiên, nếu điều này

không thể làm được, thì bây giờ từng người trong nhóm có thể sắp xếp để làm riêng nhưng với ý tưởng là công việc được thực hiện một cách vững chắc là công việc của nhóm và với một nhận thức rõ ràng về các thành viên hợp thành phần chính yếu của nhóm. Cả hai đều cần cho việc “góp chung ánh sáng” (“pooling of the light”) và cũng cần che chở khỏi sự tấn công của ảo cảm. Việc “góp chung ánh sáng” này là một đòi hỏi chính yếu, phải luôn luôn ghi nhớ. Khi nào có thể được thì nên qui định là công việc được diễn ra ở một số buổi gặp gỡ của nhóm được sắp xếp rõ rệt, cho dù điều này đòi hỏi sự hy sinh rất quyết liệt về phía một số thành viên trong nhóm.

Tôi khuyến cáo rằng một vài ảo cảm mà mọi thành viên trong nhóm nhận thấy như là trở lực chính cho sự tiến bộ của nhân loại là một trong các ảo cảm đầu tiên mà nhóm phải xử lý. Tôi cũng xin khuyến cáo rằng ở các giai đoạn đầu trong công việc của họ, họ đối phó với một ảo cảm có ảnh hưởng tới người tìm đạo và họ không cố gắng khắc phục các ảo cảm ăn sâu và trải rộng hơn của nhân loại nói chung. Hãy để cho người tìm đạo phát triển năng khiếu trong việc đối phó với một số ảo cảm không quan trọng và dễ hình dung hơn. Bây giờ theo thời gian qua, nhờ thành thạo hơn trong công việc, nhóm có thể chuyển qua các nhiệm vụ khó khăn hơn và đẩy ảo cảm ra xa hơn lãnh vực có các khó khăn riêng của họ. Chắc hẳn tôi không cần nêu ra rằng các thành viên của nhóm chỉ là những kẻ đang cố gắng để giữ các kiếp sống riêng của mình thoát khỏi ảo cảm. Tôi cũng xin thêm rằng nếu một thành viên của nhóm đang rối mù với ảo cảm của chính mình và bận lo đối phó với ảo cảm đó, thì y nên tách ra khỏi công việc của nhóm cho đến khi y tự giải thoát được nhờ sự trợ giúp của phương thức cá nhân.

Những ai có tầm mắt mở rộng có thể tự mình đối phó được, những ai thấy được chân lý đúng theo bản chất của nó, những ai có thể đối phó với các sự kiện như nhau liên quan đến nhân loại, thì có thể giữ được bình tĩnh và không lo sợ trước cái xấu xa nhất trong các khám phá về chính mình và thế giới con người, đều là những kẻ dùng phương thức này một cách thành công nhất. Tôi cũng xin nhắc nhở bạn rằng nhóm cũng cần tự bảo vệ mình khỏi một hoặc nhiều ảo cảm mà nhóm đang cố gắng để đánh tan. Khuynh hướng riêng của họ đối với huyền cảm là nhân tố sẽ đem lại cho họ quyền phụng sự theo cách này, nhưng nó cũng đặt họ trước một nguy hiểm, và như vậy cần có phương thức che chở.

Do đó, phương thức sẽ được chia làm ba phần:

1. Các giai đoạn dự bị (Preparatory Stages).
2. Sử dụng phương thức che chở (Protective Formula).
3. Phương thức của nhóm để xua tan huyền cảm.

Công việc phải làm của cá nhân có liên quan đến các vấn đề ảo cảm của riêng y sẽ tạo dễ dàng rất nhiều cho việc chuẩn bị của nhóm.

Bạn nên ghi nhận rằng, khi phác thảo cho bạn công việc này, tôi không để ý đến loại phòng ốc (room), vị trí thành viên của nhóm, tư thế phải có, có dùng hương trầm hoặc để ý đến bất cứ đồ vật linh tinh nào khác mà rất nhiều nhóm huyền bí học cho là quan trọng. Ngày nay (theo quan điểm của Thánh Đoàn) các nghi lễ do trần gian đặt ra đều hoàn toàn lỗi thời và không quan trọng chút nào đối với các đệ tử và người tìm đạo tiến hóa. Các nghi thức này chỉ có giá trị đối với người kém tiến hóa vì họ còn ý thức nặng về phần trình diễn (Nguyên

văn: “ý thức về kịch tính” - “sense of drama”. ND) và họ cần có sự trợ giúp từ bên ngoài, và chắc chắn là các nghi thức đó mang lại một khung cảnh vốn dĩ dùng để giúp cho kẻ sơ cơ (beginners) chú mục vào chủ đề của công việc và mục tiêu trước mắt của họ. Nghi lễ duy nhất vẫn còn được xem như là
 228 có giá trị đối với gia đình nhân loại nói chung – đặc biệt là đối với người tiến hóa – đó là nghi lễ của Hội Tam Điểm (Masonic Ritual). Lý do của việc này như sau: chính là việc trình bày bằng hình ảnh tiến trình Sáng Tạo (process of Creation), về mối liên quan giữa Thượng Đế với con người, về Con Đường Qui Nguyên (Path of Return), cũng như về các cuộc Điểm Đạo lớn mà nhờ đó vị đệ tử điểm đạo được giải thoát tiến vào Hội Đồng Huyền Linh Tối Cao. Nhưng trừ điều này ra, các nghi thức nhỏ không quan trọng về vị trí và về các liên hệ ở cõi trần liên quan đến thái độ và cách sắp đặt chỗ ngồi được xem như là không cần thiết và thường chiếm mất sự chú ý đáng lẽ dành cho công việc trước mắt.

Những ai dùng các phương thức này đều được xem như là đạt được ít nhiều an trụ nội tâm (inner polarisation) và có thể tự thu mình vào trung tâm tinh thần của họ bất cứ nơi đâu và bất cứ lúc nào. Đây là trung tâm tư tưởng an bình mà từ đó công việc được tiến hành.

Tất cả những gì cần đến để bắt đầu cho công việc của nhóm là mười phút hoàn toàn yên lặng trong đó các thành viên của nhóm cố gắng dựng nên môi trường thu hút sự hoạt động tích cực để lĩnh hội (ở đây nên chú ý các nghịch thường của khoa huyền linh học) sẽ làm cho phần còn lại của công việc có thể diễn ra.

Người lãnh đạo của nhóm (được chọn luân phiên để cho tất cả các thành viên của nhóm đều có được vị thế đó) bắt đầu công việc bằng cách điểm danh các thành viên của nhóm, và khi mỗi tên được gọi đến, các thành viên khác của nhóm nhìn thẳng vào mắt của người được gọi tên, người này đứng lên và nhìn lại họ trong một phút. Như vậy mỗi tương giao mật thiết được tạo ra, bởi vì mãnh lực thu hút được hướng dẫn của mỗi linh hồn đều luôn luôn đến bằng cách “mắt nhìn mắt” (eye to eye). Đây là ý nghĩa huyền linh của các chữ “Bạn có thể nhìn thấy tôi trong mắt không?” hay là “Họ nhìn thấy nhau” và các câu tương tự. Kế đó nhờ đã thiết lập được mối liên hệ chặt chẽ này, nhóm sẽ ngồi yên lặng trong mười phút. Điều này được

229 làm để rút ý thức ra khỏi mọi sự việc thế gian lẫn riêng tư để tập trung ý thức vào công việc cần làm. Vào lúc kết thúc, người trưởng nhóm đặt tên ảo cảm mà nhóm cần đối phó. Sẽ không có bất hòa nào liên quan tới ảo cảm vào lúc hội họp của nhóm vì các thành viên trong nhóm –bên ngoài các buổi họp và trong một tháng trước khi đảm nhận việc xua tan ảo cảm, sẽ phải nghiên cứu về ảo cảm đó, các hàm ý của nó, tính xác thực và các hiệu quả của nó – về mặt tâm lý, cá nhân, nhóm và quốc gia, cũng như ảnh hưởng rộng lớn của nó trên nhân loại nói chung. Kinh nghiệm của nhóm trong loại công việc này sẽ định đoạt bản chất của ảo cảm phải được đối phó. Như trước kia tôi có nói, nhóm hoạt động thiếu kinh nghiệm sẽ bắt đầu bằng cách đối phó với một trong các ảo cảm đang ám ảnh người tìm đạo và sẽ chuyển qua những người này để xử lý với các ảo cảm ngày càng mạnh mẽ hơn và rộng lớn hơn đang gây khó khăn cho toàn nhân loại. Phần mở đầu cho công việc này thường được gọi là Định Danh, vì các thành viên của nhóm lần ảo cảm đều được gọi tên.

Giai đoạn kế tiếp tương tự với các giai đoạn chuẩn bị trong phương thức để làm tan ảo cảm đối với cá nhân. Do đó có các giai đoạn sau đây:

Các Giai Đoạn Chuẩn Bị

1.–Đặt tên.

2.–Phương thức che chở.

Phương thức che chở rất đơn giản. Các thành viên của nhóm sẽ đồng thanh nói:

“Tôi làm việc trong ánh sáng với tư cách trong một linh hồn, bóng tối không thể tác động đến tôi.

Tôi đứng trong ánh sáng.

Tôi hành động và tôi không bao giờ xê dịch khỏi điểm đó”.

230 Khi kết thúc các lời này, mỗi người trong nhóm đều làm dấu Chữ Thập bằng cách chạm vào giữa trán, giữa ngực và hai mắt, như vậy tạo ra Thập Giá chân dài của Đức Christ hay của nhân loại thiêng liêng. Như bạn biết rõ, chữ Thập không phải chỉ là biểu hiện của Cơ Đốc giáo. Đó là biểu hiện của ánh sáng và của ý thức, có nghĩa là ánh sáng thẳng đứng và ánh sáng nằm ngang, mãnh lực thu hút và mãnh lực bức xạ, sự sống linh hồn và việc phụng sự. Còn Thập giá hiện đang dùng trong Giáo Hội Cơ Đốc, thì chạm vào trán, tim và hai vai là dấu hiệu của vật chất. Thực ra nó có nghĩa là Ngôi Ba. Dấu Chữ Thập mà nhóm sẽ làm là Dấu Thập của Đức Christ và của tâm thức Christ. Dần dần Dấu Thập Đức Christ (Dấu Thập của Đức Christ Tái Lâm) sẽ thay thế cho Dấu Thập của vật chất và của trạng thái Mẹ. Hiển nhiên nó cũng giống trường hợp chữ Vạn (swastika) và đó sẽ là một trong các lý do làm cho nó biến mất.

3.- Các giai đoạn chuẩn bị:

a. Tập trung hai loại ánh sáng vật chất của phạm ngã và của trí tuệ.

b. Thiền định về sự giao tiếp với linh hồn và nhận biết ánh sáng của linh hồn.

c. Phối hợp và hòa lẫn hai loại ánh sáng thứ yếu và ánh sáng linh hồn. Việc này được tiến hành theo nhóm, mỗi thành viên góp phần của mình và tự giác cố gắng hình dung ra tiến trình dung hợp ba loại ánh sáng mà mỗi thành viên đang đóng góp thành một vùng ánh sáng.

4.- Kế đó, khi người trưởng nhóm ra dấu thì nhóm cùng thốt lên:

231 *“Ánh sáng là một và trong ánh sáng đó chúng ta sẽ thấy được ánh sáng. Đây là ánh sáng chuyển bóng tối thành ngày”.*

OM OM OM

Tiến trình chinh phục cá nhân và nhóm và sự toàn hợp bây giờ có thể xem như hoàn tất và khi nó thực sự được hoàn tất một cách chính xác, mỗi cuộc hội họp từ đây về sau sẽ chứng kiến một sự toàn hợp và dung hợp nhanh chóng hơn và thế là vùng ánh sáng rực rỡ được tạo ra. Cách ngân thánh ngữ OM cho thấy cả hai sự dung hợp và phạm vi tác động (sphere of action), bởi vì trước hết thánh ngữ OM được linh hồn của nhóm ngân lên (sự hợp nhất đã xảy ra cho các linh hồn của mọi thành viên trong nhóm) lúc đó với tư cách linh hồn trên cõi trí và sau rốt với tư cách linh hồn sẵn sàng hành động như là kẻ mang ánh sáng và là kẻ phân phối ánh sáng trên cõi cảm dục. Đây là tất cả các cách tượng trưng để ghi nhận thực tại nội tâm và là một cố gắng để thể hiện sức mạnh, vì đó là

những gì mà mọi biểu tượng và các cách tượng trưng để hành động có thể làm được; như vậy chúng dùng để giữ các hành giả ở điểm nhất tâm. Đây là một nhận thức quan trọng và nên giữ cho hành giả khỏi gán cho sức mạnh không thích hợp vào khía cạnh của hình hài của nghi thức đơn thuần và giúp cho họ tập trung sự chú ý vào thế giới ý nghĩa và thế giới của hoạt động tâm linh nội tâm. Ba giai đoạn này được gọi là:

1. Đặt tên (The Act of Naming).
2. Bảo vệ (The Act of Protection)
3. Tập trung Ánh Sáng (The Act of Focussing the Light).

Điều hiển nhiên đối với bạn là nhiều điều tùy thuộc vào năng lực hình dung cũng như năng lực suy tư sáng suốt của các thành viên trong nhóm. Dĩ nhiên cách thực hành này đưa đến việc hoàn thiện cả hai tiến trình. Vào lúc kết thúc ba giai đoạn này, các thành viên của nhóm được hợp nhất như các linh hồn được cách ly để chống lại mãnh lực thu hút của ảo cảm và được hợp nhất với thể trí và bộ óc như các linh hồn, 232 giữ ổn định và tích cực trong ánh sáng. Ánh sáng hòa nhập của họ được xem như một đèn pha vĩ đại mà tia sáng được hướng đến nhờ một tác động của ý chí hướng xuống từ cõi trí vào ảo cảm hiện có trên cõi cảm dục và lập được mối liên hệ với nhóm bằng chính tác động gọi tên nó. Tôi sẽ đi vào chi tiết vấn đề này vì công việc này là một mạo hiểm mới và tôi đang lo lắng cho bạn lúc bắt đầu việc đó với một sự hiểu biết rõ ràng về việc làm thế nào để công việc được tiến hành. Ở cuối huấn thị này bạn sẽ tìm thấy hai phương thức dài và hai phương thức ngắn để chúng có thể được nhìn thấy và hiểu riêng biệt với bản văn đã giải thích. Trước hết việc khởi đầu này sẽ mất chừng mười lăm phút, rồi về sau không hơn năm

phút (kể cả mười phút chuẩn bị im lặng trước công việc trang trọng này) để cho các thành viên của nhóm quen làm việc chung với nhau và sau rốt sẽ đạt được mục tiêu của công việc chuẩn bị một cách rất nhanh.

Kỹ Thuật Hay Phương Thức

(Technique or Formula)

5.-Bây giờ nhóm cùng nhau đồng thanh nói:

“Chúng ta chói lọi và đầy năng lực. Chúng ta đứng vững, lúc nào cũng mở rộng vòng tay, nối liền trời với đất, thế giới ý nghĩa bên trong và thế giới ảo cảm tinh vi.

“Chúng ta tiến đến Ánh Sáng và mang ánh sáng xuống để đáp ứng với nhu cầu. Chúng ta tiến vào chỗ tịch lặng và từ đó đem lại món quà hiểu biết. Như vậy chúng ta làm việc với ánh sáng và chuyển chỗ tối thành chỗ sáng”.

Khi nói đến đây, cả nhóm phải hình dung ra việc xoay ngọn đèn pha vĩ đại mà họ đã cùng nhau tạo ra bằng ánh sáng hợp nhất của họ lên trên ảo cảm cần phải xua tan, giữ cho ánh
233 sáng ổn định và nhận thức bằng trí tuệ việc làm tan biến ảo cảm được dự tính. Việc này được gọi là *Tác động định hướng*.

6.-Tiếp theo là vài phút tạm ngưng; trong giây phút đó, nhóm cố gắng phóng tiếp theo sau ngọn đèn rọi cái ý định hay ý chí mạnh mẽ, và theo một hướng thống nhất; hành động này mang theo tia sáng được phóng xuất kia cái tính chất hủy diệt của ý chí tinh thần – hủy diệt tất cả những gì ngăn cản việc biểu lộ thiên tính (divinity). Điều này có thể làm được bằng cách đạt đến điểm nhất tâm hợp nhất và sự dâng hiến ý chí của cá nhân và của nhóm cho ý chí của Thượng Đế. Giai đoạn này được gọi là *Tác Động của Ý Chí* và được tiến hành bởi mỗi

thành viên của nhóm một cách im lặng và với một nhận thức sâu xa rằng tất cả đều được chấp nhận như thế và đó là ý chí của nhóm vốn được tập trung một cách im lặng. Bây giờ họ đồng thanh nói:

“Với sức mạnh trên tia sáng, ánh sáng được tập trung vào mục tiêu”.

7.-Kế đến là *Tác Động Phóng Xuất* và thốt lên các quyền lực từ mà – lại đặt tên là ảo cảm đặc biệt vốn là đối tượng chú tâm và như vậy, một cách quyết tâm, đưa đối tượng đó vào mối liên hệ với ánh sáng có tập trung – bắt đầu việc xua tan huyền cảm.

“Sức mạnh của ánh sáng hợp nhất của chúng ta ngăn chặn sự xuất hiện ảo cảm về...(đọc lên tên ảo cảm). Sức mạnh của ánh sáng hợp nhất của chúng ta làm vô hiệu tính chất của ảo cảm, không cho tác động đến con người. Sức mạnh của ánh sáng hợp nhất của chúng ta hủy diệt sự sống đang sau ảo cảm”.

Các lời lẽ này rất gần giống như các lời trong phương thức cá nhân và nhận được sức mạnh do kinh nghiệm của người tìm đạo và do quen sử dụng các lời lẽ đó. Giai đoạn này
234 tạo ra *Tác Động Xác Định* vốn là phần hai của *Tác Động Phóng Xuất* (Act of Projection).

8.-Bây giờ đến một khía cạnh quan trọng của công việc mà khi đó các thành viên của nhóm hình dung ra sự tan biến và phân rã từ từ của ảo cảm do việc thấu nhập của ánh sáng vào bóng tối của ảo cảm. Họ cố gắng thấy nó tan rã và thực tại xuất hiện, họ làm được điều này nhờ nỗ lực của trí tưởng tượng sáng tạo. Mỗi người sẽ làm điều này theo cách riêng của

mình và tùy theo sự hiểu biết cũng như khả năng người ấy. Đây là *Tác Động Thấu Nhập* (*Act of Penetration*).

9.-Bây giờ tiếp theo là năm phút im lặng và định trí vào mục tiêu trong khi nhóm đang chờ công việc xong để tiến hành. Sau đó, nhóm rút ý thức ra khỏi cõi cảm dục và thế giới ảo cảm. Các thành viên của nhóm lại tập trung sự chú ý trước tiên vào cõi trí và kế đó vào linh hồn, từ bỏ mọi ý nghĩ về ảo cảm, nhờ biết rằng công việc đã được tiến hành một cách thành công. Họ tự tổ chức lại dưới hình thức một nhóm có liên quan với giới linh hồn và liên quan với nhau. Nói theo huyền linh học, “ngọn hải đăng của linh hồn đã tắt mất”. Đây là *Tác Động Triệt Thoái* (*Act of Withdrawal*).

10.-Thánh ngữ OM bấy giờ được ngân lên trong nhóm; và bấy giờ để nhấn mạnh rằng công việc của nhóm được kết thúc, mỗi thành viên của nhóm ngân lên thánh ngữ OM một mình, và nói:

“Mong sao việc đó xảy đến và giúp tôi trong cuộc sống riêng của tôi để kết thúc mọi ảo cảm và giả dối”.

Nó sẽ giúp người tìm đạo vào một lúc nào đó có được sự dễ dàng trong việc này, nhưng điều hiển nhiên là khi học được những gì thuộc về kỹ thuật phụng sự hoàn toàn mới, thì mỗi giai đoạn phải được chế ngự và thực hành trong một thời gian rất lâu. Mọi ngành học mới đều cần một số thời gian mới trở nên quen thuộc và điều này không có ngoại lệ. Nhưng nỗ lực đều xứng đáng cả hai mặt theo quan điểm cá nhân và với tư cách là một hành vi phụng sự nhân loại.

Tất cả các nhóm đều có thể học cách hành động trong ánh sáng, rồi ảo cảm có thể biến khỏi mọi kiếp sống của bạn để cho bạn có thể tự do đi lại trong ánh sáng đó và dùng ánh

sáng đó cho kẻ khác là ước mong tận trong tâm của tôi đối với bạn.

Phương Thức Xua Tan Ảo Cảm (Dành cho cá nhân)

Các giai đoạn chuẩn bị

1.– Nhận ra ảo cảm phải bị xua tan. Giai đoạn này gồm có:

- a. Quyết tâm hợp tác với linh hồn.
- b. Hiểu được bản chất của ảo cảm đặc biệt.

2.– Ba giai đoạn tập trung:

- a. Tập trung cả hai ánh sáng vật chất và trí tuệ vào thể trí.
- b. Nhờ tham thiền, tập trung hai ánh sáng này với ánh sáng của linh hồn.
- c. Tập trung ba ánh sáng này và như thế tạo ra ngọn đèn rọi để xua tan ảo cảm.

3.– Chuẩn bị sẵn sàng qua sự chỉnh hợp (alignment) và hội nhập (integration). Đây là việc tạo ra một trường với chất liệu thu hút bằng tư tưởng.

4.– Chuyển sự chú tâm và ngọn đèn rọi của thể trí vào cõi cảm dục.

Cách thức

5.– Linh hồn thở ra/ truyền (breathes out) thánh ngữ OM vào phạm ngã đang chờ đợi, nhờ đó ánh sáng và sức mạnh sinh ra được giữ lại để sử dụng.

6.– Một ánh sáng mạnh mẽ được tạo ra một cách từ từ và có chủ tâm.

7.- Ý chí tinh thần được khơi dậy trong khi thể trí được giữ ổn định trong ánh sáng.

8.- Ảo cảm cần phải xua tan còn ngọn đèn rọi của trí tuệ được liên kết vào.

9.-Bấy giờ ngọn đèn rọi được bật lên nhờ tác động của ý chí và một tia sáng mạnh mẽ được phóng vào ảo cảm.

10.- Huyền cảm được đặt tên và người tìm đạo thoát ra với sự nhất tâm không nghe được:

“Sức mạnh của ánh sáng ngăn chặn sự xuất hiện của ảo cảm (gọi tên ảo cảm). Sức mạnh của ánh sáng vô hiệu hóa tính chất của ảo cảm không cho tác động vào tôi. Sức mạnh của ánh sáng hủy diệt sự sống đang sau ảo cảm”.

11.- Thánh ngữ OM được người tìm đạo ngân lên, tạo ra Tác Động Thấu Nhập. Điều này tạo ra sự va chạm, xâm nhập và tan biến.

12.- Nhờ làm xong việc này, người tìm đạo tự rút mình một cách hữu thức lên cõi trí và tia sáng tắt mất.

Hình thức vắn tắt của Phương thức cho cá nhân

1.- Bốn giai đoạn chuẩn bị:

- a. Nhận ra ảo cảm cần phải làm tan rã.
- b. Tập trung hai ánh sáng của phàm ngã.
- c. Thiền định và biết được ánh sáng của linh hồn.
- d. Hợp nhất ba loại ánh sáng.

2.- Tiến trình chinh hợp và hội nhập được nhận ra.

3.- Chuyển hướng ngọn đèn rọi của thể trí vào cõi cảm dục.

Cách thức.

4.- Linh hồn hoạt động và giữ lại ba loại ánh sáng.

- 5.- Tạo ra và hình dung ra ngọn đèn rọi.
- 6.- Kêu gọi Ý Chí đằng sau ngọn đèn rọi của thể trí.
- 7.- Ngọn đèn của trí tuệ chiếu lên trên ảo cảm, do tư tưởng hướng dẫn.
- 8.- Gọi tên ảo cảm và xác nhận ba lần.
- 9.- Tác động thấu nhập.
- 10.- Tiến trình triệt thoái.

Cách Thức Xua Tan Ảo Cảm Thế Gian

(Phương pháp dành cho nhóm).

Các giai đoạn chuẩn bị.

1.Điểm danh các thành viên trong nhóm, sau đó im lặng trong mười phút.

2.Cách thức bảo vệ: các thành viên của nhóm đồng nói:

238 *“Với tư cách là linh hồn, tôi hoạt động trong ánh sáng, còn bóng tối không thể chạm đến tôi.*

Tôi đứng trong ánh sáng.

Tôi hành động và từ điểm đó tôi không bao giờ di chuyển”.

Khi thốt ra các lời này, mỗi thành viên của nhóm đều làm dấu Chữ Thập Thiên Liêng.

3.Ba giai đoạn chuẩn bị:

a. Tập trung hai ánh sáng vật chất và trí tuệ.

b.Thiên định về sự tiếp xúc với linh hồn và nhận biết ánh sáng của linh hồn.

c. Hòa lẫn hai ánh sáng nhỏ với ánh sáng linh hồn.

4. Khi trưởng toán ra dấu, cả nhóm cùng nói:

“Ánh sáng là một và trong ánh sáng đó chúng ta sẽ thấy được ánh sáng. Đây là loại ánh sáng sẽ biến đêm tối thành ngày”.

OM OM OM

Cách thức.

5. Bây giờ cả nhóm cùng nói:

“Chúng ta là ánh sáng tỏa chiếu và sức mạnh. Chúng ta lúc nào cũng mở rộng đôi tay, nối liền trời với đất, cõi giới ý nghĩa bên trong và cõi ảo cảm tình anh.

Chúng ta đạt được ánh sáng và đưa ánh sáng đó xuống đáp ứng với nhu cầu. Chúng ta đạt đến Chốn tịch lặng và từ đó mang lại món quà hiểu biết. Như vậy, chúng ta làm việc với ánh sáng và chuyển bóng tối thành ngày”.

239 Khi thốt ra lời này, các thành viên của nhóm hình dung ra ngọn đèn chiếu vĩ đại mà họ đã tạo ra bằng cách xoay chuyển ánh sáng của nó vào cõi cảm dục.

6. Tạm ngưng một chốc rồi sau đó khẩn nguyện ý chí tâm linh. Khi làm xong điều này, cả nhóm cùng nói:

“Với sức mạnh ở trên tia sáng, ánh sáng được tập trung vào mục tiêu”.

7. Ảo cảm cần làm tan biến được đặt tên và ánh sáng được chiếu vào đó. Các Quyền Lực Từ được thốt lên:

“Sức mạnh của ánh sáng hợp nhất của chúng ta ngăn chặn sự xuất hiện ảo cảm...(gọi tên ảo cảm).

Sức mạnh của ánh sáng hợp nhất của chúng ta làm vô hiệu tính chất của ảo cảm không cho tác động đến con người.

Sức mạnh của ánh sáng hợp nhất của chúng ta hủy diệt sự sống đằng sau ảo cảm"

8. Hình dung ra ánh sáng, đang xâm nhập vào ảo cảm và làm cho nó yếu đi và tan rã.

9. Năm phút yên lặng và tập trung vào mục tiêu trong khi công việc còn đang diễn tiến. Bây giờ các thành viên của nhóm tự tái tập trung vào cõi trí, chuyển sự chú tâm của họ ra khỏi cõi cảm dục. Ngọn đèn rọi của linh hồn bị tắt đi.

10. Mỗi thành viên đọc lớn lên thánh ngữ OM một cách riêng biệt.

Hình thức ngắn gọn của cách thức cho nhóm.

1. Đặt tên.
2. Bảo vệ.
3. Tập trung ánh sáng.
4. Định hướng
5. Kêu gọi đến Ý chí
6. Phóng phát và xác định
7. Thấu nhập
8. Triệt thoái.

240

Việc nghiên cứu về ảo cảm của chúng ta gần kết thúc. Chúng ta đã đưa ra chủ đề liên tiếp một cách ổn định và đã vạch ra ba khía cạnh của ảo tưởng thế gian khi nó xuất hiện trên cõi trí và ở đó chi phối giới trí thức của thế gian; khi nó hiện ra trên cõi cảm dục nơi mà nó tạo thành ảo cảm mà đa số nhân loại chịu nhượng bộ; bây giờ chúng ta sẽ xét thế giới ảo lực mà trong đó chúng ta sống, hoạt động và hiện tồn về mặt vật chất.

Tôi tự hỏi không biết những người đọc thấy các lời của tôi có đánh giá được sự quan trọng của toàn bộ vấn đề này không hoặc là nếu họ biết được lãnh vực phụng sự rộng lớn mà nó mở ra, có đem lại thực dụng – như nó hiện đang làm – cho mọi cuộc sống nhân loại, và cũng nêu ra các giai đoạn nhờ đó Thực Tại có thể được nhận biết và mọi hình thức che lấp sẽ biến mất. Đằng sau các ngôn từ về ảo tưởng, ảo cảm và ảo lực này có ẩn tàng Chân Lý. Chân lý này là ý thức rõ ràng của Bản Thể, của Sự Sống và của Thực Tại chủ yếu ban đầu. Đó là lý do giải thích tại sao Đức Christ đứng im lặng trước Pilate, kẻ tượng trưng cho trí tuệ con người; Ngài biết rằng không có câu trả lời nào có thể mang lại ý nghĩa cho thể trí bị che lấp, ức chế đó.

Huyễn tượng (Illusion) là tình trạng gương gạo đem sự hiểu biết có giới hạn, tri thức tầm thường/ thể tục để cố giảng giải chân lý cao siêu, nên vô tình phủ lên và che giấu chân lý đó đằng sau đám mây của các hình tư tưởng. Lúc đó, các hình tư tưởng này lại trở thành có thực hơn cả chân lý mà chúng đang che lấp, và tất nhiên kiềm chế việc tiếp cận với Thực Tại của con người. Qua ảo tưởng, con người bắt đầu biết được bộ máy của tư tưởng, biết được hoạt động của bộ máy đó, được biểu hiện trong việc tạo ra hình tư tưởng và biết được những gì y thành công trong việc kiến tạo và những gì mà y nhìn thấy như là sự sáng tạo của trí tuệ y. Tuy nhiên, y đã tạo ra một ngăn cách giữa chính y với những gì *hiện hữu* và chỉ khi
 241 nào y dốc hết các nguồn tài nguyên của trí tuệ mình hoặc đã cố ý từ chối sử dụng trí tuệ đó, thì trực giác thiêng liêng của y mới có thể tác động được. Chính *trực giác* mới giúp khai mở Bản Thể đích thực và giúp tạo ra một tình trạng nhận thức tâm

linh. Bây giờ kỹ thuật của Bản Lai Diện Mục (Presence) trở thành một thói quen ổn cố (established habit).

Đến phiên nó, *huyễn cảm* lại che lấp và ẩn giấu chân lý đằng sau đám sương mù của cảm giác và phản ứng xúc cảm; chính mãnh lực duy nhất và khủng khiếp, do sức mạnh của bản chất nhân loại muốn tự đồng hóa với bản chất cảm dục và với bản chất linh hoạt của chính sự đáp ứng hữu thức có tri giác. Như bạn biết và được giảng dạy, ảo cảm chỉ có thể bị xua tan bằng dòng chảy vào của ánh sáng trong treo và có định hướng. Điều này thì đúng đối với kiếp sống của riêng từng người hay của nhân loại nói chung. Trước tiên *sự giác ngộ* tiết lộ cho thấy sự hiện hữu của ảo cảm; nó mang lại các tương phản gây phiền não với những gì mà tất cả những người tìm đạo chân chính đang tranh đấu và sau đó nó dần dần tràn ngập sự sống với một mức độ rộng lớn đến nỗi sau rốt ảo cảm hoàn toàn tan biến. Bây giờ con người thấy được mọi sự việc theo đúng bản chất của chúng – một bề ngoài đang che giấu cái chân, cái thiện và cái mỹ. Bây giờ các đối cực tan hòa vào nhau (resolved) và ý thức được thay thế bằng một tình trạng nhận thức – một nhận thức về Bản Thể mà chúng ta không có tên gọi thích hợp. Phương pháp Ánh Sáng trở thành một tình trạng thường xuyên.

3. PHƯƠNG PHÁP ĐIỂM NHIÊN

(Technique of indifference)

Bây giờ chúng ta nghiên cứu ngắn gọn về trạng thái thứ ba của ảo tưởng, mà chúng ta đặt tên là ảo lực (Maya), và phương cách có thể vượt qua nó. Tiếp theo chúng ta sẽ bàn đến Phương pháp Điểm Nhiên có liên quan đến việc phân

phối sức mạnh của linh hồn trên cõi trần xuyên qua cõi dĩ thái, đưa đến linh hứng. Việc này có liên quan đến Môn học về cách thở (Science of Breath).

Vậy thì ảo lực là gì? Hỡi huynh đệ, ảo lực không định nghĩa được dễ dàng đâu, vì nó có liên quan đến hoạt động kiến tạo hình hài của chính Hành Tinh Thượng Đế (Planetary Logos). Tuy nhiên, khi xét sự tương đồng hiện có giữa tiểu vũ trụ với đại vũ trụ, người ta có thể hiểu được phần nào. Linh hồn tạo ra ba biểu lộ trong ba cõi sinh hoạt của con người. Đây là một chân lý huyền linh. Hình hài bên ngoài, tức thể xác nhị phân (gồm thể xác trọng trực và thể sinh lực hay thể dĩ thái, được sinh ra, sáng tạo, kích hoạt, phú cho năng lượng và bị chi phối bởi một vài năng lượng và sức mạnh, xuất phát từ các cảnh giới mà linh hồn đã – dù đúng hay sai – **bố trí /hoạch định một phản ứng để đồng nhất hóa trên cõi ấy**. Hỡi huynh đệ, hãy ghi nhớ câu này. Các điều này tạo ra bản chất con người; chúng mang lại cho con người tính tình (temperament), kỹ năng chuyên môn (profession) và đặc tính (quality) trên cõi trần; chúng làm cho con người trở thành tiêu cực hoặc tích cực tùy theo các loại năng lượng tác động khác nhau; chúng mang lại cho một người tính chất riêng của người ấy và giúp cho người này có một sắc thái riêng biệt so với những người khác. Chúng tạo ra phong cách của con người, các năng khiếu và nhân cách của người ấy. Kẻ thường nhân tự đồng hóa mình với tất cả các điều này; y tin rằng chính y là hình hài, tức là phương tiện mà nhờ đó y cố gắng thể hiện các ham muốn và ý tưởng của mình. Việc hoàn toàn đồng hóa với sáng tạo tạm thời và với sắc tướng bên ngoài chính là ảo lực. Cần phải ghi nhớ rằng ảo lực của cá nhân (individual maya) là một phần rất nhỏ của thế giới chứa các năng lượng và các lực đang tạo ra sự

sống biểu lộ của Hành Tinh Thượng Đế, vốn chi phối cuộc sống bên ngoài của hành tinh chúng ta và làm cho hành tinh của chúng ta mang một dáng vẻ riêng biệt so với các hành tinh khác.

Sự khác nhau giữa con người, tức tiểu vũ trụ (microcosm), với Hành Tinh Thượng Đế, Đấng Chương Quản Địa Cầu (Lord of the World), hay Đại Vũ Trụ (Macrocosm), nằm ở chỗ là Đấng Chương Quản Địa Cầu không đồng hóa (identified) với ảo lực mà Ngài đã tạo ra, sau rốt ảo lực này cũng có mục đích là mang lại việc giải thoát cho các “tù nhân của hành tinh”⁽¹⁾. Ngài tuyệt đối không dính dáng (supremely indifferent) với Ảo Lực đó và chính sự tuyệt đối không dính dáng này đã đưa tới đại ảo tượng trong thần học về một Thượng Đế nhân hình và đưa đến niềm tin (ở Đông Phương) rằng hành tinh chúng ta chỉ là hậu cảnh hay là món đồ chơi của các Vị Thần. Chính sự không dính dáng về vũ trụ này đã dẫn đến ảo cảm của nhân loại về “Ý Chí bất khả tri của Thượng Đế” (“inscrutable will of God”) và đưa đến sự quả quyết rằng Thượng Đế rất xa cách và không hiện hữu trong mọi tạo vật, và trong mọi nguyên tử cấu thành tạo vật đó. Các điều này là một số khía cạnh của ảo cảm và ảo tượng cần phải xua tan, và trong tiến trình đó, người ta khám phá ra rằng hình tượng chỉ là ảo lực và có thể không cần để ý đến, rằng các mãnh lực có thể được kiến tạo và điều khiển bằng năng lượng, và rằng thế giới ý tưởng, lãnh vực ý thức tri giác và môi trường tác động của năng lượng là một cái gì tách biệt với Chủ Thể Tư Tưởng, tách biệt với Đấng Duy Nhất vốn đang

¹ Tù nhân của hành tinh (Prisoners of the planet) tức là con người tinh thần, thiêng liêng. (Trích Đường Đạo Kỷ Nguyên Mới II, 398).

cảm nhận và tách biệt với tất cả các Diễn Viên của nhiều vai trò mà Linh Hồn đang thủ diễn.

Sau rốt, điều quan trọng hơn hết (trong khi còn luân hồi) ấy là vị đệ tử học cách để biết chính mình sẽ là người điều khiển các mãnh lực; y điều khiển các lực này từ độ cao của Đấng Quan Sát thiêng liêng và nhờ đạt được sự dứt bỏ. Đây là các điều mà tôi thường nói với bạn trước kia. Đối với bạn, các chân lý này chỉ là các điều tầm thường của huyền linh học và tuy thế, nếu bạn có thể hiểu được đầy đủ ý nghĩa của sự dứt bỏ và giữ bình thản với tư cách Chủ Thể Điều Khiển đang quan sát (the observing Director) thì sẽ không còn một hoạt động nào vô ích nữa, không còn các hành vi lỗi lầm và không còn các giải thích sai lệch nữa, không còn việc đi lang thang vào các lối đi quanh co của cách sống hằng ngày nữa, không còn thấy những sự kiện khác qua cái nhìn đầy thành kiến, lệch lạc và – nhất là – không còn lạm dụng sức mạnh nữa.

Suốt bao thời đại, các Chân Sư đã giảng dạy biết bao nhiêu lần cho đệ tử các Ngài (như tôi đã nói với bạn) rằng nhà huyền linh học đang hoạt động trong thế giới của các lực. Tất cả mọi người đều sống, hoạt động và tự biểu lộ ở trong và xuyên qua cùng cõi giới của các năng lượng luôn luôn chuyển dịch, luôn luôn tác động, đang tuôn ra và đang đi đến này. *Dù sao đi nữa, nhà huyền linh học cũng đang hoạt động ở đó; y đang trở thành một tác nhân điều khiển hữu thức; y tạo ra trên cõi trần những gì mà y mong muốn, và những gì mà y mong*
 244 *muốn chính là kiểu mẫu của các đối tượng và bản phác thảo được đặt trên cái giá đỡ của ý thức tâm linh của Đại Kiến Trúc Sư thiêng liêng. Tuy nhiên, y không tự đồng hóa mình với kiểu mẫu hoặc với các mãnh lực mà y sử dụng. Y hoạt động trong thế giới ảo lực, thoát khỏi mọi ảo tưởng, không còn bị ảo*

cảm ngăn trở và không còn bị các sức mạnh của ảo lực kiểm chế nữa. Đối với cõi giới bé nhỏ của riêng y, y nhanh chóng đạt đến cùng một sự “điềm nhiên thiêng liêng” (“divine indifference”) vốn là đặc trưng của Đức Sanat Kumara, Đấng Cai Quản Thế Gian; do đó, càng ngày y càng trở nên biết được Thiên Cơ giống như đã ghi trong Toàn Linh Trí (Universal Mind) và Thiên Lý (Purpose) đang thúc đẩy Ý Chí của Thượng Đế (Will of God).

Chính sự điềm nhiên thiêng liêng này chịu trách nhiệm cho sự việc là trong cố gắng để mô tả “Đấng Thánh Khiết” hay Thượng Đế, và trong nỗ lực để đạt đến một sự hiểu biết nào đó về bản thể của thiên tính, cách thức phủ nhận đã được đưa ra. Thượng Đế không phải thế này; Thượng Đế không phải thế kia; Thượng Đế không phải là điều gì cả; Thượng Đế không phải là thời gian, cũng không phải là không gian; Thượng Đế không phải là cảm giác hoặc tư tưởng; Thượng Đế không phải là hình hài hoặc chất liệu. Thượng Đế chỉ **HIỆN HỮU** (God simply IS). Thượng Đế **ĐANG HIỆN HỮU** (God IS) – tách khỏi mọi biểu lộ và mọi biểu hiện với cương vị là Đấng Vận Dụng năng lượng (Manipulator of energy), Đấng Sáng Tạo (Creator) các thế giới hữu hình và vô hình, Đấng Thấm Nhuần (Pervader) sự sống hay là Đấng Nội Tại (Indweller) trong mọi hình hài. Thượng Đế là Đấng Duy Nhất có thể thu hồi (withdraw) và trong khi thu hồi lại *xua đuổi* (*dispel*), *làm tan biến* (*dissipate*) và lấy đi *sinh khí* (*devitalise*) tất cả những gì đã được sáng tạo – các từ này được dùng với ý nghĩa đầy đủ nhất.

Do đó, điều hiển nhiên đối với bạn là trong ba hoạt động của Thực Tại này, vốn không đồng nhất với biểu hiện bên ngoài, ý chí của Thượng Đế, trạng thái Hủy diệt của Thượng

Để, lại hiện hữu một cách có lợi. Tác động trừu xuất/ triệt thoái (abstraction) sẽ xua tan thế giới ảo tưởng của tư tưởng; việc rút lại sự tập chú thiêng liêng (divine attention) sẽ làm tan rã vũ trụ hữu cảm thức (sentient universe) và đưa ảo cảm đến chỗ kết thúc; việc ngưng sự định hướng thiêng liêng (divine direction) sẽ đem lại cái chết cho cõi trần. Tất cả các hoạt động này là các bằng chứng của ý chí hay của Ngôi Một (first aspect) – ý-chí-hành-thiện (will-to-good) vốn có thể và sẽ tác động một cách hoàn hảo chỉ khi nào thiện chí (goodwill) sau
 245 rất được phát triển một cách đầy đủ trên Cõi Trần, do tác động của con người.

Hỡi huynh đệ, về mặt huyền linh, thì ý chí và hơi thở (will and breath) là các tên gọi đồng nghĩa. Trong cách nói này, bạn có manh mối để chấm dứt ảo lực (maya).

Các ghi nhận nêu trên là các mở đầu cho việc nghiên cứu của chúng ta về Phương Pháp Điềm Nhiên (Technique of Indifference). Cần nêu ra các tương đồng để liên kết các khía cạnh khác nhau của các giáo huấn được đề cập nếu nhận thức đích thực được phát triển. Chúng ta hãy chia việc xem xét của chúng ta về đề tài này như sau:

1. Hoạt động trên cõi dĩ thái, nghĩa là cõi của các lực.
 - a. Sự phân phối các lực.
 - b. Việc vận dụng các lực.
2. Khoa học về Hơi Thở (Science of the Breath).
 - a. Liên hệ của ý chí và hơi thở.
 - b. Nguồn linh hứng.
3. Phương pháp Điềm Nhiên.
 - a. Nhờ định trí (concentration).
 - b. Nhờ từ bỏ (detachment).

Bây giờ chúng ta đi vào lãnh vực huyền linh học thực tiễn. Đây không phải là lãnh vực của đạo tâm hoặc lãnh vực của hoạt động có sắp xếp hướng về những gì cao siêu và đáng ưa chuộng. Ở một số cách thức, thì đây là một hoạt động đảo ngược. Từ mức độ đã đạt được trên thang tiến hóa, vị đệ tử “trụ lại trong Bản Thể Tâm Linh” (bao giờ cũng có sẵn trong y), và một cách có ý thức, có cân nhắc, hoạt động với năng lượng trong ba cõi thấp. Vị đệ tử hướng cho chúng vào thể dĩ thái từ bất cứ cõi nào mà y chọn để hành động – cõi trí, cõi tình cảm hoặc từ chính cõi sinh lực. Y làm điều này phù hợp với một ý tưởng đã được hình dung nào đó, một lý tưởng được ưa thích nào đó, một kiểu mẫu thiêng liêng được cảm nhận nào đó, một hy vọng tâm linh nào đó, một tham vọng được thánh hóa hoặc một ước muốn hiển dương nào đó.

Như bạn đã biết, thể dĩ thái của cá nhân là một phần của thể dĩ thái nhân loại và đến phiên nó, thể dĩ thái nhân loại là một trạng thái của thể dĩ thái hành tinh, thể dĩ thái hành tinh này cũng là phần nội tại của thể dĩ thái thái dương hệ. Một cách tình cờ, trong mỗi liên hệ có ảnh hưởng thực tiễn này, bạn có nền tảng của mọi ảnh hưởng về thiên tượng. Do đó, con người hoạt động trong một vùng xoáy của các lực đủ mọi loại và mọi tính chất. Con người được tạo thành bằng các năng lượng ở mọi phần của quá trình biểu lộ và chưa biểu lộ của y; do đó, con người có liên quan với mọi năng lượng khác. Nhiệm vụ của y là nhiệm vụ cực kỳ khó khăn và cần chu kỳ tiến hóa rất dài. Ở đây chúng ta không thể bàn đến khối năng lượng của thế giới và các lực của thái dương hệ, mà chúng ta sẽ tự giới hạn vào việc xem xét nổi khó khăn cá biệt, khuyến cáo môn sinh nỗ lực mở rộng tâm hiểu biết về tình trạng tiêu vũ trụ đến đại vũ trụ.

a. Sự phân phối và vận dụng mãnh lực trên cõi dĩ thái.

Bây giờ chúng ta sẽ giả dụ rằng người tìm đạo biết được nhu cầu của mình là thiết lập nhịp điệu mới mẻ và cao siêu hơn trong sự sống ở cõi trần, để sắp xếp thời giờ của mình cho tuân theo mệnh lệnh của chân ngã mình và để tạo ra, một cách hữu thức và một cách khoa học, các hiệu quả mà – vào các thời điểm thuận tiện nhất của người ấy – được đưa ra cho y như là đang mong muốn. Hiện giờ người tìm đạo đang có một số hiểu biết nào đó về khí cụ khả dụng cho nhiệm vụ của mình và đã quán triệt được một số sự kiện liên quan đến thể dĩ thái. Các cặp đối hợp được y nhìn thấy một cách rõ ràng, dù cho, cho đến nay, y vẫn chịu ảnh hưởng của một trong các cặp đối hợp đó; y biết được sự bất đồng cơ bản giữa cái thấy của y về sự thánh thiện với cách diễn tả của y về sự thánh thiện đó. Y đã học được rằng y là ba phản ảnh của Tam Vị Nhất Thể cao siêu và – đối với y, Tam Vị Nhất Thể này là Thực Tại (Reality).

247 Y hiểu được rằng, thể trí, thể tình cảm và thể xác sau rốt được định sẵn để biểu lộ thực tại đó. Cuối cùng y biết được rằng nếu trạng thái trung gian đó của chính y, tức thể dĩ thái, có thể được kiểm chế và định hướng đúng thì bấy giờ việc nhìn thấy và diễn tả sau rốt, sẽ phải ăn khớp nhau. Y cũng biết được rằng thể xác trọng trực (cái sắc tướng hữu hình bên ngoài) chỉ là một người máy (automaton), tuân theo bất cứ mãnh lực và năng lượng nào là các nhân tố kiểm chế trong chủ thể, đang chi phối con người. Có phải chăng thể xác đó cần được chi phối bằng mãnh lực tình cảm, đang tuôn đổ qua bí huyết xương mông và tạo ra sự ham muốn để thỏa mãn các khát vọng vật chất, hoặc là qua bí huyết nhật tùng để đưa đến một loại thỏa mãn tình cảm nào đó? Có phải chăng điều đó đáp ứng với thể trí và công việc phần lớn ở dưới sự thôi thúc của

tư tưởng được phóng ra? Có lẽ điều đó phải được điều khiển bằng một năng lượng lớn hơn bất cứ năng lượng nào trong số các năng lượng mà từ trước đến giờ tỏ ra vô hiệu lực, tức năng lượng của linh hồn với tư cách là một biểu hiện của Đấng Thánh Khiết? Có phải điều đó xảy ra dưới sự thôi thúc của các phản ứng có tri giác, các ý tưởng và tư tưởng phát xuất từ những người khác nhau hay là cần được kích động và thúc đẩy vào hoạt động dưới sự hướng dẫn của Huyền Giai tinh thần (Spiritual Hierarchy) chăng? Đó là một số câu hỏi cần phải tìm ra câu trả lời. Giai đoạn ao ước, mơ tưởng và suy tư đầy thèm muốn hiện nay phải được thay thế bằng tác động trực tiếp và bằng việc sử dụng được sắp xếp cẩn thận các mãnh lực đang có, hoạt động bằng hơi thở, dưới sự hướng dẫn của con mắt nội tâm và được kiểm chế bằng con người tâm linh. Như vậy các năng lượng nào có thể và phải được sử dụng? Các mãnh lực nào phải được đưa vào dưới sự điều khiển? Bằng cách nào mà chúng có thể được kiểm chế? Phải chăng chúng không được thông hiểu và như thế trở thành vô ích do sự vô minh đó, hay là chúng là các mãnh lực vốn được cần đến trong công cuộc sáng tạo vĩ đại?

Điều hiển nhiên đối với bạn là ở giai đoạn đầu, nhà sư khảo tâm linh phải đảm bảo chắc chắn – đích thực và dưới ánh sáng của linh hồn y – nơi chốn chính xác cho sự tập trung của y về sự đồng nhất. Bằng cách đó tôi muốn nói: Có phải 248 chẳng cách sử dụng năng lượng chính của y là ở cõi trí? Có phải y có ưu thế về tình cảm và sử dụng sức mạnh từ cõi cảm dục trong phần lớn thời gian không? Y có thể giao tiếp với linh hồn và mang lại năng lượng linh hồn theo cách nào để nó vô hiệu hóa hoặc bù đắp cho sức mạnh phàm ngã y? Như vậy y có thể sống giống như một linh hồn trên cõi trần, xuyên qua

thể dĩ thái không? Nếu y nghiên cứu một cách nghiêm chỉnh vấn đề này, y sẽ khám phá đúng lúc các mãnh lực nào chiếm ưu thế trong thể dĩ thái và sẽ bắt đầu biết được một cách rõ rệt về thời gian và kinh nghiệm vốn cần có cho việc sử dụng năng lượng linh hồn. Hỡi huynh đệ, điều này cần có thời gian và sẽ là kết quả của việc quan sát lâu dài và việc phân tích chặt chẽ về các hành vi và các phản ứng có tri giác, đối với các lời lẽ và các tư tưởng. Như bạn có thể thấy, ở đây chúng ta có liên hệ chặt chẽ với vấn đề thực hành mà đồng thời là một phần nội tại trong việc nghiên cứu của chúng ta và nó sẽ gọi ra các thay đổi cơ bản trong cuộc đời của vị đệ tử.

Y nên gia tâm vào việc quan sát và phân tích sức mạnh của một hay nhiều lực có dính líu vào, các điều kiện sẽ làm các lực ấy tác động, tần suất xuất hiện của chúng chỉ cho y thấy cái mới lạ hoặc thói quen, cũng như bản chất của sự biểu lộ của chúng. Bằng cách này, y sẽ đạt đến một hiểu biết mới về các yếu tố chi phối đang tác động qua thể sinh lực của y và làm cho y hành xử theo đúng bản chất của mình trên cõi trần. Điều này sẽ chứng minh cho y có sự trợ giúp tinh thần sâu xa và có ý nghĩa.

Tuy nhiên, giai đoạn quan sát này được giới hạn vào sự quan sát sáng suốt của trí tuệ. Nó tạo thành nền móng của công việc phải làm, mang lại sự vững tin và sự hiểu biết nhưng để lại tình trạng y như cũ. Giai đoạn kế tiếp của y là bắt đầu biết được tính chất của các lực được dùng; để đảm bảo điều này y sẽ thấy là cần tìm ra không những cung linh hồn và cung phạm ngã của mình mà còn phải biết các cung của bộ máy trí tuệ của y và bản chất tình cảm của y nữa. Tất nhiên

249 điều này sẽ đưa đến một giai đoạn tìm tòi và thận trọng quan sát khác, nếu y chưa biết được chúng. Khi tôi bảo cho bạn biết

rằng đối với thông tin này, y cần phải có thêm việc xem xét chặt chẽ về các tiềm năng của các mãnh lực và năng lượng tác động đến y về mặt thiên tượng, bạn sẽ thấy người ấy đã tự đặt mình vào một nhiệm vụ nghiêm nhặt như thế nào. Không những y phải tách riêng năm loại năng lượng cung của mình, mà y còn phải chấp nhận những năng lượng cung thái dương của y vì nó chi phối phạm ngã y, và năng lượng của cung mệnh của y nữa vì nó tìm cách thúc đẩy phạm ngã đó đáp ứng với linh hồn, như vậy thể hiện mục tiêu của linh hồn nhờ sự hợp tác của phạm ngã.

Do đó, có bảy yếu tố đang chi phối tính chất của các lực đang tìm cách biểu lộ qua thể dĩ thái:

1. Cung linh hồn.
2. Cung phạm ngã.
3. Cung của thể trí.
4. Cung của bản chất tình cảm.
5. Cung của thể xác.
6. Năng lượng của cung thái dương.
7. Ảnh hưởng của cung mệnh.

Tuy nhiên, khi các cung này được xác định và có một số đảm bảo đối với chân lý đích thực của chúng, thì toàn bộ vấn đề bắt đầu sáng tỏ và vị đệ tử có thể hành động với sự hiểu biết và cảm thông. Y trở nên nhà hoạt động khoa học trong lãnh vực của các lực ẩn tàng. Bây giờ y biết được những gì y đang làm, loại năng lượng nào mà y phải hoạt động với nó và bắt đầu *cảm nhận (feel)* được các năng lượng này khi chúng tìm cách đi vào dĩ thái thể.

Bây giờ đến giai đoạn mà y ở vào vị thế khám phá ra thực tại và công việc của bảy bí huyết đang cung cấp lối vào và lối

ra cho các lực và năng lượng đang hoạt động mà y có liên hệ trực tiếp trong lần nhập thế đặc biệt này. Y tiến vào một giai đoạn dài để quan sát, để thực nghiệm, học hỏi kinh nghiệm và
 250 tạo ra một thử thách và sai lầm, một thành công và thất bại, một hoạt động vốn sẽ cần đến mọi sức mạnh, can đảm và sức chịu đựng đối với những gì có thể xảy đến cho y.

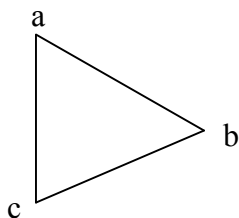
Nói chung, năng lượng của linh hồn tác động qua bí huyết đầu, bí huyết cao nhất, và được đưa vào hoạt động nhờ tham thiền và khả năng được dùng trong việc giao tiếp. Năng lượng của phạm ngã hội nhập được tập trung qua bí huyết ấn đường, giữa hai mắt; và khi đệ tử có thể tự đồng hóa chính mình với năng lượng đó, và cũng biết được bản chất và rung động của năng lượng linh hồn mình, bấy giờ y có thể bắt đầu hành động với sức mạnh có định hướng, bằng cách dùng đôi mắt như là tác nhân hướng dẫn. Khi bạn đã thành công trong các nghiên cứu của bạn thì vị đệ tử có được ba con mắt có khả năng thấu suốt và có định hướng.

1. *Con mắt nội tâm* (*the inner eye*), tức là con mắt đơn thuần của con người tâm linh. Đây là con mắt đích thực của linh thị và có liên hệ đến ý tưởng về nhị nguyên (của nhà nhãn thông và những gì được nhìn thấy). Đó là con mắt thiêng liêng. Chính nhờ con mắt này mà linh hồn nhìn thấu thế giới con người và nhờ đó chọn hướng cho phạm ngã.

2. *Con mắt phải* (*the right eye*), con mắt của tuệ giác (*the eye of buddhi*), con mắt này có liên quan đến sự đáp ứng trực tiếp với con mắt nội tâm. Nhờ con mắt này mà hoạt động cao siêu nhất của phạm ngã có thể được hướng dẫn trên cõi trần. Do đó, liên quan đến việc này, bạn có một tam giác gồm các

mãnh lực tâm linh có thể được đưa vào hoạt động duy nhất bởi vị đệ tử tiến hóa và điểm đạo đồ.

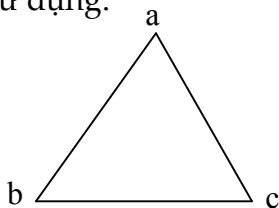
- a. Con mắt tâm linh (spiritual eye)
- b. Bí huyết ấn đường (ajna center)
- c. Con mắt phải (right eye)



251 Chính là nhờ bộ ba này mà đệ tử điểm đạo có luyện tập sẽ hoạt động được khi giao tiếp với một nhóm người hay với một cá nhân.

3. *Con mắt trái (the left eye)* tức con mắt trí tuệ (the eye of manas), tác nhân phân phối năng lượng trí tuệ dưới sự kiểm chế chính xác – chính xác đối với các mục tiêu của phàm ngã. Con mắt này cũng là một phần của tam giác lực, rất có ích cho người tìm đạo và đệ tử nhập môn sử dụng.

- a. Bí huyết ấn đường
- b. Mắt trái.
- c. Mắt phải



Con mắt nội tâm hay con mắt thiêng liêng đang im lìm và tương đối bất động, chỉ là cơ quan quan sát đối với linh hồn và – trong đa số trường hợp – chưa phải là một tác nhân phân phối để hướng dẫn năng lượng của linh hồn. Tuy nhiên, người tìm đạo biết giữ giới luật và tái định hướng, đã hội nhập và tập trung vào phàm ngã thanh luyện, đang vận dụng cả hai mãnh lực của thể trí và thể bồ đề; y bắt đầu có trực giác và chủ yếu là mở trí. Khi cả hai tam giác này ở dưới sự kiểm soát và đang bắt đầu tác động một cách thích hợp, thì bảy bí huyết trong thể dĩ thái ở dưới sự hướng dẫn sáng suốt, trở thành nơi tiếp nhận sự nhịp nhàng được thiết lập của người đã tiến hóa và tất nhiên cho thấy đó là một dụng cụ cho linh

hồn, nhờ đó các năng lượng thích hợp có thể chảy vào, và việc tổ chức đầy đủ cùng với mục tiêu của vị Con của Thượng Đế đang hoạt động có thể được biểu lộ trên cõi Trần.

Kế đến là giai đoạn định hướng (stage of direction). Linh hồn hoặc phạm ngã hội nhập nắm quyền chỉ huy, hoặc là – ở trên một vòng xoắn cao hơn – Chân Thần nắm quyền điều khiển, còn phạm ngã lúc bấy giờ chỉ là kẻ thừa hành của tinh thần. Xuyên qua hai tam giác hay qua cả hai đang hoạt động đồng bộ, các bí huyết nằm trên xương sống (tất cả là năm cái) đều ở dưới sự kiểm chế nhịp nhàng. Năng lượng được hướng vào hoặc xuyên qua các bí huyết; các bí huyết từ từ mang lại vẽ mỹ lệ của hệ thống được mô tả như là “Sự sống tỏa sáng cùng Thượng Đế” (“life aflame with God”); đó là cuộc sống có thực hành và phụng sự tâm linh trong đó tam giác cao trở nên mạnh nhất.

Ba phát biểu sau đây tóm tắt câu chuyện về sự giải thoát sau cùng của vị đệ tử ra khỏi Đại Áo Tường:

Thứ nhất: Khi linh hồn, vốn đang tác động qua tam giác cao, trở thành tác nhân điều khiển, thì ảo tưởng bị xóa tan. Thế trí trở nên sáng tỏ (illumined).

Thứ hai: Khi phạm ngã (dưới ảnh hưởng ngày càng tăng của linh hồn) tác động qua tam giác thứ hai, thì ảo cảm bị xua tan. Việc kiểm chế bản chất cảm dục bị gián đoạn.

Thứ ba: Khi vị đệ tử, đang hành động với tư cách linh hồn và với tư cách một phạm ngã hội nhập, đảm trách chiều hướng biểu lộ sự sống của mình, thì ảo lực hay thế giới năng lượng dĩ thái trở nên mất sinh khí, và chỉ có các lực và năng lượng này được sử dụng để giúp cho nhu cầu của vị đệ tử hay đệ tử điểm đạo, khi vị này đã làm tròn Thiên ý (divine intent).

Bạn nên ghi nhận rằng tất cả mọi điều này đều được tiểu biểu và diễn ra trong bảy công đoạn được tả ở trên. Điều này có thể được tóm tắt như sau:

1. Vị đệ tử tìm ra chỗ tập trung sự đồng nhất hóa của mình.

2. Vị đệ tử xác định được bản chất của các lực mà mình quen sử dụng và dường như luôn luôn thúc đẩy mình hành động.

253 3. Đệ tử trở nên biết được sức mạnh và tần suất biểu lộ mãnh lực này.

Tất cả mọi điều này đều được tiến hành dưới hình thức người quan sát đã mở trí.

4. Y bắt đầu biết được tính chất của các lực được dùng, mối liên hệ về cung của chúng hoặc ý nghĩa về mặt thiên tượng của chúng.

Đây là một hoạt động thuộc giác quan, có tri thức và không đặt căn bản ở thể trí như ba giai đoạn trước kia.

5. Y đồng nhất hóa với các bí huyệt trong thể dĩ thái và trở nên biết được sự sống cá biệt của các bí huyệt đó như là phương tiện thừa hành của lực.

6. “Hai tam giác linh thị và định hướng” ở trong đầu đang đạt tới giai đoạn tổ chức và trở thành:

a. Các cơ cấu linh hoạt và đang tác động.

b. Liên kết và tác động như là một khí cụ biểu lộ. Đây là một hoạt động chủ quan và khách quan.

7. Thúc đẩy cho thể xác hoạt động qua phương tiện của các tác nhân hướng dẫn trong đầu và qua các bí huyệt trên xương sống.

Bấy giờ nảy sinh ra vấn đề là làm thế nào điều này phải xảy ra. Điều này đưa chúng ta đến điểm thứ hai.

b. Sử dụng môn học về Hơi Thở.

Có rất nhiều điều vô nghĩa được nói và giảng dạy đối với môn học về Hơi Thở. Nhiều nhóm đang đưa ra rất nhiều điều chỉ dẫn nguy hiểm liên quan đến cách thở – nguy hiểm vì nó được dựa vào sự hiểu biết bằng sách vở (book knowledge) còn những người đề xuất (exponent) thì không bao giờ thực hành môn học đó một cách rộng rãi cho chính họ, và nguy hiểm bởi vì nhiều nhóm chỉ khai thác kẻ không chuẩn bị thường là với 254 mục đích thương mại. May thay đối với đa số người tìm đạo, thông tin và hướng dẫn đưa ra cho họ đều yếu ớt, không chính xác và thường là vô hại, mặc dầu có nhiều trường hợp có phản ứng tai hại một cách đáng kể; cũng may mắn là mục tiêu của người tìm đạo bậc trung thì yếu ớt đến nỗi y không thể kiên trì luyện tập hằng ngày, nhất nhất theo đúng luật lệ và không thực hành hết những gì đã được cam kết là sẽ thành công một cách đáng ngờ; do đó, trong các trường hợp này không hề có sự nguy hiểm. Nhiều nhóm huyền linh học khai thác chủ đề này để tạo nên sự huyền bí và để thuyết phục kẻ thiếu thận trọng hay đưa ra cho các môn đồ của họ một điều gì để thi hành và như vậy để họ được tiếng tăm cho riêng họ là nhà huyền bí học thông thái và lão luyện. Bất cứ ai cũng có thể giảng dạy các bài tập thở, phần lớn là việc hít vào và thở ra theo chu kỳ, còn giờ giấc và không gian được ấn định theo ý muốn của người dạy. Khi nào có nỗ lực kiên trì, thì sẽ có kết quả và khi đó thường sẽ có điều không được ưa thích bởi vì người giảng dạy bình thường chỉ nhấn mạnh vào kỹ thuật thở chứ không nhấn mạnh vào ý tưởng – dựa vào năng lượng mà

hoi thở đó sản sinh ra – vốn sẽ chiếm lấy hình dạng trong cuộc sống của đệ tử.

Toàn bộ khoa học về hoi thở được thiết lập chung quanh việc sử dụng Thánh Ngữ O.M. Việc dùng Thánh Ngữ được hoạch định giới hạn cho những người tìm đạo cam kết nghiêm chỉnh bước vào Đường Đạo, nhưng việc đó đã đi quá mức và cách sử dụng Thánh Ngữ lại do nhiều người thầy thiếu cẩn trọng dạy ra, đặc biệt là các đạo sư từ Ấn Độ đến, họ tạo điệu bộ như là Thánh Nhân (Holy Men) và đưa các tín nữ khờ khạo ở phương Tây vào sự kiểm chế của họ. Lúc bấy giờ Thánh ngữ được sử dụng không theo một dụng ý tâm linh nào cả mà chỉ như là một âm thanh được mang theo hoi thở, tạo ra các kết quả tâm thông, đó là chỉ dẫn về sự thiếu hiểu biết/cả tin so với tính chất tâm linh sâu xa của họ. Điều đáng nói là cách thở đó tất nhiên có liên quan đến Thánh Ngữ O.M., nhưng hiệu quả thì lại tùy thuộc vào động lực và ý định bất biến bên trong. Ngoài bậc đã đạt được mức điểm đạo bốn hay năm, người Đông phương không có sự hiểu biết đúng đắn về người Tây
 255 phương hay về cơ thể và bộ máy của họ, mà, do kết quả của nền văn minh và cách sống, sẽ khác rất nhiều với cơ thể người Đông phương. Ở Đông phương, nỗi khó khăn của vị đạo sư hay Guru là thu nhận người có khuynh hướng tiêu cực (negatively polarised people) và làm cho họ trở thành tích cực. Ở Tây phương, nói chung, con người đều có thái độ tích cực và không cần có sự luyện tập ấn định đúng theo người Đông phương. Khi đưa ra điều này, tôi muốn ám chỉ việc gì? Tôi muốn nói rằng ở Đông phương yếu tố ý chí (đặc tính của ngôi một) vốn không có. Người Đông phương, đặc biệt là cư dân ở Ấn Độ, thiếu ý chí, thiếu sự thúc đẩy mạnh mẽ (dynamic incentive) và thiếu khả năng vận dụng sức ép bên trong đó

vào chính mình, việc đó sẽ tạo ra các kết quả rõ rệt. Điều đó giải thích tại sao nền văn minh đặc thù đó lại rất là không thích hợp với nền văn minh hiện đại, đó là lý do giải thích tại sao dân tộc Ấn Độ tạo rất ít tiến bộ theo các đường lối của đời sống được điều chỉnh theo thành thị và theo quốc gia, và lý do họ tụt lại đằng sau khi so sánh với nếp sống văn minh hiện đại. Nói một cách khái quát, người Phương Tây thì tích cực và cần sức mạnh hướng dẫn của linh hồn, với một ít chỉ dẫn, họ đã có thể tạo ra được sức mạnh đó. Trong giống dân Aryan, ngày nay đang xảy ra việc dung hợp (fusion) giữa trạng thái ý chí, trí tuệ với bộ óc. Ở Đông Phương không phải như vậy. Việc đó sẽ xảy ra muộn hơn.

Yếu tố duy nhất làm cho bài tập thở có hiệu quả là tư tưởng, ý định và mục tiêu nằm sau hơi thở đó. Trong câu này bạn có manh mối cho các bài tập thở hữu ích, có hiệu năng. Trừ phi có sự am hiểu rõ rệt về mục đích, trừ phi vị đệ tử biết đúng những gì y đang làm khi y thực hành cách thở huyền bí và trừ phi ý nghĩa của các từ ngữ “năng lượng theo sau tư tưởng” được hiểu rõ, các bài tập thở đều hoàn toàn phí thì giờ và có thể là nguy hiểm nữa. Từ điểm này người ta có thể rút ra kết luận rằng chỉ khi nào có sự kết hợp giữa cách thở với cách suy tưởng thì mới có được kết quả.

Đằng sau điều này có ẩn một yếu tố thứ ba và thậm chí còn quan trọng hơn nữa, đó là Ý Chí. Do đó chỉ có người nào
 256 có thể thực hành các bài tập thở một cách an toàn và hữu ích mới là người có ý chí linh hoạt – tức ý chí tinh thần của người ấy và do đó là ý chí của Tam Thượng Thể Tinh Thần (Spiritual Triad). Bất cứ đệ tử nào ở trong tiến trình tạo lập giác tuyến (antahkarana) đều có thể bắt đầu sử dụng các bài tập thở được hướng dẫn một cách cẩn thận. Nhưng sau rốt, chỉ có các đệ tử

được ba lần điểm đạo và những ai tiến gần dưới ảnh hưởng của Chân Thần mới có thể sử dụng một cách thích hợp và thành công hình thức định hướng sự sống này và đạt được các kết quả mỹ mãn. Điều này đúng về căn bản. Tuy nhiên phải bắt đầu thực hành và tất cả các đệ tử chân chính đều được mời gọi vào nỗ lực này.

Nếu mọi hàm ý trong giai đoạn trên đều được xem xét thì điều hiển nhiên là vị đệ tử phải thành lập – như giai đoạn mở đầu – mối liên hệ trực tiếp giữa bộ óc, trí tuệ và trạng thái ý chí của Tam Thượng Thể Tinh Thần; nói cách khác tác nhân tiếp nhận ý tưởng một cách thụ động (não bộ, brain) tác nhân của ý chí (thể trí, mind) và chính Tam Thượng Thể (Triad) phải được tiếp xúc với nhau xuyên qua giác tuyến. Khi có được mối liên hệ như thế hay khi bắt đầu thiết lập liên hệ, bấy giờ các bài tập thở mới có thể được đảm trách một cách an toàn và một cách hữu ích (profitably). Hỡi huynh đệ, bạn thấy đó, chỉ có ý chí có hướng dẫn, sử dụng hơi thở nhịp nhàng có sắp xếp như là tác nhân của ý chí mới có thể kiểm soát các bí huyết và tạo ra mục đích có ngăn nắp trong cuộc sống. Do đó, khi thực hành bài tập thở, vị đệ tử phải để ý đến việc chế ngự ý tưởng hay đường lối hoạt động của thể trí. Ý tưởng này phải lồng vào một mục tiêu nào đó, một hoạt động được dự trù nào đó và một mục đích được nhận biết nào đó trước khi hơi thở vốn sẽ điều khiển hoặc thực hiện mục tiêu đó, được tạo ra, được kết hợp, được đưa ra và như vậy trở thành tác nhân mang sức mạnh. Điều này phải được thực hiện dưới sự che chở của ý định hữu thức, ở đây tôi tạm dùng cách nói tượng trưng. Tôi xin hồi thúc bạn hãy đọc các câu sau cùng này một cách thường xuyên vì chúng có liên quan với Môn Học về Hơi Thở và nắm giữ mạnh mẽ cho công việc cần làm. Trước tiên

và về mặt căn bản, khoa học này có liên quan với các ý tưởng khi được diễn đạt thành các hình tư tưởng rõ rệt và như thế chi phối sự sống của vị đệ tử trên các phân cảnh dĩ thái. Từ đó, sau rốt chúng chi phối cuộc sống ở cõi trần của vị đệ tử.

Ở đây tôi không có ý định đưa ra bất cứ bài tập thở nào mà các đệ tử hoặc người tìm đạo có thể sử dụng – hay có thể lạm dụng. Trách nhiệm đầu tiên của họ là phải biết được các xung lực (impulses) trong chính họ, vốn có thể thôi thúc các bí huyết hoạt động và như thế tạo ra các tình trạng và các biến cố trên cõi trần. Khi các xung lực này được thiết lập vững chắc và rõ ràng trong ý thức trí tuệ (mind consciousness) của vị đệ tử, bây giờ không gì có thể ngăn chặn chúng hiện ra rõ ràng vào đúng thời điểm. Nhưng các xung lực đó phải tuân theo một tiến trình tự sinh (process of gestation) được ấn định và sự xuất hiện đã chọn.

Khi nào có được lý tưởng chân chính, tư tưởng đúng đắn, cộng với sự hiểu biết về hiện thể biểu lộ và thể giới của các lực mà ý tưởng phải được đưa vào, bấy giờ đạo sinh có thể noi theo một cách an toàn một số bài tập thở đã được đưa ra và giai đoạn hai hay là kết quả của cách thở nhịp nhàng lành mạnh sẽ hiện ra. *Đây là sự hít vào (Inspiration).*

Hỡi huynh đệ, các bài tập thở có một hiệu quả sinh lý thuần túy khi không được tư tưởng hướng dẫn, thúc đẩy hay khuyến khích, và khi các bài tập đó không phải là kết quả của người tìm đạo khi đạt đến và liên kết với một điểm nhất tâm bất loạn. Một cách ổn định, trong khi tiến trình hít vào và thở ra (inhalation and exhalation) được tiến hành, thì một đường lối rõ rệt để suy tư một cách linh hoạt phải được giữ sao cho hơi thở (khi nó được đưa ra) có đủ tư cách và đủ điều kiện

bằng một ý tưởng nào đó. Đây chính là điểm mà người tìm đạo bậc trung thường không làm được. Thường thường người tìm đạo rất bận bịu với tiến trình điều khiển cách thở và vì thế họ mong mỏi có được một vài kết quả phi thường, đến nỗi mục đích thiết thực của cách thở bị quên đi; cách thở này là để mang lại năng lượng và đưa thêm phẩm chất/đặc tính (quality) vào sự sống của các bí huyết qua phương tiện của một ý tưởng nào đó, được đưa ra và phóng xuất ra, để diễn tả một khái niệm nào đó được cảm nhận và xác định. Khi thiếu bối cảnh của tư tưởng có tính lý tưởng này, bấy giờ các kết quả của cách thở sẽ gần như là không có, hay là – khi nào có

258 kết quả thuộc bất cứ loại nào theo các trường hợp này – chúng sẽ không có cách nào liên quan với tư tưởng trừ phi sẽ có bản chất tâm thông. Bấy giờ chúng có thể tạo ra rối loạn tâm linh kéo dài, vì cội nguồn của hoạt động này xuất phát từ cội cảm dục, còn năng lượng được phóng ra sẽ đi vào các bí huyết dưới cách mô, như vậy nuôi dưỡng bản chất thấp, làm phong phú và mạnh thêm phần cảm dục của nó và theo đó làm tăng mạnh và sâu thêm ảo cảm. Các kết quả cũng có thể có tính chất sinh lý, tạo ra sự kích thích cho thể dĩ thái đưa đến việc làm mạnh thêm phạm ngã; điều này thường đưa đến các kết quả nguy hại, vì sinh khí được đưa vào các bí huyết sẽ ở trong “tiến trình đi lên” (“process of elevation”) theo cách gọi của huyền bí học; việc này làm tăng sức mạnh vật chất của chúng, nuôi dưỡng sự ham muốn vật chất và làm cho nhiệm vụ của người tìm đạo trở nên khó khăn hơn nhiều khi người này tìm cách chế ngự (sublimate) bản chất thấp để an trụ lại hay tập trung vào sự sống của các bí huyết trên cách mô hoặc trong đầu.

Bấy giờ ảo cảm và ảo lực tăng lên và trong kiếp sống mà các bài tập này được áp dụng sai, người tìm đạo vẫn ở tình trạng không thay đổi và không hưởng được lợi ích gì cả. Khi hít vào (breath in or inhales), y rút sinh khí (breath) từ trong hào quang riêng của mình, vòng giới hạn hào quang của mình; y nuôi dưỡng bản chất thấp và dựng lên một vòng lẫn quần trong chính mình rồi từ ngày này sang ngày khác, làm nó mạnh thêm lên cho đến khi hoàn toàn sa vào lưới bẫy ảo cảm và ảo lực mà y luôn luôn tạo đi, tạo lại. Các bí huyết thấp được truyền sinh khí một cách ổn định và trở nên cực kỳ linh hoạt, còn điểm nhất tâm mà từ đó người tìm đạo hoạt động thì nằm trong phạm ngã chứ không tập trung liên quan với linh hồn; ý thức về sự độc nhất vô nhị của cách thở đặc biệt và việc mong đợi các kết quả phi thường lại ngăn chặn mọi tư tưởng, trừ ra các phản ứng thấp có bản chất trí cảm; xúc cảm được nuôi dưỡng và sức mạnh của thể cảm dục tăng lên mạnh mẽ; việc cũng rất thường xảy ra là các kết quả về sinh lý học đều 259 mạnh mẽ và đáng chú ý, thí dụ như lồng ngực nở lớn thêm và bắp thịt của cách mô mạnh lên. Trường hợp giống như vậy cũng có thể xảy ra cho các ca sĩ opera. Như hiện nay bạn đã biết, việc ca hát là biểu lộ của một số trạng thái thấp của hơi thở và việc hít thở trong trường hợp của các ca sĩ chuyên nghiệp (vocalist) nói trên, làm cho ngực phát triển nhiều, làm cho mạnh thêm tính dễ xúc cảm, tạo ra sự thiếu ổn định trong sự sống biểu lộ (vốn thường được đề cập đến như là cá tính – temperament) và giữ cho khía cạnh ca hát hoàn toàn thuộc bản chất cảm dục (astral in nature).

Có một cách xướng âm hay hơn và đúng hơn, được vận dụng bằng cách dùng sự khác nhau ở điểm nhất tâm và liên quan đến tiến trình thở, tiến trình này lấy năng lượng cần thiết

dựa vào linh khí từ các cội nguồn cao xa, rộng lớn hơn là các cội nguồn thường được dùng; cách này sẽ tạo được nguồn cảm hứng vốn sẽ liên quan đến toàn bộ con người chứ không phải chỉ riêng ở phản ứng xúc cảm của con người đối với chủ đề của bài hát và thính giả của y. Lối xướng âm này sẽ tạo ra một phương cách cùng kiểu hát và hít thở mới mẻ dựa vào hình thức thở với thể trí (form of mental breathing) vốn sẽ mang theo năng lượng và tiếp theo là linh hứng từ các cội nguồn mà không dùng hào quang con người. Chưa đến lúc xảy ra việc này. Hiện nay các lời lẽ của tôi ít được hiểu rõ, nhưng việc ca hát trong thế kỷ tới sẽ do những kẻ biết được làm cách nào để mở ra nguồn linh hứng bằng phương pháp và kỹ thuật mới trong việc hít thở. Các kỹ thuật và bài tập này sẽ được giảng dạy, bắt đầu trong các trường phái nội môn mới sắp đến.

Sự hít vào là một tiến trình để phẩm định, đem lại sinh lực và kích hoạt phản ứng của phàm ngã – xuyên qua các bí huyết – đến điểm nhất tâm là nơi mà sự kiểm chế của linh hồn bắt đầu có thật và lộ rõ. Đó là cách thức mà nhờ đó năng lượng từ linh hồn có thể tràn ngập sự sống phàm ngã, có thể lan ra khắp các bí huyết, tổng xuất những gì đang cản trở, giải thoát người tìm đạo khỏi mọi ảo cảm và ảo lực còn sót lại, để làm hoàn thiện một khí cụ mà nhờ đó nốt nhạc của linh hồn và sau đó, nốt nhạc đặc trưng của Thánh Đoàn có thể được nghe thấy. Đừng quên rằng âm thanh thấm nhập vào
 260 (permeates) mọi hình hài; chính hành tinh cũng có cung bậc hay âm thanh riêng của nó; mỗi nguyên tử nhỏ nhất cũng có âm thanh của nó; mỗi hình hài có thể được gọi thành âm nhạc và mỗi con người đều có hợp âm đặc biệt của mình, tất cả các hợp âm đều góp phần vào bản đại giao hưởng mà Thánh

Đoàn và Nhân Loại đang hòa lên hiện giờ. Mỗi nhóm tâm linh đều có giai điệu (tune) riêng của mình (tôi tạm dùng một lời không thích hợp như thế) và các nhóm đang cộng tác với Thánh Đoàn đều không ngừng tạo ra âm nhạc. Sự nhịp nhàng của âm thanh này và vô số các hợp âm và các nốt pha trộn với âm nhạc của chính Thánh Đoàn và đây là bản giao hưởng lúc nào cũng phong phú; qua các thế kỷ, tất cả các âm thanh này đều dần dần hợp nhất và tan hòa (resolved) vào nhau cho đến một ngày nào đó bản giao hưởng của hành tinh mà Đức Sanat Kumara đang soạn thảo sẽ được hoàn tất và Địa Cầu chúng ta bấy giờ sẽ đóng góp một cách đáng kể vào hợp âm vĩ đại của Thái Dương Hệ – và đây là một phần, nội tại và thực sự, của âm nhạc của các bầu hành tinh. Bấy giờ, theo như Thánh Kinh nói, Các Con Của Thượng Đế, các Hành Tinh Thượng Đế sẽ cùng hòa ca. Hỡi huynh đệ, đây sẽ là kết quả của việc hít thở đúng cách, của nhịp điệu có kiểm chế và có tổ chức, của tư tưởng thuần khiết thực sự và của mối liên hệ chính xác giữa mọi phần của bản hợp xướng.

Hãy suy gẫm đề tài này như là một bài tập thiền định và nhờ đó thu lượm được hứng khởi.

c. Kỹ thuật Điềm nhiên.

(Technique of Indifference)

Trong các sách khác của tôi, tôi đã đưa ra nhiều thông tin liên quan đến thể dĩ thái và các bí huyệt – lớn và nhỏ – nằm trong phạm vi của thể đó. Có một khuynh hướng trong số các đạo sinh, đó là đồng hóa các bí huyệt với thể xác trong cảm nghĩ của họ, chớ không đồng hóa một cách rõ ràng như thể với thể dĩ thái. Điều này liên quan đến việc xác định vị trí trong đa số các trường hợp và là một lỗi lầm. Những người

261 tìm đạo phải hết sức cố tránh bất cứ sự tập trung nhỏ nhất nào vào thể xác, và dần dần học cách chuyển sự tập trung chú tâm của họ vào thể dĩ thái. Tất nhiên thể xác vốn linh hoạt và mạnh mẽ nhưng dần dần thể này nên được xem như là một người máy, chịu ảnh hưởng và được hướng dẫn bởi:

1. Thể sinh lực và các sức mạnh của ảo lực; hoặc là bằng sự cảm hứng, phát ra từ các điểm nhất tâm tinh thần (points of spiritual tension).

2. Thể cảm dục và các mãnh lực của ảo cảm; hay là tình thương có ý thức, có tri giác, phát ra từ linh hồn.

3. Thể trí và các lực của ảo tưởng; hay bằng sự giác ngộ, đến từ các cội nguồn cao hơn là sự sống trong ba cõi thấp.

4. Linh hồn, với tư cách là hiện thể chứa ấn tượng của chân thần (vehicle of monadic impression) mãi cho đến lúc giác tuyến được tạo ra – cái cầu bằng chất trí đó sau rốt sẽ nối liền Chân Thần với phàm ngã.

Một trong các vấn đề mà các đệ tử phải giải quyết là cội nguồn của động cơ, các lực thôi thúc, các ấn tượng hay nguồn cảm hứng – xuyên qua thể dĩ thái – đưa thể xác vào hoạt động trên cõi trần, như vậy đem lại một chứng minh về tính chất, mục tiêu và mức độ nhất tâm của người đang luân hồi, và biểu hiện bản chất của con người khi người này ở bất cứ trình độ nào trên thang tiến hóa. Tùy theo các nhất tâm và các xung lực được đưa ra mà các bí huyệt sẽ hoạt động hay không. Do đó, như bạn thấy tôi giải thích về cái mặt trái của các phương pháp huyền linh thông thường nhiều biết là bao. Tôi không giảng dạy cách khơi hoạt các bí huyệt vì sự thôi thúc đúng, phản ứng ổn định đối với các xung lực cao và nhận biết thực tế về các nguồn hứng cảm sẽ tự động đưa các bí huyệt vào

hoạt động cần thiết và thích hợp một cách an toàn. Đây là phương pháp phát triển lành mạnh. Tuy chậm hơn, nhưng không đưa đến việc phát triển sớm và tạo ra việc khai mở viên mãn; nó giúp người tìm đạo trở thành Nhà quan sát thực sự và biết một cách chắc chắn những gì mình đang làm; nó đưa
 262 các bí huyệt, từng cái một đến một điểm đáp ứng tâm linh và kế đó tạo nên sự nhịp nhàng, sắp xếp có trật tự theo chu kỳ của phạm ngã đã được kiểm chế. Sau rốt, những gì mà các bài tập thở có thể tìm được chỗ đứng trong việc huấn luyện vị đệ tử đều là thực và có thể có được, nhưng chúng sẽ tự khai mở dưới hình thức là kết quả của cách sống nhịp nhàng và thường xuyên sử dụng đúng Thánh Ngữ O.M. Thí dụ, một đệ tử, trong khi thiền định, xướng lên Thánh Ngữ O.M. bảy lần, việc đó tương đương với một bài tập thở; khi y có thể gọi năng lượng được tạo ra như thế nương theo ý tưởng đã được sắp xếp một cách có chủ tâm đến bí huyệt này hoặc bí huyệt khác, đó là y đang mang lại các thay đổi và điều chỉnh lại bên trong bộ máy đang vận dụng thần lực, và khi điều này được tiến hành một cách dễ dàng cùng với thể trí được giữ ở điểm “nhất tâm tràn đầy ý tưởng”, bấy giờ vị đệ tử đang tiến đúng trên con đường chuyển toàn bộ tập trung chú tâm của mình ra khỏi thế giới ảo tưởng, ảo cảm và ảo lực, tiến vào lãnh vực linh hồn, trong thế giới của “ánh sáng trong mát” (“clear cold light”)(¹) và vào Thiên giới.

Khi đệ tử còn đưa thêm vào ánh sáng này sự hiểu biết và cách thực hành Kỹ thuật Điểm nhiên thì y trở nên tự do và

¹ “Ánh sáng trong mát” chính là ánh sáng của lý trí thuần túy (pure reason, tức là trực giác) do nhận thức không thể sai lầm của trực giác. (Trích “Cung và Điểm Đạo” tr. 39, A.A.Bailey)

được giải thoát và điều chủ yếu là lúc nào cũng trở thành Chủ Thể Quan Sát (Observer) và Chủ Thể Sử Dụng (User) bộ máy biểu lộ (apparatus of manifestation).

Kỹ thuật này là gì? Điềm nhiên là gì? Hỡi huynh đệ, tôi không biết bạn có hiểu được ý nghĩa của từ ngữ “điềm nhiên” (“indifference”) này không? Thực ra nó có hàm ý là đạt được một thái độ trung lập đối với những gì được xem như là Phi Ngã (Not-self); nó bao hàm việc từ chối chấp nhận cái tương tự (similarity); nó đánh dấu việc nhận biết cái dị biệt cơ bản (basic distinction); nó có nghĩa là không chấp nhận đồng nhất hóa với bất cứ điều gì trừ thực tại thiêng liêng chừng nào mà thực tại đó còn được cảm nhận và biết được ở bất cứ mức độ đã định nào trong thời gian và không gian. Do đó, khi người ta dùng thuật ngữ đó, thì nó hàm ý một sự việc mạnh mẽ và thiết yếu nhiều hơn ý nghĩa thông thường. Đó là việc chối bỏ quyết liệt mà không chút để tâm đến những gì bị chối bỏ. Đó là một phát biểu quan trọng và biện minh cho việc bạn cần phải xem xét thận trọng. Nó có liên quan đến điểm nhất tâm (1) mà từ đó vị đệ tử hoặc người tìm đạo có theo dõi đang hoạt động. Điểm nhất tâm này trở thành nguồn phát xuất một loại năng lượng nào đó và năng lượng này đang tuôn đổ vào và xuyên qua thể dĩ thái mà không bị ảnh hưởng bằng bất cứ cách nào bởi ảo lực hoặc bởi sự tập trung các lực khác mà thể dĩ thái bao giờ cũng được tạo ra từ đó. Hiểu theo mặt chuyên môn, điềm nhiên có nghĩa là đi xuống trực tiếp mọi nơi mà không bị lệch lạc hoặc biến dạng. Thực thể đang biểu lộ, tức vị

263

¹ Điểm nhất tâm (point of tension): xem lại định nghĩa ở trang 259 (phần Anh Ngữ): điểm nhất tâm là nơi mà sự kiểm chế của linh hồn bắt đầu có thật và lộ rõ.

đệ tử, đang trụ lại vững vàng và ổn định ở điểm nhất tâm này và do đó bước đầu tiên của y là xác định vị trí từ đâu, ở trên cảnh giới nào và sức mạnh nào ở điểm nhất tâm mà y phải tùy thuộc vào. Giai đoạn kế tiếp là khám phá xem những gì mà y tìm cách gọi ra cho thể xác, và như vậy tạo ra các hiệu quả trên thế giới thực nghiệm và kinh nghiệm bên ngoài, bị lệch lạc bởi ảo tưởng thuộc bất cứ loại nào, biểu lộ của nó bị chặn lại bởi ảo cảm hoặc có thể bị đánh lạc bởi các lực không bị kiểm chế và bởi ảo lực mà các lực này tạo ra. Y không xác định điều này bằng cách đồng nhất hóa chính mình, trong từng giai đoạn đi xuống, với các trở ngại và các bế tắc có thể có mà bằng cách làm mạnh thêm điểm nhất tâm của y, bằng cách thường xuyên nhớ đến sự thật rằng mình là Chân Ngã chứ không phải phi ngã và bằng một tiến trình phóng xuất; sự phóng xuất này được định nghĩa như là đưa ra năng lượng, được phẩm định và nhận thức, từ điểm nhất tâm một cách trực tiếp và một cách không lệch lạc đến thể sinh lực mà từ đó nó có thể tìm được con đường đưa đến bảy bí huyết kiểm chế.

Chính ở điểm này mà y đang áp dụng kỹ thuật điểm
 264 nhiên vì, nếu y không làm thế, thì những gì mà y tìm cách
 biểu lộ có thể bị bế tắc và chặn đứng bởi mãnh lực dĩ thái
 (etheric force) hoặc bởi các bức màn của ảo lực. Tất nhiên y
 hoạt động từ một điểm tập trung mạnh mẽ; y từ chối bất cứ
 “sự dính mắc” (“attachment”) với bất cứ hình hài nào hoặc
 cảnh giới nào mà y phóng năng lượng vào và xuyên qua ba
 cõi thấp. Khi y khám phá ra bất cứ sự ngăn chặn hoặc đánh lạc
 tiến bộ nào do ảo tưởng linh hoạt hoặc ảo cảm, y liền quyết
 tâm “tự tách mình” ra khỏi các giao tiếp như thế và chuẩn bị
 ứng phó cho giai đoạn điểm nhiên cuối cùng hay giai đoạn
 khước từ tất cả các mãnh lực ngoại trừ các mãnh lực mà y –

một cách quyết tâm và có mục đích – tìm cách sử dụng trên cõi trần.

Hồi huynh đệ, sau rốt, đối với vị đệ tử bậc trung điểm nhất tâm sẽ được tìm thấy trên các phân cảnh trí tuệ, đòi hỏi phải có thể trí giác ngộ và sự tiếp xúc với linh hồn ngày càng tăng:

a. Bấy giờ đệ tử đó sẽ có thể “thấy” một cách tỏ tường ánh sáng của linh hồn, và có được một khả năng xét đoán hợp lý về các giá trị đã được phát triển; tất nhiên y có thể xua tan ảo tưởng.

b. Y sẽ có thể phóng ra ánh sáng, một cách có chủ tâm, vào cõi cảm dục và như vậy có thể xua tan ảo cảm.

c. Y có thể tuôn đổ năng lượng ánh sáng qua thể dĩ thái và neo chặt (anchor) ánh sáng hay năng lượng trong các bí huyết thích hợp, bởi vì nơi đó sẽ có sự điểm nhiên hoàn toàn, tức là không có sự đồng nhất hóa với ảo lực.

Đối với vị đệ tử được điểm đạo tiến trình xảy ra trước tiên từ một điểm nhất tâm bên trong linh hồn và sau đó từ một điểm nhất tâm trong Tam Thượng Thể Tinh Thần. Tuy nhiên trong mọi trường hợp, khi còn ở trong vòng giới hạn (ring-pass-not) của ba cõi thấp, năng lượng có hướng dẫn này tạo ra các kết quả đã được nêu ra trong sách này và đưa tới việc:

1. Xua đuổi ảo tưởng (dispelling of illusion).
2. Đánh tan ảo cảm (dissipation of glamour).
3. Khắc phục ảo lực (overcoming of maya).

Sự việc khá đơn giản và dễ hoàn thành khi người tìm đạo đọc thấy các điều giải thích khá đơn giản này về một tiến

trình khó hiểu mà bản thân nó lại là một ảo giác (delusion). Trải qua bao năm dài, việc đồng nhất hóa với khía cạnh sắc tướng của sự sống, thật không dễ gì khắc phục, và, nhiệm vụ trước mắt của đệ tử là một nhiệm vụ gian lao và kéo dài, nhưng là nhiệm vụ mà sau rốt sẽ hứa hẹn thành công, miễn là có sự suy tư rõ ràng, mục tiêu nghiêm túc và công việc được sắp xếp một cách khoa học.



TIẾT BỐN

—***—

KỸ THUẬT HÒA NHẬP (Technique of fusion)

Trong tiết này, điểm sau cùng mà chúng ta bàn đến là sự kiểm chế (the control)– một cách thường xuyên và không ngừng (constant and unremitting) – của linh hồn đối với phàm ngã. Do đó, chúng ta bàn đến giai đoạn khai mở vốn đưa đến việc kết thúc con đường phát triển cho nhân loại, mở ra một chu kỳ sống (cycle of existence) mà chúng ta biết và có thể biết, là không có gì ngoại trừ điều mà Chân Sư đã giải thoát, lúc đó bắt đầu hoạt động một cách song hành: với tư cách là một thành viên của Thánh Đoàn, hợp tác với Thiên Cơ và lo lắng đến việc cứu độ nhân loại và hai là với tư cách một đệ tử của Đức Ngọc Đế (Sanat Kumara). Nhiệm vụ của Đức Ngọc Đế đối với các Chân Sư là chuẩn bị cho các Chân Sư bước lên Con Đường Tiến Hóa Cao Siêu. Khi có thể xảy ra việc này, thì việc chuyển di “sự chú tâm” (“attention”) về tâm linh (tôi dùng từ ngữ không được đúng này vì thiếu một từ chính xác hơn) tách ra khỏi linh hồn và Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục đối với chính Bản Lai Diện Mục huyền bí; từ trước đến nay, điều này chỉ được cảm nhận và hình dung một cách mơ hồ. Vị Chân Sư – đã vượt khỏi ba cõi tiến hóa của nhân loại và

năm cõi tiến hóa được gọi là siêu nhân loại – giờ đây có đầy đủ quyền năng toàn hiện (omnipresence: có mặt khắp nơi) và toàn tri (omniscience). Ngài biết được sự hợp nhất ẩn bên dưới, dẫn tới bởi bản chất đích thực của Sự Sống Duy Nhất và Đấng Cao Cả đang thẩm nhuận mọi biểu lộ; Ngài cũng đã thông thạo mọi kỹ thuật, cách thức, phương pháp hoạt động, kiểm chế và hòa nhập có thể có được. Nhưng do phát triển được các năng lực này, bây giờ Chân Sư mới biết được ít nhiều về những gì đang chi phối Đấng Cao Cả Duy Nhất, cảm nhận được các năng lượng và các tiếp xúc ở ngoài hành tinh (extra-planetary) và về những gì mà từ trước đến giờ Ngài hoàn toàn không biết. Sự hiểu biết này đến với Ngài sau cuộc điểm đạo thứ năm.

267 Trước mắt Ngài có các tri thức (attainment) ở mức độ còn cao siêu hơn nữa, và, để gặt hái được phần thưởng của các tiếp xúc có thể có này, Ngài phải thành thạo các kỹ thuật và các phương pháp phát triển vốn dĩ sẽ làm cho Ngài trở thành toàn năng (omnipotent) và, do đó, biểu lộ trạng thái cao nhất trong ba trạng thái thiêng liêng. Sự phát triển này sẽ giúp Ngài hiểu rõ các tiềm năng và các kinh nghiệm vốn chỉ có thể vận dụng và hiểu được nhờ cách hoạt động có khoa học của Ý Chí và điều này phải được tiến hành nơi một điểm nhất tâm, được tập trung trong bất cứ điều gì mà từ ngữ “Chân Thần” muốn nói đến. Hỡi huynh đệ, bạn có biết điều đó có nghĩa là gì không? Tôi chắc là bạn không biết đâu. Chỉ có các Chân Sư Minh Triết mới hiểu rõ giá trị của các khai mở sau rốt này và chỉ bây giờ theo ý nghĩa của đạo tâm tràn đầy ý chí (Will full aspiration)– giai đoạn đạo tâm vốn là đặc trưng của ý chí hữu thức, cũng như đạo tâm của vị đệ tử là đặc trưng của dục vọng được thăng hoa (sublimated desire). Tuy nhiên, các điều

này vượt ngoài sự hiểu biết của vị đệ tử bậc trung; giá trị duy nhất của các điều đó là mô tả cơ hội không ngừng đang tự hiện ra ở mỗi giai đoạn và điểm quyết định (point of crisis) trên Đường Tiến hóa vô tận.

Vào lúc này, chúng ta để ý đến một bước ngoặt lớn mà vị đệ tử phải đối phó khi y cố gắng giải quyết các cặp đối hợp cuối cùng, trước khi có vài cuộc điểm đạo chủ yếu; đây là việc đối phó với phạm ngã của Thiên Thần Bản Lai Diện Mục. Tôi không cần định nghĩa hai trạng thái của bản thể người đệ tử vì về mặt bản thể, đó là những gì mà họ có. Bạn đã được dạy ra và đã biết rằng Tổng Quả là phạm ngã đã phát triển một cách đầy đủ – toàn thể mọi quá khứ và cái biểu hiện phức hợp ở cõi trần của mọi vấn đề chưa giải quyết, mọi ước muốn thầm kín, mọi đặc điểm và tính chất tiềm tàng, mọi giai đoạn của tư duy và của sự bướng bỉnh (self-will) mọi tiềm năng thấp kém và các thói quen xưa cũ thuộc bất cứ thể nào trong ba thể đó (cả tốt lẫn xấu). Toàn bộ các điều này được biểu hiện ra thành ý 268 thức, ở đó chúng được đối phó theo cách nào mà sự kiểm chế của chúng bị đánh tan. Bây giờ vị đệ tử được phép nhận các cuộc điểm đạo cuối cùng. Tiến trình này không lên đến tột đỉnh trong lần đối phó đặc biệt của hai mảnh lực đối kháng. Đó là một tiến trình có ba phần, bao gồm mỗi một trong ba giai đoạn trước ba cuộc điểm đạo đầu, hay là (theo quan điểm của Thánh Đoàn) trước hai cuộc điểm đạo ở ngưỡng cửa và cuộc điểm đạo chính đầu tiên, tức Điểm Đạo Biến Dung (Transfiguration).

Trong nhiều kiếp sống, vị đệ tử đã dừng lại ở ngưỡng cửa. Chính y là Người ở Cửa (Dweller). Đằng sau cánh cửa đang từ từ mở, y cảm nhận sự sống, năng lượng, hiện thân tâm linh (spiritual embodiment) và sự thật về Thiên Thần Bản

Lai. Giữa đệ tử và cánh cửa đó là một vùng đất nóng cháy (burning-ground); y đối diện với vùng đất ấy và biết mình phải vượt qua đó nếu y tìm cách vượt qua cửa. Câu hỏi mà y cần trả lời là không rõ ý chí của y có đủ mạnh để bắt phạm ngã thấp kém của y chịu khuất phục trước ngọn lửa thanh tẩy cuối cùng (fire of the final purification) hay không. Hiện giờ phạm ngã phát triển rất cao; đó là một khí cụ hữu ích mà linh hồn có thể sử dụng; đó là một nhân viên được luyện tập kỹ càng để phụng sự; chủ yếu, đó là một bộ phận của dụng cụ thích hợp và hữu ích. Tuy nhiên, nó có các nhược điểm để hứng chịu trách nhiệm vào bất cứ lúc nào đối với bước ngoặt hiện nay; nó cũng có các điểm mạnh của nó, các điểm này có thể được biến đổi một cách tương đối dễ dàng thành các điểm nhất tâm; tóm lại, đó là một khí cụ có thể dựa vào và là khí cụ có thể phụng sự hữu hiệu. Nó có thể và nên được hy sinh, để cho (nói về mặt huyền bí) sự sống của nó bị mất đi và vị trí của nó được thay thế bằng sự hiến dâng và lòng sùng tín chẳng? Đây là một vấn đề khó cho các đệ tử giải đáp, tìm hiểu và thực hành một cách có hiệu quả. Chỉ bằng cách vượt qua vùng đất nóng cháy ba lần liên tiếp thì mọi chướng ngại cho việc sử dụng tự do của ý chí sẽ bị hủy diệt. Mỗi liên hệ giữa Thiên Thần và Tổng Quả phải được nói lỏng, bằng cách dùng ý chí, để biểu lộ đầy đủ. Ở đây tôi đề cập đến ý chí tinh thần (spiritual will) và ba trạng thái của nó vốn phải được phát huy trước khi ý chí thiêng liêng có thể bắt đầu kiểm chế. Vị đệ tử đưa hai trạng thái của bản thể mình với ý thức đầy đủ và với ý định rõ ràng nhờ một tác động có sắp xếp của ý chí, và tác động này tạo ra một điểm nhất tâm ở “trung tâm của vùng đất nóng cháy nơi mà cả hai có thể gặp nhau”, như Tàng Thư Cổ (ancient Archives) đã ghi.

Tôi muốn nhắc các bạn chú ý đến sự kiện là chính ở “điểm giữa” (“midway point”) mới xảy ra sự tuân phục (submission) lớn lao của cái thấp trước cái cao. Sự tuân phục này không xảy ra khi vị đệ tử lượn lờ một cách bất định ở vùng ngoài của vùng đất cháy hay khi y đứng trước cửa Thánh Điện mà bỏ lại kinh nghiệm của vùng đất cháy ở phía sau. Điểm khẩn trương chủ yếu tạo ra điểm nhất tâm cần thiết, là kết quả của sự “quyết tâm khẩn nguyện” (“invocative decision”) của phàm ngã mà vào đúng lúc sẽ tạo ra “đáp ứng thỉnh nguyện” (“evocative response”) nơi vị Thiên Thần. Hai yếu tố bao hàm (và hồi huynh đệ, đừng quên rằng, tất cả đều xảy ra bên trong lãnh vực tâm thức của vị đệ tử) cùng di động (move) và hướng về nhau. Chúng gặp nhau ở trung tâm của vùng đất cháy, và lúc bấy giờ ánh sáng thứ yếu (một ánh sáng đích thực đúng theo bản chất riêng của nó) của phàm ngã được thu hút vào ánh sáng to tát hơn của Thiên Thần hay linh hồn. Do đó, Thiên Thần “xóa bỏ một cách huyền bí” Kẻ Đứng Ở Ngõ, kẻ này trở thành bị mất hút trong hào quang rực rỡ của Thiên Thần. Điều này được mô tả một cách tượng trưng cho chúng ta trong quyển sách minh họa các bầu trời (picture book of the heavens), mà theo Cơ Đốc giáo, việc Thăng Thiên của Đức Mẹ Đồng Trinh xảy ra và chòm sao Virgo (Xử Nữ) biến mất trong ánh sáng rực rỡ của Mặt Trời. Ở đây bạn có ba yếu tố:

1. *Mẹ Đồng Trinh ... hình hài vật chất ... phàm ngã ... Kẻ Chận Ngõ.*
2. *Thái Dương Bản chất tâm linh linh hồn..... Thiên Thần.*
3. *Địa Cầu người có tâm đạo..... đệ tử.*

270

Phàm ngã vẫn còn lại; nó vẫn hiện hữu nhưng không còn như xưa nữa. Ánh sáng của Thiên Thần bao bọc nó; vùng đất nóng bỏng làm xong công việc của nó, còn phàm ngã hiện giờ không hơn không kém chỉ là cái vỏ được thanh luyện hay hình hài được thanh luyện nhờ đó ánh sáng, sự tỏa chiếu, tính chất và các đặc điểm của Thiên Thần có thể chiếu sáng. Đó là sự phối hợp các ánh sáng, với việc xóa đi một cách mạnh mẽ ánh sáng yếu hơn.

Làm thế nào mà điều này xảy ra được? Ở đây tôi không đề cập đến việc chuẩn bị của Kẻ Giữ Cửa vì cái biến cố vĩ đại này hay là đề cập đến thời gian dài đằng đằng tuân giữ giới luật, để chuẩn bị, để thực nghiệm và để thu thập kinh nghiệm từ kiếp sống này đến kiếp sống khác để làm cho biến cố tốt đỉnh này có thể xảy ra và thành công được. Hai trạng thái trong con người chỉ có thể đáp ứng với sức mạnh đầy đủ và với ý định và tính chất chung cuộc khi ảo tưởng không còn kiềm chế thể trí được nữa, khi ảo cảm đã mất hết mọi năng lực che giấu và khi các sức mạnh của ảo lực không còn ngăn cản nữa. Sự phân biệt, việc làm tan rã và sự điềm nhiên đã tạo ra sự xua đuổi qua ánh sáng được tập trung, mãnh lực xua tan của ánh sáng được phân phối và sức mạnh có điều khiển của năng lượng ánh sáng. Hiện nay chỉ có năm nhận thức chi phối vị đệ tử:

1. Sự thật về đường đạo của đệ tử.
2. Biết được vị Thiên Thần, đang chờ đợi và năng động.
3. Tiếng gọi khẩn nguyện của Kẻ Giữ Cửa (Dweller on the Threshold).
4. Cần sử dụng ý chí theo cách mới mẻ và khác hẳn.
5. Cần vượt qua được vùng đất cháy.

271

Giờ đây các vấn đề hoàn toàn sáng tỏ. Đó là vấn đề ấn định thời gian và chọn quyết định. Tôi xin nhắc bạn rằng trong mọi tiến trình này, chính vị đệ tử đang *hành động* với ý thức đầy đủ. Ý mở ra mọi tiến trình cho chính ý. Không phải là Thiên Thần hay Kẻ Giữ Cửa nữa mà là con người tâm linh, chính con người này phải dùng đến ý chí và quyết tâm tiến tới. Khi vị đệ tử chọn được các giai đoạn cần thiết và tiến tới một cách dứt khoát, chắc chắn Thiên Thần (tức Linh hồn) sẽ tự động trả lời tất cả. Việc xóa bỏ hoàn toàn phạm ngã trong ba giai đoạn kế tiếp là kết quả trước mắt và bình thường. Chính Thánh John the Baptist có đề cập đến điều này khi ông nói: “Người sẽ tăng lên còn tôi sẽ giảm xuống”. Khi đưa ra các lời này, ông nói với tư cách một đệ tử trước cuộc điểm đạo lần hai ở ngưỡng cửa. Sự thăng giáng huyền bí này được mô tả cho chúng ta bằng các giai đoạn của mặt trăng và đối với hành tinh nói chung, trong cung Song Nam, nơi mà ánh sáng của một sao trong cặp sinh đôi (twins) từ từ lu mờ đi còn ánh sáng của sao kia lại mạnh lên.

Khi sự “xóa bỏ huyền linh” này xảy ra, lúc ấy số mệnh của đệ tử ra sao? Chính sự kiểm chế đầy đủ của linh hồn và thực ra, điều này hàm ý việc nhận thức của nhóm, công việc, cách phụng sự và sau rốt là việc điểm đạo của tập thể. Tôi không định bàn đến các phát triển này, vì tôi đã gộp chung nhiều điều về các vấn đề này trong các sách khác của tôi. Ở đây tôi đã bàn đến một cách ngắn gọn rõ ràng về các hậu quả mà các chất liệu và các mãnh lực chủ yếu, có trong ba cõi thấp, sinh ra trong vị đệ tử và khi chúng tác động đến người tìm đạo. Tôi không xét đến vấn đề ảo cảm; ảo tưởng và ảo lực theo quan điểm của kẻ thường nhân. Tất nhiên là kẻ thường nhân chìm ngập trong ba huyền ảo đó, và y phải sống dưới ảnh

hưởng thường xuyên của chúng. Nhờ có chúng, y mới học hỏi được. Y không ở tại điểm mà y tìm cách thoát ra khỏi chúng như người trên Thánh Đạo đang làm. Do đó tôi đã xem xét vấn đề theo quan điểm của các đệ tử và người tìm đạo.

Từ nơi những người này, Cửa Đạo mở ra, và họ sẽ đi đến chỗ nhận biết được ánh sáng một cách có ý thức. Đối với việc phụng sự của những người nam cũng như nữ đã thoát khỏi ảo tưởng và ảo cảm rồi, nhu cầu không bao giờ hiện ra một cách đầy ấn tượng mạnh mẽ như ngày nay, và với chủ tâm giúp những kẻ có triển vọng phụng sự này, họ đang có nhu cầu cấp thiết, mà tôi viết ra sách này.

Do đó Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục có thể làm cho việc Ngài tiến tới gần được nhận ra và giúp cho bạn can đảm vượt qua ngọn lửa của vùng đất cháy là lời cầu nguyện nghiêm chỉnh nhất của tôi; những gì mà sự thật về Bản Lai Diện Mục có thể được bạn cảm nhận và đưa bạn tới hoạt động to tát hơn – khi vượt qua vùng đất cháy – là ước muốn sâu xa nhất của tôi đối với bạn; và những gì mà ánh sáng có thể tỏa ra trên con đường của bạn và mang lại một thành quả chắc chắn của mọi công việc và cuộc đấu tranh đã tạo ra đặc điểm cho cách sống của bạn là ước muốn của tâm tôi đối với bạn. Tôi kêu gọi bạn hãy có thêm sự dũng cảm vững vàng và tích cực hơn nữa.

CHÂN SƯ TÂY TẠNG

(THE TIBETAN)

Ảo Cảm : Một Vấn Đề Thế Giới - A.A. Bailey

ALICE A. BAILEY

**ẢO CẢM:
MỘT VẤN ĐỀ CỦA THẾ GIỚI
(GLAMOUR: A WORLD PROBLEM)**

**LUCIS PUBLISHING COMPANY
113 UNIVERSITY PLACE 11th Floor
NEW YORK, N. Y. 10003
2009**